

The Shurangama Mantra

Thần Chú Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

mahā-tathāgatoṣṇīṣa-śūraṅgama-hṛdayaṃ

大佛頂首楞嚴神呪

*** 梵漢對照 ***

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú

*** Phạn Hán đối chiếu ***

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

The Shurangama Mantra

Thần Chú Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

mahā-tathāgatoṣṇīṣa-śūraṅgama-hṛdayaṃ

大佛頂首楞嚴神呪

*** 梵漢對照 ***

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú *** Phạn Hán đối chiếu ***

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

南無楞嚴會上佛菩薩
三稱

Nam mô Lăng Nghiêm hội thượng Phật Bồ Tát
tam xưng

妙湛總持不動尊 首楞嚴王世稀有
銷我億劫顛倒想 不歷僧祇獲法身

Diệu tràm tổng trì bất động tôn Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân

願今得果成寶王

Nguyện kim đắc quả thành Bảo Vương

還度如是恆沙眾

Hoàn độ như thị Hằng sa chúng

將此深心奉塵刹

Tương thử thâm tâm phụng trần sát

是則名為報佛恩

Thị tặc danh vi báo Phật ân

伏請世尊為證明

Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh

五濁惡世誓先入

Ngũ trọc ác thế thế tiên nhập

如一眾生未成佛

Như nhất chúng sinh vị thành Phật

終不於此取泥洹

Chung bất ư thử thử Nê Hoàn

大雄大力大慈悲

Đại hùng Đại Lực Đại Từ Bi

希更審除微細惑

Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc

令我早登無上覺

Linh ngã tảo đăng vô thượng giác

十方界坐道場

Ư thập phương giới toạ đạo tràng.

於舜若多性可銷亡

Thuần Nhã Đa tính khả tiêu vong

爍迦羅心無動轉

Thước Ca La tâm vô động chuyển

南無常住十方佛

Nam mô thường trụ thập phương Phật

南無常住十方法

Nam mô thường trụ thập phương pháp

南無常住十方僧 *

Nam mô thường trụ thập phương Tăng *

南無佛頂首楞嚴 *** 南無觀世音菩薩 *** 南無金剛藏菩薩 **

Nam mô Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm *** Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

*** Nam mô Kim Cương Tạng Bồ Tát **

爾時，世尊從肉髻中湧百寶光，光中湧出千葉寶蓮，有化如來

坐寶華中，頂放十道百寶光明，一一光明皆遍示現十恆河沙

金剛密跡，擎山持杵，遍虛空界，大眾仰觀，畏愛兼抱，

求佛哀佑，一心聽佛無見頂相放光如來宣說神呪 ***

Nhĩ thời, Thế Tôn, tủng nhục kế trung, dũng bách bảo quang, quang trung

dũng xuất, thiên diệp bảo liên, hữu hoá Như Lai, toạ bảo hoa trung, đỉnh

phóng thập đạo, bách bảo quang minh, nhất nhất quang minh, giai biến thị

hiện, thập Hằng hà sa, Kim Cương mật tích, kinh sơn trì chữ, biến hư không
giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhất tâm
thính Phật Vô Kiến Đỉnh Tướng Phóng Quang Như Lai tuyên thuyết thần
chú

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

The Shurangama Mantra – Thần Chú Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm

महातथागतोष्णीषशूरंगमहृदयं

(mahā-tathāgatoṣṇīṣa-śūraṅgama-hṛdayaṃ)

大佛頂首楞嚴神呪

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú

नमस्तथागताय सुगताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

नमस्तथागताय सुगताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। %% 南無薩怛他 & 001 &&
蘇伽多耶阿囉訶帝 %% 三藐三菩陁寫 %% namastathāgatāya && 敬禮
世尊 %% sugatāya arhate && 善逝 應 %% samyak-saṃbuddhāya &&
正等覺 %%

नमस्तथागताय सुगताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। %% Nam mô tát đát tha & 001
&& tô già đa da a la ha đé %% tam miểu tam bò đà tả %%
namastathāgatāya && && kính lễ Thế Tôn %% sugatāya arhate && thiện
thê úng %% samyak-saṃbuddhāya && Chánh Đẳng Giác %%

नमस्तथागत बुद्धकोट्युष्णीषं।

नमस्तथागत बुद्धकोट्युष्णीषं। %% 薩怛他 & 002 %% 佛陁俱知瑟尼釤 %%
namastathāgata && 敬禮 如來 %% buddhakotyusṇīṣaṃ && 佛陀 百千億
佛頂 %% 【句意】 敬禮如來百千億佛頂。 %%

नमस्तथागत बुद्धकोट्युष्णीषं। %% tát đát tha & 002 %% Phật Đà câu tri sắt ni
sam %% namastathāgata &&& kính lễ Như Lai %% buddhakotyusṇīṣam
&& Phật Đà bách thiên ức Phật đĩnh %% 【câu /cú ý】 kính lễ Như Lai
bách thiên ức Phật đĩnh. %%

नमःसर्वबुद्धबोधिसत्त्वेभ्यः।

नमःसर्वबुद्धबोधिसत्त्वेभ्यः। & %* 003 %% 南無薩婆勃陀 %% 勃地薩跢鞞弊
【毗迦切】 %% nama` sarwa buddha && 敬禮一切佛陀 %%
bodhisattwebhya` && 菩薩衆 %%

नमःसर्वबुद्धबोधिसत्त्वेभ्यः। & %* 003 %% Nam mô tát bà bôṭ ðà %% bôṭ ðià
tát ða bệ tệ (bì gia thiết) %% nama` sarwa buddha && kính lễ nhất thiết
Phật Đà %% bodhisattwebhya` && Bồ Tát chúng %%

नमःसप्तानां सम्यक्संबुद्धकोटीनां। सश्रावकसंघानां।

नमःसप्तानां सम्यक्संबुद्धकोटीनां। सश्रावकसंघानां। %% 南無薩多南 & 004
&& 三藐三菩陀 %% 俱知南 %% nama` saptānām && 敬禮七 %%
samyak-saṃbuddha && 正等覺 %% koṭīnām %% 俱胝 & 005 &&
娑舍囉婆迦僧伽南 && sa-śrāwaka saṃghānām && 及聲聞僧伽衆 %%
【句意】 敬禮七俱胝正等覺及聲聞僧伽衆。 %

नमःसप्तानां सम्यक्संबुद्धकोटीनां। सश्रावकसंघानां। %% Nam mô tát ða nam &
004 && tam miểu tam Bô Đê %% câu tri nam %% nama` saptānām &&
kính lễ thất %% samyak-saṃbuddha && Chánh Đẳng Giác %% koṭīnām
%% câu chi & 005 && sa xả la bà ca Tăng Già nam && sa-śrāwaka
saṃghānām && cập Thanh Văn Tăng Già chúng %% 【câu /cú ý】 kính lễ
thất câu chi Chánh Đẳng Giác cập Thanh Văn Tăng Già chúng. %

नमो लोके अर्हन्तानां।

नमो लोके अर्हन्तानां। & % * 006 % % 南無盧雞阿囉漢跢南 % % namo loke
arhantānām % % 敬禮 世間 阿羅漢 衆 % & %

नमो लोके अर्हन्तानां। & % * 006 % % Nam mô lô kê A La Hán đā nam % %
namo loke arhantānām % % kính lễ thế gian A La Hán chúng % & %

नमःस्रोतापन्नानां।

नमःस्रोतापन्नानां। & % * 007 % % 南無蘇盧多波那南 % % nama`
srotāpannānām & & 敬禮 預流 衆

नमःस्रोतापन्नानां। & % * 007 % % Nam mô tô lô đā ba na nam % % nama`
srotāpannānām & & kính lễ Dự Lưu chúng

नमःसकृदागामीनां।

नमःसकृदागामीनां। & % * 008 % % 南無娑羯唎陁伽彌南 % % nama` % %
sakṛdāgāmīnām % % 敬禮 一來 衆 % %

नमःसकृदागामीनां। & % * 008 % % Nam mô sa yét ri ðā già di nam % %
nama` % % sakṛdāgāmīnām kính lễ % % Nhất Lai chúng % %

नमो अनागामीनां।

नमो अनागामीनां। % % 加句 % % 南無阿那伽彌南 % % namo anāgāmīnām
% % 敬禮 不還 衆 % %

नमो अनागामीनां। % % gia cú % % Nam mô a na ca di nam % % namo
anāgāmīnām % % kính lễ Bất Hoàn chúng % %

नमो लोके सम्यगतानां सम्यक्प्रतिपन्नानां।

नमो लोके सम्यगतानां सम्यकप्रतिपन्नानां। %% 南無盧雞 & 009 %%

三藐伽跢南 %% 三藐伽波囉底 & 010 %% 波多那南 %% namo loke %%
敬禮 世間 %% samyag-gatānām && 正至 衆 %% samyak-prati %%
正行衆 %% pannānām %%

नमो लोके सम्यगतानां सम्यकप्रतिपन्नानां। %% Nam mô lô kê & 009 %% tam
miểu già đa nam %% tam miểu già ba la đê & 010 %% ba đa na nam %%
namo loke %% kính lễ thế gian %% samyag-gatānām && Chánh Chí chúng
%% samyak-prati %% Chánh Hành chúng %% pannānām %%

नमो देवऋषीणां ।

नमो देवऋषीणां। & %* 011 %% 南無提婆離瑟赧 %% namo dewa ṛṣīnām
&& 敬禮 天仙 衆 %%

नमो देवऋषीणां। & %* 011 %% Nam mô đê bà ly sát noãn %% namo dewa
ṛṣīnām && kính lễ Thiên Tiên chúng %%

नमःसिद्धाविद्याधरऋषीणां शापानुग्रह सह सर मर्थानां ।

नमःसिद्धाविद्याधरऋषीणां शापानुग्रह सह सर मर्थानां। %% 南無悉陀耶毗地耶
& 012 %% 陀囉離瑟赧 %% 舍波奴揭囉訶 & 013 %% 娑訶娑囉摩他喃
%% nama` siddhyā widyā && 敬禮 %% 成就 明呪 %% dhara ṛṣīnām &&
持 仙 衆 %% śāpānu-graha && 惡呪 降伏 %% saha sara marthānām &&
堪能 衆 %% 【句意】 敬禮持明成就仙衆， 堪能降伏惡呪衆。 %%

नमःसिद्धाविद्याधरऋषीणां शापानुग्रह सह सर मर्थानां। %% Nam mô tát dà da
tỳ đia da & 012 %% dà la ly sát noãn %% xá ba nô yêt la ha & 013 %% sa
ha sa ra ma tha nam %% nama` siddhyā widyā && kính lễ %% thành tựu
Minh Chú %% dhara ṛṣīnām && Trì Tiên chúng %% śāpānu-graha &&
hàng phục ác Chú %% saha sara marthānām && Kham Năng chúng %%
【câu / cú ý】 kính lễ Trì Minh thành tựu Tiên chúng, Kham Năng hàng
phục ác Chú chúng. %%

नमो ब्रह्मणे।

नमो ब्रह्मणे। & % * 014 % % 南無跋囉訶摩泥 % % namo brahmaṇe & & 敬禮
梵天 %

नमो ब्रह्मणे। & % * 014 % % Nam mô bạt la ha ma nê % % namo brahmaṇe
& & kính lễ Phạm Thiên %

नम इन्द्राय।

नम इन्द्राय। & % * 015 % % 南無因陀囉耶 & & nama indrāya % % 敬禮
因陀羅（即：帝釋天） % %

नम इन्द्राय। & % * 015 % % Nam mô nhân đà la da & & nama indrāya % %
kính lễ Nhân Đà La（tức：Đế Thích Thiên） % %

नमो भगवते रुद्राय। उमापति सहीयाय।

नमो भगवते रुद्राय। उमापति सहीयाय। & 016 % % 南無婆伽婆帝 & & namo
bhagawate & & 敬禮 世主 & % * 017 & & 嚧陀囉耶 & & rudrāya & &
嚧捺羅天（即：大自在天） & % * 018 & & 烏摩般帝 % % umā-pati & &
烏摩天後 % % & % * & 019 % % 娑西益夜耶 & & sahīyāya & & 及眷屬衆
& &

नमो भगवते रुद्राय। उमापति सहीयाय। & 016 % % Nam mô bà già bà đế & &
namo bhagawate & & kính lễ Thế Chủ & % * 017 & & lô đà la da & & rudrāya
& & Lữ Nại La Thiên（tức：Đại Tự Tại Thiên） & % * 018 & & ô ma bát
đế % % umā-pati & & Ô Ma Thiên Hậu % % & % * % % & 019 % % sa hê dạ
da & & sahīyāya & & cập quyền thuộc chúng & &

नमो भगवते नारायणाय। पञ्चमहामुद्रा नमस्कृताय।

नमो भगवते नारायणाय। पञ्चमहामुद्रा नमस्कृताय। & % * 020 % %

南無婆伽婆帝 & & namo % % bhagawate & & 敬禮 世主 & % * 021 & &
那囉野拏耶 & & nārāyaṇāya & & 那羅延天 (即: 毗濕奴) & % * 022 & &
槃遮摩訶三暮陁囉 % % pañca-mahā-mudrā & & 五大印女 & 023 & &
南無悉羯唎多耶 & & namas-kṛtāya & & 所敬禮處 % %

नमो भगवते नारायणाय। पञ्चमहामुद्रा नमस्कृताय। & % * 020 % % Nam mô bà
già bà đế & & namo % % bhagawate & & kính lễ Thế Chủ & % * 021 & & na
la dã noa da & & nārāyaṇāya & & Na La Diên Thiên (tức: Tỳ Thập Nô)
& % * 022 & & bàn giã ma ha tam mộ ã la % % pañca-mahā-mudrā & & Ngũ
Đại Ân nhữ & 023 & & Nam mô tất yết rị ãa da & & namas-kṛtāya & & sở
kính lễ xứ % %

नमो भगवते महाकालाय। त्रिपुरनगर विद्रावणकराय।
अधिमुक्ति श्मशाननिवासिने। मातृगण नमस्कृताय।

नमो भगवते महाकालाय। त्रिपुरनगर विद्रापणकराय।

अधिमुक्ति श्मशाननिवासिने। मातृगण नमस्कृताय। & % * 024 % %

南無婆伽婆帝 & & namo bhagawate & & 敬禮 世主 & % * 025 & &
摩訶迦羅耶 & & mahā-kālāya & & 大黑天 & % * 026 % % 地唎般刺那伽囉
& & tripura-nagara & & 三重 (金、銀、鐵) 城 & 027 & &
毗陁囉波拏迦囉耶 & & widrāpaṇa-karāya & & 摧壞 能作 & % * 028 & &
阿地目帝 & & adhi-mukti & & 樂於 & % * 029 % % 尸摩舍那泥婆悉泥 & &
śmaśāna-niwāsine & & 墓塚 居住 & % * 030 & & 摩怛唎伽拏 & & māṭṛ-
gaṇa. & & 鬼母 衆 & % * 031 % % 南無悉羯唎多耶 & & namas-kṛtāya & &
所敬禮處 % % 【句意】 敬禮世主大黑天， 能摧三重城，
及樂住墓塚鬼母衆， 敬禮啊。 % %

नमो भगवते महाकालाय। त्रिपुरनगर विद्रापणकराय।

अधिमुक्ति श्मशाननिवासिने। मातृगण नमस्कृताय। & % * 024 % % Nam mô bà
già bà đế & & namo bhagawate & & kính lễ Thế Chủ & % * 025 & & ma ha ca
la da & & mahā-kālāya & & Đại Hắc Thiên & % * 026 % % địa rị bát lạt na giã

la && tripura-nagara && Tam Trọng (kim、ngân、thiết) thành & 027
&& tỳ đà la ba noa ca la da && widrāpaṇa-karāya && thôi hoại năng tác
&%* 028 && a địa mục đế && adhi-mukti && Lạc ư &%* 029 %%% thi ma
xá na nê bà tất nê && śmaśāna-niwāsine && mộ chủng cư trú &%* 030
&& ma đất rị già noa && māṭṭr-gaṇa. && Quỷ Mẫu chúng &%* 031 %%%
Nam mô tất yết rị đa da && namas-kṛtāya && sở kính lễ xú %%% 【câu /cú
ý】 kính lễ Thế Chủ Đại Hắc Thiên, năng thôi tam trọng thành, cập Lạc trú
mộ chủng Quỷ Mẫu chúng, kính lễ a. %%%

नमो भगवते तथागतकुलाय।

नमो भगवते तथागतकुलाय। &%* 032 %%% 南無婆伽婆帝 && namo %%%
bhagawate && 敬禮 世尊 &%* 033 && 多他伽跢俱羅耶 && tathāgata-
kulāya && 如來 部 %

नमो भगवते तथागतकुलाय। &%* 032 %%% Nam mô bà già bà đế && namo
%% bhagawate && kính lễ Thế Tôn &%* 033 && đa tha già đa câu la da
&& tathāgata-kulāya && Như Lai Bộ %

नमःपद्मकुलाय।

नमःपद्मकुलाय। &%* 034 %%% 南無般頭摩俱羅耶 %%% nama` padma-
kulāya && 敬禮 蓮華 部 %%%

नमःपद्मकुलाय। &%* 034 %%% Nam mô bát đầu ma câu la da %%% nama`
padma-kulāya && kính lễ Liên Hoa Bộ %%%

नमो वज्रकुलाय।

नमो वज्रकुलाय। &%* 035 %%% 南無跋闍囉俱羅耶 %%% namo wajra-
kulāya && 敬禮 金剛 部 %%%

नमो वज्रकुलाय। &%* 035 %% Nam mô bặt xà la câu la da %% namo
vajra-kulāya && kính lễ Kim Cương Bộ %%

नमो मणिकुलाय।

नमो मणिकुलाय। &%* 036 %% 南無摩尼俱羅耶 %% namo %% maṇi-
kulāya && 敬禮 寶 部 %%

नमो मणिकुलाय। &%* 036 %% Nam mô ma ni câu la da %% namo %%
maṇi-kulāya && kính lễ Bảo Bộ %%

नमो गजकुलाय।

नमो गजकुलाय। &%* 037 %% 南無伽闍俱羅耶 %% namo gaja-kulāya
&& 敬禮 %% 象 部 %%

नमो गजकुलाय। &%* 037 %% Nam mô già xà câu la da %% namo gaja-
kulāya && kính lễ %% Tượng Bộ %%

नमो भगवते दृढशूरसेनप्रहरणराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

नमो भगवते दृढशूरसेनप्रहरणराजाय तथागताय

अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। &%* 038 %% 南無婆伽婆帝 && namo bhagawate
&& 敬禮 世尊 &%* 039 && 帝唎茶輸囉西那 && ḍṛḍha-sūra sena &&
勇猛 軍隊 &%* 040 && 波囉訶囉拏囉王 && praharaṇa rājāya && 鬥戰
王 &%* 041 && 踰他伽多耶 && tathāgatāya && 如來 %% 加句&%
阿囉訶帝 && arhate && 應 %% 加句 && 三藐三菩陀耶 && samyak-
saṃbuddhāya && 正等覺 %%

नमो भगवते दृढशूरसेनप्रहरणराजाय तथागताय

अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। & %* 038 %% Nam mô bà già bà đế && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn & %* 039 && đế rị trà thâu la tây na && đṛḍha-sūra sena && Dũng Mãnh quân đội & %* 040 && ba la ha la noa la xà da && praharaṇa rājāya && Đâu Chiến vương & %* 041 && đa tha già đa da && tathāgatāya && Như Lai %% gia cú && a la ha đế && arhate && ứng %% gia cú && tam miểu tam bồ đà da && samyak-saṃbuddhāya && Chánh Đẳng Giác %%

नमो भगवते अमिताभाय तथागताय अर्हते
सम्यक्संबुद्धाय।

नमो भगवते अमिताभाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। & %* 042 %%
南無婆伽婆帝 && namo bhagawate && 敬禮 世尊 & %* 043 &&
南無阿彌多婆耶 && amitābhāya %% 無量光 (即: 阿彌陀佛) & %* 044
&& 跢他伽多耶 && tathāgatāya && 如來 & %* 045 && 阿囉訶帝 &&
arhate && 應 & %* 046 %% 三藐三菩隨耶 && samyak-saṃbuddhāya &&
正等覺 %

नमो भगवते अमिताभाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। & %* 042 %% Nam mô bà già bà đế && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn & %* 043 && Nam mô a di đa bà da && amitābhāya %% Vô Lượng Quang (tức: A Di Đà Phật) & %* 044 && đa tha già đa da && tathāgatāya && Như Lai & %* 045 && a la ha đế && arhate && ứng & %* 046 %% tam miểu tam bồ đà da && samyak-saṃbuddhāya && Chánh Đẳng Giác %

नमो भगवते अक्षोभ्याय तथागताय अर्हते सम्यक्सं
बुद्धाय।

नमो भगवते अक्षोभ्याय तथागताय अर्हते सम्यक्सं बुद्धाय। & %* 047 %%

南無婆伽婆帝 && namo bhagawate && 敬禮 世尊 & %* 048 &&
阿藐鞞耶 && akṣobhyāya && 不動 (即: 阿閼) & %* 049 &&
跢他伽多耶 %% tathāgatāya && 如來 & %* 050 && 阿囉訶帝 && arhate
&& 應 & %* 051 && 三藐三菩陁耶 && samyak-saṃbuddhāya &&
正等覺 %%

नमो भगवते अक्षोभ्याय तथागताय अर्हते सम्यक्सं बुद्धाय। & %* 047 %%% Nam
mô bà già bà đế && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn & %* 048 && a
sô bê da && akṣobhyāya && Bất Động (tức: a 閼) & %* 049 && đa tha
già đa da %% tathāgatāya && Như Lai & %* 050 && a la ha đế && arhate
&& ứng & %* 051 && tam miểu tam bồ đà da && samyak-saṃbuddhāya
&& Chánh Đẳng Giác %%

नमो भगवते भैषज्यगुरुवैडूर्यप्रभराजाय तथागताय
अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

नमो भगवते भैषज्यगुरुवैडूर्यप्रभराजाय तथागताय

अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। & %* 052 %%% 南無婆伽婆帝 && namo bhagawate
&& 敬禮 世尊 & %* 053 %%% 鞞沙闍耶俱嚧吠柱唎耶 && bhaiṣajya-guru-
waidūrya && 藥師 琉璃 & %* 054 %%% 般囉婆囉闍耶 &&
prabha-rājāya && 光王 & %* 055 && 跢他伽多耶 %% tathāgatāya &&
如來 %% 加句 && 阿囉訶帝 && arhate && 應 %% 加句 &&
三藐三菩陁耶 && samyak-saṃbuddhāya && 正等覺 %%

नमो भगवते भैषज्यगुरुवैडूर्यप्रभराजाय तथागताय

अर्हते सम्यक्संबुद्धाय। & %* 052 %%% Nam mô bà già bà đế && namo
bhagawate && kính lễ Thế Tôn & %* 053 %%% bê sa xà da câu rô phê trụ rị
da && bhaiṣajya-guru-waidūrya && Dược Sư Lưu Ly & %* 054
%% bát la bà la xà da && prabha-rājāya && Quang Vương & %* 055 &&
đa tha già đa da %% tathāgatāya && Như Lai %% gia cú && a la ha đế &&

arhate && úng %% gia cú && tam miểu tam bò ðà da && samyak-saṃbuddhāya && Chánh Đẳng Giác %%

नमो भगवते संपुष्पितसालेन्द्रराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय ।

नमो भगवते संपुष्पितसालेन्द्रराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय । & % * 056
%% 南無婆伽婆帝 && namo bhagawate && 敬禮 世尊 & % * 057 &&
三補師毖多 && sampuṣpita && 開敷蓮華 & % * 058 && 薩憐捺囉刺闍耶
&& sālendra-rājāya && 娑羅樹王 & % * 059 %% 跢他伽多耶 &&
tathāgatāya && 如來 & % * 060 && 阿囉訶帝 && arhate && 應 & % * 061
&& 三藐三菩陁耶 && samyak-saṃbuddhāya %% 正等覺 %%

नमो भगवते संपुष्पितसालेन्द्रराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय । & % * 056
%% Nam mô bà già bà đế && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn & % *
057 && tam bổ sư bí ða && sampuṣpita && Khai Phu Liên Hoa & % * 058
&& tát lân nại la lạt xà da && sālendra-rājāya && Sa La Thụ Vương & % *
059 %% ða tha già ða da && tathāgatāya && Như Lai & % * 060 && a la ha
đế && arhate && úng & % * 061 && tam miểu tam bò ðà da && samyak-
saṃbuddhāya %% Chánh Đẳng Giác %%

नमो भगवते शाक्यमुनये तथागताय अर्हते सम्यक्सं बुद्धाय ।

नमो भगवते शाक्यमुनये तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय । % % & % * 062 % %
南無婆伽婆帝 && namo bhagawate && 敬禮 世尊 & % * 063 &&
舍雞野母那曳 && śākyamunaye && 釋迦牟尼 & % * 064 && 跢他伽多耶
&& tathāgatāya && 如來 & % * 065 && 阿囉訶帝 % % arhate && 應 & % *
066 && 三藐三菩陁耶 && samyak-saṃbuddhāya && 正等覺 %

नमो भगवते शाक्यमुनये तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय । % % & % * 062 % %
Nam mô bà già bà đế && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn & % * 063
&& xá kê ðã mẫu na duệ && śākyamunaye && Thích Ca Mâu Ni & % * 064

&& ða tha già ða da && tathāgatāya && Như Lai &%* 065 && a la ha đé
%% arhate && úng &%* 066 && tam miểu tam bò ða da && samyak-
sambuddhāya && Chánh Đẳng Giác %

नमो भगवते रत्नकेतुराजाय तथागताय अर्हते सम्य
क्संबुद्धाय।

नमो भगवते रत्नकेतुराजाय तथागताय अर्हते सम्य क्संबुद्धाय। &%* 067 %%
南無婆伽婆帝 && namo bhagawate && 敬禮 世尊 &%* 068 &&
剌怛那雞覩囉闍耶 && ratna- ketu-rājāya %% 寶幢王 &%* 069 &&
跢他伽多耶 && tathāgatāya && 如來 &%* 070 && 阿囉訶帝 && arhate
&& 應 &%* 071 %% 三藐三菩陁耶 && samyak-sambuddhāya &&
正等覺 %%

नमो भगवते रत्नकेतुराजाय तथागताय अर्हते सम्य क्संबुद्धाय। &%* 067 %%
Nam mô bà già bà đé && namo bhagawate && kính lễ Thế Tôn &%* 068
&& lạt đát na kê đồ la xà da && ratna- ketu-rājāya %% Bảo Tràng Vương
&%* 069 && ða tha già ða da && tathāgatāya && Như Lai &%* 070 &&
a la ha đé && arhate && úng &%* 071 %% tam miểu tam bò ða da &&
samyak-sambuddhāya && Chánh Đẳng Giác %%

तेभ्यो नमस्कृत्वा

तेभ्यो नमस्कृत्वा। &%* 072 %% 帝瓢南無薩羯唎多 %% tebhyo namas-
kṛtwā && 如是 敬禮已 &%%&

तेभ्यो नमस्कृत्वा। &%* 072 %% dé biều Nam mô tát yét rị ða %% tebhyo
namas-kṛtwā && như thị kính lễ dĩ &%%&

इदं भगवतस्तथागतोष्णीषं सितातपत्रा-नाम-अपरा
जितं प्रत्यङ्गिरां।

इदं भगवतस्तथागतोष्णीषं सितातपत्रा-नाम-अपरा

जितं प्रत्यङ्गिरां। & %* 073 %%% 翳曇婆伽婆多 %% idam bhagawata && 此
諸世尊 & %* 074 && 薩怛他伽都瑟尼釤 && stathāgatoṣṇīṣam &&
如來頂髻 & %* 075 %%% 薩怛多般怛藍 && sitātapatrā && 白傘蓋 & %*
076 && 南無阿婆囉視耽 && nāma-aparājitaṃ && 名爲 無有能及 & %*
077 %%% 般囉帝揚岐囉 && pratyaṅgirām && 甚能調伏 %%

इदं भगवतस्तथागतोष्णीषं सितातपत्रा-नाम-अपरा

जितं प्रत्यङ्गिरां। & %* 073 %%% é ðàm bà già bà ða %% idam bhagawata &&
thử chư Thế Tôn & %* 074 && tát đát tha già đô sất ni sam &&
stathāgatoṣṇīṣam && Như Lai Đỉnh Kế & %* 075 %%% tát đát ða bát đát lam
&& sitātapatrā && Bạch Tản Cái & %* 076 && Nam mô a bà la thị ðam
&& nāma-aparājitaṃ && danh vi vô hữu năng cập & %* 077 %%% bát la ðé
duyng kỳ la && pratyaṅgirām && thậm năng điều phục %%

सर्वभूतग्रहनिग्रहक कर हणीं।

सर्वभूतग्रहनिग्रहक कर हणीं। & %* 078 %%% 薩囉婆部多揭囉訶 %% sarwa
%% bhūta-graha && 一切 鬼魅 惡星 & %* 079 && 尼羯囉訶揭迦囉訶尼
&& nigrahaka kara haṇīm && 降伏 能令作 %% 【句意】
(此大佛頂首楞嚴神呪) 能令降伏一切鬼魅惡星。 %%

सर्वभूतग्रहनिग्रहक कर हणीं। & %* 078 %%% tát la bà Bô Đa yết la ha %%
sarwa %% bhūta-graha && nhất thiết quỷ Mỹ ác Tinh & %* 079 && ni yết
la ha yết ca la ha ni && nigrahaka kara haṇīm && hàng phục năng linh tác
%% 【câu / cú ý】 (thử Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần Chú)
năng linh hàng phục nhất thiết quỷ Mỹ ác Tinh. %%

परविद्याच्छेदनीं।

परविद्याच्छेदनीं। & %* 080 %% 跋囉毖地耶叱陁你 %% para-widyā
cchedanīm && 仇敵 惡呪 令斷滅 %% 【句意】 能令斷滅仇敵惡呪。
%%

परविद्याच्छेदनीं। & %* 080 %% bạt la bí địa da sát đà nễ %% para-widyā
cchedanīm && thù địch ác Chú linh đoạn diệt %% 【câu / cú ý】 năng linh
đoạn diệt thù địch ác Chú. %%

अकालमृत्युपरित्राणकरीं।

अकालमृत्युपरित्राणकरीं। & %* 081 %% 阿迦羅蜜唎柱 && akāla-mṛtyu &&
夭折 橫死 & %* 082 && 般唎怛囉那儚羯唎 && pari-trāṇa-karīm &&
救護 能作 %% 【句意】 能救護夭折橫死。 %%

अकालमृत्युपरित्राणकरीं। & %* 081 %% a ca la mạt rị trụ && akāla-mṛtyu
&& yếu chiết hoại tử & %* 082 && bát rị đát la gia nãnh yết rị && pari-
trāṇa-karīm && cứu hộ năng tác %% 【câu / cú ý】 năng cứu hộ yếu chiết
hoại tử. %%

सर्वबन्धनमोक्षणीं।

सर्वबन्धनमोक्षणीं। & %* 083 && 薩囉婆槃陁那目叉尼 %% sarwa bandhana
&& 一切 煩惱縛結 %% mokṣaṇīm && 能令解脫 %%
【句意】 能令解脫一切煩惱縛結。 %%

सर्वबन्धनमोक्षणीं। & %* 083 && tát la bà bàn đà na mục xoa ni %% sarwa
bandhana && nhất thiết phiền não phục kết %% mokṣaṇīm && năng linh
giải thoát %% 【câu / cú ý】 năng linh giải thoát nhất thiết phiền não phục
kết. %%

सर्वदुष्ट दुःस्वप्ननिवारणीं।

सर्वदुष्टदुःस्वप्ननिवारणीं। & %* 084 %& 薩囉婆突瑟吒 %& sarwa duṣṭa && 一切 極惡 & %* 085 && 突悉乏般那你伐囉尼 && du`-swapnani-wāraṇīm && 夢魘 能令止息 %& 【句意】 能令止息一切惡夢。 %&

सर्वदुष्टदुःस्वप्ननिवारणीं। & %* 084 %& tát la bà đôt sắ tra %& sarwa duṣṭa && nhất thiết cực ác & %* 085 && đôt tát phạp bát na nễ phạp la ni && du`-swapnani-wāraṇīm && mộng yểm năng linh chỉ tức %& 【câu /cú ý】 năng linh chỉ tức nhất thiết ác mộng. %&

चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकरीं।

चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकरीं। & %* 086 %& 赭都囉失帝南 && caturaśītīnām && 八十四 & %* 087 && 羯囉訶娑訶薩囉若闍 && graha-sahasrāṇām && 惡星邪魔 千 & %& %* 088 %& 毗多崩娑那羯唎 %& widhwaṃsana-karīm && 敗壞 能令 %& 【句意】 能令敗壞八萬四千惡星邪魔。 %&

चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकरीं। & %* 086 %& giả đô la thất đế nam && caturaśītīnām && bát thập tứ & %* 087 && yết la ha sa ha tát la nhắ xắ && graha-sahasrāṇām && nghìn ác Tinh tà ma & %& # % 088 %& tỳ đa băng sa na yết rị %& widhwaṃsana-karīm && bại hoại năng linh %& 【câu /cú ý】 năng linh bại hoại bát vạn tứ thiên ác Tinh tà ma. %&

अष्टाविंशतीनां नक्षत्राणां प्रसादनकरीं।

अष्टाविंशतीनां नक्षत्राणां प्रसादनकरीं। & %* 089 %& 阿瑟吒冰舍帝南 %& aṣṭā-wiṃśatīnām && 二十八 & %* 090 && 那叉剎怛囉若闍 && nakṣatrāṇām && 星宿 & %* 091 && 波囉薩陁那羯唎 && prasādana %& karīm && 清淨 能令 %& 【句意】 能令清淨二十八星宿。 %&

अष्टाविंशतीनां नक्षत्राणां प्रसादनकरीं। & %* 089 %& a sắ tra băng xá đế nam %& aṣṭā-wiṃśatīnām && nhị thập bát & %* 090 && na xoa sắ đắt la nhắ xắ && nakṣatrāṇām && Tinh Tú & %* 091 && ba la tát đắ na yết rị &&

prasādana %% karīm && thanh tịnh năng linh %% 【câu /cú ý】 năng linh
thanh tịnh nhị thập bát Tinh Tú. %%

अष्टानां महाग्रहाणां विध्वंसनकरीं।

अष्टानां महाग्रहाणां विध्वंसनकरीं। & %* 092 %% 阿瑟吒南 %% aṣṭānām &&
八 & %* 093 && 摩訶揭囉訶若闍 && mahā-grahānām && 大執曜 & %*
094 && 毗多崩薩那羯唎 && widhwamsana %% karīm && 摧伏
能令 【句意】 八大執曜能令摧伏。 %%

अष्टानां महाग्रहाणां विध्वंसनकरीं। & %* 092 %% a sāt tra nam %% aṣṭānām
&& bát & %* 093 && ma ha yēt la ha nhā xà && mahā-grahānām && Đại
Chấp Diệu & %* 094 && tỳ đa băng tát na yēt rị && widhwamsana %%
karīm && thôi phục năng linh 【câu /cú ý】 bát Đại Chấp Diệu năng linh
thôi phục. %%

सर्वशत्रु निवारणं।

सर्वशत्रु निवारणं। & %* 095 %% 薩婆舍都嚧你婆囉若闍 %% sarwa śatru
niwāraṇam %% 一切怨敵能令遮止 %% 【句意】能令遮止一切怨敵。
%%

सर्वशत्रु निवारणं। & %* 095 %% tát bà xá đô rô nễ bà la nhā xà %% sarwa
śatru niwāraṇam %% nhất thiết oán địch năng linh già chỉ %% 【câu /cú
ý】 khiến cho đoạn dứt nhất thiết oán địch. %%

घोरां दुःस्वप्नां च नाशनीं।

घोरां दुःस्वप्नां च नाशनीं। %% 呼藍突悉乏難 & 096 %% 遮那舍尼 %%
ghorām du`-swapnām && 魔呪法諸惡夢 %% ca nāsanīm && 及
能令消滅 %% 【句意】能令消滅魔呪法、及諸惡夢。 %%

घोरां दुःस्वप्नां च नाशनीं। %% hô lam đột tât pháp nan & 096 %% già na xá ni
%% ghorām du`-swapnām && ma Chú pháp chư ác mộng %% ca nāśanīm
&& cập năng linh tiêu diệt %% 【câu /cú ý】 năng linh tiêu diệt ma Chú
pháp 、 cập chư ác mộng. %%

विष शस्त्र अग्नि उदक उत्तरणं।

विष शस्त्र अग्नि उदकरणं।

& %* 097 %% 毖沙舍悉怛囉 && wiṣa śastra && 毒藥 刀兵 & %* 098 &&
阿吉尼烏陁迦囉若闍 && agni %% udaka ranam && 火災 水災 能令救護
%% 【句意】 能令救護毒藥、刀兵、火災、水災。 %%

विष शस्त्र अग्नि उदकरणं।

& %* 097 %% bí sá xá tât đát la && wiṣa śastra && độc dược, đao binh
& %* 098 && a cát ni ô đà ca la nhã xà && agni %% udaka ranam && hoả
tai, thuỷ tai năng linh cứu hộ %% 【câu /cú ý】 năng linh cứu hộ độc dược
、 đao binh 、 hoả tai 、 thuỷ tai. %%

अपराजित घोर

अपराजित घोर। & %* 099 %% 阿般囉視多具囉 %% aparājita ghora &&
無有能勝 暴惡 %% 【句意】 威力猛烈無能及 %%

अपराजित घोर। & %* 099 %% a bát la thị đa cụ la %% aparājita ghora &&
vô hữu năng thắng bạo ác %% 【câu /cú ý】 uy lực mãnh liệt vô năng cập
%%

महाबल चण्डी

महाबल चण्डी। & 100 %% 摩訶般囉戰持 && mahā-bala caṇḍī && 大力
可畏 %% 【句意】 大力天女可畏女 && %&

महाबल चण्डी। & 100 %% ma ha bát la chiến trì && mahā-bala caṇḍī &&
Đại Lực Khả Úy %% 【câu /cú ý】 Đại Lực Thiên nữ Khả Úy nữ &%%&

महादीप्त महातेज

महादीप्त महातेज। & 101 %% 摩訶疊多 && mahā-dīpta && 大熾燃 & 102
&& 摩訶帝闍 && mahā-teja && 大威力 %% 【句意】 大焰天女大威德
%%

महादीप्त महातेज। & 101 %% ma ha điep đa && mahā-dīpta && Đại Xí
Nhiên & 102 && ma ha đế xà && mahā-teja && Đại Uy Lực %% 【câu
/cú ý】 Đại Diễm Thiên nữ Đại Uy Đức %%

महाश्वेत ज्वल

महाश्वेत ज्वल। & 103 %% 摩訶稅多闍婆囉 %% mahā-śweta jwala && 大
白輝、光焰 %% 【句意】 大白輝女及光焰 %%

महाश्वेत ज्वल। & 103 %% ma ha thuế đa xà bà la %% mahā-śweta jwala
&& Đại Bạch Uy 、 Quang Diễm %% 【câu /cú ý】 Đại Bạch Uy nữ cập
Quang Diễm %%

महाबल पाण्डरवासिनी।

महाबल पाण्डरवासिनी। %% 摩訶跋羅 & 104 %% 槃隨囉婆悉你 %% mahā-
bala %% pāṇḍarawāsinī %% 大力、白衣 %% 【句意】 大力天女白衣女
%%

महाबल पाण्डरवासिनी। %% ma ha bát la & 104 %% bàn đà la bà tất nễ %%
mahā-bala %% pāṇḍarawāsinī %% Đại Lực 、 Bạch Y %% 【câu /cú
ý】 Đại Lực Thiên nữ Bạch Y nữ %%

आर्यताराभृकुटीचैव विजय वज्रमालेतिःविश्रुत।

आर्यताराभृकुटीचैव विजय वज्रमालेतिःविश्रुत। & 105 %% 阿唎耶多囉 %%
ārya-tārā && 聖 救度 (多羅天女) & 106 && 毗唎俱知 && bhṛkuṭī &&
瞋紋 (毗俱胝天女) & 107 && 誓婆毗闍耶 && caiwa %% wijaya &&
及如是最勝 & 108 && 跋闍囉摩禮底 && wajra-māleti` && 金剛鬘 &
109 && 毗舍嚧多 && wi-śruta && 名稱 %% 【句意】 多羅及毗俱胝女
名稱最勝金剛鬘 %%

आर्यताराभृकुटीचैव विजय वज्रमालेतिःविश्रुत। & 105 %% a ri da da la %%
ārya-tārā && Thánh Cứu Độ (Đa La Thiên nữ) & 106 && tỳ rị câu tri
&& bhṛkuṭī && Sân Văn (Tỳ Câu Chi Thiên nữ) & 107 && thệ bà tỳ xà
da && caiwa %% wijaya && cập như thị tồ thắng & 108 && bạt xà la ma
lễ đê && wajra-māleti` && Kim Cương Man & 109 && tỳ xá rô đa && wi-
śruta && Danh Xung %% 【câu /cú ý】 Đa La cập Tỳ Câu Chi nữ Danh
Xung Tôỉ Thắng Kim Cương Man %%

पद्मकःवज्रजिह्वश्च मालाचैवापराजिता। वज्रदण्डीं विशालाच शान्ता श्वेतेव पूजिता ॥

पद्मकःवज्रजिह्वश्च मालाचैवापराजिता। वज्रदण्डीं विशालाच शान्ता श्वेतेव

पूजिता ॥ & 110 %% 勃騰罔迦 && padmaka` && 蓮花 & 111 &&
跋闍囉制喝那陁遮 && wajra-jihwaśca && 金剛舌及 & 112 %%
摩囉制婆般囉質多 && mālā caiwā-parājitā && 花鬘及如是無能勝 &
113 && 跋闍囉檀持 && wajra-daṇḍīm && 金剛杵 & 114 %% 毗舍囉遮
&& wiśālā ca && 廣大及 & 115 && 扇多舍鞞提婆補視多 && śāntā
śwetewa pūjitā && 寂靜勝身諸供養 %% 【句意】 蓮花瑞相金剛舌
花鬘最妙無能及 廣大金剛杵天女 寂靜勝身供養女 %%

पद्मकःवज्रजिह्वश्च मालाचैवापराजिता। वज्रदण्डीं विशालाच शान्ता श्वेतेव

पूजिता ॥ & 110 %% bôt đặng vông ca && padmaka` && Liên Hoa & 111

&& bata xà la ché hát na a già && wajra-jihwaśca && Kim Cương Thiệt
Cập & 112 %% ma la ché bà bát la chất đa && mālā caiwā-parājītā && Hoa
Man cập như thị Vô Năng Thắng & 113 && bata xà la đàn trì && wajra-
daṇḍīm && Kim Cương Chử & 114 %% tỳ xá la già && wiśālā ca &&
Quảng Đại cập & 115 && phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa && sântā śwetewa
pūjītā && Tịch Tĩnh Thắng Thân chư Cúng Dưỡng %% 【câu /cú ý】 Liên
Hoa Thuy tướng Kim Cương Thiệt Hoa Man Tội Diệu Vô Năng cập Quảng
Đại Kim Cương Chử Thiên nữ Tịch Tĩnh Thắng Thân Cúng Dưỡng nữ %%

सौमरूपा महाश्वेता आर्यतारा महाबल अपरावज्र शंकलाचैव ।

सौमरूपा महाश्वेता आर्यतारा महाबल अपरावज्र शंकलाचैव । & 116 %%

蘇摩嚧波 && sauma-rūpā && 月光相 & 117 %% 摩訶稅多 && mahā-
śwetā && 大白 & 118 && 阿唎耶多囉 && ārya-tārā && 聖 救度 & 119
&& 摩訶婆囉阿般囉 && mahā-bala %% aparā && 大力 不歿 & 120 &&
跋闍囉商羯羅制婆 && wajra-śaṅkalā caiwa && 金剛 鎖 及如是 %%

【句意】 善妙大白大天女 %% 多羅天女大力女 不死金剛鎖天女 %

सौमरूपा महाश्वेता आर्यतारा महाबल अपरावज्र शंकलाचैव । & 116 %% tô ma

rô ba && sauma-rūpā && Nguyệt Quang Tướng & 117 %% ma ha thúế đa
&& mahā-śwetā && Đại Bạch & 118 && a rị da đa la && ārya-tārā &&
Thánh Cứu Độ & 119 && ma ha bà la a bát la && mahā-bala %% aparā
&& Đại Lực Bất Một & 120 && bata xà la thương yết la ché bà && wajra-
śaṅkalā caiwa && Kim Cương Toả cập như thị %% 【câu /cú ý】 Thiện
Diệu Đại Bạch Đại Thiên nữ %% Đa La Thiên nữ Đại Lực nữ Bất Tử Kim
Cương Toả Thiên nữ %

वज्रकौमारी कुलंधरी वज्रहस्ताच विद्या काञ्चन मा लिकाः ॥

वज्रकौमारी कुलंधरी वज्रहस्ताच विद्या काञ्चन मा लिकाः ॥ %%& 121 %%

跋闍囉俱摩唎 %% vajra-kaumārī && 金剛 童 女 & 122 && 俱藍陀唎
&& kulam-dharī && 部 持 女 & 123 && 跋闍囉喝薩多遮 && vajra-hastā

%% ca && 金剛手及 & 124 && 毗地耶乾遮那摩唎迦 && widyā
kāñcana mālikā` && 明女金花鬘 %% 【句意】金剛童女持部女
執金剛明女金花鬘 %%

वज्रकौमारी कुलंधरी वज्रहस्ताच विद्या काञ्चन मा लिकाः ॥ %%& 121 %%& bat
xà la câu ma rị %%& wajra-kaumārī && Kim Cương Đồng nữ & 122 && câu
lam đà rị && kulam-dharī && Bộ Trì nữ & 123 && bat xà la hát tát đa già
&& wajra-hastā %%& ca && Kim Cương Thủ cập & 124 && tỳ địa da kiền
già na ma rị ca && widyā kāñcana mālikā` && Minh Nữ Kim Hoa Man
%% 【câu /cú ý】 Kim Cương Đồng nữ Trì Bộ nữ Cháp Kim Cương Minh
Nữ Kim Hoa Man %%

कुसुम्भ रत्न वैरोचनकुलीयायार्धोष्णीषं विजृम्भमा
णीच ॥

कुसुम्भ रत्न वैरोचनकुलीयायार्धोष्णीषं विजृम्भमा णीच ॥ %%& 125 %%&
囉蘇母婆羯囉哆那 %% kusumbha ratna && 紅寶珠 & 126 &&
鞞嚧遮那俱唎耶 && wairocanakulīyāya && 遍照種族 & 127 %%&
夜囉菟瑟尼釤 && arthoṣṇīṣaṃ && 諸利益頂髻 & 128 &&
毗折口藍婆摩尼遮 && wi-jṛmbhamāṇī ca && 細眉開展及 %%&
【句意】紅寶珠女遍照族利益頂髻眉開展 %%

कुसुम्भ रत्न वैरोचनकुलीयायार्धोष्णीषं विजृम्भमा णीच ॥ %%& 125 %%& Hôt tô
mẫu bà yết la đa na %% kusumbha ratna && Hồng Bảo Châu & 126 && Bệ
rô già na câu rị da && wairocanakulīyāya && Biên Chiếu chủng tộc & 127
%%& dạ la thố sắt ni sam && arthoṣṇīṣaṃ && chư Lợi Ích Đỉnh Kế & 128
&& tỳ chiết lam bà ma ni già && wi-jṛmbhamāṇī ca && Tế My khai triển
cập %% 【câu /cú ý】 Hồng Bảo Châu nữ Biên Chiếu tộc Lợi Ích Đỉnh Kế
My khai triển %%

वज्र कनकप्रभा लोचना वज्रतुण्डी च ।
श्वेताच कमलाक्ष शशिप्रभा ॥

वज्र कनकप्रभा लोचना वज्रतुण्डी च।

श्वेताच कमलाक्ष शशिप्रभा ॥ & 129 %% 跋闍囉迦那迦波囉婆 %% wajra
kanaka prabhā && 金剛 金 光 & 130 && 嚧闍那跋闍囉頓稚遮 &&
locanā wajratuṇḍī ca && 眼 金剛 嘴 及 & 131 && 稅多遮迦摩羅剎 &&
śwetā ca kamalākṣa && 白 色 及 蓮 花 眼 & 132 && 奢尸波囉婆 && śaṣi-
prabhā && 月 光 %% 【句意】 金剛金光眼天女 金剛嘴女白天女
蓮花眼女月光女 %%

वज्र कनकप्रभा लोचना वज्रतुण्डी च।

श्वेताच कमलाक्ष शशिप्रभा ॥ & 129 %% bặt xà la ca na ca ba la bà %% wajra
kanaka prabhā && Kim Cương Kim Quang & 130 && Rô xà na bặt xà la
đồn trĩ già && locanā wajratuṇḍī ca && Nhân Kim Cương Chuỷ cập & 131
&& thuế đa già ca ma La Sát && śwetā ca kamalākṣa && Bạch Sắc cập
Liên Hoa nhãn & 132 && sa thi ba la bà && śaṣi-prabhā && Nguyệt
Quang %% 【câu /cú ý】 Kim Cương Kim Quang Nhân Thiên nữ Kim
Cương Chuỷ nữ Bạch Thiên nữ Liên Hoa Nhãn nữ Nguyệt Quang nữ %%

इत्येते मुद्रागणाः सर्वैरक्षां कुर्वन्तु इमां ममस्य।

इत्येते मुद्रागणाः सर्वैरक्षां कुर्वन्तु इमां ममस्य। & 133 %% 翳帝夷帝 && ityete
&& 如是 & 134 && 母陁囉羯拏 %% mudrā-gaṇā` && 印 衆 & 135 &&
娑鞞囉讖 && sarwe rakṣām && 一 切 守 護 & 136 && 掘梵都 &&
kurwantu && 願 作 & 137 %% 印 兔 那 麼 麼 寫 (誦 呪 者 %%
至 此 句 稱 弟 子 某 甲 受 持) %% imān mamasya && 此 我 等 %% 【句 意】
如 是 印 衆 願 悉 皆 守 護 於 我 等。 %%

इत्येते मुद्रागणाः सर्वैरक्षां कुर्वन्तु इमां ममस्य। & 133 %% é dé di dé && ityete
&& như thị & 134 && mẫu đà la yết noa %% mudrā-gaṇā` && Ấn chúng
& 135 && sa bệ la sám && sarwe rakṣām && nhất thiết thủ hộ & 136 &&
quật phạm đô && kurwantu && nguyện tác & 137 %% ấn thổ na ma ma tả
(tụng chú giả %% chí thử cú xung đệ tử mỗi giáp thụ trì) %% imān

mamasya && thử ngã đấng %% 【câu / cú ý】 như thị Ân chúng nguyện tất
giai thủ hộ ư ngã đấng. %%

ॐ ऋषिगणप्रशस्त स्तथागतोष्णीषं

ॐ ऋषिगणप्रशस्त स्तथागतोष्णीषं। & 138 && 烏合牛 && om && 三身 &
139 && 唎瑟揭拏 && ṛṣigaṇa && 仙衆 & 140 && 般刺舍悉多 &&
praśasta && 讚歎 & 141 && 薩怛他伽都瑟尼釤 && stathāgatoṣṇīṣam
&& 如來 頂髻 %

ॐ ऋषिगणप्रशस्त स्तथागतोष्णीषं। & 138 && Ân && om && tam thân &
139 && rị sất yết noa && ṛṣigaṇa && Tiên chúng & 140 && bát lạt xá tất
đa && praśasta && tán thán & 141 && tát đát tha già đô sất ni sam &&
stathāgatoṣṇīṣam && Như Lai Đỉnh Kế %

ह्रूं त्रूं जम्भन।

ह्रूं त्रूं जम्भन। & 142 %% 虎合牛 && hūṃ & 143 && 都嚧雍 && trūṃ &
144 && 瞻婆那 && jambhana && 破碎 %% 【句意】 令破碎啊！ %

ह्रूं त्रूं जम्भन। & 142 %% hỏ hồng && hūṃ & 143 && đô rô ung && trūṃ &
144 && chiêm bà na && jambhana && phá toái %% 【câu / cú ý】 linh phá
toái a ! %

ह्रूं त्रूं स्तम्भन।

ह्रूं त्रूं स्तम्भन। & 145 && 虎合牛 %% hūṃ & 146 && 都嚧雍 && trūṃ &
147 && 悉耽婆那 && stambhana && 降伏 %% 【句意】 令降伏啊！
%%

ह्रूं त्रूं स्तम्भन। & 145 && hỏ hồng %% hũm & 146 && đô rô ung && trũm
& 147 && tát đạm bà na && stambhana && hàng phục %% 【câu / cú
ý】 khiến hàng phục a ! %%

ह्रूं त्रूं परविद्यासम्भक्षनकर।

ह्रूं त्रूं परविद्यासम्भक्षनकर। & 148 %% 虎合牛 && hũm & 149 && 都嚧雍
%% 波囉毖地耶三般叉拏 & 150 %% 羯囉 %% trũm %% para-widyā &&
最勝呪術 %% saṃ-bhakṣaṇa kara && 齊殘害令作 %%
【句意】齊令破壞（外道）最勝呪術啊！ %%

ह्रूं त्रूं परविद्यासम्भक्षनकर। & 148 %% hỏ hồng && hũm & 149 && đô rô ung
%% ba la bí địa da tam bát xoa noa & 150 %% yết la %% trũm %% para-
widyā && tối thắng Chú thuật %% saṃ-bhakṣaṇa kara && tè tàn hại linh
tác %% 【câu / cú ý】 khiến đoạn dứt phá hoại（ngoại đạo）tối thắng Chú
thuật a ! %%

ह्रूं त्रूं सर्वयक्षराक्षसग्रहाणां विध्वंसनकर।

ह्रूं त्रूं सर्वयक्षराक्षसग्रहाणां विध्वंसनकर। %% & 15 %&*% & 151 && 虎合牛
&& hũm & 152 && 都嚧雍 && trũm & 153 && 薩婆藥叉喝囉剎娑 %%
sarwa yakṣa rākṣasa && 一切夜叉羅剎 & 154 && 揭囉訶若闍 &&
grahāṇām && 惡星 & 155 && 毗騰崩薩那羯囉 && widhwamsana %%
kara && 敗壞令作 %% 【句意】令敗壞一切夜叉、羅剎、惡星啊！
%%

ह्रूं त्रूं सर्वयक्षराक्षसग्रहाणां विध्वंसनकर। %% & 15 %&*% & 151 && hỏ hồng
&& hũm & 152 && đô rô ung && trũm & 153 && tát bà Dược Xoa hát La
Sát sa %% sarwa yakṣa rākṣasa && nhất thiết Dạ Xoa, La Sát & 154 &&
yết la ha nhã xà && grahāṇām && ác Tinh & 155 && tỷ đặng băng tát na
yết la && widhwamsana %% kara && bại hoại linh tác %% 【câu / cú
ý】 khiến bại hoại nhất thiết Dạ Xoa、La Sát、ác Tinh a ! %%

ह्रूं त्रूं चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकर।

ह्रूं त्रूं चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकर। & 156 && 虎合牛 && hūm & 157 %% 都嚧雍 && trūm & 158 && 者都囉尸底南 && caturaśītīnām && 八十四 & 159 && 揭囉訶娑訶薩囉南 && graha sahasrāṇām && 惡星鬼魅千 & 160 && 毗騰崩薩那囉 && widhwaṃsana kara && 降伏令作 %% 【句意】 令降伏八萬四千惡星鬼魅啊！ %%

ह्रूं त्रूं चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकर। & 156 && hỏ hồng && hūm & 157 %% đô rô ung && trūm & 158 && giả đô la thi đê nam && caturaśītīnām && bát thập tứ & 159 && yết la ha sa ha tát la nam && graha sahasrāṇām && nghìn ác Tinh quỷ Mỹ & 160 && tỳ đặng băng tát na la && widhwaṃsana kara && hàng phục linh tác %% 【câu /cú ý】 khiến hàng phục bát vạn tứ thiên ác Tinh quỷ Mỹ a ! %%

ह्रूं त्रूं रक्ष

ह्रूं त्रूं रक्ष । & 161 && 虎合牛 && hūm & 162 && 都嚧雍 && trūm & 163 && 囉叉 && rakṣa && 守護 %%

ह्रूं त्रूं रक्ष । & 161 && hỏ hồng && hūm & 162 && đô rô ung && trūm & 163 && la xoa && rakṣa && thủ hộ %%

भगवान् स्तथागतोष्णीषं प्रत्यङ्गिरे

भगवान् स्तथागतोष्णीषं प्रत्यङ्गिरे। & 164 %% 婆伽梵 && bhagawān && 世尊 & 165 && 薩怛他伽都瑟尼釤 && stathāgatoṣṇīṣam && 如來 頂髻 & 166 && 婆囉點闍吉唎 && pratyaṅgire && 甚能調伏 %%

भगवान् स्तथागतोष्णीषं प्रत्यङ्गिरे। & 164 %% bà già phạm && bhagawān && Thé Tôn & 165 && tát đát tha già đô sất ni sam && stathāgatoṣṇīṣam &&

Như Lai Đỉnh Kế & 166 && bà la điếm xà cát rị && pratyāṅgīre && thậm
năng điều phục %%

महासहस्रभुजे सहस्रशीर्षे कोटीशतसहस्रनेत्रे

महासहस्रभुजे सहस्रशीर्षे कोटीशतसहस्रनेत्रे। & 167 %% 摩訶娑訶薩囉勃樹 %%
mahā-sahasra-bhuje && 大千臂 & 168 %% 娑訶薩囉室唎沙 &&
sahasra-śīrṣe && 千頭 & 169 && 俱知娑訶薩泥帝隸 && koṭī-sahasra-
netre && 俱胝百千諸眼 %% 【句意】大千臂、千頭、百千俱胝諸眼
%%

महासहस्रभुजे सहस्रशीर्षे कोटीशतसहस्रनेत्रे। & 167 %% ma ha sa ha tát la bōt thu
%% mahā-sahasra-bhuje && Đại Thiên Tý & 168 %% sa ha tát la thát rị sa
&& sahasra-śīrṣe && Thiên Đầu & 169 && câu tri sa ha tát nê để lệ &&
koṭī-sahasra-netre && câu chi bách thiên Chư Nhân %% 【câu /cú ý】 Đại
Thiên Tý、Thiên Đầu、trăm nghìn triệu ức Chư Nhân %%

अभेद्ये ज्वलितातटक महावज्रोदार त्रिभुवनमण्डल।

अभेद्ये ज्वलितातातटक महावज्रोदार त्रिभुवनमण्डल। & 170 %%

阿弊提視婆唎多 %% abhedye jwalitā- && 不毀光輝 & 171 &&
吒吒豐迦 && tāṭaka && 無邊岸 & 172 && 摩訶跋闍嚧陁囉 && mahā-
vajrodāra && 大 %% 金剛殊妙 %% & 16 %&*& & 173 %%
帝唎菩婆那 && tri-bhuwana && 三界 & 174 && 曼荼囉 && maṇḍala
&& 壇場 %%

अभेद्ये ज्वलितातातटक महावज्रोदार त्रिभुवनमण्डल। & 170 %% a tē ḍe thī bà
rị ḍa %% abhedye jwalitā- && bất huỷ Quang Uy & 171 && tra tra anh ca
&& tāṭaka && vô biên ngạn & 172 && ma ha bặt xà rô ḍa la && mahā-
vajrodāra && Đại %% Kim Cương Thù Diệu %%%&*& & 173 %% để rị
bồ bà na && tri-bhuwana && tam giới & 174 && mạn trà la && maṇḍala
&& Đàn Tràng %%

ॐ स्वस्तिर्भवतु मम इमां ममस्य ।

ॐ स्वस्तिर्भवतु मम इमां ममस्य । & 175 && 烏合牛 && om & 176 &&
莎悉帝薄婆都 && swastir-bhawatu && 福佑 請作 & 177 && 麼麼 &&
mama && 我 & 178 %% 印兔麼麼寫(至此句準前稱 %%
名若俗人稱弟子某甲) %% imāṃ mamasya && 此等 我的 %% 【句意】
%% 請福佑於我 及此等我之 (若遭受) %%

ॐ स्वस्तिर्भवतु मम इमां ममस्य । & 175 && An && om & 176 && sa tát dé
bạc bà đô && swastir-bhawatu && phước hữu thỉnh tác & 177 && ma ma
&& mama && ngã & 178 %% 唵 唵 麼 麼 寫 (chí thử câu /cú chuẩn tiền
xung %% danh nhược tục nhân xung đệ tử mỗi giáp) %% imāṃ mamasya
&& thử đấng ngã đích %% 【câu /cú ý】 %% thỉnh phước cho tôi và cho
tất cả mọi chúng sanh (nhược tao thụ) %%

राजभयाश्चोरभया अग्निभया उदकभया विषभयाःश ।
स्र-भयाः परचक्रभया दुर्भिक्षभया अशनिभया अका ।
लमृत्युभया धरणिभूमिकम्पक पात भया उल्कापात भया ।
राजदण्डभया नागभया विद्युद्-भयाः सुपर्णभया । ।

राजभयाश्चोरभया अग्निभया उदकभया विषभयाःश । स्र-भयाः परचक्रभया
दुर्भिक्षभया अशनिभया अका । लमृत्युभया धरणिभूमिकम्पक पात भया उल्कापात
भया । राजदण्डभया नागभया विद्युद्-भयाः सुपर्णभया । ।

& 179 %% 囉闍婆夜 %% rāja-bhayā %% 諸王 難 & 180 && 主囉婆夜
%% ścora-bhayā && 諸賊 難 & 181 && 阿祇尼婆夜 && agni-bhayā &&
諸火 難 & 182 && 烏陀迦婆夜 && udaka-bhayā && 諸水 難 & 183 &&
毗娑婆夜 && wiṣa-bhayā` && 諸毒 難 & 184 && 舍薩多囉婆夜 &&
śastra-bhayā` && 諸刀兵 難 & 185 %% 婆囉斫羯囉婆夜 && paracakra-
bhayā && 諸怨敵 難 & 186 && 突毖叉婆夜 && dur-bhikṣa-bhayā &&

諸飢饉難 & 187 %% 阿舍你婆夜 && aśani-bhayā && 諸雷電難 & 188 && 阿迦囉蜜唎柱婆夜 %% 陶囉尼部彌劍波伽 & 189 %% 波陶婆夜 %% akāla-mṛtyu-bhayā %% dharāṇi-bhūmi-kampa ka-pāta-bhayā %% 諸橫死難 %% 諸大地地震 %% 難 & 190 %% 烏羅迦婆多婆夜 && ulkā-pāta-bhayā && 諸流星崩落難 & 191 && 刺闍壇茶婆夜 && rāja-daṇḍa-bhayā && 諸王刀仗難 & 192 && 那伽婆夜 && nāga-bhayā && 諸龍難 & 193 && 毗條怛婆夜 && widyud-bhayā` && 諸電光難 & 194 && 蘇波囉拏婆夜 %% suparṇa-bhayā && 諸大猛禽難 %%&&%%&&

राजभयाश्चोरभया अग्निभया उदकभया विषभयाःश। स्र-भयाः परचक्रभया

दुर्भिक्षभया अशनिभया अका। लमृत्युभया धरणिभूमिकम्पक पात भया उल्कापात

भया । राजदण्डभया नागभया विद्युद्-भयाः सुपर्णभया। ।

& 179 %% la xà bà dạ %% rāja-bhayā %% chur nạn vua & 180 && chủ la bà dạ %% ścora-bhayā && chur tặc nạn & 181 && a kỳ ni bà dạ && agni-bhayā && chur hoả nạn & 182 && ô ðà ca bà dạ && udaka-bhayā && chur thủy nạn & 183 && tỳ sa bà dạ && wiṣa-bhayā` && chur độc nạn & 184 && xá tát ða la bà dạ && śastra-bhayā` && chur đao binh nạn & 185 %% bà la chức yết la bà dạ && paracakra-bhayā && chur oán địch nạn & 186 && ðột bí xoa bà dạ && dur-bhikṣa-bhayā && chur cơ cấn (thời kỳ ác) nạn & 187 %% a xá nễ bà dạ && aśani-bhayā && chur lôi điện (sấm chớp) nạn & 188 && a ca la mật rị trụ bà dạ %% ðà la ni bộ di kiếm ba già & 189 %% ba ðà bà dạ %% akāla-mṛtyu-bhayā %% dharāṇi-bhūmi-kampa ka-bhayā %% chur hoành tử (bệnh ung thư) nạn %% chur động đất lớn %% nạn & 190 %% ô la ca bà ða bà dạ && ulkā-pāta-bhayā && chur lưu Tinh (Ngôi Sao) băng lạc nạn & 191 && lạt xà ðàn trà bà dạ && rāja-daṇḍa-bhayā && chur nạn đao trượng của vua & 192 && na già bà dạ && nāga-bhayā && chur nạn rồng & 193 && tỳ ðiều ðát bà dạ && widyud-bhayā` && chur điện quang nạn & 194 && tô ba la noa bà dạ %% suparṇa-bhayā && chur nạn chim lớn ác *%%&&

यक्षग्रहा राक्षसग्रहाः प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहा भूतग्रहाः

कुम्भाण्डग्रहाः पूतनग्रहाः कटपूतनग्रहाःस्कन्दग्रहा

अपस्मारग्रहा उन्मदग्रहाश्छायग्रहा रेवतीग्रहाः

यक्षग्रहा राक्षसग्रहाः प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहा भूतग्रहाः कुम्भाण्डग्रहाः पूतनग्रहाः

कटपूतनग्रहाःस्कन्दग्रहा अपस्मारग्रहा उन्मदग्रहा श्छायग्रहा रेवतीग्रहाः ।

& 195 %% 藥叉揭囉訶 %% yakṣa-grahā %% 諸夜叉所持 & 196 &&
囉叉私揭囉訶 && rākṣasa-grahā` && 諸羅刹所持 & 197 &&
畢唎多揭囉訶 && preta-grahā` %% 諸餓鬼所持 & 198 &&
毗舍遮揭囉訶 && piśāca-grahā && 諸毗舍遮所持 & 199 &&
部多揭囉訶 && bhūta-grahā` %% 諸部多所魅 & 200 && 鳩槃荼揭囉訶 &&
&& kumbhāṇḍa-grahā` && 諸鳩槃荼所魅 & 201 && 補丹那揭囉訶 &&
pūtana-grahā` %% 諸富單那所魅 & 202 && 迦吒補丹那揭囉訶 &&
kaṭapūtana-grahā` && 諸迦吒富單那所魅 & 203 && 悉乾度揭囉訶 %%
skanda-grahā && 諸騫陀所魅 & 204 && 阿播悉摩囉揭囉訶 &&
apasmāra-grahā && 諸阿波悉魔羅所魅 & 205 %% 烏檀摩陁揭囉訶 &&
unmada-grahās && 諸醉鬼所魅 & 206 && 車夜揭囉訶 && chāya-grahā
&& 諸陰鬼所魅 & 207 %% 酉益唎婆帝揭囉訶 && revatī-grahā &&
諸黎婆坻所魅 %%

यक्षग्रहा राक्षसग्रहाः प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहा भूतग्रहाः कुम्भाण्डग्रहाः पूतनग्रहाः

कटपूतनग्रहाःस्कन्दग्रहा अपस्मारग्रहा उन्मदग्रहा श्छायग्रहा रेवतीग्रहाः ।

& 195 %% Dược Xoa yết la ha %% yakṣa-grahā %% chư Dạ Xoa sở My &
196 && La xoa tư yết la ha && rākṣasa-grahā` && chư La Sát sở My &
197 && tát rị đa yết la ha && preta-grahā` %% chư quỷ Đói sở My & 198
&& Tỳ Xá Già yết la ha && piśāca-grahā && chư Tỳ Xá Già sở My & 199
&& Bộ Đa yết la ha && bhūta-grahā` %% chư Bộ Đa sở My & 200 &&
Cưu Bàn Trà yết la ha && kumbhāṇḍa-grahā` && chư Cưu Bàn Trà sở My
& 201 && bồ đan na yết la ha && pūtana-grahā` %% chư Phú Đan Na sở
My & 202 && ca tra bồ đan na yết la ha && kaṭapūtana-grahā` && chư Ca
Tra Phú Đan Na sở My & 203 && tát kiên độ yết la ha %% skanda-grahā
&& chư Khiên Đà sở My & 204 && a bá tát ma la yết la ha && apasmāra-
grahā && chư A Ba Tát Ma La sở My & 205 %% ô đàn ma đà yết la ha &&
unmada-grahās && chư Tuý quý sở My & 206 && xa dạ yết la ha &&
chāya-grahā && chư Âm quý sở My & 207 %% hê rị bà đế yết la ha &&
revatī-grahā && chư Lê Bà Trì sở My %%

जाताहारीनं गर्भाहारीनं रुधिराहारीनं मांसाहारीनं
मेदाहारीनं मज्जाहारीनं जाताहारीनीं जीविताहारीनं
पीताहारीनं वान्ताहारीनं अशुच्याहारीनीं चित्ताहा
रीनीं।

जाताहारीनं गर्भाहारीनं रुधिराहारीनं मांसाहारीनं मेदाहारीनं मज्जाहारीनं
जाताहारीनीं जीविताहारीनं पीताहारीनं वान्ताहारीनं अशुच्याहारीनीं चित्ताहा
रीनीं।

& 208 %% 社多訶唎南 && jātâhārīnaṃ && 諸食生鬼 & 209 &&
揭婆訶唎南 %% garbhâhārīnaṃ && 諸食胎鬼 & 210 && 嚙地囉訶唎南
&& rudhirâhārīnaṃ && 諸食血鬼 & 211 && 忙娑訶唎南 %%
māṃsâhārīnaṃ && 諸食肉鬼 & 212 && 謎陁訶唎南 && medâhārīnaṃ
&& 諸食脂鬼 & 213 && 摩闍訶唎南 && majjâhārīnaṃ %% 諸食髓鬼 &
214 && 闍多訶唎女 && jātâhārīnīm && 諸食生鬼 & 215 &&
視比多訶唎南 && jīvitâhārīnaṃ && 諸食命鬼 & 18 %&*% & 216 %%
毗多訶唎南 && pītâhārīnaṃ && 諸食飲鬼 & 217 && 婆多訶唎南 &&
wântâhārīnaṃ && 諸食吐鬼 & 218 && 阿輸遮訶唎女 %% aśucyâhārīnīm
&& 諸食不淨物鬼 & 219 && 質多訶唎女 && citâhārīnīm && 諸食心鬼
%%

जाताहारीनं गर्भाहारीनं रुधिराहारीनं मांसाहारीनं मेदाहारीनं मज्जाहारीनं
जाताहारीनीं जीविताहारीनं पीताहारीनं वान्ताहारीनं अशुच्याहारीनीं चित्ताहा
रीनीं।

& 208 %% xā da ha ri nām && jātâhārīnaṃ && chur quý ăn sự sòng & 209
&& yét bà ha ri nam %% garbhâhārīnaṃ && chur quý ăn bào thai & 210
&& rô đia la ha ri nām && rudhirâhārīnaṃ && chur quý ăn máu & 211 &&
mang sa ha ri nām %% māṃsâhārīnaṃ && chur quý ăn thịt & 212 && mê
dà ha ri nām && medâhārīnaṃ && chur quý ăn tay chân & 213 && ma xà
ha ri nām && majjâhārīnaṃ %% chur quý ăn tuỷ & 214 && xà da ha ri nũ

&& jātâhārīnīm && chur thực (ăn) sinh quý & 215 && thị tử đa ha rị nẫm
&& jīwitâhārīnaṃ && chur thực (ăn) mệnh quý & *%& 216 %% tỳ đa ha rị
nẫm && pītâhārīnaṃ && chur thực (ăn) âm quý & 217 && bà đa ha rị nẫm
&& wāntâhārīnaṃ && chur thực (ăn) thổ quý & 218 && a thâu già ha rị nữ
%% aśucyâhārīnīm && chur thực (ăn) bất tịnh vật quý & 219 && chất đa ha
rị nữ && citâhārīnīm && chur thực (ăn) tâm quý %%

तेषांसर्वेषां सर्वग्रहाणां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

तेषांसर्वेषां सर्वग्रहाणां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 220 %% 帝鈇薩鞞鈇

&& teṣāṃ sarweṣāṃ && 如是一切等 & 221 && 薩婆揭囉訶南 &&
sarwa grahāṇāṃ && 一切 %% 諸鬼魅衆 & 222 && 毗陁耶闍瞋陀夜彌
&& widyāṃ chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 & 223 && 雞羅夜彌
&& kīlayāmi %% 悉使釘住 %%

तेषांसर्वेषां सर्वग्रहाणां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 220 %% đế sam tát bê

%% sam && teṣāṃ sarweṣāṃ && như thị nhất thiết đấng & 221 && tát bà yết la
ha nam && sarwa grahāṇāṃ && nhất thiết %% chur quý Mỹ chúng & 222
&& tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyāṃ chindayāmi && Chú thuật ngã
kim tất sử đoạn trừ & 223 && kê la dạ di && kīlayāmi %% tất sử đình trú
%%

परिव्राजककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

परिव्राजककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 224 %% 波唎跋囉者迦訖唎擔

%% pari-wrājaka kṛtām %% 波立婆外道 所造 & 225 &&
毗陁耶闍瞋陀夜彌 && widyāṃ chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 &
226 && 雞羅夜彌 %% kīlayāmi && 悉使釘住 %%

परिव्राजककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 224 %% ba rị bạt la giả ca khát

%% rị đảm %% pari-wrājaka kṛtām %% Ba Lập Bà ngoại đạo sở tạo & 225 &&
tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyāṃ chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất
sử đoạn trừ & 226 && kê la dạ di %% kīlayāmi && tất sử đình trú %%

डाकिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

डाकिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 227 %% 茶演尼訖唎擔 &&
dākinī kṛtām && 食人肉女鬼 所造 & 228 && 毗陀耶闍瞋陀夜彌 &&
widyām chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 & 229 && 雞羅夜彌 &&
kīlayāmi && 悉使釘住 %%

डाकिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 227 %% trà diễn ni khát rị đảm
&& dākinī kṛtām && thực (ăn) nhân nhục nữ quỷ sở tạo & 228 && tỳ đà da
xà sân đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn
trừ & 229 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đinh trú %%

महापशुपतिरुद्रकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

महापशुपतिरुद्रकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 230 %% 摩訶般輸般怛夜
%% mahā-paśupati- && 大獸主 & 231 && 嚧陀囉訖唎擔 && rudra
kṛtām && 嚧捺羅天 (濕婆神) 所造 & 232 && 毗陀耶闍瞋陀夜彌 &&
widyām chindayāmi && 呪術 %% 我今悉使斷除 & 233 && 雞羅夜彌
&& kīlayāmi && 悉使釘住 %%

महापशुपतिरुद्रकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 230 %% ma ha bát thâu bát
đát dạ %% mahā-paśupati- && đại thú chủ & 231 && Rô đà la khát rị đảm
&& rudra kṛtām && Lỗ Nại La Thiên (Thập Bà Thân) sở tạo & 232 &&
tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật %% ngã
kim tất sử đoạn trừ & 233 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đinh trú
%%

नारायणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

नारायणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 234 && 那囉夜拏訖唎擔 %%
nārāyaṇa kṛtām %% 那羅延天 (毗濕奴神) 所 %% 造 & 235 &&
毗陀耶闍瞋陀夜彌 && widyām chindayāmi && 呪術 %% 我今悉使斷除
& 236 && 雞羅夜彌 && kīlayāmi && 悉使釘住 %%

नारायणकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 234 && na la da noa khât ri đãm
%% nārāyaṇa kṛtām %% Na La Diên Thiên (Tỳ Thấp Nô thần) sở %%
tạo & 235 && tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú
thuật %% ngã kim tất sử đoạn trừ & 236 && kê la dạ di && kīlayāmi &&
tất sử đĩnh trú %%

तत्त्वगरुडकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

तत्त्वगरुडकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 237 %% 怛埵伽嚧茶西訖唎擔
%% tattwa-garūḍa kṛtām && 真實 迦樓羅鳥 所造 & 19 %&*& & 238 %%
毗陁耶闍瞋陁夜彌 %% widyām chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 &
239 && 雞羅夜彌 && kīlayāmi && 悉使釘住 %%

तत्त्वगरुडकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 237 %% đát đóa già rô trà tây
khât ri đãm %% tattwa-garūḍa kṛtām && Chân Thực Ca Lâu La điều sở tạo
&%&*& & 238 %% tỳ đà da xà sân đà dạ di %% widyām chindayāmi &&
Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ & 239 && kê la dạ di && kīlayāmi &&
tất sử đĩnh trú %%

महाकाल मातृगणकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

महाकाल मातृगणकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। %%

摩訶迦羅摩怛唎伽拏 & 240 %% 訖唎擔 %% mahā-kāla mātṛ-gaṇa && 大
黑天 鬼母 衆 %% kṛtām && 所造 & 241 && 毗陁耶闍瞋陁夜彌 &&
widyām chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 & 242 && 雞羅夜彌 &&
kīlayāmi && 悉使釘住 %%

महाकाल मातृगणकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। %% ma ha ca la ma đát ri
già noa & 240 %% khât ri đãm %% mahā-kāla mātṛ-gaṇa && Đại Hắc
Thiên Quỷ Mẫu chúng %% kṛtām && sở tạo & 241 && tỳ đà da xà sân đà
dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ & 242
&& kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đĩnh trú %%

कापालिककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

कापालिककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 243 %% 迦波喇迦訖喇擔 %%
kāpālika kṛtām && 骷髏外道 所造 & 244 %% 毗陀耶闍瞋陀夜彌 &&
widyām chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 & 245 && 雞羅夜彌 &&
kīlayāmi && 悉使釘住 %%

कापालिककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 243 %% ca ba ri ca khāt ri đăm
%% kāpālika kṛtām && Khô Lâu ngoài đạo sở tạo & 244 %% tỳ đà da xà
sân đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ
& 245 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đinh trú %%

जयकरमधुकर सर्वार्थसाधककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

जयकरमधुकर सर्वार्थसाधककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 246 %% & 247
%% 闍耶羯囉摩度羯囉 薩婆囉他娑達那 %% 訖喇擔 %% jayakara-
madhukara %% sarwārtha-sādhaka kṛtām %% 勝作 蜜作 (作勝 作蜜)
諸事業 成辦者 %% 所造 & 248 %% 毗陀耶闍瞋陀夜彌 && widyām
chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 & 249 && 雞羅夜彌 && kīlayāmi
&& 悉使釘住 %%

जयकरमधुकर सर्वार्थसाधककृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 246 %% & 247
%% xà gia yét la ma độ yét la tát bà la tha sa đạt na %% khāt ri đăm %%
jayakara-madhukara %% sarwārtha-sādhaka kṛtām %% Thắng tác Mật tác
(tác Thắng tác Mật) chư sự nghiệp thành biện giả %% sở tạo & 248 %%
tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất
sử đoạn trừ & 249 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đinh trú %%

चतुर्भगिनीकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

चतुर्भगिनीकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 250 %% 赭咄囉婆耆你訖喇擔
%% catur-bhaginī kṛtām && 四 姊妹 所造 & 251 && 毗陀耶闍瞋陀夜彌
&& widyām chindayā mi && 呪術 我今悉使斷除 & 252 && 雞羅夜彌
&& kīlayāmi && 悉使釘住 %%

चतुर्भगिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 250 &%%%*& giả đót ra bà kỳ
nễ khát rị đảm %% catur-bhaginī kṛtām && Tứ Tỷ Muội sở tạo & 251 &&
tỳ đà da xà sần đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất
sử đoạn trừ & 252 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đĩnh trú %%

शृङ्गिरिटिनन्दिकेश्वर गणपतिसहीयायकृतां विद्यां छि
न्दयामि कीलयामि।

शृङ्गिरिटिनन्दिकेश्वर गणपतिसहीयायकृतां विद्यां छि न्दयामि कीलयामि।

& 253 %% 毗唎羊訖唎知 && bhṛṅgiriṭi && 大自在天隨從 & 254 &&
難陁雞沙囉伽拏般帝 && nandikeśwara gaṇapati && 歡喜自在天衆主 &
& 255 && 索酉益夜訖唎擔 && sahīyāya kṛtām %% 眷屬所造 & 256 &&
毗陁耶闍瞋陁夜彌 && widyām chindayāmi && 呪術我今悉使斷除
%%&*& & 257 %% 雞羅夜彌 && kīlayāmi && 悉使釘住 %%

शृङ्गिरिटिनन्दिकेश्वर गणपतिसहीयायकृतां विद्यां छि न्दयामि कीलयामि।

& 253 %% tỳ rị dương khát rị tri && bhṛṅgiriṭi && Đại Tự Tại Thiên tùy
tùng & 254 && nan đà kê sa ra già noa bát đế && nandikeśwara gaṇapati
&& Hoan Hỷ Tự Tại Thiên chúng chủ & 255 && sách hê dạ khát rị đảm
&& sahīyāya kṛtām %% quyền thuộc sở tạo & 256 && tỳ đà da xà sần đà dạ
di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ
%%&*& & 257 %% kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đĩnh trú %%

नग्नश्रमणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

नग्नश्रमणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि। & 258 &&

那揭那舍囉婆拏訖唎擔 %% nagna-śramaṇa kṛtām %% 裸形無衣 %%
苦行外道所 %% 造 & 259 && 毗陁耶闍瞋陁夜彌 && widyām
chindayāmi && 呪術我今悉使斷除 & 260 && 雞羅夜彌 %% kīlayāmi
&& 悉使釘住 %%

नग्नश्रमणकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 258 && na yét na xá la bà noa
khát rị đảm %% nagna-śramaṇa kṛtām %% ở trần ở truồng %% Khổ Hành
ngoại đạo sở tạo & 259 && tỳ đà da xà sân đà dạ di && widyām
chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ & 260 && kê la dạ di
%% kīlayāmi && tất sử đĩnh trú %%

अर्हन्तकृत विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

अर्हन्तकृत विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। %% 阿囉漢訖唎擔毗陁耶 & 261
%% 闍瞋陁夜彌 %% arhanta kṛtām widyām chindayāmi %%
(外道) 阿羅漢所造呪術我今悉使斷除 & 262 && 雞羅夜彌 &&
kīlayāmi %% 悉使釘住 %%

अर्हन्तकृत विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। %% A La Hán khát rị đảm tỳ đà da &
261 %% xà sân đà dạ di %% arhanta kṛtām widyām chindayāmi %%
(ngoại đạo) A La Hán sở tạo Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ & 262 &&
kê la dạ di && kīlayāmi %% tất sử đĩnh trú %%

वीतरागकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि।

वीतरागकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 263 %% & 264 %%

毗多囉伽訖唎擔 %% 毗陁耶闍瞋陁夜彌 雞羅夜彌 %% wīta-rāga kṛtām
&& (外道) 離欲所造 %% widyām chindayāmi && 呪術我今悉使斷除
%% kīlayāmi && 悉使釘住 %%

वीतरागकृतां विद्यां छिन्द्यामि कीलयामि। & 263 %% & 264 %% tỳ đà la già
khát rị đảm %% tỳ đà da xà sân đà dạ di kê la dạ di %% wīta-rāga kṛtām
&& (ngoại đạo) Ly Dục sở tạo %% widyām chindayāmi && Chú thuật
ngã kim tất sử đoạn trừ %% kīlayāmi && tất sử đĩnh trú %%

वज्रपाणिगुह्यगुह्यकाधिपतिकृतां विद्यां छिन्द्यामि की लयामि।

वज्रपाणिगुह्यगुह्यकाधिपतिकृतां विद्यां छिन्द्यामि की ल्यामि।। & 265 %%

跋闍囉波你 && wajrapāṇi && (外道) 執金剛神 & 266 &&
具酉益夜具酉益夜 && guhya-guhya- && 秘密- & 267 &&
迦地般帝訖唎擔 && kādhipati kṛtām && 主 所造 & 268 %%
毗陁耶闍瞋陁夜彌 && widyām chindayāmi && 呪術 我今悉使斷除 &
269 && 雞羅夜彌 && kīlayāmi && 悉使釘住 %%

वज्रपाणिगुह्यगुह्यकाधिपतिकृतां विद्यां छिन्द्यामि की ल्यामि।। & 265 %% bat xà

la ba nễ && wajrapāṇi && (ngoại đạo) Chấp Kim Cương thần & 266 &&
cụ hê dạ cụ hê dạ && guhya-guhya- && Bí Mật - & 267 && ca địa bát đế
khất rị đảm && kādhipati kṛtām && chủ sở tạo & 268 %% tỳ đà da xà sân
đà dạ di && widyām chindayāmi && Chú thuật ngã kim tất sử đoạn trừ &
269 && kê la dạ di && kīlayāmi && tất sử đình trú %%

रक्ष मां भगवन् इमां ममस्य।

रक्ष मां भगवन् इमां ममस्य। & 270 %% 囉叉罔 && rakṣa mām && 守護 我
& 271 %%& 272 %% 婆伽梵 %% 印兔那麼麼寫(至此依前 %%
稱弟子名) %% bhagawan && 世尊 %% imān mamasya && 如是我、彼
%% 【句意】 願守護我呀，世尊呀，如是我某某或彼某某 %%

रक्ष मां भगवन् इमां ममस्य। & 270 %% la xoa vông && rakṣa mām && thủ
hộ ngã & 271 %%& 272 %% bà già phạm %% ấn thổ na ma ma tả (chí thử
y tiền %% xung đệ tử danh) %% bhagawan && Thế Tôn %% imān
mamasya && như thị ngã、bỉ %% 【câu /cú ý】 nguyện thủ hộ ngã nha,
Thế Tôn nha, như thị ngã mỗ mỗ hoặc bỉ mỗ mỗ %%

भगवान् सितातपत्रं नमोऽस्तुते।

भगवान् सितातपत्रं नमोऽस्तुते। & 273 %% 婆伽梵 && bhagawān && 世尊
& %& *% & 274 %%% 薩怛多般怛囉 && sitātapatram && 白傘蓋 & 275
&& 南無粹都帝 && namo'stute && 我敬禮稱讚 %%

भगवान् सितातपत्रं नमोऽस्तुते। & 273 %% bà già phạm && bhagawān &&
Thế Tôn &*& 274 %%% tát đát đa bát đát la && sitâtapatram &&
Bạch Tản Cái & 275 && Nam mô tuý đô đế && namo astute && ngã kính
lễ xung tán %%

असितानलार्कप्रभास्फुट-विकसितातपत्रे।

असितानलार्कप्रभास्फुट-विकसितातपत्रे। & 276 %% 阿悉多那羅刺迦 %%
asitā-nalārka && 火 甘露火 日光 & 277 && 波囉婆悉普吒 %% prabhā
sphuṭa && 放光 普照 & 278 && & 毗迦薩怛多鉢帝唎 && wika
sitâtapatre && 開展 白傘蓋 %%

असितानलार्कप्रभास्फुट-विकसितातपत्रे। & 276 %% a tát đa na la lạt ca %%
asitā-nalārka && hoá cam lộ, hoá nhật quang & 277 && ba la bà tát phổ tra
%% prabhā sphuṭa && phóng quang phổ chiếu & 278 &&& tỳ ca tát đát đa
bát đế rị && wika sitâtapatre && khai triển Bạch Tản Cái %%

ज्वल २ दर २ विदर २ छिन्द २ हूँ हूँ फट् फट् फट् फट् फट् स्वाहा।

ज्वल २ दर २ विदर २ छिन्द २ हूँ हूँ फट् फट् फट् फट् फट् स्वाहा।। & 279 %%
什佛羅 什佛羅 %% jwala jwala && 光明 熾盛 & 280 && 陀囉陀囉 %%
頻陀囉頻陀囉 & 281 %% 瞋陀瞋陀 %% dara dara && 摧破 裂開 %% wi-
dara wi-dara && 摧破 裂開 %% chinda %% chinda && 切斷 斷裂 & 282
&& 虎合牛 && hūṃ & 283 && 虎合牛 && hūṃ & 284 && 泮吒 &&
phaṭ & 285 %% 泮吒泮吒泮吒泮吒 && phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ & 286 &&
娑訶 && swāhā && 成就圓滿 %%

ज्वल २ दर २ विदर २ छिन्द २ हूँ हूँ फट् फट् फट् फट् फट् स्वाहा।। & 279 %%
thập Phật la thập Phật la %% jwala jwala && quang minh xí thịnh & 280
&& đà la đà la %% tần đà la tần đà la & 281 %% sân đà sân đà %% dara
dara && thôi phá liệt khai %% wi-dara wi-dara && thôi phá liệt khai %%
chinda %% chinda && thiết đoạn đoạn liệt & 282 && hô hồng && hūṃ &

283 && hô hong && hūṃ & 284 && phán tra && phaṭ & 285 %% phán tra
phán tra phán tra phán tra && phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ & 286 && sa ha &&
swāhā && thành tựu viên mãn %%

हेहे फट् । अमोघाय फट् । अप्रतिहत फट् । वरप्रदफट् ।

हेहे फट् । अमोघाय फट् । अप्रतिहत फट् । वरप्रदफट् । & 287 && 酉益酉益泮
&& hehe phaṭ && 善來 善來 & 288 && 阿牟迦耶泮 && amoghāya phaṭ
&& 不空 & 289 %% 阿婆囉提訶多泮 && apratihata phaṭ && 無礙 & 290
&& 婆囉波囉陁泮 && wara-prada phaṭ && 與願 %%

हेहे फट् । अमोघाय फट् । अप्रतिहत फट् । वरप्रदफट् । & 287 && hê hê phán
&& hehe phaṭ && thiện lai thiện lai & 288 && a muu ca da phán &&
amoghāya phaṭ && bất không & 289 %% a bà la đề ha đa phán &&
apratihata phaṭ && vô ngại & 290 && bà la ba la đà phán && wara-prada
phaṭ && dĩ nguyện %%

असुरविद्रपक फट् । सर्वदेवेभ्यःफट् । सर्वनागेभ्यःफट् ।
सर्वयक्षेभ्यःफट् । सर्वगन्धर्वेभ्यःफट् । सर्वपूतनेभ्यःफ
ट् । कटपूतनेभ्यःफट् ।

असुरविद्रपक फट् । सर्वदेवेभ्यःफट् । सर्वनागेभ्यःफट् ।

सर्वयक्षेभ्यःफट् । सर्वगन्धर्वेभ्यःफट् । सर्वपूतनेभ्यःफट् । कटपूतनेभ्यःफट् ।

& 291 %% 阿素囉毗陁囉波迦泮 %% asura widrapaka phaṭ && 阿修羅
切裂 & 292 && 薩婆提鞞弊泮 && sarwadewebhya` phaṭ && 一切諸天衆
& 293 %% 薩婆那伽弊泮 && sarwanāgebhya` phaṭ. && 一切諸龍衆 %%
& %% & 294 %% & 295 %% 薩婆藥叉弊泮 %% 薩婆乾闥婆弊泮 %%
sarwayakṣebhya` phaṭ %% sarwagandharwebhya` %% phaṭ %%
一切夜叉衆 %% 一切諸乾闥婆衆 & 296 && 薩婆補丹那弊泮 && sarwa
%% pūtanebhya` phaṭ && 一切諸富單那衆 & 297 && 迦吒補丹泥弊泮
&& kaṭa pūtanebhya` phaṭ && 一切諸迦吒富單那衆 %%

असुरविद्रपक फट्। सर्वदेवेभ्यःफट्। सर्वनागेभ्यःफट्।

सर्वयक्षेभ्यःफट्। सर्वगन्धर्वेभ्यःफट्। सर्वपूतनेभ्यःफट्। कटपूतनेभ्यःफट्।

& 291 %% a tô la tỳ ðà la ba ca phán %% asura widrapaka phat && A Tu La thiết liệt & 292 && tát bà ðề bệ tề phán && sarwadewebhya` phat && nhất thiết chư Thiên chúng & 293 %% tát bà na già tề phán && sarwanāgebhya` phat. && nhất thiết chư Long chúng %% && *% & 294 %%& 295 %% tát bà Dược Xoa tề phán %% tát bà Càn Thát Bà tề phán %% sarwayakṣebhya` phat %% sarwagandharwebhya` %% phat %% nhất thiết Dạ Xoa chúng %% nhất thiết chư Càn Thát Bà chúng & 296 && tát bà bồ ðan na tề phán && sarwa %% pūtanebhya` phat && nhất thiết chư Phú Ðan Na chúng & 297 && ca tra bồ ðan nê tề phán && kaṭa pūtanebhya` phat && nhất thiết chư Ca Tra Phú Ðan Na chúng %%

सर्वदुर्लङ्घितेभ्यःफट्। सर्वदुष्प्रेक्षितेभ्यःफट्। सर्वज्वरे
भ्यःफट्। सर्वअपस्मारेभ्यःफट्।

सर्वदुर्लङ्घितेभ्यःफट्। सर्वदुष्प्रेक्षितेभ्यःफट्। सर्वज्वरे

भ्यःफट्। सर्वअपस्मारेभ्यःफट्। & 298 && 薩婆突狼枳帝弊泮 %% & 299 && 薩婆突比犁瑟帝弊泮 & 300 %% 薩婆什婆犁弊泮 & 301 && 薩婆阿播悉摩犁弊泮 %% sarwa dur-laṅghite bhya` phat %% sarwa duṣprekṣite bhya` %% phat. %% sarwajwarebhya` phat %% sarwa apasmārebhya` %% phat %% 一切諸謨想過衆 %% 一切諸懊見過衆 %% 一切諸瘟疫衆 %% 一切諸阿波悉魔羅衆 %%

सर्वदुर्लङ्घितेभ्यःफट्। सर्वदुष्प्रेक्षितेभ्यःफट्। सर्वज्वरे

भ्यःफट्। सर्वअपस्मारेभ्यःफट्। & 298 && tát bà ðột lang chỉ ðề tề phán %% & 299 && tát bà ðột sáp tỳ ly hất sất ðề tề phán & 300 %% tát bà thập bà ly tề phán & 301 && tát bà a bá tát ma lê tề phán %% sarwa dur-laṅghite bhya` phat %% sarwa duṣprekṣite bhya` %% phat. %% sarwajwarebhya` phat %% sarwa apasmārebhya` %% phat %% nhất thiết chư Ngộ Tướng

Quá chúng %% nhất thiết chư Áo Kiến Quá chúng %% nhất thiết chư ôn
dịch chúng %% nhất thiết chư A Ba Tát Ma La chúng %%

सर्वश्रमणेभ्यःफट् । सर्वतीर्थिकेभ्यःफट् । सर्वउन्मदके
भ्यःफट् ।

सर्वश्रमणेभ्यःफट् । सर्वतीर्थिकेभ्यःफट् । सर्वधर्मा ढक्का भ्यःफट् । & 302 %%

薩婆舍囉婆拏弊泮 & 303 && 薩婆地帝雞弊泮 & 304 &&

薩婆怛摩陁繼弊泮 %% sarwa śramaṇebhya` phaṭ %% sarwa %%

tīrthikebhya` phaṭ sarwa dharmā dhakke %% bhya` phaṭ %% 一切諸苦行衆
%% && 一切諸外道師衆 %% 一切諸醉鬼衆 %%

सर्वश्रमणेभ्यःफट् । सर्वतीर्थिकेभ्यःफट् । सर्वधर्मा ढक्का भ्यःफट् । & 302 %% tát bà

xá la bà noa tē phán & 303 && tát bà địa đế kê tē phán & 304 && tát bà đát
ma đà kê tē phán %% sarwa śramaṇebhya` phaṭ %% sarwa %%

tīrthikebhya` phaṭ sarwa dharmā dhakke %% bhya` phaṭ %% nhất thiết chư
Khổ Hành chúng %% && nhất thiết chư ngoại Đạo Sư chúng %% nhất thiết
chư Tuý quý chúng %%

सर्वविद्याराजाचार्येभ्यःफट् । जयकर-मधुकरसर्वार्थसा
धकेभ्यःफट् । विद्याचार्येभ्यःफट् । चतुर्भगिनीभ्यःफट् ।
वज्रकौमारी विद्याराजेभ्यःफट् ।

सर्वविद्याराजाचार्येभ्यःफट् । जयकर-मधुकरसर्वार्थसा

धकेभ्यःफट् । विद्याचार्येभ्यःफट् । चतुर्भगिनीभ्यःफट् ।

वज्रकौमारी विद्याराजेभ्यःफट् । %% 薩婆毗陁耶囉誓遮犁 & 305 %% 弊泮

%% sarwa vidyā-rājācārye %% 一切諸呪王師衆 %% bhya` phaṭ & 306

&& 闍夜羯囉摩度羯囉 & 307 %% 薩婆囉他娑陁雞弊泮 %% jayakara-
madhukara sarwārtha-sādhake bhya` phaṭ %% 作勝 作蜜 %%

成辦諸事業者衆 & 308 && 毗地夜遮唎弊泮 && widyâcāryebhya` phat
&& 諸呪師衆 & 309 && 者都囉南縛耆你弊泮 %% catur-bhaginībhya`
phat && 四姐妹女天衆 & 310 && 跋闍囉俱摩唎 && wajra-kaumārī &&
金剛 嬌魔哩 & *%& 311 %% 毗陁夜囉誓弊泮 %% widyārājebhya` phat
&& 呪王衆 %%

सर्वविद्याराजाचार्येभ्यःफट्। जयकर-मधुकरसर्वार्थसा

धकेभ्यःफट्। विद्याचार्येभ्यःफट्। चतुर्भगिनीभ्यःफट्।

वज्रकौमारी विद्याराजेभ्यःफट्। %% tát bà tỳ ðà da la thệ già lê & 305 %% tề
phán %% sarwa widyā-rājâcārye %% nhất thiết chư Chú Vương Sư chúng
%% bhya` phat & 306 && xà ðạ yết la ma ðộ yết la & 307 %% tát bà la tha
sa ðà kê tề phán %% jayakara-madhukara sarwārtha-sādhake bhya` phat
%% tác Thăng tác Mật %% Thành Biện chư Sự Nghiệp Giả chúng & 308
&& tỳ ðịa ðạ già rị tề phán && widyâcāryebhya` phat && chư Chú Sư
chúng & 309 && giả ðô la nam phược kỳ nề tề phán %% catur-
bhaginībhya` phat && Tứ Thư Muội Nữ Thiên chúng & 310 && bặt xà la
câu ma rị && wajra-kaumārī && Kim Cương Kiều Ma Ly %& *%& 311
%% tỳ ðà ðạ la thệ tề phán %% widyārājebhya` phat && Chú Vương chúng
%%

महाप्रत्यङ्गिरेभ्यःफट्। वज्रशंकलाय प्रत्यङ्गिराजाय
फट्।

महाप्रत्यङ्गिरेभ्यःफट्। वज्रशंकलाय प्रत्यङ्गिराजाय फट्। & 312 &&

摩訶波囉丁羊耆唎弊泮 %% mahā-pratyaṅgirebhya` phat. %%
大甚能調伏衆 & 313 && 跋闍囉商羯羅夜 && wajra-śaṃkalāya && 金剛
鎖 & 314 && 波囉丈耆囉闍耶泮 && pratyaṅgira-rājāya phat &&
甚能調伏 王 %%

महाप्रत्यङ्गिरेभ्यःफट्। वज्रशंकलाय प्रत्यङ्गिराजाय फट्। & 312 && ma ha ba la
đinh dương xoa kỳ rị tề phán %% mahā-pratyaṅgirebhya` phat. %% Đại
Thậm Năng Điều Phục chúng & 313 && bặt xà la thương yết la ðạ &&

wajra-saṃkalāya && Kim Cương Toả & 314 && ba la trượng kỳ la xà da
phán && pratyaṅgira-rājāya phaṭ && Thập Năng Điều Phục Vương %%

महाकालाय महामातृगण नमस्कृताय फट्। विष्णवीये
फट्। ब्रह्मणीये फट्। अग्नीये फट्। महाकालीये फट्।
कालदण्डीये फट्। मात्रीये फट्। रौद्रीये फट्। चामुण्डी
ये फट्। कालारात्रीये फट्। कापालीयेफट्। अधिमुक्तक
श्मशान वासिनीये फट्।

महाकालाय महामातृगण नमस्कृताय फट्। विष्णवीये फट्। ब्रह्मणीये फट्। अग्नीये
फट्। महाकालीये फट्। कालदण्डीये फट्। मात्रीये फट्। रौद्रीये फट्। चामुण्डी ये
फट्। कालारात्रीये फट्। कापालीयेफट्। अधिमुक्तक श्मशान वासिनीये फट्।

& 315 %% 摩訶迦羅夜 %% mahākālāya %% 大黑天 & 316 &&
摩訶末怛唎迦拏 && mahā māṭṛ-gaṇa && 大鬼母衆眷屬 & 317 %%
南無娑羯唎多夜泮 && namas-kṛtāya phaṭ && 作禮敬 & 318 &&
毖瑟拏婢曳泮 && wiṣṇawīye phaṭ && 吠紐天妃 & 319 %%
勃囉訶牟尼曳泮 && brahmaṇīye phaṭ && 梵天妃 & 320 && 阿耆尼曳泮
&& agnīye phaṭ && 火天妃 & 321 && 摩訶羯唎曳泮 %% mahā-kālīye
phaṭ && 大黑天妃 & 322 && 羯羅檀遲曳泮 && kāla-daṇḍīye phaṭ &&
死天妃 & 323 && 蔑怛唎曳泮 && mātṛīye phaṭ %%&& 里神妃 & 324
&& 嚙怛唎曳泮 && raudrīye phaṭ && 自在天妃 & 325 && 遮文荼曳泮
&& cāmuṇḍīye phaṭ %% 左閻拏天妃 & 326 && 羯邏囉怛唎曳泮 &&
kāla-rātrīye phaṭ. && 黑夜天妃 & 327 && 迦般唎曳泮 && kāpālīye %%
phaṭ && 骷髏外道女 & 328 && 阿地目質多迦尸摩舍那 && adhi-
muktaka śmaśāna && 樂 墓塚 & 329 && 婆私你曳泮 %% wāsiniye phaṭ
&& 居住鬼母 %%

महाकालाय महामातृगण नमस्कृताय फट्। विष्णवीये फट्। ब्रह्मणीये फट्। अग्नीये
फट्। महाकालीये फट्। कालदण्डीये फट्। मात्रीये फट्। रौद्रीये फट्। चामुण्डी ये
फट्। कालारात्रीये फट्। कापालीयेफट्। अधिमुक्तक श्मशान वासिनीये फट्।

& 315 %% ma ha ca la da %% mahākālāya %% Đại Hắc Thiên & 316 &&
ma ha maṭ đát rị ca noa && mahā māṭṛ-gaṇa && Đại Quỷ Mẫu chúng
quyển thuộc & 317 %% Nam mô sa yết rị đa dạ phán && namas-kṛtāya phaṭ &&
&& tác lễ kính & 318 && bí sắt noa tỳ duệ phán && wiṣṇawīye phaṭ &&
Phệ Nữ Thiên Phi & 319 %% bôl la ha mầu ni duệ phán && brahmaṇīye
phaṭ && Phạm Thiên Phi & 320 && a kỳ ni duệ phán && agnīye phaṭ &&
Hoả Thiên Phi & 321 && ma ha yết rị duệ phán %% mahā-kālīye phaṭ &&
Đại Hắc Thiên Phi & 322 && yết la đàn trì duệ phán && kāla-daṇḍīye phaṭ
&& Tử Thiên Phi & 323 && miệt đát rị duệ phán && mātrīye phaṭ %%&&
Lượng Thần Phi & 324 && lạo đát rị duệ phán && raudrīye phaṭ && Tụ
Tạ Thiên Phi & 325 && già vãn trà duệ phán && cāmuṇḍīye phaṭ %% Tả
Muộn Noa Thiên Phi & 326 && yết la la đát rị duệ phán && kālā-rātrīye
phaṭ. && Hắc Dạ Thiên Phi & 327 && ca bát rị duệ phán && kāpālīye %%
phaṭ && Khô Lâu ngoại đạo nữ & 328 && a địa mục chát đa ca thi ma xá
na && adhi-muktaka śmaśāna && Lạc Mộ chủng & 329 && bà tư nễ duệ
phán %% wāsinīye phaṭ && cư trú Quỷ Mẫu %%

येके चिन्सत्त्वास्य मम इमां ममस्य दुष्टचित्ता अमैत्र
चित्ता

येके चिन्सत्त्वास्य मम इमां ममस्य दुष्टचित्ता अमैत्र चित्ता। & 330 %% 演吉質
&& ye ke-cin && 若心 & 331 && 薩埵婆寫 && sattwāsyā && 衆生 &
332 %% 麼麼印兔麼麼寫 (至 %% 此句依前稱弟子某人) %% mama
imān mamasya && 於我此等我的 & 333 && 突瑟吒質多 %% duṣṭa-cittā
&& 惡心 & 334 && 阿末怛唎質多 && amaitra-cittā && 無慈心 %%
【句意】若有衆生於我有惡心、無慈心。 %%

येके चिन्सत्त्वास्य मम इमां ममस्य दुष्टचित्ता अमैत्र चित्ता। & 330 %% diễn cát
chát && ye ke-cin && nhược tâm & 331 && tát đoá bà tả && sattwāsyā
&& chúng sinh & 332 %% ma ma ấn thổ ma ma tả (chí %% thử câu /cú y

tiền xung đê tử mỗ nhân) %% mama imān mamasya && u ngā thữ đấng
ngã đích & 333 && đột sắt tra chất đa %% duṣṭa-cittā && ác tâm & 334
&& a mặt đất rị chất đa && amaitra-cittā && vô từ tâm %% 【câu /cú
ý】 nhược hữu chúng sinh u ngā hữu ác tâm 、 vô từ tâm. %%

ओजाहारा गर्भाहारा रुधिराहारा वसाहारा मज्जाहारा
जाताहारा जीविताहारा माल्याहारा गन्धाहाराःपुष्पा
हाराः फलाहाराः सस्याहाराः

ओजाहारा गर्भाहारा रुधिराहारा वसाहारा मज्जाहारा

जाताहारा जीविताहारा माल्याहारा गन्धाहाराःपुष्पा

हाराः फलाहाराः सस्याहाराः। & 335 %% 烏闍訶囉 %% oḷā-hārā %%

食精氣 鬼衆 & 336 && 伽婆訶囉 && garbhā-hārā && 食胎 鬼衆 & 337
&& 嚧地囉訶囉 && rudhirā-hārā %% 食血 鬼衆 & 338 && 娑娑訶囉
&& wasā-hārā && 食膏 鬼衆 & 339 && 摩闍訶囉 && majjā-hārā &&
食髓 鬼衆 & 340 %% 闍多訶囉 && jātā-hārā &&
食生 (子息、胎兒) 鬼衆 & 341 && 視毖多訶囉 && jīwitā-hārā &&
食命 鬼衆 & 342 && 跋略夜訶囉 %% mālyā-hārā && 食鬘 鬼衆 & 343
&& 乾陁訶囉 && gandhā-hārā` && 食香 鬼衆 & 344 && 布史波訶囉
&& puṣpā-hārā` %% 食花 鬼衆 & 345 && 頗羅訶囉 && phalā-hārā` &&
食果 鬼衆 & 346 && 娑寫訶囉 && sasyā-hārā` && 食苗稼 鬼衆 %%

ओजाहारा गर्भाहारा रुधिराहारा वसाहारा मज्जाहारा

जाताहारा जीविताहारा माल्याहारा गन्धाहाराःपुष्पा

हाराः फलाहाराः सस्याहाराः। & 335 %% ô xà ha la %% oḷā-hārā %% thực

(ăn) tinh khí quý chúng & 336 && già bà ha la && garbhā-hārā && thực
(ăn) thai quý chúng & 337 && rô địa la ha la && rudhirā-hārā %% thực
(ăn) huyết quý chúng & 338 && bà sa ha la && wasā-hārā && thực (ăn)
cao quý chúng & 339 && ma xà ha la && majjā-hārā && thực (ăn) tuỷ quý

chúng & 340 %% xà đa ha la && jātâ-hārā && thực (ăn) sinh (tử tức, thai nhi) quý chúng & 341 && thị bí đa ha la && jīwitâ-hārā && thực (ăn) mệnh quý chúng & 342 && bạt lược dạ ha la %% malyâ-hārā && thực (ăn) man quý chúng & 343 && kiên đồ ha la && gandhâ-hārā` && thực (ăn) hương quý chúng & 344 && bố sử ba ha la && puṣpâ-hārā` %% thực (ăn) hoa quý chúng & 345 && phả la ha la && phalâ-hārā` && thực (ăn) quả quý chúng & 346 && sa tả ha la && sasyâ-hārā` && thực (ăn) miêu giá quý chúng %%

पापचित्ता दुष्टचित्ता रौद्रचित्ता

पापचित्ता दुष्टचित्ता रौद्रचित्ता। & 347 %% 般波質多 && pāpa-cittā && 不善心 & 348 && 突瑟吒質多 && duṣṭa-cittā && 惡心 & 349 && 嘑陁囉質多 && raudra-cittā && 兇暴心 %%

पापचित्ता दुष्टचित्ता रौद्रचित्ता। & 347 %% bát ba chát đa && pāpa-cittā && bất thiện tâm & 348 && đôt sất tra chát đa && duṣṭa-cittā && ác tâm & 349 && lạo đà la chát đa && raudra-cittā && hung bạo tâm %%

यक्षग्रहा राक्षसग्रहा प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहाः भूतग्रहाः
कुम्भाण्डग्रहाः स्कन्दग्रहा उन्मदग्रहा श्छायग्रहा अ
पस्मारग्रहा डाकडाकिनीग्रहा रेवतीग्रहा जामिकाग्र
हाः शकुनिग्रहा मातृनन्दिकग्रहा अलम्बाग्रहाः कण्ठ
पाणिग्रहाः।

यक्षग्रहा राक्षसग्रहा प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहाः भूतग्रहाः

कुम्भाण्डग्रहाः स्कन्दग्रहा उन्मदग्रहा श्छायग्रहा अ

पस्मारग्रहा डाकडाकिनीग्रहा रेवतीग्रहा जामिकाग्र

हाः शकुनिग्रहा मातृनन्दिकग्रहा अलम्बाग्रहाः कण्ठ पाणिग्रहाः। & 350 %%

藥叉揭囉訶 %% yakṣa-grahā %% 諸夜叉所持 & 351 && 囉剎娑揭囉訶 && rākṣasa-grahā` && 諸羅剎所持 & 352 && 閉隸多揭囉訶 && preta-grahā` && 諸餓鬼所持 & 353 && 毗舍遮揭囉訶 && piśāca-grahā && 諸毗舍遮所持 & 354 && 部多揭囉訶 && bhūta-grahā` && 諸部多所魅 & 355 && 鳩槃荼揭囉訶 && kumbhāṇḍa-grahā` && 諸鳩槃荼所魅 & 356 && 悉乾陀揭囉訶 && skanda-grahā && 諸騫陀所魅 & 357 && 烏怛摩陀揭囉訶 && unmada-grahās && 諸醉鬼所魅 & 358 && 車夜揭囉訶 && chāya-grahā && 諸陰鬼所魅 & 359 && 阿播薩摩囉揭囉訶 && apasmāra-grahā && 諸阿波悉魔羅所魅 & 360 && 宅祛革茶耆尼揭囉訶 && dāka-dākinī-grahā && 茶加茶枳尼鬼所魅 & 361 && 唎佛帝揭囉訶 %% rewatī-grahā && 諸黎婆坻所魅 & 362 && 闍彌迦揭囉訶 && jāmikā-grahā` && 諸闍彌迦所魅 & 363 && 舍俱尼揭囉訶 %% śakuni-grahā && 諸舍究尼所魅 & 364 && 姥陀囉難地迦揭囉訶 && mātr-nandika-grahā && 諸曼多難提所魅 & 365 %% 阿藍婆揭囉訶 && alambā-grahā` && 諸藍婆所魅 & 366 && 乾度波尼揭囉訶 && kaṇṭhapāṇi-grahā` && 諸乾吒婆尼所魅 %%

यक्षग्रहा राक्षसग्रहा प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहाः भूतग्रहाः

कुम्भाण्डग्रहाः स्कन्दग्रहा उन्मदग्रहा रक्षायग्रहा अ

पस्मारग्रहा डाकडाकिनीग्रहा रेवतीग्रहा जामिकाग्र

हाः शकुनिग्रहा मातृनन्दिकग्रहा अलम्बाग्रहाः कण्ठ पाणिग्रहाः। & 350 %%

Dược Xoa yét la ha %% yakṣa-grahā %% chư Dạ Xoa sở Mỹ & 351 && La Sát sa yét la ha && rākṣasa-grahā` && chư La Sát sở Mỹ & 352 && bé lệ đa yét la ha && preta-grahā` && chư Ngạ quỷ sở Mỹ & 353 && Tỳ Xá Già yét la ha && piśāca-grahā && chư Tỳ Xá Già sở Mỹ & 354 && Bộ Đa yét la ha && bhūta-grahā` && chư Bộ Đa sở Mỹ & 355 && Cưu Bàn Trà yét la ha && kumbhāṇḍa-grahā` && chư Cưu Bàn Trà sở Mỹ & 356 && tất kiên đà yét la ha && skanda-grahā && chư Khiên Đà sở Mỹ & 357 && ô dát ma đà yét la ha && unmada-grahās && chư Tuý quỷ sở Mỹ & 358 && xa dạ yét la ha && chāya-grahā && chư Âm quỷ sở Mỹ & 359 && a bá tát ma la yét la ha && apasmāra-grahā && chư A Ba Tát Ma La sở Mỹ & 360 &&

trạch khur cách trà kỳ ni yết la ha && dāka-dākinī-grahā && Đồ Gia Đồ Chỉ Ni quý sở My & 361 && rị phật đế yết la ha %% rewatī-grahā && chư Lê Bà Trì sở My & 362 && xà di ca yết la ha && jāmikā-grahā` && chư Diêm Di Ca sở My & 363 && xá câu ni yết la ha %% śakuni-grahā && chư Xá Cứu Ni sở My & 364 && mộ đà ra nan địa ca yết la ha && māṭṭr-nandika-grahā && chư Mạn Đa Nan Đề sở My & 365 %% a lam bà yết la ha && alambā-grahā` && chư Lam Bà sở My & 366 && kiền độ ba ni yết la ha && kaṅṭhapāṇi-grahā` && chư Kiền Tra Bà Ni sở My %%

ज्वरा एकाहिका द्वैतीयाकारत्रैतीयाकाश्चतुर्थका नित्यज्वरा विषमज्वरा

ज्वरा एकाहिका द्वैतीयाकारत्रैतीयाकाश्चतुर्थका नित्यज्वरा विषमज्वरा। & 367 %%
什伐囉埵迦酉益迦 %% jwarā ekāhikā %% 諸熱病: 一日 & 368 &&
墜帝藥迦 && dwaitīyakās- && 二日 & 369 && 怛隸帝藥迦 &&
traitīyakās && 三日 & 370 && 者突託迦 %% 昵提什伐囉 & 371 %%
毖鈇摩什伐囉 %% caturthakā && 四日 %% nitya-jwarā && 常熱病 %%
wiṣama-jwarā && 不盡熱病 %%

ज्वरा एकाहिका द्वैतीयाकारत्रैतीयाकाश्चतुर्थका नित्यज्वरा विषमज्वरा। & 367 %%
thập phạt la yên ca hê ca %% jwarā ekāhikā %% chư nhiệt bệnh: một ngày
& 368 && truy đế dược ca && dwaitīyakās- && hai ngày & 369 && đát lệ
đề dược ca && traitīyakās && ba ngày & 370 && giả đột thác ca %% nặc
đề thập phạt la & 371 %% bí sam ma thập phạt la %% caturthakā && bốn
ngày %% nitya-jwarā && thường nhiệt bệnh %% wiṣama-jwarā && bất tận
nhiệt bệnh %%

वातिका:पैत्तिका:श्लेष्मिका:सांनिपातिका:सर्वज्वरा:

वातिका:पैत्तिका:श्लेष्मिका:सांनिपातिका:सर्वज्वरा:। %&*%& 372 %% 薄底迦
&& wātikā` && 風病 & 373 && 鼻底迦 && paittikā` && 黃病 & 374 &&
室口隸瑟蜜迦 && śleṣmikā` && 痰病 & 375 && 娑你般帝迦 && sām-
nipātikā` && 三集病 & 376 && 薩婆什伐囉 %% sarwajwarā` && 一切
病苦 %%

वातिकाःपैत्तिकाःश्लेष्मिकाःसांनिपातिकाःसर्वज्वराः। %&*%& 372 %% bac đẽ
ca && wātikā` && phong bệnh & 373 && tị đẽ ca && paittikā` && bệnh
gan, vàng da & 374 && thất khẩu lệ sắt mật ca && śleṣmikā` && đàm bệnh
& 375 && sa nễ bát đẽ ca && sām-nipātikā` && 3 thứ bệnh & 376 && tát
bà thập phạt la %% sarwajwarā` && nhất thiết bệnh khổ %%

शिरोऽर्ति मर्धभेदारोचकं अक्षिरोगं मुखरोगं हृद्रोगं ग
लग्रहं कर्णशूलं दन्तशूलं हृदयशूलं मर्मन्शूलं पार्श्व
शूलं पृष्ठशूलं उदरशूलं कटिशूलं वस्तिशूलं ऊरुशूलं
जङ्घशूलं हस्तशूलं पादशूलं सर्वङ्गप्रत्यङ्गशूलं।

शिरोऽर्ति मर्धभेदारोचकं अक्षिरोगं मुखरोगं हृद्रोगं ग लग्रहं कर्णशूलं दन्तशूलं
हृदयशूलं मर्मन्शूलं पार्श्व शूलं पृष्ठशूलं उदरशूलं कटिशूलं वस्तिशूलं ऊरुशूलं
जङ्घशूलं हस्तशूलं पादशूलं सर्वङ्गप्रत्यङ्गशूलं।

377 %室嘔吉帝末陁鞞達 %% śiro'rti-varḍha-bādha %% 頭痛 半痛 %%%
& 378 &&& 嘔制劍 &&& arocakaṃ && 飲食不消 & 379 && 阿綺嘔鉗
&& akṣi-rogaṃ && 眼病 & 380 && 目佉嘔鉗 && mukha-rogaṃ && 口
病 & 381 && 羯唎突嘔鉗 && hṛd-rogaṃ && 心病 & 382 &&
揭羅訶揭藍 && gala-grahaṃ && 咽喉痛 & 383 && 羯拏輪藍 %%
kaṇa-sūlaṃ && 耳痛 & 384 && 憚多輪藍 && danta-sūlaṃ && 牙齒痛
& 385 && 迄唎夜輪藍 && hṛdaya-sūlaṃ && 心痛 & 386 && 末麼輪藍
&& marman-sūlaṃ && 關節痛 & 387 && 跋唎室婆輪藍 && pārśwa-
sūlaṃ && 脅痛 & 388 && 毖栗瑟吒輪藍 %% pṛṣṭha-sūlaṃ && 背痛 &
389 && 烏陁囉輪藍 && udara-sūlaṃ && 肚痛 & 390 && 羯知輪藍 &&
kaṭi-sūlaṃ && 腰痛 & 391 && 跋悉帝輪藍 && wasti-sūlaṃ && 隱密處
痛 & 392 && 鄔嘔輪藍 && ūru-sūlaṃ && 髀痛 && 393 && 常伽輪藍
%% jaṅgha-sūlaṃ && 脛痛 & 394 && 喝悉多輪藍 && hasta-sūlaṃ &&
手痛 & 395 && 跋陁輪藍 %% 娑房盎伽般囉丈伽 & 396 %% 輪藍 %%

pāda-sūlam %% sarwāṅga-pratyāṅga- %% sūlam %% 腳痛 & %* 遍身
疼痛 %*#%&

शिरोऽर्ति मर्धभेदारोचकं अक्षिरोगं मुखरोगं हृद्रोगं ग लग्नहं कर्णशूलं दन्तशूलं

हृदयशूलं मर्मन्शूलं पार्श्व शूलं पृष्ठशूलं उदरशूलं कटिशूलं वस्तिशूलं ऊरुशूलं

जङ्घशूलं हस्तशूलं पादशूलं सर्वङ्गप्रत्यङ्गशूलं।

377 %thát rô cát đế mặt đà bệ đát %&*% śiro'rti-varḍha-bādha %%%%%
đầu thông bán thông & & 378 &&& rô chế kiếm &&& arocakaṃ && ăn
không tiêu & 379 && a ỷ rô kiếm && akṣi-rogaṃ && bệnh mắt & 380 &&
mục khư rô kiếm && mukha-rogaṃ && bệnh miệng & 381 && yết rị đọt rô
kiếm && hṛd-rogaṃ && đau tim & 382 && yết la ha yết lam && gala-
grahaṃ && bệnh cổ họng & 383 && yết noa du lam %% karna-sūlam &&
bệnh tai & 384 && đạ du lam && danta-sūlam && nha xỉ thông & 385
&& hát rị dạ du lam && hṛdaya-sūlam && tâm thông & 386 && mặt ma du
lam && marman-sūlam && bệnh hệ bài tiết & 387 && bạt rị thát bà du lam
&& pārśwa-sūlam && hiệp thông & 388 && tỳ lật sắt tra du lam %%
prṣṭha-sūlam && đau lưng & 389 && ô đà la du lam && udara-sūlam &&
đau bụng & 390 && yết tri du lam && kaṭi-sūlam && đau hông, eo & 391
&& bạt tất đế du lam && wasti-sūlam && bệnh không rõ nguồn gốc & 392
&& ô rô du lam && ūru-sūlam && đau hông, đùi && 393 && thường già
du lam %% jaṅgha-sūlam && hĩnh /kính thông & 394 && hát tất đa du lam
&& hasta-sūlam && đau tay & 395 && bạt đà du lam %% sa phòng áng già
bát la trượng già & 396 %% du lam %% pāda-sūlam %% sarwāṅga-
pratyāṅga- %% sūlam %% bệnh chân & %* đau nhức ngoài thân %&*%&

भूत वेताड डाकिनी ज्वर

भूत वेताड डाकिनी ज्वर। & 397 %% 部多 毖踰茶 && bhūta %% wetāḍa &&
部多鬼 起屍鬼 & 398 && 茶耆尼 什婆囉 && ḍākinī jwara && 茶枳尼
鬼病 %%

भूत वेताड डाकिनी ज्वर। & 397 %% Bộ Đa tỳ đa trà && bhūta %% wetāḍa
&& Bộ Đa quỷ Khởi Thi quỷ & 398 && trà kỳ ni thập bà la && ḍākinī
jwara && Đồ Chi Ni quỷ bệnh %%

दद्रुकाःकण्डूःकिटिभा लूता वैसर्पा लोहलिङ्गाः

दद्रुकाःकण्डूःकिटिभा लूता वैसर्पा लोहलिङ्गाः।%% 陁突嚧迦 建咄嚧 & 399
%% 吉知婆 路多 %% dadrukā` kaṇḍū` && 癬癩 疥蒼 %% kiṭibhā lūtā &&
痘疹 蜘蛛蒼 & 400 && 毗薩般 嚧訶陵伽 && waisarpā loha-liṅgā` &&
火蒼 疔蒼 %%

दद्रुकाःकण्डूःकिटिभा लूता वैसर्पा लोहलिङ्गाः।%% dà òt rô ca kiến đót rô &
399 %% kiết tri bà lộ đa %% dadrukā` kaṇḍū` && ghẻ lở, hủ - sốt rét cách
nhật %% kiṭibhā lūtā && bệnh lupus ban đỏ, đậu mùa, nổi sởi - nhện cắn &
400 && tỷ tát bát rô ha lǎng già && waisarpā loha-liṅgā` && phỏng lửa -
giang mai, sùi mào gà %%

शोष त्रास गर विष योग अग्नि उदक

शोष त्रास गर विष योग अग्नि उदक।

& 401 %% 輸沙 %% 怛囉娑 那羯囉 %% śoṣa trāsa gara && 乾消 驚怖
毒病 && 402 && 毗沙喻迦&& viṣa yoga && 毒藥 厥壽& 403 && 阿耨尼
烏陁迦&& agni udaka && 火災 水災 %

शोष त्रास गर विष योग अग्नि उदक।

& 401 %% du sa %% đát la sa na yét la %% śoṣa trāsana gara && Kiền
tiêu, Kinh bố, Độc bệnh && 402 && tỷ sa dụ ca && viṣa yoga && độc
dược yếm đảo & 403 && a kỳ ni ô đà ca && agni udaka && hoả tai, thủy
tai %

मार वैर कान्तार अकालमृत्यु

मार वैर कान्तार अकालमृत्यु। & 404 %% 末囉 鞞囉 建跢囉 %% māra waira
kāntāra && 疫病 怨敵 險難 & 405 && 阿迦羅蜜唎咄 && akāla-mṛtyu
&& 夭死 %%

मार वैर कान्तार अकालमृत्यु। & 404 %% mạt la bê la kiến đá la %% māra
waira kāntāra && dịch bệnh, oán dịch, hiểm nạn & 405 && a ca la mạt ri
đốt && akāla-mṛtyu && chết yểu %%

त्र्यम्बुक त्रैलाट वृश्चिक सर्प नकुल सिंह व्याघ्र ऋक्ष त
रक्ष मरजीवे तेषां सर्वेषां।

त्र्यम्बुक त्रैलाट वृश्चिक सर्प नकुल सिंह व्याघ्र ऋक्ष त रक्ष मरजीवे तेषां सर्वेषां।। &
406 %% 怛斂部迦 地栗刺吒 %% tryambuka trai-lāṭa && 土蜂 馬蜂 &
407 && 毖唎瑟質迦 && vṛścika && 蠍 & 408 && 薩婆 那俱羅 %%
肆引伽 弊揭囉 唎藥 & 409 %% 又 怛葛囉 %% sarpa %% nakula && 蛇
%% 黃鼠 simha wyāghra ṛkṣa && 獅子 虎 熊 && tarakṣa && 豺 & 410
&& 末囉 視吠 帝鈇娑鞞鈇 && mara-jīve %% teṣāṃ sarweṣāṃ &&
害命者 彼等 一切 %%

त्र्यम्बुक त्रैलाट वृश्चिक सर्प नकुल सिंह व्याघ्र ऋक्ष त रक्ष मरजीवे तेषां सर्वेषां।। &
406 %% dát liêm bộ ca địa lật lạt tra %% tryambuka trai-lāṭa && bệnh nhập
thổ, bệnh do con ngựa & 407 && tử rị sắt chất ca && vṛścika && con bọ
cạp & 408 && tát bà na câu la %% tứ dẫn già tệt yết la rị dục & 409 %%
xoa dát sô la %% sarpa %% nakula && con rắn %% con chồn hôi & %* &
simha wyāghra ṛkṣa && sư tử, hổ, gấu && tarakṣa && chó sói & 410 &&
mạt la thị phệ đề sam sa bê sam && mara-jīve %% teṣāṃ sarweṣāṃ && hại
mệnh giả, bị đấng nhất thiết %%

सितातपत्र महावज्रोष्णीषं महाप्रत्यङ्गिरां

सितातपत्र महावज्रोष्णीषं महाप्रत्यङ्गिरां। & 411 %% 悉怛多鉢怛囉 &&
sitātapatra && 白傘蓋 & 412 && 摩訶跋闍嚧瑟尼鈇 && mahā-wajro-
ṣṇīṣaṃ && 大 金剛 頂髻 & 413 && 摩訶般刺丈耆藍 %% mahā-
pratyaṅgirāṃ && 大 甚能調伏 %%

सितातपत्र महावज्रोष्णीषं महाप्रत्यङ्गिरां। & 411 %% Tát Đát Đa Bát Đát La
&& sitātapatra && Bạch Tản Cái & 412 && ma ha bạt xà rô sắt ni sam &&

mahā-wajro-ṣṅīṣam && Đại Kim Cương Đỉnh Kế & 413 && ma ha bát lạt
trượng kỳ lam %% mahā-pratyāṅgirām && Đại Thâm Năng Điều Phục %%

यावद्वादशयोजनाभ्यन्तरेण विद्याबन्धं करोमि तेजोब
न्धं करोमि परविद्याबन्धं करोमि।

यावद्वादशयोजनाभ्यन्तरेण विद्याबन्धं करोमि तेजोब

न्धं करोमि परविद्याबन्धं करोमि। & 414 %% 夜波突陁舍 && yāwaddwādaśa
&& 所有十二 & 415 && 喻闍那辯怛隸拏 %% yojanā-bhyantareṇa &&
由旬內 & 416 && 毗陁耶槃曇迦嚧彌 && vidyā bandham karomi &&
明呪 結界 我今作之 & 417 && 帝殊槃曇迦嚧彌 & 418 &&
般囉毗陁槃曇迦嚧彌 %% tejo bandham karomi para vidyā bandham
karomi %% 威神 結界 我今作之 %% 最勝 明呪 結界 我今 %% 作之 %%
【句意】 所有十二由旬內, %% 我今結明呪界、 我今結威神界、
我今結最勝明呪界&&

यावद्वादशयोजनाभ्यन्तरेण विद्याबन्धं करोमि तेजोब

न्धं करोमि परविद्याबन्धं करोमि। & 414 %% da ba đôt dà xá &&
yāwaddwādaśa && sở hữu thập nhị & 415 && dụ xà na biện đất lệ noa %%
yojanā-bhyantareṇa && Do Tuần nội & 416 && tỳ đà da bàn đàm ca rô di
&& vidyā bandham karomi && Minh Chú kết giới, ngã kim tác chi & 417
&& đế thù bàn đàm ca rô di & 418 && bát la tỳ đà bàn đàm ca rô di %%
tejo bandham karomi para vidyā bandham karomi %% uy thần kết giới, ngã
kim tác chi %% tối thắng Minh Chú kết giới, ngã kim %% tác chi %%
【câu /cú ý】 sở hữu thập nhị Do Tuần nội, %% ngã kim kết Minh Chú giới,
ngã kim kết uy thần giới, ngã kim kết tối thắng Minh Chú giới &&

तद्यथा ॐ अनले विषदे वैर वज्रधरे बन्ध बन्धनि वज्र
पाणि फट्। हूँ त्रूं फट् स्वाहा ॥

419 %% तद्यथा ॐ अनले विषदे वैर वज्रधरे बन्ध बन्धनि वज्र पाणि फट्। हूँ त्रूं
फट् स्वाहा ॥ &&

419 %% 踰姪他 &&& 420 && 唵 & 421 && 阿那隸 422 毗舍提 & 423
&& 鞞囉跋闍囉陁唎 & 424 槃陁槃陁你 425 && 跋闍囉謗尼 泮 426 &&
虎合牛 都嚧甕 泮 *427 && 莎婆訶.

419 %% tadyathā && 420 && om & 421 & anale & 422 & wiśade & 423 &
waira wajradhare & 424 & bandha bandhani & 425 & wajrapāṇi phaṭ & 426
& hūṃ trūṃ phaṭ & 427 & swāhā.

419 %% 即說呪曰 & 420 & 唵 & 421 & 甘露火 & 422 & 光明輝耀 & 423 &
勇猛持金剛者 & 424 & 禁縛 結界 & 425 & 金剛手 & 426 & 泮 虎合牛
都嚧甕 泮 & 427 & 莎婆訶.

419 %% तद्यथा ॐ अनले विषदे वैर वज्रधरे बन्ध बन्धनि वज्र पाणि फट्। हूँ त्रूं
फट् स्वाहा ॥ &&

419 %% tadyathā & 420 && om & 421 && anale & 422&& wiśade &
423&& waira wajradhare & 424 && bandha bandhani & 425 & wajrapāṇi
phaṭ & 426 & hūṃ trūṃ phaṭ * & 427 & swāhā.

419 %% đá diệt tha & 420 & úm & 421 & a na lệ 422 tỳ xá đề 423 && bệ la
bạt xà la đà rị 424 bàn đà bàn đà nễ 425 && bạt xà la báng ni phán 426 &&
hồ hồng đô rô ung phán 427 && sa bà ha.

419 && tức thuyết chú viết & 420 & úm & 421 & cam lộ hoả & 422 & quang
minh uy diệu & 423 & Dũng Mãnh Trì Kim Cương Giả & 424 & cầm phược
kết giới & 425 & Kim Cương Thủ & 426 & phán hồ hồng đô rô ung phán
& 427 && sa bà ha.

大佛頂首楞嚴神呪（竟）

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú（cánh）.

成就福智圓滿

Thành tựu phước trí viên mãn

大佛頂首楞嚴神呪（竟）

功德利益：佛言："是佛頂光聚悉怛多般怛羅祕密伽陀微妙章句，出生十方一切諸佛。十方如來因此呪心，得成無上正遍知覺。十方如來執此呪心，降伏諸魔制諸外道。十方如來乘此呪心，坐寶蓮華應微塵國。十方如來含此呪心，於微塵國轉大法輪。十方如來持此呪心，能於十方摩頂授記，自果未成亦於十方蒙佛授記。

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú（cánh）

Công đức lợi ích: Phật ngôn: "thị Phật đỉnh quang tụ Tất Đát Đa Bát Đát La bí mật già đà vi diệu chương câu / cú, xuất sinh thập phương nhất thiết chư Phật. thập phương Như Lai nhân thủ Chú tâm, đắc thành vô thượng chánh biến tri giác. thập phương Như Lai chấp thủ Chú tâm, hàng phục chư ma chế chư ngoại đạo thập phương Như Lai thừa thủ Chú tâm, tọa bảo Liên Hoa ứng vi trần quốc. thập phương Như Lai hàm thủ Chú tâm, ư vi trần quốc chuyển đại pháp luân. thập phương Như Lai trì thủ Chú tâm, năng ư thập phương ma đình thụ ký, tự quả vị thành diệc ư thập phương môn Phật thụ ký.

十方如來依此呪心，能於十方拔濟群苦，所謂地獄、餓鬼、畜生、盲聾、瘖啞，怨憎會苦，愛別離苦，求不得苦，五陰熾盛，大小諸橫，同時解脫；賊難、兵難、王難、獄難，風、水、火難，飢渴貧窮，應念銷散。

十方如來隨此呪心，能於十方事善知識，四威儀中供養如意，恒沙如來會中，推為大法王子。

十方如來行此呪心，能於十方攝受親因，令諸小乘聞祕密藏不生驚怖。

thập phương Như Lai y thủ Chú tâm, năng ư thập phương bạt tế quần khổ, sở vị địa ngục、Nga quý、súc sinh、manh lung、âm ách, oán tăng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ âm xí thịnh, đại tiểu chư hoạn, đồng thời giải thoát；tặc nạn、binh nạn、vương nạn、ngục nạn, phong、thuỷ、hoả nạn, cơ khát bần cùng, ứng niệm tiêu tán. thập phương Như Lai tùy thủ Chú tâm, năng ư thập phương sự thiện tri thức, tứ uy nghi trung cúng dưỡng như ý, Hằng sa Như Lai hội trung, thôi vi đại pháp vương tử. thập phương Như Lai hành thủ Chú tâm, năng ư thập phương nhiếp thụ thân nhân, linh chư tiểu thừa văn bí mật tạng bất sinh kinh bố.

十方如來誦此呪心，成無上覺，坐菩提樹，入大涅槃。

十方如來傳此呪心，於滅度後付佛法，事究竟住持，嚴淨戒律，悉得清淨。若我說是佛頂光聚般怛羅呪，從旦至暮，音聲相連，字句中間亦不重疊毛，經恒沙劫，終不能盡。亦說此呪名如來頂。汝等有學，未盡輪迴，發心至誠，趣向阿耨多羅三藐三菩提，不持此呪而坐道場，令其身心遠諸魔事，無有是處。

thập phương Như Lai tụng thủ Chú tâm, thành vô thượng giác, tọa Bồ Đề thụ, nhập đại Niết Bàn.

thập phương Như Lai truyền thủ Chú tâm, ư diệt độ hậu phó Phật pháp, sự cứu cánh trú trì, nghiêm tịnh giới luật, tất đắc thanh tịnh. nhược ngã thuyết thị Phật Đỉnh Quang Tụ Bát Đát La Chú, tông đàn chí mộ, âm thanh tương liên, tự cú trung gian diệc bất trọng điệp mao, kinh Hằng sa kiếp, chung bất năng tận. diệc thuyết thủ Chú danh Như

Lai Đỉnh. nữ đẳng hữu học, vị tận luân hồi, phát tâm chí thành, thú hương A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, bất trì thủ Chú nhi toạ đạo tràng, linh kỳ thân tâm viển chur ma sự, vô hữu thị xứ.

阿難！若諸世界隨所國土，所有衆生，隨國所生樺皮、貝葉、紙素、白疊毛書寫此呪，貯於香囊，是人心愴，未能誦憶，或帶身上，或書宅中，當知是人，盡其生年，一切諸毒所不能害。

A Nan ! nhược chur thể giới tùy sở quốc thổ, sở hữu chúng sinh, tùy quốc sở sinh hoa bì 、bối điệp 、chỉ tổ 、bạch điệp mao thư tả thủ chú, trừ ư hương nang, thị nhân tâm hôn, vị năng tụng ức, hoặc đái thân thượng, hoặc thư trạch trung, đương tri thị nhân, tận kỳ sinh niên, nhất thiết chur độc sở bất năng hại.

阿難！我今為汝更

A Nan ! ngã kim vi nữ cánh

說此呪，救護世間，得大無畏，成就衆生出世間智。若我滅後，末世 thuyết thủ chú, cứu hộ thể gian, đắc đại vô úy, thành tựu chúng sinh xuất thể gian trí. nhược ngã diệt hậu, mạt thế

衆生，有能自誦，若教他誦，當知如是誦持衆生，火不能燒，水不 chúng sinh, hữu năng tự tụng, nhược giáo tha tụng, đương tri như thị tụng trì chúng sinh, hoả bất năng thiêu, thủy bất

能溺，大毒小毒所不能害，如是乃至龍天鬼神，精祇魔魅，所有惡 năng nịch, đại độc tiểu độc sở bất năng hại, như thị nãi chí Long Thiên quý thần, Tinh kỳ ma My, sở hữu ác

呪，皆不能著。心得正受，一切呪咀，魔蠱毒藥，金毒銀毒，草木 chú, giai bất năng trước. tâm đắc chánh thụ, nhất thiết chú trớ, yểm cổ độc dược, kim độc ngân độc, thảo mộc

蟲蛇，萬物毒氣，入此人口，成甘露味。一切惡星，並諸鬼神，殄毒 trùng xà, vạn vật độc khí, nhập thủ nhân khẩu, thành cam lộ vị. nhất thiết ác Tinh, tịnh chur quý thần, sấm độc

心人，於如是人不能起惡。毗那夜迦，諸惡鬼王，並其眷屬，皆領 tâm nhân, ư như thị nhân bất năng khởi ác. Tỳ Na Dạ Ca, chur ác Quý Vương, tịnh kỳ quyển thuộc, giai lãnh

深恩，常加守護。

阿難！當知是呪，常有八萬四千那由他恒河

thâm ân, thường gia thủ hộ.

A Nan ! đương tri thị Chú, thường hữu bát vạn tứ thiên na do tha Hằng hà

沙俱胝金剛藏王菩薩種族，一一皆有諸金剛衆而為眷屬，設有

sa Câu-chi Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát chủng tộc, nhất nhất giai hữu chur Kim Cương chúng nhi vi quyển thuộc, thiết hữu

衆生，於散亂心，非三摩地心憶口持，是金剛王常隨從彼諸善男子，

chúng sinh, ư tán loạn tâm, phi Tam Ma Địa tâm ức khẩu trì, thị Kim Cương Vương thường tùy tông bỉ chur thiện nam tử,

何況決定 菩提心者。此諸金剛菩薩藏王，精心陰速，發彼神識

hà huống quyết định Bồ Đề tâm Giả. thủ chur Kim Cương Bồ Tát Tạng Vương, tinh tâm âm tốc, phát bỉ thần thức

，是人應時心能記憶八萬四千恒河沙劫，周遍了知，得無疑惑
， thị nhân ứng thời tâm năng ký ức bát vạn tứ thiên Hằng hà sa kiếp, chu biến liễu tri,
đắc vô nghi hoặc
，從第一劫乃至後身，生生不生藥叉、羅刹，及富單那，迦吒富單那
， tông đệ nhất kiếp nãi chí hậu thân, sinh sinh bất sinh Dược Xoa 、 La Sát, cập Phú Đan
Na, Ca Tra Phú Đan Na 、
鳩槃荼、毗舍遮等，並諸餓鬼，有形、無形，有想、無想，、
Cru Bàn Trà 、 Tỳ Xá Già đẳng, tịnh chư Ngạ quỷ, hữu hình 、 vô hình, hữu tưởng 、 vô
tưởng,
如是惡處，是善男子，若讀、若誦、若書、若寫、若帶、若藏
như thị ác xứ, thị thiện nam tử, nhược đọc 、 nhược tụng 、 nhược thư 、 nhược tả
、 nhược đái 、 nhược tạng
，諸色供養，劫劫不生貧窮下賤不可樂處。此諸衆生，縱其自
， chư sắc cúng dưỡng, kiếp kiếp bất sinh bần cùng hạ tiện bất khả lạc xứ. thử chư chúng
sinh, túng kỳ tự
身不作福業，十方如來所有功德悉與此人。由是得於恒河沙阿僧祇不
thân bất tác phước nghiệp, thập phương Như Lai sở hữu công đức tất dữ thử nhân. do
thị đắc ư Hằng hà sa A Tăng Kỳ bất
可說不可說劫，常與諸佛同生一處，無量功德如惡叉聚，同處
khả thuyết bất khả thuyết kiếp, thường dữ chư Phật đồng sinh nhất xứ, vô lượng công
đức như ác xoa tụ, đồng xứ
熏修，永無分散。是故能令破戒之人，戒根清淨。未得戒者，
huân tu, vĩnh vô phân tán. thị cố năng linh phá giới chi nhân, giới căn thanh tịnh. vị đắc
giới Giả,
令其得戒。未精進者，令得精進。無智慧者，令得智慧。不清淨者，
linh kỳ đắc giới. vị tinh tiến Giả, linh đắc tinh tiến. vô trí huệ Giả, linh đắc trí huệ. bất
thanh tịnh Giả,
速得清淨。不持齋戒，自成齋戒。
tốc đắc thanh tịnh. bất trì trai giới, tự thành trai giới.

阿難！是善男子

A Nan ! thị thiện nam tử

持此呪時，設犯禁戒，於未受時，持呪之後，衆破戒罪，無問輕重，
trì thử Chú thời, thiết phạm cấm giới, ư vị thụ thời, trì chú chi hậu, chúng phá giới
tội, vô vấn khinh trọng,
一時銷滅。縱經飲酒，食噉五辛，種種不淨，一切諸佛、菩薩、金
nhất thời tiêu diệt. túng kinh ẩm tửu, thực đạm ngũ tân, chủng chủng bất tịnh, nhất
thiết chư Phật 、 Bồ Tát 、 Kim
剛、天仙、鬼神，不將為過。設著不淨破弊衣服，一行一住，悉同
Cương 、 Thiên Tiên 、 quỷ thần, bất tương vi quá. thiết trước bất tịnh phá tỳ y phục,
nhất hành nhất trú, tất đồng
清淨。縱不作壇，不入道場，亦不行道，誦持此呪，還同入壇行道
thanh tịnh. túng bất tác đàn, bất nhập đạo tràng, diệc bất hành đạo, tụng trì thử chú,
hài /hoàn đồng nhập đàn hành đạo

功德。若造五逆無間重罪，及諸比丘、比丘尼四棄八棄，誦此呪已，
công đức. nhược tạo ngũ nghịch vô gian trọng tội, cập chư tử khâu 、 tử khâu ni tứ khí
bát khí, tụng thử Chú dĩ,
如是重業猶如 猛風吹散沙聚，悉皆滅除，更無毫髮。
như thị trọng nghiệp do như mãnh phong xuy tán sa tụ, tất giai diệt trừ, cánh vô hào
phát.

阿難！若有衆生，從無量無數劫來，所有一切輕重罪障，從前世來，未
A Nan ! nhược hữu chúng sinh, tông vô lượng vô số kiếp lai, sở hữu nhất thiết khinh
trọng tội chướng, tông tiền thế lai, vị
及懺悔，若能讀誦、書寫此呪，身上帶持，若安住處莊宅園館，如
cập sám hối, nhược năng đọc tụng 、 thư tả thử chú, thân thượng đài trì, nhược an trú
xứ trang trạch viên quán, như
是積業猶湯銷雪，不久皆得悟無生忍。

復次阿難！若有女人未

thị tích nghiệp do thang tiêu tuyệt, bất cửu giai đắc ngộ Vô Sinh Nhân.

phục thứ A Nan ! nhược hữu nữ nhân vị

生男女，欲求生者，若能至心憶念斯呪，或能身上帶此悉怛多鉢怛羅

sinh nam nữ, dục cầu sinh giả, nhược năng chí tâm ức niệm tư chú, hoặc năng thân
thượng đài thử Tất Đát Đa Bát Đát La

者，便生福德智慧男女；求長命者速得長命；欲求果報速圓滿者，

Giả, tiên sinh phước đức trí huệ nam nữ ; cầu trường mệnh giả tốc đắc trường mệnh

； dục cầu quả báo tốc viên mãn Giả,

速得圓滿；身命色力亦復如是。命終之後，隨願往生十方國土，必

tốc đắc viên mãn ; thân mệnh sắc lực diệc phục như thị. mệnh chung chi hậu, tùy

nguyện vãng sinh thập phương Quốc Thổ, tất

定不生邊地下賤，何況雜形。

阿難。若諸國土、州縣、聚落，

định bất sinh biên địa hạ tiện, hà hưởng tạp hình.

A Nan. nhược chư Quốc Thổ 、 châu huyện 、 tụ lạc,

饑荒疫癘，或復刀、兵、賊、難、鬥諍，兼餘一切厄難之地，寫此

cơ hoang dịch lệ, hoặc phục đao 、 binh 、 tặc 、 nạn 、 đấu tranh, kiêm dư nhất thiết

ách nạn chi địa, tả thử

神呪，安城四門，並諸支提，或脫闍上，令其國土所有衆生奉迎斯呪

Thần Chú, an thành tứ môn, tịnh chư chi đề, hoặc thoát đồ thượng, linh kỳ Quốc Thổ sở
hữu chúng sinh phụng nghinh tư chú

，禮拜恭敬，一心 供養，令其人民各各身佩，或各各安所居宅地，

, lễ bái cung kính, nhất tâm cúng dưỡng, linh kỳ nhân dân các các thân bội, hoặc các các
an sở cư trạch địa,

一切災厄悉皆銷滅。

nhất thiết tai ách tất giai tiêu diệt.

阿難！在在處處國土衆生隨有此呪，

A Nan ! tại tại xứ xứ Quốc Thổ chúng sinh tùy hữu thử chú,

天龍歡喜，風雨順時，五穀豐殷，兆庶安樂，亦復能鎮一切惡

Thiên Long hoan hỷ, phong vũ thuận thời, ngũ cốc phong yên, triệu thứ an lạc, diệc phục năng trấn nhất thiết ác
星，隨方變怪、災障不起，人無橫夭，杻械枷鎖不著其身，晝夜安眠，常無惡夢。
Tinh, tùy phương biến quái、tai chướng bất khởi, nhân vô hoạnh yếu, nữu giới già toả bất trước kỳ thân, trú dạ an miên, thường vô ác mộng.

阿難！是娑婆界有八萬四千災變惡星，二十
A Nan！ thị Sa Bà giới hữu bát vạn tứ thiên tai biến ác Tinh, nhị thập
八大惡星而為上首，復有八大惡星以為其主，作種種形，出現
bát đại ác Tinh nhi vi thượng thủ, phục hữu bát đại ác Tinh dĩ vi kỳ chủ, tác chủng chủng hình, xuất hiện
chủng hình, xuất hiện
世時，能生衆生種種災異，有此呪地悉皆銷滅，十二由旬成結界地，諸惡災祥
thế thời, năng sinh chúng sinh chủng chủng tai dị, hữu thủ Chú địa tất giai tiêu diệt,
thập nhị do tuần thành kết giới địa, chư ác tai tường
永不能入。是故如來宣示此呪，於未來世保護初學諸
vĩnh bất năng nhập. thị cố Như Lai tuyên thị thủ Chú, ư vị lai thế bảo hộ sơ học chư
修行者入三摩提，身心泰然，得大安隱，更無一切諸魔鬼神，
Tu Hành Giả nhập Tam Ma Đề, thân tâm thái nhiên, đắc đại an ổn, cánh vô nhất thiết
chư ma quỷ thần,
及無始來冤橫、宿殃、舊業、陳債來相惱害，汝及衆中諸有學人，及未
cập vô thỉ lai oan hoạnh、túc ương、cựu nghiệp、trần trái lai tương não hại, như
cập chúng trung chư hữu học nhân, cập vị
來世諸修行者，依我壇場如法持戒，所受戒主逢清淨僧，持此呪心，不生疑悔，是
善男子於此父母所生之身，不得心通，十方如來便為妄語。"
lai thế chư Tu Hành Giả, y ngã Đàn tràng như pháp trì giới, sở thụ giới chủ phùng thanh
tịnh tăng, trì thủ Chú tâm, bất sinh nghi hối, thị thiện nam tử ư thủ phụ mẫu sở sinh chi
thân, bất đắc tâm thông, thập phương Như Lai tiện vi vọng ngữ."

說是語已，會中

thuyết thị ngữ dĩ, hội trung

無量百千金剛，一時佛前合掌頂禮，而白佛言："如佛所說，我當
vô lượng bách thiên Kim Cương, nhất thời Phật tiền hợp chưởng đỉnh lễ, nhi bạch Phật
ngôn: "như Phật sở thuyết, ngã đương
誠心保護如是修菩提者。"爾時，梵王並天帝釋、四天大王，
thành tâm bảo hộ như thị tu Bồ Đề Giả." nhĩ thời, Phạm Vương tịnh Thiên Đế Thích
、 Tứ Thiên Đại Vương,

亦於佛前同時頂禮，而白佛言："審有如是修學善人，我當盡心至
diệc ư Phật tiền đồng thời đỉnh lễ, nhi bạch Phật ngôn: "thẩm hữu như thị tu học thiện
nhân, ngã đương tận tâm chí
誠保護，令其一生所作如願。"復有無量藥叉大將，諸羅刹王
thành bảo hộ, linh kỳ nhất sinh sở tác như nguyện." phục hữu vô lượng Dược Xoa đại
tướng, chư La Sát Vương

、富單那王、鳩槃荼王、毗舍遮王、頻那夜迦，諸大鬼王，及
、 Phú Đan Na Vương、Cưu Bàn Trà Vương、Tỳ Xá Già Vương、Tần Na Dạ Ca, chư
Đại Quỷ Vương, cập

諸鬼帥，亦於佛前合掌頂禮，而白佛言："我亦誓願護持是人，令菩

chư Quý soái, diệc ư Phật tiền hợp chướng đỉnh lễ, nhi bạch Phật ngôn: "ngã diệc thệ
nguyện hộ trì thị nhân, linh Bồ

提心速得圓滿。"復有無量日、月天子，風師、雨師、雲

Đề tâm tốc đắc viên mãn. "phục hữu vô lượng Nhật、Nguyệt Thiên Tử, Phong sư
、Vũ sư、Vân

師、雷師，並電伯等，年歲巡官，諸星眷屬，亦於會中頂禮佛足，

sư、Lôi sư, Tịnh điện bá đẳng, Niên tuế Tuần quan, chư Tinh quyển thuộc, diệc ư hội
trung đánh lễ Phật túc,

而白佛言: "我亦保護是修行人，安立道場，得無所畏。"

nhi bạch Phật ngôn: "Ngã diệc bảo hộ thị tu hành nhân, an lập đạo tràng, đắc vô sở úy."
復有無量山神、海神，一切土地、水、陸、空行萬物精祇，並風神

phục hữu vô lượng Sơn thần、Hải thần, nhất thiết Thổ địa、thuỷ、lục、không hành
vạn vật Tinh Kỳ, tịnh Phong thần

王，無色界天，於如來前同時稽首，而白佛言: "我亦保護是修行

Vương, Vô sắc giới Thiên, ư Như Lai tiền đồng thời khể thủ, nhi bạch Phật ngôn: "Ngã
diệc bảo hộ thị tu hành

人，得成菩提，永無魔事。"爾時，八萬四千那由他恒河

nhân, đắc thành Bồ Đề, vĩnh vô ma sự. "nhĩ thời, bát vạn tứ thiên na do tha Hằng hà
沙俱胝金剛藏王菩薩在大會中，即從座起，頂禮佛足，而白佛言:

sa Câu-chi Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát tại đại hội trung, tức tòng tọa khởi, đánh lễ
Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:

"世尊！如我等輩，所修功業，久成菩提，不取涅槃，常隨此呪，救

"Thế Tôn！ như ngã đẳng bối, sở tu công nghiệp, cứu thành Bồ Đề, bất thủ Niết Bàn,
thường tùy thủ Chú, cứu

護末世修三摩提正修行者。世尊！如是修心求正定人，若同道場，

hộ mạt thế tu Tam Ma Đề chánh Tu Hành Giả. Thế Tôn！ như thị tu tâm cầu chánh định
nhân, nhược tại đạo tràng,

及餘經行，乃至散心遊戲聚落，我等徒眾常當隨從，侍衛此人。縱

cập dư kinh hành, nãi chí tán tâm du hí tụ lạc, ngã đẳng đồ chúng thường đương tùy
tòng, thị vệ thủ nhân. túng

令魔王大自在天求其方便，終不可得。諸小鬼神去此善人十由旬外，

linh Ma Vương, Đại Tự Tại Thiên cầu kỳ phương tiện, chung bất khả đắc. chư tiểu quý
thần khứ thủ thiện nhân thập do tuần ngoại,

除彼發心樂修禪者。世尊！如是惡魔，若魔眷屬，欲來侵擾是善人

trừ bỉ phát tâm lạc tu thiện Giả. Thế Tôn！ như thị ác ma, nhược ma quyển thuộc, dục
lai xâm nhiễu thị thiện Nhân

者，我以寶杵殞碎其首，猶如微塵，恒令此人所作如願。"

Giả, ngã dĩ bảo chử vãn toái kỳ thủ, do như vi trần, hằng linh thủ nhân sở tác như
nguyện. "

出處: 大佛頂如來密因修證了義諸菩薩萬行首楞嚴經(一名中印度那

xuất xứ: Đại Phật Đỉnh Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa chư Bồ Tát vạn hạnh
Thủ Lăng Nghiêm kinh (nhất danh trung Ấn Độ Na

蘭陀大道場經於灌頂部錄出 別行)• 卷第七-- 大唐 天竺

Lan Đà đại đạo tràng kinh ư quán đỉnh bộ lục xuất biệt hành quyển đệ thất -- Đại
Đường - Thiên Trúc

沙門 般刺蜜諦 譯

注意:

佛教陀羅尼神呪的真正義理

Sa môn Bát Lạt Mật Đế dịch

Chú ý:

Phật giáo Đà La Ni Thần Chú đích chân chánh nghĩa lý

，惟佛及大威德菩薩乃能究竟，此處漢文

「句意」只就梵語的

， duy Phật cập Đại Uy Đức Bồ Tát nãi năng cứu cánh, thử xứ Hán văn

「 câu / cú ý 」 chỉ / xích tựu Phạn ngữ đích

表面意思略作淺顯解釋，以便記憶，觀者切莫因此而輕視！如

biểu diện ý tư lược tác tiên hiển giải thích, dĩ tiện ký ức, quan giả thiết mạc nhân
thử nhi khinh thị ! như

世間之法律，雖是平常文字，却能藉此懲惡揚善，人衆無敢違

thế gian chi pháp luật, tuy thị bình thường văn tự, khước năng tịch thử trùng ác
dương thiện, nhân chúng vô cảm vi

犯；神呪雖是天竺梵語，然爲法界之軌範，有無量妙用！

phạm ; Thần Chú tuy thị Thiên Trúc Phạn ngữ, nhiên vi pháp giới chi quỹ phạm,
hữu vô lượng diệu dụng !

大佛頂首楞嚴神呪•

回向

三歸依

Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú

Hồi hướng

Tam quy y

बद्धं शरणं द्वि गच्छामि द्विपादानं अग्र्यं।

बद्धं शरणं द्वि गच्छामि द्विपादानं अग्र्यं।

buddham śaraṇam gacchāmi dwipādānam agryam

buddham śaraṇam gacchāmi dwipādānam agryam

歸依佛 兩足尊

Quy y Phật lưỡng túc tôn

धर्म शरणं गच्छामि विरागाणां अग्र्यं।

धर्म शरणं गच्छामि विरागाणां अग्र्यं।

dharmam śaraṇam gacchāmi wirāgāṇām agryam

dharmam śaraṇam gacchāmi wirāgāṇām agryam

歸依法 離欲尊

Quy y Pháp ly dục tôn

धर्म शरणं गच्छामि विरागाणां अग्र्यं।

धर्म शरणं गच्छामि विरागाणां अग्र्यं।

samghaṃ śaraṇaṃ gacchāmi gaṇānaṃ agryaṃ

samghaṃ śaraṇaṃ gacchāmi gaṇānaṃ agryaṃ

歸依僧 眾中尊

Quy y Tăng chúng trung tôn

天龍八部讚

Thiên long bát bộ tán

天阿蘇囉藥叉等 * 來聽法者應至心

Thiên, A Tu La, Dược Xoa đẳng * Lai thính pháp Giả ưng chí tâm

擁護佛法使長存 * 各各勤行世尊教 諸有聽徒來至此

Ứng hộ Phật pháp sử trường tồn * Các các cần hành Thế Tôn giáo. * Chư hữu thính đồ lai chí tử

或在天上或居空 常於人世起慈心 *

Hoặc tại địa thượng hoặc cư không. * Thường ư nhân thế khởi từ tâm *

日夜自身依法住 願諸世界常安隱 * 無邊福智益群生

Nhật dạ tự thân y Pháp trú. * Nguyên chư thế giới thường an ổn * Vô biên phước trí ích quần sinh

所有罪業並消除 * 遠離眾苦歸圓寂 恒用戒香塗瑩體 *

Sở hữu tội nghiệp tịnh tiêu trừ * Viễn ly chúng khổ quy viên tịch. * Hằng dụng Giới hương đồ oánh thể. *

常持定服以資身 菩提妙華遍莊嚴 * 隨所住處常安樂

Thường trì Định phục dĩ tư thân. * Bồ Đề diệu hoa biến trang nghiêm. * Tùy sở trú xứ thường an lạc

回向偈

Hồi hướng kệ

願消三障諸煩惱

願得智慧真明了

普願罪障悉消除

世世常行菩薩道

Nguyện tiêu tam chướng chư phiền não

Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu

Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ

Thế thế thường hành Bồ Tát đạo

附錄 古代漢字音譯 《大佛頂首楞嚴神呪》 三種版本對照

Phụ lục cổ đại Hán tự âm dịch 《Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm thần chú》 tam chủng bản bốn đối chiếu

CHÚ LĂNG NGHIÊM

ĐỀ NHỨT HỘI:

Nam mô tát đát tha tô già đa da, a ra ha đế tam miệu tam bồ
đà tóa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tệ.

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra
bà ca tăng già nẫm.

Nam mô lô kê a la hán đa nẫm.

Nam mô tô lô đa ba na nẫm.

Nam mô ta yết rị đà già di nẫm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đế
ba đa na nẫm.

Nam mô đề bà ly sắt nỏa.

Nam mô tất đà da, tỳ địa da đà ra ly sắt nỏa. Xá ba noa yết ra
ha, ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da, ô ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đế.

Na ra dã noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bát lặc na già ra.

Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất
nê. Ma đát rị già noa.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đa cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô bạt xà ra cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra da.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra
xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu
tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế,
tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ rị da, bát ra bà
ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lạc xà da,
đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da,
a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lạc đất na kê đô ra xà da, đa tha già đa
da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biều Nam mô tát
yết rị đa. Ế đàm bà già bà đa, tát đất tha già đô sát ni sam, tát
đất đa bát đất lam.

Nam mô a bà ra thị đàm, bát ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ
đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạt ra bí địa da sát đà
nễ, a ca ra mật rị trụ, bát rị đất ra da nãnh yết rị, tát ra bà bàn
đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắt tra, đột tất phạp bát na nễ
phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhã xà,
tỳ đa băng ta na yết rị, a sắt tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đất
ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắt tra nẫm, ma ha yết ra ha
nhã xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nễ bà ra nhã xà,
hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đất ra, a kiết
ni ô đà ca ra nhã xà, a bát ra thị đa cu ra, ma ha bát ra chiến
trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha
bạt ra bàn đà ra bà tất nễ, a rị đa đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà

da, bạt xà ra ma lễ đê, tỳ xá rô đa, bột đàng đồng ca, bạt xà ra chế hát na a giá, ma ra chế bà bát ra chất đa, bạt xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiền đa xá bệ đề bà bổ thị đa, tô ma rô ba, ma ha thuế đa, a rị đa đa ra, ma ha bà ra, a bát ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hát tát đa giá tỳ địa đa kiên giá na ma rị ca, khuấy tô mẫu bà yết ra đá na, bệ rô giá na cu rị đa, dạ ra thổ sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra, sát sa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thổ na mạ mạ tóa.

ĐỀ NHỊ HỘI:

Ô hồng, rị sắt yết noa, bát lạc xá tất đa, tát đất tha già đô sắt ni sam. Hồ hồng, đô lô ung, chiêm bà na. Hồ hồng, đô lô ung, tất đăm bà na. Hồ hồng, đô lô ung, ba ra sát địa đa tam bát xá noa yết ra. Hồ hồng, đô lô ung, tát bà dược xoa hát ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đàng băng tát na yết ra. Hồ hồng, đô lô ung, giá đô ra thi đế năm, yết ra ha, ta ha tát ra năm, tỳ đàng băng tát na ra. Hồ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắt ni sam, ba ra điểm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đế lệ, a tề đề thị bà rị đa, tra tra anh ca, ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, mạn trà ra, ô hồng, ta tất đế bạc bà đô, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tóa.

ĐỀ TAM HỘI:

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chúc yết ra bà dạ, đột sắt xoa

bà dạ, a xá nễ bà dạ, a ca ra mặt rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di
kiếm ba già, ba đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lạc xà đàn trà bà
dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dục
xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá giá
yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, bổ đơn na yết
ra ha, ca tra bổ đơn na yết ra ha, tất kiên độ yết ra ha, a bá tất
ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà
đế yết ra ha, xã đa ha rị nẫm, yết bà ha rị nẫm, rô địa ra ha rị
nẫm, mang ta ha rị nẫm, mê đà ha rị nẫm, ma xà ha rị nẫm, xà
đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha rị nẫm, tỳ đa ha rị nẫm, bà đa ha rị
nẫm, a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát
bà yết ra ha nẫm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị
bạt ra giả ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di,
trà diễn ni hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma
ha bát du bác đất dạ, lô đà ra hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ
di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ
di, kê ra dạ di, đất đỏa già lô trà tây hất rị đờm, tỳ đà dạ xà
sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đất rị già noa hất rị
đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị
đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ
yết ra tát bà ra tha ta đạt na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ
di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân
đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra dà
noa bát đế, sách hê dạ hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê
ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà
dạ di, kê ra dạ di, a la hán hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di,
kê ra dạ di, tỳ đa ra già hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di,
kê ra dạ di, bạt xà ra ba nễ, cu hê dạ, cu hê dạ, ca địa bát đế
hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa vông,
bà già phạm, ấn thổ na mạ mạ tủa.

ĐỀ TƯ HỘI:

Bà già phạm, tát đất đa bát đất ra, Nam mô tuý đô đế, a tất đa na ra lạc ca, ba ra bà tất phổ tra, tỳ ca tát đất đa bát đất rì, thập Phật ra thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hồ hồng. Hồ hồng, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, ta ha, hê hê phẩn, a mâu ca da phẩn, a ba ra đề ha đa phẩn, bà ra ba ra đà phẩn, a tổ ra tỳ đà ra ba ca phẩn, tát bà đề bệ tộ phẩn, tát bà na già tộ phẩn, tát bà dược xoa tộ phẩn, tát bà càn thát bà tộ phẩn, tát bà bổ đơ na tộ phẩn, ca tra bổ đơ na tộ phẩn, tát bà đột lang chỉ đế tộ phẩn, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tộ phẩn, tát bà thập bà lê tộ phẩn, tát bà a bá tất mạ lê tộ phẩn, tát bà xá ra bà noa tộ phẩn, tát bà địa đế kê tộ phẩn, tát bà đất ma đà kê tộ phẩn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn; tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn, giả đô ra phược kỳ nễ tộ phẩn, bạt xà ra cu ma rì, tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa kỳ rì tộ phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rì ca noa.

Nam mô ta yết rì đa dạ phẩn. Tỳ sắc noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rì duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệt đất rì duệ phẩn, lao đất rì duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đất rì duệ phẩn, ca bát rì duệ phẩn, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nễ duệ phẩn, diễn kiết chất, Tát đỏa bà tả, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tủa.

ĐỀ NGŨ HỘI:

Đột sắt tra chất đa, a mặt đất rì chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỳ

đà ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiên đà ha ra, bố sử ba ha ra, phá ra ha ra, bà tả ha ra, bát ba chất đa, đột sắt tra chất đa, lao đà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bế lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cru bàn trà yết ra ha, tất kiên đà yết ra ha, ô đát ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch Khê cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, mộ đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiên độ ba ni yết ra ha, thập Phật ra yên ca hê ca, trụ đế dược ca, đát lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phật ra, tử sam ma thập phật ra, bạc đế ca, tử đế ca, thất lệ sắt mật ca, ta nễ bát đế ca, tát bà thập phật ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đát lô chế kiếm, a ý lô kiếm, mục Khê lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắt tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô rô du lam, thường già du lam, hất tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bát ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột rô ca kiến đốt rô kiết tri, bà lộ đa tỳ, tát bát lô, ha lăng già, du sa đát ra, ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca ra mật rị đốt đát liếm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắt chất ca, tát bà na cu ra. Tứ dẫn già tộ yết ra, rị dược xoa, đát ra xô, mặt ra thị phệ đế sam, ta bệ sam, tất đát đa bát đát ra, ma ha bạt xà lô sắt ni sam, ma ha bát lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đát lệ noa. Tỳ đà da bàn đàm ca lô di. đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di, đát diệt tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạt xà ra bàn ni phấn. Hổ hồng, đô lô ung phấn, Ta bà ha.

(3 lần)

देवनागरीमहातथागथोष्णीषशूरंगमहदयं

The Shurangama Mantra (Mahā-tathāgatoṣṇīṣa-śūraṅgama-mantra)

नमस्तथागताय सुगताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

*001 |||

नमस्तथागत बुद्धकोट्युष्णीषं।

*002 |||

नमःसर्वबुद्धबोधिसत्त्वेभ्यः।

*003 |||

नमःसप्तानां सम्यक्संबुद्धकोटीनां । सश्रावकसंघानां।

*004---005 |||

नमो लोके अर्हन्तानां।

*006 |||

नमःस्रोतापन्नानां।

*007 |||

नमःसकृदागामीनां।

*008 |||

नमो अनागामीनां।

*008bis |||

नमो लोके सम्यग्गतानां सम्यकप्रतिपन्नानां।

*009---010 |||

नमो देवऋषीणां।

*011 |||

नमःसिद्ध्याविद्याधरऋषीणां शापानुग्रह सह सर मर्थानां।

*012---013 |||

नमो ब्रह्मणे। नम इन्द्राय।

*014 ||| *015 |||

नमो भगवते रुद्राय। उमापति सहीयाय।

*016---019 |||

नमो भगवते नारायणाय। पञ्चमहामुद्रा नमस्कृताय।

*020---023 |||

नमो भगवते महाकालाय। त्रिपुरनगर विद्रापणकराय। अधिमुक्ति

श्मशाननिवासिने। मातृगण नमस्कृताय।

*024---031 |||

नमो भगवते तथागतकुलाय।

*032---033 |||

नमःपद्मकुलाय। नमो वज्रकुलाय।

*034 ||| *035 |||

नमो मणिकुलाय। नमो गजकुलाय।

*036 ||| *037 |||

नमो भगवते दृढशूरसेनप्रहरणराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

*038---041 III

नमो भगवते अमिताभाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

*042---046 III

नमो भगवते अक्षोभ्याय तथागताय अर्हते सम्यक्सं बुद्धाय।

*047---051 III

नमो भगवते भैषज्यगुरुवैडूर्यप्रभराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

*052---055 III

नमो भगवते संपुष्पितसालेन्द्रराजाय तथागताय अर्हते सम्यक्संबुद्धाय।

*056---061 III

नमो भगवते शाक्यमुनये तथागताय अर्हते सम्य क्सं बुद्धाय।

*062---066 III

नमो भगवते रत्नकेतुराजाय तथागताय अर्हते सम्य क्संबुद्धाय।

*067---071 III

तेभ्यो नमस्कृत्वा।

*072 III

इदं भगवतस्तथागतोष्णीषं सितातपत्रा-नाम-अपरा जितं प्रत्यङ्गिरां।

*073---077 III

सर्वभूतग्रहनिग्रहक कर हणीं।

*078---079 III

परविद्याच्छेदनीं।

*080 III

अकालमृत्युपरित्राणकरीं।

*081---082 III

सर्वबन्धनमोक्षणीं।

*083 III

सर्वदुष्ट दुःस्वप्ननिवारणीं।

*084---085 III

चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकरीं।

*086---088 III

अष्टाविंशतीनां नक्षत्राणां प्रसादनकरीं।

*089---091 III

अष्टानां महाग्रहाणां विध्वंसनकरीं।

*092---094 III

सर्वशत्रु निवारणं।

*095 III

घोरां दुःस्वप्नां च नाशनीं।

*096 III

विष शस्त्र अग्नि उदकरणं।

*097---098 III

अपराजित घोर महाबल चण्डी।

*099 ||| *100 |||

महादीप्त महातेज महाश्वेत ज्वल।

*101~~~102 ||| *103 |||

महाबल पाण्डरवासिनी।

*104 |||

आर्यताराभृकुटीचैव विजय वज्रमालेतिःविश्रुत।

*105~~~109 |||

पद्मकःवज्रजिह्वश्च मालाचैवापराजिता। वज्रदण्डीं विशालाच शान्ता श्वेतेव
पूजिता ॥

*110~~~115 |||

सौमरूपा महाश्वेता आर्यतारा महाबल अपरावज्र शंकलाचैव।

*116~~~120 |||

वज्रकौमारी कुलंधरी वज्रहस्ताच विद्या काञ्चन मा लिकाः ॥

*121~~~124 |||

कुसुम्भ रत्न वैरोचनकुलीयायाधोष्णीषं विजृम्भमा णीच ॥

*125~~~128 |||

वज्र कनकप्रभा लोचना वज्रतुण्डी च। श्वेताच कमलाक्ष शशिप्रभा ॥

*129~~~132 |||

इत्येते मुद्रागणाःसर्वैरक्षां कुर्वन्तु इमां ममस्य।

*133~~~137 |||

ॐ ऋषिगणप्रशस्त स्तथागतोष्णीषं।

*138~~~141 |||

ह्रूं त्रूं जम्भन ह्रूं त्रूं स्तम्भन।

*142~~~144 ||| *145~~~147 |||

ह्रूं त्रूं परविद्यासम्भक्षनकर।

*148~~~150 |||

ह्रूं त्रूं सर्वयक्षराक्षसग्रहाणां विध्वंसनकर।

*151~~~155 |||

ह्रूं त्रूं चतुरशीतीनां ग्रहसहस्राणां विध्वंसनकर।

*156~~~160 |||

ह्रूं त्रूं रक्ष रक्ष मां।

*161~~~163 |||

भगवान् स्तथागतोष्णीषं प्रत्यङ्गिरे।

*164~~~166 |||

महासहस्रभुजे सहस्रशीर्षे कोटीसहस्रनेत्रे।

*167~~~169 |||

अभेद्ये ज्वलितातातटक महावज्रोदार त्रिभुवनमण्डल।

*170~~~174 |||

ॐ स्वस्तिर्भवतु मम इमां ममस्य।

*175---178 III

राजभयाश्चोरभया अग्निभया उदकभया विषभयाःश। स्र-भयाः परचक्रभया
दुर्भिक्षभया अशनिभया अका। लमृत्युभया धरणिभूमिकम्पक पात भया उल्कापात
भया। राजदण्डभया नागभया विद्युद्-भयाः सुपर्णभया।

*179---194 III

यक्षग्रहा राक्षसग्रहाः प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहा भूतग्रहाः कुम्भाण्डग्रहाः पूतनग्रहाः
कटपूतनग्रहाःस्कन्दग्रहा अपस्मारग्रहा उन्मदग्रहा श्छायग्रहा रेवतीग्रहाः।

*195---207 III

जाताहारीनं गर्भाहारीनं रुधिराहारीनं मांसाहारीनं मेदाहारीनं मज्जाहारीनं
जाताहारीनीं जीविताहारीनं पीताहारीनं वान्ताहारीनं अशुच्याहारीनीं चित्ताहा
रीनीं।

*208---219 III

तेषांसर्वेषां सर्वग्रहाणां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*220---223 III

परिव्राजककृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*224---226 III

डाकिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*227---229 III

महापशुपतिरुद्रकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*230---233 III

नारायणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*234---236 III

तत्त्वगरुडकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*237---239 III

महाकाल मातृगणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*240---242 III

कापालिककृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*243---245 III

जयकरमधुकर सर्वार्थसाधककृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*246---249 III

चतुर्भङ्गिनीकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*250---252 III

शृङ्गिरिटिनन्दिकेश्वर गणपतिसहीयायकृतां विद्यांछि न्दयामि कीलयामि।

*253---257 III

नग्नश्रमणकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*258---260 III

अर्हन्तकृत विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*261~~~262 III

वीतरागकृतां विद्यां छिन्दयामि कीलयामि।

*263~~~264 III

वज्रपाणिगुह्यगुह्यकाधिपतिकृतां विद्यां छिन्दयामि की लयामि।।

*265~~~269 III

रक्ष मां भगवन् इमां ममस्य।

*270~~~272 III

भगवान् सितातपत्रं नमोऽस्तुते।

*273~~~275 III

असितानलार्कप्रभास्फुट-विकसितातपत्रे।

*276~~~278 III

ज्वल २ दर २ विदर २ छिन्द २ हूँ हूँ फट् फट् फट् फट् फट् स्वाहा।।

*279~~~286 III

हेहे फट्। अमोघाय फट्। अप्रतिहत फट्। वरप्रदफट्।

*287~~~290 III

असुरविद्रपक फट्। सर्वदेवेभ्यःफट्। सर्वनागेभ्यःफट्। सर्वयक्षेभ्यःफट्।

सर्वगन्धर्वेभ्यःफट्। सर्वपूतनेभ्यःफट्। कटपूतनेभ्यःफट्।

*291~~~297 III

सर्वदुर्लङ्घितेभ्यःफट्। सर्वदुष्प्रेक्षितेभ्यःफट्। सर्वज्वरे भ्यःफट्।

सर्वअपस्मारेभ्यःफट्।

*298~~~301 III

सर्वश्रमणेभ्यःफट्। सर्वतीर्थीकेभ्यःफट्। सर्वधर्मा ढक्का भ्यःफट्।

*302~~~304 III

सर्वविद्याराजाचार्येभ्यःफट्। जयकर-मधुकरसर्वार्थसा धकेभ्यःफट्।

विद्याचार्येभ्यःफट्। चतुर्भगिनीभ्यःफट्। वज्रकौमारी विद्याराजेभ्यःफट्।

*305~~~311 III

महाप्रत्यङ्गिरेभ्यःफट्। वज्रशंकलाय प्रत्यङ्गिरराजाय फट्।

*312~~~314 III

महाकालाय महामातृगण नमस्कृताय फट्। विष्णवीये फट्। ब्रह्मणीये फट्। अग्नीये

फट्। महाकालीये फट्। कालदण्डीये फट्। मात्रीये फट्। रौद्रीये फट्। चामुण्डी ये

फट्। कालारात्रीये फट्। कापालीयेफट्। अधिमुक्तक श्मशान वासिनीये फट्।

*315~~~329 III

येके चिन्सत्त्वास्य मम इमां ममस्य दुष्टचित्ता अमैत्र चित्ता।

*330~~~334 III

ओजाहारा गर्भाहारा रुधिराहारा वसाहारा मज्जाहारा जाताहारा जीविताहारा

माल्याहारा गन्धाहाराःपुष्पा हाराः फलाहाराः सस्याहाराः ।

*335---346 III

पापचित्ता दुष्टचित्ता रौद्रचित्ता।

*347---349 III

यक्षग्रहा राक्षसग्रहा प्रेतग्रहाः पिशाचग्रहाः भूतग्रहाः कुम्भाण्डग्रहाः स्कन्दग्रहा
उन्मदग्रहा श्लायग्रहा अ पस्मारग्रहा डाकडाकिनीग्रहा रेवतीग्रहा जामिकाग्र हाः
शकुनिग्रहा मातृनन्दिकग्रहा अलम्बाग्रहाः कण्ठ पाणिग्रहाः।

*350---366 III

ज्वरा एकाहिका द्वैतीयकारत्रैतीयकाश्चतुर्थका नित्यज्व रा विषमज्वरा।

*367---371 III

वातिकाःपैक्तिकाःश्लेष्मिकाःसांनिपातिकाःसर्वज्वराः।

*372---376 III

शिरोऽर्ति वर्ध बाधारोचकं अक्षिरोगं मुखरोगं हृद्रोगं ग लग्नं कर्णशूलं दन्तशूलं
हृदयशूलं मर्मन्शूलं पार्श्व शूलं पृष्ठशूलं उदरशूलं कटिशूलं वस्तिशूलं ऊरुशूलं
नखशूलं हस्तशूलं पादशूलं सर्वङ्गप्रत्यङ्गशूलं।

*377---396 III

भूत वेताड डाकिनी ज्वर।

*397---398 III

दद्रुकाःकण्डूःकिटिभा लूता वैसर्पा लोहलिङ्गाः।

*399---400 III

शोष त्रास गर विष योग अग्नि उदक।

*401---403 III

मार वैर कान्तार अकालमृत्यु।

*404---405 III

त्र्यम्बुक त्रैलाट वृश्चिक सर्प नकुल सिंह व्याघ्र ऋक्ष त रक्ष मरजीवे तेषां सर्वेषां।।

*406---410 III

सितातपत्र महावज्रोष्णीषं महाप्रत्यङ्गिरां।

*411---413 III

यावद्वादशयोजनाभ्यन्तरेण विद्याबन्धं करोमि तेजोब न्धं करोमि परविद्याबन्धं
करोमि।

*414---418 III

तद्यथा ॐ अनले विषदे वैर वज्रधरे बन्ध बन्धनि वज्र पाणि फट्। हूँ त्रूँ फट्
स्वाहा ॥

*419---427 III

Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Thần Chú
Shurangama Mantra

(#1)

namas tathāgatāya sugatāya arhate samyak-saṃbuddhāya ** namas tathāgata-
buddha-koṭy-uṣṇīṣaṃ ** namas sarva-buddha-bodhi-sattvebhyaḥ ** namas
saptānāṃ samyak-saṃbuddha-koṭīnāṃ sa-śrāvaka-saṃghānāṃ ** namo loke
arhantānāṃ ** namas srota-āpannānāṃ ** namas sakṛdāgamīnāṃ ** namo loke
samyag-gatānāṃ samyak-pratipannānāṃ ** namo devarṣīnāṃ ** namas siddhyā
vidyā-dhara-ṛṣīnāṃ śāpa-nu-graha-saha-sara-marthānāṃ ** namo brahmaṇe **
nama indrāya ** namo bhagavate rudrāya umā-pati-sahāyāya ** namo bhagavate
nārāyaṇāya pañca-mahā-mudrā-namas-kṛtāya ** namo bhagavate mahā-kālāya
tripura-nagara-vidrā-paṇa-kārāya adhi-mukti-śmaśāna-nivāsini mātṛ-gaṇa-
namas-kṛtāya ** namo bhagavate tathāgata-kulāya ** namaḥ padma-kulāya **
namo vajra-kulāya ** namo maṇi-kulāya ** namo gaja-kulāya ** namo bhagavate
dṛḍha-sūra-senā-pṛa-haraṇa-rājāya tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya **
namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya ** namo
bhagavate akṣobhyāya tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya ** namo
bhagavate bhaiṣajya-guru-vaīdūrya-prabha-rājāya tathāgatāya arhate samyak-
saṃbuddhāya ** namo bhagavate saṃpuṣpītā-sāendra-rājāya tathāgatāya arhate
samyak-saṃbuddhāya ** namo bhagavate śākyamunaye tathāgatāya arhate
samyak-saṃbuddhāya ** namo bhagavate ratna-ketu-rājāya tathāgatāya arhate
samyak-saṃbuddhāya ** tebhyo namas-kṛtvā idaṃ bhagavatas tathāgata-uṣṇīṣaṃ
sīta-ātapatṛaṃ namo aparājitaṃ prati yaṅgiraṃ ** sarva-bhūta-graha-nigrahaka-
kara-hani ** para-vidyā chedanīṃ ** akāla-mṛtyu-pari-trāyaṇa-karīṃ ** sarva-
bandhana-mokṣaṇīṃ ** sarva-duṣṭa-duḥ-svapna-nivāraṇīṃ ** caturaśītīnāṃ
graha-sahasrāṇāṃ vidhvaṃsana-karīṃ ** aṣṭa-viṃśatīnāṃ nakṣatrāṇāṃ pṛa-
sādāna-karīṃ ** aṣṭānāṃ mahā-grahāṇāṃ vidhvaṃsana-karīṃ ** sarva-śatru-
nivāraṇāṃ ** ghorāṃ duḥ-svapnāṃ ca nāśaṇīṃ ** viṣa-śāstra-agni-udaka-raṇāṃ
** aparājita-ghora * mahā-bala-caṇḍa * mahā-dīpta * mahā-teja * mahā-śveta-
jvala * mahā-bala pāṇḍara-vāsini * ārya-tārā * bhṛ-kuṭīṃ * ce va vijaya vajra-
maletiḥ vi-śrūta * padmakhaḥ * vajra-jihvaś ca * mālā ce va aparājitā * vajra-
daṇḍaḥ viśālā ca * śānta śveteva pūjitā * sauma-rūpā mahā-śvetā * ārya-tārā
mahā-bala * apara vajra-saṃkalā ce va * vajra-kaumārī kulaṃ-dharī ** vajra-
hastā ca * vidyā kāñcana-mallikāḥ * kusumbhaka-ratnaḥ ** vairocana-kulīyāya
artha-uṣṇīṣaḥ ** vi-jṛmbha-mānī ca vajra * kanaka-prabha-locanā ** vajra-tuṇḍī
ca * śvetā ca * kamala-kṣaś * śaśi-prabhā ** ity-iti mudrā-gaṇas sarve rakṣaṃ
kurvantu imān mama-asya

(#2)

oṃ ṛṣi-gaṇa-pṛa-śastas tathāgata-uṣṇīṣaṃ hūṃ trūṃ ** jambhana hūṃ trūṃ **
stambhana hūṃ trūṃ ** para-vidyā-saṃ-bhakṣaṇa-kara hūṃ trūṃ ** sarva-
yakṣa-rākṣasa-grahāṇāṃ vidhvaṃsana-kara hūṃ trūṃ ** caturaśītīnāṃ graha-
sahasrāṇāṃ vidhvaṃsana-kara hūṃ trūṃ ** rakṣa * bhagavāṃs * tathāgata-
uṣṇīṣaṃ ** pratyaṅgire * mahā-sahasra-bhujē * sahasra-śīrṣe * koṭi-sahasra-netre
** abhede jvalita-taṭaka mahā-vajra-udāra * tri-bhuvana-maṇḍala ** oṃ svastī
bhavatu mama * imān mama-asya

(#3)

rāja-bhayās * ścora-bhayā * agni-bhayā * udaka-bhayā * viṣa-bhayāḥ * śastra-bhayāḥ * paracakra-bhayā * dur-bhikṣa-bhayā * aśani-bhayā * akāla-mṛtyu-bhayā * dharaṇi-bhūmi-kampaka-pata-bhayā * ulkā-pāta-bhayā * rāja-daṇḍa-bhayā * nāga-bhayā * vidyud-bhayās * suparṇa-bhayā ** yakṣa-grahā * rākṣasī-grahāḥ * preta-grahāḥ * piśāca-grahā * bhūta-grahāḥ * kumbhāṇḍa-grahāḥ * pūtana-grahāḥ * kaṭapūtana-grahās * skanda-grahā * apa-smāra-grahā * unmāda-grahās * chāya-grahā * revatī-grahā ** jāta-hārīnaṃ * garbha-hārīnaṃ * rudhira-hārīnaṃ * māṃsa-hārīnaṃ * medha-hārīnaṃ * majja-hārīnaṃ * jāta-hārīnīm * jīvita-hārīnaṃ * pīta-hārīnaṃ * vānta-hārīnaṃ * aśucya-hārīnīm * citta-hārīnīm ** teṣāṃ sarveṣāṃ sarva-grahānāṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** pari-vrājaka-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** ḍākinī-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** mahā-paśupati-rudra-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** nārāyaṇa-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** tattva-garuḍa-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** mahā-kāla-mātr-gaṇa-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** kāpālika-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** jaya-kara-madhu-kara-sarva-ārtha-sādhaka-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** catur-bhaginī-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** bhṛṅgi-riṭi-nandikeśvara-gaṇa-pati-sahāya-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** nagna-śramaṇa-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** arhanta-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** vīta-rāga-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** vajra-pāṇi-guhya-guhyaka-adhipati-kṛtaṃ vidyāṃ chedayāmi kīlayāmi ** rakṣa māṃ bhagavann * imān mama-asya

(#4)

bhagavat-sita-ātapatra-namo Astute ** asita-nala-arka-prabha-sphuṭa-vi-kas-sita-ātapatre jvala jvala * dara dara bhidara bhidara chida chida hūṃ hūṃ ** phaṭ phaṭ phaṭ phaṭ svāhā * hehe phaṭ ** amoghāya phaṭ * apratihata phaṭ * vara-prada phaṭ * asura-vidāraka phaṭ * sarva-devebhyaḥ phaṭ * sarva-nāgebhyaḥ phaṭ * sarva-yakṣebhyaḥ phaṭ * sarva-gandharvebhyaḥ phaṭ * sarva-pūtanebhyaḥ phaṭ * kaṭa-pūtanebhyaḥ phaṭ * sarva-dur-laṅghitebhyaḥ phaṭ * sarva-duṣ-prekṣitebhyaḥ phaṭ * sarva-jvarebhyaḥ phaṭ * sarva-apasmārebhyaḥ phaṭ * sarva-śramaṇebhyaḥ phaṭ * sarva-tīrthikebhyaḥ phaṭ * sarva-dharmā-dhakke bhyaḥ phaṭ * sarva-vidyā-rāja-ācāryebhyaḥ phaṭ * jaya-kara-madhu-kara-sarva-ārtha-sādhakebhyaḥ phaṭ * vidya-ācāryebhyaḥ phaṭ * catur-bhaginībhyaḥ phaṭ * vajra-kaumārī-vidyā-rājebhyaḥ phaṭ * mahā-praty-aṅgirebhyaḥ phaṭ * vajra-saṃkalāya praty-aṅgira-rājāya-rājāya phaṭ * mahā-kālāya mahā-mātr-gaṇa-namas-kṛtāya phaṭ * viṣṇaviye phaṭ * brāhmaṇiye phaṭ * agniye phaṭ * mahā-kāliye phaṭ * kāla-daṇḍiye phaṭ * mātrīye phaṭ * raudriye phaṭ * cāmuṇḍiye phaṭ * kālā-rātriye phaṭ * kāpāliye phaṭ * adhi-muktaka-śmaśāna-vāsiniye phaṭ ** ye ke cittās sattvāsya mama * imān mama-asya

(#5)

duṣṭa-cittā * amitrī-cittā ** oja-hārā * garbha-hārā * rudhira-hārā * vasa-hārā * majja-hārā * jāta-hārā * jīvita-hārā * mālya-hārā * gandha-hārāḥ * puṣpa-hārāḥ * phala-hārās * sasya-hārāḥ ** pāpa-cittā * duṣṭa-cittā * raudra-cittā ** yakṣa-grahā * rākṣasa-grahāḥ * preta-grahāḥ * piśāca-grahā * bhūta-grahāḥ * kumbhāṇḍa-grahās * skanda-grahā * unmāda-grahās * chāyā-grahā * apa-smāra-grahā * ḍāka-ḍākinī-grahā * revatī-grahā * jāmika-grahās * śakunī-grahā * mātr-nāndika-grahā * ālambā-grahā * kaṇṭhapaṇi-grahāḥ ** jvarā * ekāhikā *

dvaitīyakās * traitīyakās * cāturthakā * nitya-jvarā * viṣama-jvarā * vātikāḥ *
paittikās * ślaiṣmikās * sām-nipātikās * sarva-jvarās * śiro-Arttīr * vārdha-bādha-
arocakā ** akṣi-rogaṃ * mukha-rogaṃ * hr̥d-rogaṃ * gala-grahaṃ * karṇa-śūlaṃ
* danta-śūlaṃ * hr̥daya-śūlaṃ * marman-śūlaṃ * pārśva-śūlaṃ * pṛṣṭha-śūlaṃ *
udara-śūlaṃ * kaṭi-śūlaṃ * vasti-śūlaṃ * ūru-śūlaṃ * nakha-śūlaṃ * hasta-śūlaṃ
* pāda-śūlaṃ * sarva-aṅga-pratyāṅga-śūlaṃ ** bhūta-vetāḍa * ḍākinī * jvarā *
dadrukāḥ * kaṇḍūḥ * kiṭi bhairāvai * sarpā-loha-liṅgāḥ ** śoṣa trāsana gara *
viṣa-yoga * agne * udaka * māra vaira kāntāra * akāla-mṛtyo ** try-ambuka *
trai-lāṭa * vṛścika * sarpa * nakula * siṃha * vyāghra * ṛkṣa * tarakṣa ** mārā
jīvīs * teṣāṃ sarveṣāṃ * sita-ātapatra-mahā-vajra-uṣṇīṣaṃ mahā-pratyāṅgiram **
yāvad-dvādaśa-yojana-abhy-antareṇa ** vidyā-bandhaṃ karomi * tejo-bandhaṃ
karomi * para-vidyā-bandhaṃ karomi ** tadyathā oṃ anale viśade vīra-vajra-
dhare bandha bandhani vajra-pāṇiḥ phaṭ hūṃ trūṃ phaṭ svāhā

《楞严咒》

第一會

001南無薩怛他 · 蘇伽多耶 · 阿囉訶帝 · 三
藐三菩陀寫

002薩怛他 · 佛陀俱胝瑟尼釤

003南無薩婆 · 勃陀勃地 · 薩踰鞞弊

004南無薩多南 · 三藐三菩陀 · 俱知喃

005娑舍囉婆迦 · 僧伽喃

006南無盧雞阿羅漢哆喃

007南無蘇盧多波那喃

008南無娑羯唎陀伽彌喃

009南無盧雞三藐伽哆喃

010三藐伽波囉 · 底波多那喃

011南無提婆離瑟赧

012南無悉陀耶 · 毗地耶 · 陀囉離瑟赧

013舍波奴·揭囉訶·娑訶娑囉摩他喃

014南無跋囉訶摩尼

015南無因陀囉耶

016南無婆伽婆帝

017嚧陀囉耶

018烏摩般帝

019娑醯夜耶

020南無婆伽婆帝

021那囉野拏耶

022槃遮摩訶·三慕陀囉

023南無悉羯唎多耶

024南無婆伽婆帝

025摩訶迦囉耶

026地唎般剌那伽囉

027毗陀囉·波拏迦囉耶

028阿地目帝

029尸摩舍那泥·婆悉泥

030摩怛唎伽拏

031南無悉羯唎多耶

032南無婆伽婆帝

033多他伽跢俱囉耶

034南無般頭摩·俱囉耶

035南無跋闍囉·俱囉耶

036南無摩尼俱囉耶

037南無伽闍俱囉耶

038南無婆伽婆帝

039帝唎茶·輸囉西那

040波囉訶囉拏囉闍耶

041跢他伽多耶

042南無婆伽婆帝

043南無阿彌多婆耶

044跢他伽多耶

045阿囉訶帝

046三藐三菩陀耶

047南無婆伽婆帝

048阿芻鞞耶

049跢他伽多耶

050阿囉訶帝

051三藐三菩陀耶

052南無婆伽婆帝

053鞞沙闍耶俱盧吠柱唎耶

054般囉婆囉闍耶

055跢他伽多耶

056南無婆伽婆帝

- 057三補師毖多
058薩憐捺囉·刺闍耶
059跢他伽多耶
060阿囉訶帝
- 061三藐三菩陀耶
062南無婆伽婆帝
063舍雞野·母那曳
064跢他伽多耶
065阿囉訶帝
066三藐三菩陀耶
067南無婆伽婆帝
068刺怛那·雞都囉闍耶
069跢他伽多耶
070阿囉訶帝
- 071三藐三菩陀耶
072帝瓢·南無薩羯唎多
073翳曇婆伽婆多
074薩怛他·伽都瑟尼釤
075薩怛多·般怛嚩*
076南無阿婆囉視耽
077般囉帝揚歧囉
078薩囉婆部多·揭囉訶
-

079尼揭囉訶·羯迦囉訶尼

080跋囉毖地耶·叱陀你

081阿迦囉密唎柱

082般唎怛囉耶·憚揭唎

083薩囉婆·槃陀那·目叉尼

084薩囉婆·突瑟吒

085突悉乏·般那你伐囉尼

086赭都囉失帝南

087羯囉訶·娑訶薩囉若闍

088毗多崩·娑那羯唎

089阿瑟吒冰舍帝南

090那叉剎怛囉若闍

091波囉薩陀那羯唎

092阿瑟吒南

093摩訶揭囉訶若闍

094毗多崩·薩那羯唎

095薩婆舍都嚧你婆囉若闍

096呼藍突悉乏·難遮那舍尼

097毖沙舍·悉怛囉

098阿吉尼·烏陀迦囉若闍

099阿般囉視多具囉

100摩訶般囉戰持

- 101摩訶疊多
102摩訶帝闍
103摩訶稅多闍婆囉
104摩訶跋囉槃陀囉.婆悉你
105阿唎耶多囉
106毗唎俱知
107誓婆毗闍耶
108跋闍囉·摩禮底
109毗舍嚧多
110勃騰罔迦
- 111跋闍囉·制喝那阿遮
112摩囉制婆·般囉質多
113跋闍囉擅持
114毗舍囉遮
115扇多舍·鞞提婆·補視多
116蘇摩嚧波
117摩訶稅多
118阿唎耶多囉
119摩訶婆囉阿般囉
120跋闍囉·商揭囉制婆
- 121跋闍囉俱摩唎

- 122俱藍陀唎
123跋闍囉·喝薩多遮
124毗地耶·乾遮那·摩唎迦
125嘸蘇母·婆羯囉多那
126鞞嚧遮那俱唎耶
127夜囉菟瑟尼釤
128毗折藍婆·摩尼遮
129跋闍囉·迦那迦波囉婆
130嚧闍那跋闍囉·頓稚遮

131稅多遮·迦摩囉
132刹奢尸·波囉婆
133翳帝夷帝
134母陀囉羯拏
135娑鞞囉懺
136掘梵都
137印兔那·麼麼寫

第二會

- 138烏[合*牛]
139唎瑟揭拏
140般刺舍悉多

141薩怛他·伽都瑟尼釤
-

142虎[合*牛]

143都盧雍

144瞻婆那

145虎[合*牛]

146都盧雍

147悉耽婆那

148虎[合*牛]

149都盧雍

150波囉瑟地耶·三般叉·拏羯囉

151虎[合*牛]

152都盧雍

153薩婆藥叉·喝囉刹娑

154揭囉訶若闍

155毗騰崩·薩那羯囉

156虎[合*牛]

157都盧雍

158者都囉·尸底南

159揭囉訶·娑訶薩囉南

160毗騰崩·薩那囉

161虎[合*牛]

162都盧雍

163囉叉

- 164 婆伽梵
165 薩怛他·伽都瑟尼釤
166 波囉點闍吉唎
167 摩訶娑訶薩囉
168 勃樹娑訶薩囉·室唎沙
169 俱知娑訶薩泥帝[口*隸]
170 阿弊提視婆唎多

- 171 吒吒鬘迦
172 摩訶跋闍嚧陀囉
173 帝唎菩婆那
174 曼荼囉
175 烏[合*牛]
176 娑悉帝薄婆都
177 麼麼
178 印兔那麼麼寫

第三會

- 179 囉闍婆夜
180 主囉跋夜

181 阿祇尼婆夜
182 烏陀迦婆夜
183 毗沙婆夜
-

- 184 舍薩多囉婆夜
185 婆囉斫羯囉婆夜
186 突瑟叉婆夜
187 阿舍你婆夜
188 阿迦囉·密唎柱婆夜
189 陀囉尼部彌劍·波伽波陀婆夜
190 烏囉迦婆多婆夜
- 191 刺闍壇茶婆夜
192 那伽婆夜
193 毗條怛婆夜
194 蘇波囉拏婆夜
195 藥叉揭囉訶
196 囉叉私·揭囉訶
197 畢唎多·揭囉訶
198 毗舍遮·揭囉訶
199 部多揭囉訶
200 鳩槃荼·揭囉訶
- 201 補單那·揭囉訶
202 迦吒補單那·揭囉訶
203 悉乾度·揭囉訶
204 阿播悉摩囉·揭囉訶
205 烏檀摩陀·揭囉訶
-

- 206車夜揭囉訶
207醯唎婆帝·揭囉訶
208社多訶唎南
209揭婆訶唎南
210噓地囉·訶唎南
- 211忙娑訶唎南
212謎陀訶唎南
213摩闍訶唎南
214闍多訶唎女
215視比多訶唎南
216毗多訶唎南
217婆多訶唎南
218阿輸遮.訶唎女
219質多訶唎女
220帝鈇薩鞞鈇
- 221薩婆揭囉訶南
222毗陀耶闍·嗔陀夜彌
223雞囉夜彌
224波唎跋囉者迦·訖唎擔
225毗陀夜闍·嗔陀夜彌
226雞囉夜彌
227茶演尼·訖唎擔
-

228毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

229雞囉夜彌

230摩訶般輸般怛夜

231噓陀囉 · 訖唎擔

232毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

233雞囉夜彌

234那囉夜拏 · 訖唎擔

235毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

236雞囉夜彌

237怛埵伽噓茶西 · 訖唎擔

238毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

239雞囉夜彌

240摩訶迦囉 · 摩怛唎伽拏 · 訖唎擔

241毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

242雞囉夜彌

243迦波唎迦 · 訖唎擔

244毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

245雞囉夜彌

246闍夜羯囉 · 摩度羯囉

247薩婆囉他娑達那 · 訖唎擔

248毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

249雞囉夜彌

250 赭咄囉 · 婆耆你 · 訖唎擔

251 毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

252 雞囉夜彌

253 毗唎羊 · 訖唎知

254 難陀雞沙囉 · 伽拏般帝

255 索醯夜 · 訖唎擔

256 毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

257 雞囉夜彌

258 那揭那 · 舍囉婆拏 · 訖唎擔

259 毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

260 雞囉夜彌

261 阿羅漢 · 訖唎擔毗陀夜闍 ·

嗔陀夜彌

262 雞囉夜彌

263 毗多囉伽 · 訖唎擔

264 毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

265 雞囉夜彌跋闍囉波你

266 具醯夜 · 具醯夜

267 迦地般帝 · 訖唎擔

268 毗陀夜闍 · 嗔陀夜彌

269 雞囉夜彌

270 囉叉罔

- 271 婆伽梵
272 印兔那 · 麼麼寫

第四會

- 273 婆伽梵
274 薩怛多 · 般怛囉
275 南無粹都帝
276 阿悉多 · 那囉刺迦
277 波囉婆 · 悉普吒
278 毗迦薩怛多 · 鉢帝唎
279 什佛囉 · 什佛囉
280 陀囉陀囉

281 頻陀囉 · 頻陀囉 · 嗔陀嗔陀
282 虎[合*牛]
283 虎[合*牛]
284 泮吒
285 泮吒泮吒泮吒泮吒
286 娑訶
287 醯醯泮
288 阿牟迦耶泮
289 阿波囉 · 提訶多泮
290 婆囉波囉陀泮
-

- 291阿素囉·毗陀囉·波迦泮
292薩婆提鞞弊泮
293薩婆那伽弊泮
294薩婆藥叉弊泮
295薩婆乾闥婆弊泮
296薩婆補丹那弊泮
297迦吒補丹那弊泮
298薩婆突狼枳帝弊泮
299薩婆突澀比[口*犁]·訖瑟帝弊泮
300薩婆什婆利弊泮

301薩婆阿播悉麼[口*犁]弊泮
302薩婆舍囉婆拏弊泮
303薩婆地帝雞弊泮
304薩婆怛摩陀繼弊泮
305薩婆毗陀耶·囉誓遮[口*犁] 弊泮
306闍夜羯囉·摩度羯囉
307薩婆囉他娑陀雞弊泮
308毗地夜·遮唎弊泮
309者都囉·縛耆你弊泮
310跋闍囉·俱摩唎

311毗陀夜·囉誓弊泮
-

312摩訶波囉丁羊・叉耆唎弊泮

313跋闍囉・商羯囉夜

314波囉丈耆・囉闍耶泮

315摩訶迦囉夜

316摩訶末怛唎迦拏

317南無娑羯唎多夜泮

318毖瑟拏婢曳泮

319勃囉訶牟尼曳泮

320阿耆尼曳泮

321摩訶羯唎曳泮

322羯囉檀遲曳泮

323蔑怛唎曳泮

324嘑怛唎曳泮

325遮文茶曳泮

326羯邏囉怛唎曳泮

327迦般唎曳泮

328阿地目質多・迦尸摩舍那

329婆私你曳泮

330演吉質

331薩埵婆寫

332麼麼印兔那麼麼寫

第五會

333突瑟吒質多

334阿末怛唎質多

335烏闍訶囉

336伽婆訶囉

337嚧地囉訶囉

338婆娑訶囉

339摩闍訶囉

340闍多訶囉

341視毖多訶囉

342跋略夜訶囉

343乾陀訶囉

344布史波訶囉

345頗囉訶囉

346婆寫訶囉

347般波質多

348突瑟吒質多

349嚧陀囉質多

350藥叉揭囉訶

351囉刹娑·揭囉訶

352閉[口*隸]多·揭囉訶

353毗舍遮·揭囉訶

- 354部多揭囉訶
355鳩槃荼·揭囉訶
356悉乾陀·揭囉訶
357烏怛摩陀·揭囉訶
358車夜揭囉訶
359阿播薩摩囉·揭囉訶
360宅祛革·荼耆尼·揭囉訶
- 361唎佛帝·揭囉訶
362闍彌迦·揭囉訶
363舍俱尼·揭囉訶
364姥陀囉難地迦·揭囉訶
365阿藍婆·揭囉訶
366乾度波尼·揭囉訶
367什伐囉·堙迦醯迦
368墜帝藥迦
369怛[口*隸]帝藥迦
370者突託迦
- 371尼提什伐囉·毖釤摩·什伐囉
372薄底迦
373鼻底迦
374室隸瑟密迦
375娑你般帝迦
-

376薩婆什伐囉
377室嚧吉帝
378末陀鞞達嚧制劍
379阿綺嚧鉗
380目佉嚧鉗

381羯唎突嚧鉗
382揭囉訶·羯藍
383羯拏輸藍
384憚多輸藍
385迄唎夜輸藍
386末麼輸藍
387跋唎室婆輸藍
388毖栗瑟吒輸藍
389烏陀囉輸藍
390羯知輸藍

391跋悉帝輸藍
392鄔嚧輸藍
393常伽輸藍
394喝悉多輸藍
395跋陀輸藍
396娑房盎伽·般囉丈伽輸藍
397部多毖哆茶

- 398茶耆尼·什婆囉
399陀突嚧迦·建咄嚧吉知·婆路多毗
400薩般嚧訶凌伽

401輸沙怛囉娑那羯囉
402毗沙喻迦
403阿耆尼·烏陀迦
404末囉鞞囉建跢囉
405阿迦囉密唎咄·怛斂部迦
406地栗刺吒
407毖唎瑟質迦
408薩婆那俱囉
409肆引伽弊·揭囉唎藥叉·怛囉芻
410末囉視·吠帝鈇·娑鞞鈇

411悉怛多·鉢怛囉
412摩訶跋闍嚧瑟尼鈇
413摩訶般賴丈耆藍
414夜波突陀·舍喻闍那
415辯怛[口*隸]拏
416毗陀耶·槃曇迦嚧彌
417帝殊·槃曇迦嚧彌
418般囉毘陀·槃曇迦嚧彌
419哆姪他
-

420 唵

421 阿那[口*隸]

422 毗舍提

423 鞞囉跋闍囉陀唎

424 槃陀槃陀你

425 跋闍囉·謗尼洋

426 虎[合*牛]都嚧甕洋

427 莎婆訶

說明

075 最後一個字在宋體18030裏有

^*^*^*^*^*^*^*^*^

《楞嚴咒》 《注音版》

第一會

(001) nā mó sà dá tuō. sū qié duō yē. ā là hē dì. sān miǎo sān pú tuó xiě

(002) sà dá tuō. fó tuó jù zhī sè ní shān

(003) nā mó sà pó. bó tuó bó dì. sà duò pí bì

(004) nā mó sà duō nán. sān miǎo sān pú tuó. jù zhī nán

(005) suō shě là pó jiā. sēng qié nán

(006) nā mó lú jī ā luó hàn duò nán

(007) nā mó sū lú duō bō nuó nán

(008) nā mó suō jié lī tuó qié mí nán

(009) nā mó lú jī sān miǎo qié duò nán

(010) sān miǎo qié bō là. dǐ bō duō nuó nán

(011)nā mó tí pó lí sè nǎn
(012)nā mó xī tuó yē. pí dì yē. tuó là lí sè nǎn
(013)shě bō nú. jiē là hē. suō hē suō là mó tuō nán
(014)nā mó bá là hē mó ní
(015)nā mó yīn tuó là yē
(016)nā mó pó qié pó dì
(017)lú tuó là yē
(018)wū mó bō dì
(019)suō xī yè yē
(020)nā mó pó qié pó dì

(021)nuó là yě ná yē
(022)pán zhē mó hē. sǎn mù tuó là
(023)nā mó xī jié lǐ duō yē
(024)nā mó pó qié pó dì
(025)mó hē jiā là yē
(026)dì lǐ bō là nuó qié là
(027)pí tuó là. bō ná jiā là yē
(028)ā dì mù dì
(029)shī mó shě nuó ní. pó xī ní
(030)mó dá lǐ qié ná

(031)nā mó xī jié lǐ duō yē
(032)nā mó pó qié pó dì
(033)duō tuō qié duò jù là yē
(034)nā mó bō tóu mó. jù là yē
(035)nā mó bá shé là. jù là yē
(036)nā mó mó ní jù là yē
(037)nā mó qié shé jù là yē
(038)nā mó pó qié pó dì
(039)dì lǐ chá. shū là xī nuó

(040)bō là hē là ná là shé yē

(041)duò tuō qié duō yē

(042)nā mó pó qié pó dì

(043)nā mó ā mí duō pó yē

(044)duò tuō qié duō yē

(045)ā là hē dì

(046)sān miǎo sān pú tuó yē

(047)nā mó pó qié pó dì

(048)ā chú pí yē

(049)duò tuō qié duō yē

(050)ā là hē dì

(051)sān miǎo sān pú tuó yē

(052)nā mó pó qié pó dì

(053)pí shā shé yē jù lú fèi zhù lǐ yē

(054)bō là pó là shé yē

(055)duò tuō qié duō yē

(056)nā mó pó qié pó dì

(057)sān bǔ shī bì duō

(058)sà lián nà là. là shé yē

(059)duò tuō qié duō yē

(060)ā là hē dì

(061)sān miǎo sān pú tuó yē

(062)nā mó pó qié pó dì

(063)shě jī yě. mǔ nà yè

(064)duò tuō qié duō yē

(065)ā là hē dì

(066)sān miǎo sān pú tuó yē

(067)nā mó pó qié pó dì

(068)là dá nuó. jī dū là shé yē

(069)duò tuō qié duō yē

(070)ā là hē dì

(071)sān miǎo sān pú tuó yē

(072)dì piáo. nā mó sà jié lǐ duō

(073)yì tán pó qié pó duō

(074)sà dá tuō. qié dū sè ní shān

(075)sà dá duō. bō dá lán

(076)nā mó ā pó là shì dān

(077)bō là dì yáng qí là

(078)sà là pó bù duō. jiē là hē

(079)ní jiē là hē. jié jiā là hē ní

(080)bá là bì dì yē. chì tuó nǐ

(081)ā jiā là mì lǐ zhù

(082)bō lǐ dá là yē. níng jiē lǐ

(083)sà là pó. pán tuó nuó. mù chā ní

(084)sà là pó. tū sè zhà

(085)tū xī fá. bō nuó nǐ fá là ní

(086)zhě dū là shī dì nán

(087)jié là hē. suō hē sà là ruò shé

(088)pí duō bēng. suō nuó jié lǐ

(089)ā sè zhà bīng shě dì nán

(090)nuó chā chà dá là ruò shé

(091)bō là sà tuó nuó jié lǐ

(092)ā sè zhà nán

(093)mó hē jié là hē ruò shé

(094)pí duō bēng. sà nuó jié lǐ

(095)sà pó shě dū lú nǐ pó là ruò shé

(096)hū lán tū xī fá. nán zhē nuó shě ní

(097)bì shā shě. xī dá là

(098)ā jí ní. wū tuó jiā là ruò shé

(099)ā bō là shì duō jù là

(100)mó hē bō là zhàn chí

(101)mó hē dié duō

(102)mó hē dì shé

(103)mó hē shuì duō shé pò là

(104)mó hē bá là pán tuó là pò xī nǐ

(105)ā lǐ yē duō là

(106)pí lǐ jù zhī

(107)shì pò pí shé yē

(108)bá shé là. mó lǐ dǐ

(109)pí shě lú duō

(110)bó téng wǎng jiā

(111)bá shé là. zhì hē nuó ē zhē

(112)mó là zhì pò. bō là zhì duō

(113)bá shé là chàn chí

(114)pí shě là zhē

(115)shàn duō shě. pí tí pò. bǔ shì duō

(116)sū mó lú bō

(117)mó hē shuì duō

(118)ā lǐ yē duō là

(119)mó hē pò là ā bō là

(120)bá shé là. shāng jié là zhì pò

(121)bá shé là jù mó lǐ

(122)jù lán tuó lǐ

(123)bá shé là. hē sà duō zhē

(124)pí dì yē. qián zhē nuó. mó lǐ jiā

(125)kǔ sū mǔ. pò jié là duò nuó

(126)pí lú zhē nuó jù lǐ yē

- (127)yè là tú sè ní shān
(128)pí zhē lán pó. mó ní zhē
(129)bá shé là. jiā nuó jiā bō là pó
(130)lú shé nuó bá shé là. dùn zhì zhē

- (131)shuì duō zhē. jiā mó là
(132)chà shē shī. bō là pó
(133)yì dì yí dì
(134)mǔ tuó là jié ná
(135)suō pí là chàn
(136)jué fàn dū
(137)yìn tù nuó. mó mó xiě

第二會

- (138)wū xīn
(139)lī sè jiē ná
(140)bō là shě xī duō

(141)sà dá tuō. qié dū sè ní shān
(142)hǔ xīn
(143)dū lú yōng
(144)zhān pó nuó
(145)hǔ xīn
(146)dū lú yōng
(147)xī dān pó nuó
(148)hǔ xīn
(149)dū lú yōng
(150)bō là sè dì yē. sān bō chā. ná jié là

(151)hǔ xīn
(152)dū lú yōng
(153)sà pó yào chā. hē là chà suō
-

- (154)jiē là hē ruò shé
(155)pí téng bēng. sà nuó jié là
(156)hǔ xīn
(157)dū lú yōng
(158)zhě dū là. shī dǐ nán
(159)jiē là hē. suō hē sà là nán
(160)pí téng bēng. sà nuó là
- (161)hǔ xīn
(162)dū lú yōng
(163)là chā
(164)pó qié fàn
(165)sà dá tuō. qié dū sè ní shān
(166)bō là diǎn shé jí lǐ
(167)mó hē suō hē sà là
(168)bó shù suō hē sà là. shì lǐ shā
(169)jù zhī suō hē sà ní dì lí
(170)ā bì tí shì pó lǐ duō
- (171)zhà zhà yīng jiā
(172)mó hē bá shé lú tuó là
(173)dì lǐ pú pó nuó
(174)màn chá là
(175)wū xīn
(176)suō xī dì bù pó dū
(177)mó mó
(178)yìn tù nuó mó mó xiě

第三會

- (179)là shé pó yè
(180)zhǔ là bá yè
-

- (181)ā qí ní pó yè
(182)wū tuó jiā pó yè
(183)pí shā pó yè
(184)shě sà duō là pó yè
(185)pó là zhuó jié là pó yè
(186)tū sè chā pó yè
(187)ā shě nǐ pó yè
(188)ā jiā là. mì lǐ zhù pó yè
(189)tuó luó ní bù mí jiàn. bō qié bō tuó pó yè
(190)wū là jiā pó duō pó yè

- (191)là shé tán chá pó yè
(192)nuó qié pó yè
(193)pí tiáo dá pó yè
(194)sū bō là ná pó yè
(195)yào chā jiē là hē
(196)là chā sī. jiē là hē
(197)bì lǐ duō. jiē là hē
(198)pí shě zhē. jiē là hē
(199)bù duō jiē là hē
(200)jiū pán chá. jiē là hē

- (201)bǔ dān nuó. jiē là hē
(202)jiā zhà bǔ dān nuó. jiē là hē
(203)xī qián dù. jiē là hē
(204)ā bō xī mó là. jiē là hē
(205)wū tán mó tuó. jiē là hē
(206)chē yè jiē là hē
(207)xī lǐ pó dì. jiē là hē
(208)shè duō hē lǐ nán
(209)jiē pó hē lǐ nán
(210)lú dì là. hē lǐ nán
-

(211)máng suō hē lǐ nán

(212)mí tuó hē lǐ nán

(213)mó shé hē lǐ nán

(214)shé duō hē lǐ nǚ

(215)shì bǐ duō hē lǐ nán

(216)pí duō hē lǐ nán

(217)pó duō hē lǐ nán

(218)ā shū zhē hē lǐ nǚ

(219)zhì duō hē lǐ nǚ

(220)dì shān sà pí shān

(221)sà pó jiē là hē nán

(222)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(223)jī là yè mí

(224)bō lǐ bá là zhě jiā. qì lǐ dān

(225)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(226)jī là yè mí

(227)chá yǎn ní. qì lǐ dān

(228)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(229)jī là yè mí

(230)mó hē bō shū bō dá yè

(231)lú tuó là. qì lǐ dān

(232)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(233)jī là yè mí

(234)nuó là yè ná. qì lǐ dān

(235)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(236)jī là yè mí

(237)dá duǒ qié lú chá xī. qì lǐ dān

(238)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(239)jī là yè mí

(240)mó hē jiā là. mó dá lī qié ná. qì lī dān

(241)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(242)jī là yè mí

(243)jiā bō lī jiā. qì lī dān

(244)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(245)jī là yè mí

(246)shé yè jié là. mó dù jié là

(247)sà pò là tuō suō dá nuó. qì lī dān

(248)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(249)jī là yè mí

(250)zhě duō là. pò qí nǐ. qì lī dān

(251)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(252)jī là yè mí

(253)pí lī yáng. qì lī zhī

(254)nán tuó jī shā là. qié ná bō dì

(255)suǒ xī yè. qì lī dān

(256)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(257)jī là yè mí

(258)nuó jiē nuó. shě là pò ná. qì lī dān

(259)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(260)jī là yè mí

(261)ā luó hàn. qì lī dān pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(262)jī là yè mí

(263)pí duō là qié. qì lī dān

(264)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(265)jī là yè mí bá shé là bō nǐ

(266)jù xī yè. jù xī yè

(267)jiā dì bō dì. qì lī dān

(268)pí tuó yè shé. chēn tuó yè mí

(269)jī là yè mí

(270)là chā wǎng

(271)pó qié fàn

(272)yìn tù nuó. mó mó xiě

第四會

(273)pó qié fàn

(274)sà dá duō. bō dá là

(275)nā mó cuì dū dì

(276)ā xī duō. nuó là là jiā

(277)bō là pó. xī pǔ zhà

(278)pí jiā sà dá duō. bō dì lī

(279)shí fó là. shí fó là

(280)tuó là tuó là

(281)pín tuó là. pín tuó là. chēn tuó chēn tuó

(282)hǔ xīn

(283)hǔ xīn

(284)pàn zhà

(285)pàn zhà pàn zhà pàn zhà pàn zhà

(286)suō hē

(287)xī xī pàn

(288)ā móu jiā yē pàn

(289)ā bō là. tí hē duō pàn

(290)pó là bō là tuó pàn

(291)ā sù là. pí tuó là. bō jiā pàn

(292)sà pó tí pí bì pàn

(293)sà pó nuó qié bì pàn

(294)sà pó yào chā bì pàn

(295)sà pó qián tà pó bì pàn
(296)sà pó bǔ dān nuó bì pàn
(297)jiā zhà bǔ dān nuó bì pàn
(298)sà pó tū láng zhǐ dì bì pàn
(299)sà pó tū sè bǐ lí. qì sè dì bì pàn
(300)sà pó shí pó lí bì pàn

(301)sà pó ā bō xī mó lí bì pàn
(302)sà pó shě là pó ná bì pàn
(303)sà pó dì dì jī bì pàn
(304)sà pó dá mó tuó jì bì pàn
(305)sà pó pí tuó yē. là shì zhē lí bì pàn
(306)shé yè jié là. mó dù jié là
(307)sà pó là tuō suō tuó jī bì pàn
(308)pí dì yè. zhē lī bì pàn
(309)zhě dū là. fù qí nǐ bì pàn
(310)bá shé là. jù mó lǐ

(311)pí tuó yè. là shì bì pàn
(312)mó hē bō là dīng yáng. yì qí lǐ bì pàn
(313)bá shé là. shāng jié là yè
(314)bō là zhàng qí. là shé yē pàn
(315)mó hē jiā là yè
(316)mó hē mò dá lǐ jiā ná
(317)nā mó suō jié lǐ duō yè pàn
(318)bì sè ná pí yè pàn
(319)bó là hē móu ní yè pàn
(320)ā qí ní yè pàn

(321)mó hē jié lǐ yè pàn
(322)jié là tán chí yè pàn
(323)miè dá lǐ yè pàn

- (324)lào dá lī yè pàn
(325)zhē wén chá yè pàn
(326)jié luó là dá lī yè pàn
(327)jiā bō lī yè pàn
(328)ā dì mù zhì duō. jiā shī mó shě nuó
(329)pó sī nǐ yè pàn
(330)yǎn jí zhì

- (331)sà duǒ pó xiě
(332)mó mó yìn tù nuó mó mó xiě

第五會

- (333)tū sè zhà zhì duō
(334)ā mò dá lī zhì duō
(335)wū shé hē là
(336)qié pó hē là
(337)lú dì là hē là
(338)pó suō hē là
(339)mó shé hē là
(340)shé duō hē là

- (341)shì bì duō hē là
(342)bá lüè yè hē là
(343)qián tuó hē là
(344)bù shǐ bō hē là
(345)pō là hē là
(346)pó xiě hē là
(347)bō bō zhì duō
(348)tū sè zhà zhì duō
(349)lào tuó là zhì duō
(350)yào chā jiē là hē

- (351)là chà suō. jiē là hē
-

(352)bì lí duō. jiē là hē
(353)pí shě zhē. jiē là hē
(354)bù duō jiē là hē
(355)jiū pán chá. jiē là hē
(356)xī qián tuó. jiē là hē
(357)wū dá mó tuó. jiē là hē
(358)chē yè jiē là hē
(359)ā bō sà mó là. jiē là hē
(360)zhái qū gé. chá qí ní. jiē là hē

(361)lī fó dì. jiē là hē
(362)shé mí jiā. jiē là hē
(363)shě jù ní. jiē là hē
(364)mó tuó là nán dì jiā. jiē là hē
(365)ā lán pó. jiē là hē
(366)qián dù bō ní. jiē là hē
(367)shí fá là. yīn jiā xī jiā
(368)zhuì dì yào jiā
(369)dá lí dì yào jiā
(370)zhě tū tuō jiā

(371)ní tí shí fá là. bì shān mó. shí fá là
(372)bù dǐ jiā
(373)bí dǐ jiā
(374)shì lì sè mì jiā
(375)suō nǐ bō dì jiā
(376)sà pó shí fá là
(377)shì lú jí dì
(378)mò tuó pí dá lú zhì jiàn
(379)ā qǐ lú qián
(380)mù qié lú qián

(381)jié lī tū lú qián

(382)jiē là hē. jiē lán

(383)jié ná shū lán

(384)dàn duō shū lán

(385)qì lī yè shū lán

(386)mò mò shū lán

(387)bá lī shì pó shū lán

(388)bì lì sè zhà shū lán

(389)wū tuó là shū lán

(390)jié zhī shū lán

(391)bá xī dì shū lán

(392)wū lú shū lán

(393)cháng qié shū lán

(394)hē xī duō shū lán

(395)bá tuó shū lán

(396)suō fáng yàng qié. bō là zhàng qié shū lán

(397)bù duō bì duò chá

(398)chá qí ní. shí pó là

(399)tuó tū lú jiā. jiàn duō lú jí zhī. pó lù duō pí

(400)sà bō lú hē líng qié

(401)shū shā dá là suō nuó jié là

(402)pí shā yù jiā

(403)ā qí ní. wū tuó jiā

(404)mò là pí là jiàn duò là

(405)ā jiā là mì lī duō. dá liǎn bù jiā

(406)dì lì là zhà

(407)bì lī sè zhì jiā

(408)sà pó nuó jù là

(409)sì yǐn qié bì. jiē là lī yào chā. dá là chú

(410)mò là shì. fèi dì shān. suō pí shān

(411)xī dá duō. bō dá là

(412)mó hē bá shé lú sè ní shān

(413)mó hē bō lài zhàng qí lán

(414)yè bō tū tuó. shě yù shé nuó

(415)biàn dá lí ná

(416)pí tuó yē. pán tán jiā lú mí

(417)dì shū. pán tán jiā lú mí

(418)bō là pí tuó. pán tán jiā lú mí

(419)duò zhí tuō

(420)ǎn

(421)ā nuó lí

(422)pí shě tí

(423)pí là bá shé là tuó lī

(424)pán tuó pán tuó nǐ

(425)bá shé là. bàng ní pàn

(426)hǔ xīn dū lú yin pàn

(427)suō pó hē

大悲咒梵文

The Great Compassion Mantra (CHÚ ĐẠI BI TIẾNG PHẠN):

नमो रत्नत्रयाय नमह् अर्य अवलोकितेश्वराय

Namo ratna trayāya, namah ārya avalokiteśvarāya

Nam mô rát na tra dà da, nama à ri da a va kích tê và ra da

बोधिसत्त्वाय महासत्त्वाय महाकारुणिकाय

Bodhisattvāya mahāsatvāya mahā kārunikāya

Bô ãi sát và ya Ma ha sát và ya Ma ha ca ru ni cà da

ॐ सर्वरभय सुधनदस्ये नमस् (namas) कृत्वा (krtvā) इमम् (imam)

Om sarvarabhaya sudhanadasye namaskrtvā (नमस्क्रत्वा) imam (इमम्)

Om Sạt va ra ba da Su ãa na ãát sê Nama khơ rơ tê và y mam

आर्यावलोकितेश्वर रंघव नमो नरकिन्दि।

āryāvalokiteśvara raṃdhava namo narakindi.

À ri dà va lô kích tê va ra ram ãa va Nam mô na ra kinh di

हिह् महावधसम सर्व अथदु शुभुं अजेयं।

Hriḥ mahāvadhasama sarva athadu śubhuṃ ajeyaṃ.

Hì ri Ma hà va ãa sa ma Sạt va a tha du su bum a ãê ãam

सर्व सत्य नम वस्त्य नमो वाक मार्ग दातुह्।

Sarva satya nama vastya namo vāka mārگا dātuh

Sạt va sát ya nama vát ty a nam mô và ca mạt ga ãạt tu

तद्यथा ॐ अवलोकि लोचते करते ए हिह्

Tadyathā om avaloki locate karate e hriḥ

Tá đĩ a thà om a va lô ki lô ca tê ca ra tê e hĩ ri

महाबोधिसत्त्व। सर्व सर्व मल मल महिम हृदयम्

Mahābodhisattva. Sarva sarva mala mala mahima hṛdayam

Ma ha bô đĩ sát va Sạt va sạt va ma la ma la ma hi ma hĩ đĩ dam

कुरु कुरु कर्म धुरु धुरु विजयते महाविजयते

Kuru kuru karmuṃ dhuru dhuru vijayate mahāvijayate

Ku ru ku ru cạt mum đũ ru đũ ru vi gia da tê ma ha vi gia da tê

धर धर धिरीनिश्चराय चल चल मम विमल मुक्तेले

Dhara dhara dhirīniśvarāya cala cala mama vimala muktele

Đa ra đĩ ra đĩ ri ni va rà da ca la ca la ma ma vi ma la mục tê lê

एहि एहि शिन शिन आरषं प्रचलि विष विषं प्राशय ।

Ehi ehi śina śina āraṣaṃ pracali viṣa viṣaṃ prāśaya.

Ê hi ê hi si na si na à ra sam phờ ra ca li vi sa vi sam phờ ra sa da

हुरु हुरु मर हलु हलु हिह्

Huru huru mara hulu hulu hriḥ

Hu ru hu ru ma ra hu lu hu lu hĩ ri

सर सर सिरि सिरि सुरु सुरु बोधिय बोधिय

Sara sara siri siri suru suru Bodhiya bodhiya

Sa ra sa ra si ri si ri su ru su ru Bô đĩ da bô đĩ da

बोधय बोधय । मैत्रिय नारकिन्दि

Bodhaya bodhaya. Maitriya Narakindi

Bô đĩ da Bô đĩ da Mét tri da Na ra kinh di

धर्षिनिन भयमान स्वाहा सिद्धाय स्वाहा

Dharṣinina bhayamāna svāhā siddhāya svāhā

Đạt si ni na ba da mà na sà và hà sí đā da sà và hà

महासिद्धाय् स्वाहा सिद्धयोगेश्वराय स्वाहा

Mahāsiddhāy svāhā siddhayogeśvarāya svāhā

Ma hà sí ðày sà và hà sí ðay do dờ và rà da sà và hà

नरकिन्दि स्वाहा मारणर स्वाहा

Narakindi svāhā māraṇara svāhā

Na ra kinh đi sà và hà m̄ ra na ra sà và hà

शिर संह मुखाय स्वाहा सर्व महा असिद्धाय स्वाहा

śira saṃha mukhāya svāhā sarva mahā asiddhāya svāhā

śi ra sam ha múc khā da sà và hà s̄t va ma h̄ a sí đā da sà và hà

चक्र असिद्धाय स्वाहा पद्म हस्त्राय स्वाहा

Cakra asiddhāya svāhā padma hastrāya svāhā

Çạt ra a sí đā da sà và hà bát ma hát trā da sà và hà

नारकिन्दि वगलय स्वाहा मवरि शन्कराय स्वाहा

Nārakindi vagalaya svāhā mavari śankharāya svāhā

Nā ra kinh đi va ga la da sà và hà ma va ri san kha rā da sà và hà

नमः रत्नत्रयाय नमो आर्यवलोकितेश्वराय स्वाहा

Namah : ratnatrayāya namo āryavalokiteśvarāya svāhā

Om sidhayantu mantra padāya svāhā

Nama rát na tra dà da na mô à ri da va lô kích tê và ra da sà và hà.

Om sít ða giang tu man tra b̄t ða ða sà và hà.

大悲咒 Da Bei Jou (Đai Bi Chú).

The Great Compassion Mantra:

namo ratnatrayāya ** nama āryāvalokiteśvarāya bodhisattvāya mahāsattvāya
mahākāruṇikāya ** oṃ sarva raviye sudhanadasya ** nama skṛtvā imaṃ
āryāvalokiteśvara raṃdhava ** namo narakindi hrīḥ mahāvatsvāme sarva arthāto
śubhaṃ ** ajeyaṃ sarva sat nama vaṣaṭ namo vāka mavitato ** tadyathā oṃ avaloki
lokate krato e hrīḥ mahābodhisattva ** sarva sarva ** mala mala ** mahima ** hrdayaṃ
** kuru kuru ** karmaṃ ** dhuru dhuru ** vijayate ** mahāvijayate ** dhara dhara **
dhṛnī ** śvarāya ** cala cala ** mama ** vimala ** muktele ** ehi ehi ** śina śina **
ārṣaṃ ** prasari ** viśva viśvaṃ ** prasaya ** hulu hulu mara ** hulu hulu hrīḥ ** sara
sara ** siri siri ** suru suru ** bodhiya bodhiya ** bodhaya bodhaya ** maitreya **
narakindi ** dhṛṣṇina ** bhayamana svāhā ** siddhāya svāhā mahāsiddhāya svāhā **
siddhayoge-śvarāya svāhā ** narakindi svāhā ** māraṇara svāhā ** śira siṃha mukhāya
svāhā ** sarva mahā-asiddhāya svāhā ** cakra asiddhāya svāhā ** padma kastāya svāhā
** narakindi vagalāya svāhā ** mavari śaṅkharāya svāhā ** namo ratnatrayāya ** nama
āryāvalokiteśvarāya svāhā ** oṃ sidhyantu mantra padāya svāhā.

Mahā Kārunikā Dhāraṇī (The Great Compassion Mantra)

大悲咒 Da Bei Jou.

Namo Da Bei Kuan Shi Yin PuSa (X 3 times).

大悲咒

namo ratna-trayāya

南無 喝囉怛那 哆囉夜

[口*耶]

nama ā ry ā -

南無 阿唎 [口*耶]

valokite ś var ā ya

婆盧羯帝爍鉢囉耶

bodhi-sattv ā ya

菩提 薩埵婆耶

mah ā -sattv ā ya

摩訶薩埵婆

[娑>婆] 耶

mah ā -k ā ru ṇ ik ā

ya

摩訶迦盧尼迦耶

o ṃ

唵

sarva-raviye

薩皤 囉罰曳

sudhanadasya

數怛那怛寫

namas-k ṛ tv ā imam

ā ry ā -

南無、醯吉慄埤

伊蒙阿唎 [口*耶]

valokite ś vara-ra ṃ

dhava

婆 [娑>婆]

盧吉帝室佛羅

[口*楞]馱婆

namo narakindi

南無那囉謹墀

hr iḥ mahā-vat-

svāme

醯唎摩訶皤哆沙咩

sarva-arthato- ś ubha

ṃ

薩婆阿他、豆輸朋

ajeya ṃ

阿逝孕

sarva sat [nama va ṣ

a ṭ] namo vāka

薩婆薩哆 [那摩

婆薩哆] 那摩婆伽

mavitato

摩罰特豆

tadyath ā

怛姪他

o ṃ avaloki

唵阿婆盧醯

lokate

盧迦帝

krate

迦羅帝

e hr iḥ

夷醯唎

mah ā -bodhisattva

摩訶菩提薩埤

sarva sarva

薩婆薩婆

mala mala

摩囉摩囉

mahima h ṛ daya ṃ

摩醯摩醯唎馱孕

kuru kuru karma ṃ

俱盧俱盧羯曩

dhuru dhuru vijayate

度盧度盧罰闍耶帝

mah ā -vijayate

摩訶 罰闍耶帝

dhara dhara

陀羅 陀羅

dh ṛ n ī

地唎尼

ś var ā ya

室佛囉 [口*耶]

cala cala

遮囉 遮囉

mama vimala

摩摩 (某甲受持)

罰摩囉

muktele

穆帝 [口*(隸-木+上)]

ehi ehi

伊醯 移醯

ś ina ś ina

室那 室那

ā r ṣ a ṃ prasari

阿囉嚩 佛囉舍利

vi ś va vi ś va ṃ

罰沙 罰嚩

prasaya

佛囉舍耶

hulu hulu mara

呼盧 呼盧 摩囉

hulu hulu hr īḥ

呼盧 呼盧

醯呼 [利>呼]

sara sara

娑囉 娑囉

siri siri

醯唎 醯唎,

suru suru

蘓嚩 蘓嚩

bodhiya bodhiya

菩提夜 菩提夜

bodhaya bodhaya

菩馱夜 菩馱夜

maitreya

彌帝唎夜

narakindi

那囉謹墀

dh ṛ ṣṇ ina

地唎瑟尼那

bhayamana

波夜摩那

sv ā h ā

娑婆訶

siddh ā ya

醯 陀夜

sv ā h ā

娑婆訶

mah ā -siddh ā ya

摩訶陀夜

sv ā h ā

娑婆訶

siddha-yoge

醯 陀喻藝

ś var ā ya

室曇囉夜

sv ā h ā

娑婆訶

narakindi

那羅謹墀

sv ā h ā

娑婆訶

māra ṇ ara

摩羅那羅

sv ā h ā

娑婆訶

ś ira si ṃ ha mukh ā

ya

醯囉僧阿穆佉耶

sv ā h ā

娑婆訶

sarva mah ā -asiddh

ā ya

娑婆摩訶、阿醯
陀夜

sv ā h ā

娑婆訶

cakra-asiddh ā ya

者吉囉阿醯陀夜

sv ā h ā

娑婆訶

padma kast ā ya

波陀摩羯醯陀夜

sv ā h ā

娑婆訶

narakindi-vagal ā ya

那囉謹墀 皤伽囉

[口*耶]

sv ā h ā

娑婆訶

mavari ś a ṅ khar ā

ya

摩婆利 勝羯囉夜

sv ā h ā

娑婆訶

namo ratna-tray ā ya

南無

喝囉怛那哆囉夜耶

nama ā ry ā -

南無 阿唎 [口*耶]

valokite

婆盧吉帝

ś var ā ya

爍皤囉夜

sv ā h ā

娑婆訶

sidhyantu

唵 醯 殿 都,

mantra

漫哆羅

pad ā ya

跋駄耶

sv ā h ā

娑婆訶

Mahā Kārunikā Dhāraṇī (The Great Compassion Mantra)

大悲咒 Da Bei Jou.

Namo Da Bei Kuan Shi Yin

PuSa (X 3 times).

1.) Na Mwo He La Da

Nwo Dwo La Ye Ye

2) Na Mwo E Li Ye

3) Pwo Lu Jye Di Shau

Bwo La Ye

4) Pu Ti Sa Two Pe Ye

5) Mwo He Sa Two Pe Ye

6) Mwo He Jya Lu Ni Jya
Ye

7) Nan

8) Sa Pan La Fa Ye

9) Swo Da Nwo Da Sye

10) Na Mwo Syi Ji Li Two
Yi Meng E Li Ye

11) Pe Lu Ji Di Shr Fwo La
Leng Two Pe

12) Na Mwo Nwo La Jin
Chr

13) Syi Li Mwo He Pan
Dwo Sa Mye

14) Sa Pe E Two Dou Shu
Peng

15) E Shr Yun

16) Sa Pe Sa Dwo Na Mwo
Pe Sa Dwo

17) Na Mwo Pe Chye

18) Mwo Fa Te Dou

19) Da Jr Two

20) Nan

21) E Pe Lu Syi

22) Lu Jya Di

23) Jya La Di

24) Yi Syi Li

25) Mwo He Pu Ti Sa Two

26) Sa Pe Sa Pe

27) Mwo La Mwo La

28) Mwo Syi Mwo Syi Li
Two Yun

29) Jyu Lu Jyu Lu Jye
Meng

30) Du Lu Du Lu Fa She
Ye Di

31) Mwo He Fa She Ye Di

32) Two La Two La

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 33) Di Li Ni | (Dang Lai Sya Sheng Mi |
| 34) Shr Fwo La Ye | Lei Dzum Fwo) |
| 35) Je La Je La | 51) Nwo La Jin Chr |
| 36) Mwo Mwo Fa Mwo La | 52) Di Li Shai Ni Nwo |
| 37) Mu Di Li | 53) Pe Ye Mwo Nwo |
| 38) Yi Syi Yi Syi | 54) Swo Pe He |
| 39) Shr Now Shr Nwo | 55) Syi Two Ye |
| 40) E La Shen Fwo La She | 56) Swo Pe He |
| Li | 57) Mwo He Syi Two Ye |
| 41) Fa Sha Fa Shen | 58) Swo Pe He |
| 42) Fwo La She Ye | 59) Syi Two Yu Yi |
| 43) Hu Lu Hu Lu Mwo La | 60) Shr Pan La Ye |
| 44) Hu Lu Hu Lu Syi Li | 61) Swo Pe He |
| 45) Swo La Swo La | 62) Nwo La Jin Chr |
| 46) Syi Li Syi Li | 63) Swo Pe He |
| 47) Su Lu Su Lu | 64) Mwo La Nwo La |
| 48) Pu Ti Ye Pu Ti Ye | 65) Swo Pe He |
| 49) Pu Two Ye Pu Two Ye | 66) Syi Lu Seng E Mu |
| 50) Mi Di Li Ye | Chywe Ye |
-

67) Swo Pe He

68) Swo Pe Mwo He E Syi

Two Ye

69) Swo Pe He

70) Je Ji La E Syi Two Ye

71) Swo Pe He

72) Bwo Two Mwo Jye Syi

Two Ye

73) Swo Pe He

74) Nwo La Jin Chr Pan

Chye La Ye

75) Swo Pe He

76) Mwo Pe Li Sheng Jye

La Ye

77) Swo Pe He

78) Na Mwo He La Da

Nwo Dwo La Ye Ye

79) Na Mwo E Li Ye

80) Pwo Lu Jye Di

81) Shau Pan La Ye

82) Swo Pe He

83) Nan

84) Syi Dyan Du

85) Man Dwo La

86) Ba Two Ye

87) Swo Pe He

Heart Sutra Mantra:

GATE GATE PARA GATE PARA SAM GATE BODHI SVAHA

Jie Di, Jie Di, Po Lu Jie Di, Po Lu Seng Jie Di, Pu Di Sa Po Ho

Mahā Kārunikā Dhāraṇī (The Great Compassion Mantra)

大悲咒

Namo Da Bei Kuan Shi

Yin PuSa X 3 times

1. Namō He Lai Da Na

Duo Lai Ya Ye

2. Namō O Li Ye Po Lu

Ji Di Shuo Bo La Ye

3. Pu Ti Sa Duo Po Ye,

4. Mo Ho Sa Duo Po Ye

5. Mo Ho Kia Lu Ni Kia

Ye

6. An

7. Sa Pan La Fa Ye

8. Shuo Da No Da Xie

9. Namō Xi Ji Li Duo Yi

Mong O Li Ye

10. Po Lu Ji Di

11. She Fo La Leng Tuo

Po

12. Namō Nuo Lai Kin

Chi

13. Xi Li Mo Ho

14. Pan Duo Sha Mie

15. Sa Po O Duo

16. Duo Su Peng

17. O Shu Yen

18. Namō Po Sa Duo

19. Namō Po Chie

21. Mo Fa De Dou

22. Dan Chi Duo

23. An

24. O Po Lu Xi

25. Lu Jai Di

26. Jia Luo Di

27. Yi Si Li

28. Mo He Pu Ti Sa Duo

29. Sa Po Sa Po

30. Mo Nai Mo Nai

31. Mo Xi Mo Xi

32. Li Duo Yun

33. Ji Lu Ji Lu Jie Mong

34. Du Lu Du Lu

35. Fa She Ye Di

36. Mo Ho Fa She Ye Di

37. Tuo Nai Tuo Nai

38. Di Li Ni

39. Shi Fu Nai Ye

40. Che Nai Che Nai

41. Mo Mo Fa Mo Nai

42. Mo Di Li

43. Yi Ser Yi Ser

44. Shi Nuo Shi Nuo

45. O Lai Shen

46. Fo Lai She Li

47. Fa Sha Fa Shen

48. Fo Lai She Ye

49. Hu Lu Hu Lu Mo Nai

50. Hu Lu Hu Lu Xi Li

51. So Nai So Nai

52. Si Li Si Li
53. Su Lu Su Lu
54. Pu Ti Ye Pu Ti Ye
55. Pu Duo Ye Pu Duo
Ye
56. Mi Di Li Ye No Lai
Kin Chi
57. Di Li Se Ni Nuo
58. Po Ye Mo No
59. Sa Po Ho
60. Xi Duo Ye
61. Sa Po Ho
62. Mo Ho Si Duo Ye
63. Sa Po Ho
64. Xi Duo Yu Yi
65. Shi Pan Na Ye
66. Sa Po Ho
67. No Lai Kin Chi
68. Sa Po Ho
69. Mo Lai No Lai
70. Sa Po Ho
71. Xi Nai Seng O Mo
Qie Ye

72. Sa Po Ho
73. Je Ji Lai O Xi Duo Ye
74. Sa Po Ho
75. Bo Duo Mo Jie Xi
Duo Ye
76. Sa Po Ho
77. Nuo Lai Kin Che
Pan Chi Lai Ye
78. Sa Po Ho
79. Mo Po Li Sheng Ji
Lai Ye
80. Sa Po Ho
81. Namō He Lai Da Na
Duo Lai Ya Ye
82. Namō O Li Ye Po Lu
Ji Di Shuo Bo Lai Ye
83. So Po Ho
84. An
85. Xi Dian Dou
86. Man Duo La
87. Ba Duo Ye
88. Sa Po Ho

CHÚ ĐẠI BI

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)

Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Nam mô hất ra đất na đá ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô yết đế
thước bát ra da. Bồ Đề Tát đỏa bà da. Ma ha Tát đỏa bà da. Ma
ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phật duệ. Số đất na đất tả. Nam

mô tất cát lật đỏa y mông a rị da. Bà lô cát đế thất Phật ra lăng
đà bà. Nam mô na ra cần trì. Hê rị Ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a
tha đậ du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đá na ma bà dà. Ma
phạt dật đậ. Đát diệt tha. Án a bà lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di
hê rị. Ma ha Bồ Đề Tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê
ma hê rị đà dụng. Câu lô câu lô yết mông. Độ lô độ lô phạt xà
da đế. Ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất Phật ra
da. Dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê. Thất
na thất na. A ra sâm Phật ra xá rị. Phạt sa phạt sâm. Phật ra xá
da. Hô lô hô lô ma ra. Hô lô hô lô hê rị. Sa ra sa ra. Tất rị tất rị.
Tô rô tô rô. Bồ Đề dạ Bồ Đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị dạ.
Na ra cần trì. Địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na. Sa bà ha. Tất đà dạ.
Sa bà ha. Ma ha tất đà dạ. Sa bà ha. Tất đà du nghê. Thất bàn ra
dạ. Sa bà ha. Na ra cần trì. Sa bà ha. Ma ra na ra. Sa bà ha. Tất
ra Tăng a mục khư da. Sa bà ha. Sa bà Ma ha a tất đà dạ. Sa bà
ha. Giả kiết ra a tất đà dạ. Sa bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ. Sa
bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ. Sa bà ha. Ma bà rị thắng yết ra
dạ. Sa bà ha.

Nam mô hất ra đát na đá ra dạ da.

Nam mô a rị da. Bà lô cát đế. Thước bàn ra dạ. Sa bà ha.

Án tất điện đô. Mạn đà ra. Bạt đà da. Sa bà ha.

Nam mô Đại Từ Đại Bi quảng đại linh cảm cứu khổ cứu nạn
Quán Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát.

^^*^*^*^*

楞严咒

拼音导读编辑

以下注音未及校对，仅供参考

(唐天竺沙门般刺密谛等大师根据古梵文音译) [1]

楞严咒

(001) nā mó sà dá
tā. sū qié duō yē. ā
lā hē dì. sān miǎo sān
pú tuó xiě [1]

南无萨怛他。苏伽多耶。
阿啰诃帝。三藐三菩陀写

(002) sà dá tā. fó tuó
jù zhī sè ní shān
萨怛他。佛陀俱胝瑟尼钶

(003) nā mó sà pó. bó
tuó bó dì. sà duò pí
bì
南无萨婆。勃陀勃地。萨
踞鞞弊

(004) nā mó sà duō
nán. sān miǎo sān pú
tuó. jù zhī nán
南无萨多南。三藐三菩陀
。俱知喃

(005) suō shě lā pó
jiā. sēng qié nán
娑舍啰婆迦。僧伽喃

(006) nā mó lú jī ā
luó hàn duò nán
南无卢鸡阿罗汉哆喃

(007) nā mó sū lú duō
bō nà nán
南无苏卢多波那喃

(008) nā mó suō jié lì
tuó qié mí nán
南无娑羯唎陀伽弥喃

(009) nā mó lú jī sān
miǎo qié duò nán
南无卢鸡三藐伽哆喃

(010) sān miǎo qié bō
lā. dǐ bō duō nà nán
三藐伽波啰。底波多那喃

(011) nā mó tí pó lí
sè nǎn
南无提婆离瑟赧

(012) nā mó xī tuó
yē. pí dì yē. tuó lā
lí sè nǎn
南无悉陀耶。毗地耶。陀
啰离瑟赧

(013) shě bō nú. jiē
lā hē. suō hē suō lā
mó tā nán
舍波奴。揭啰诃。娑诃娑
啰摩他喃

(014) nā mó bá lā hē
mó ní

南无跋啰诃摩尼

(015) nā mó yīn tuó lā
yē

南无因陀啰耶

(016) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(017) lú tuó lā yē
lú tuó lā yē

(018) wū mó bō dì
wū mó bō dì

(019) suō xī yè yē
suō xī yè yē

(020) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(021) nà lā yě ná yē
nà lā yě ná yē

(022) pán zhē mó
hē. sān mù tuó lā

(023) nā mó xī jié lì
duō yē

南无悉羯唎多耶

(024) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(025) mó hē jiā lā yē
mó hē jiā lā yē

(026) dì lì bō là nà
qié lā

地唎般刺那伽啰

(027) pí tuó lā. bō ná
jiā lā yē

毗陀啰. 波拏迦啰耶

(028) ā dì mù dì
ā dì mù dì

(029) shī mó shě nà ní
pó xī ní

尸摩舍那泥. 婆悉泥

(030) mó dá lì qié ná
mó dá lì qié ná

(031) nā mó xī jié lì
duō yē

南无悉羯唎多耶

(032) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(033) duō tā qié duo
jù lā yē

多他伽路俱啰耶

(034)nā mó bō tóu
mó. jù lā yē

南无般头摩。俱啰耶

(035)nā mó bá shé
lā. jù lā yē

南无跋阇啰。俱啰耶

(036)nā mó mó ní jù
lā yē

南无摩尼俱啰耶

(037)nā mó qié shé jù
lā yē

南无伽阇俱啰耶

(038)nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(039)dì lì chá. shū
lā xī nà

帝唎茶。输啰西那

(040)bō lā hē lā ná
lā shé yē

波啰诃啰拏啰阇耶

(041)duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(042)nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(043)nā mó ā mí duō
pó yē

南无阿弥多婆耶

(044)duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(045)ā lā hē dì
阿啰诃帝

(046)sān miǎo sān pú
tuó yē

三藐三菩陀耶

(047)nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(048)ā chú pí yē
阿刍鞞耶

(049)duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(050)ā lā hē dì
阿啰诃帝

(051)sān miǎo sān pú
tuó yē

三藐三菩陀耶

(052) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(053) pí shā shé yē jù
lú fèi zhù lì yē

鞞沙阁耶俱卢吠柱唎耶

(054) bō lā pó lā shé
yē

般啰婆啰阁耶

(055) duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(056) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(057) sān bǔ shī bì
duō

三补师毖多

(058) sà lián nà
lā. là shé yē

萨怜捺啰. 刺阁耶

(059) duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(060) ā lā hē dì

阿啰诃帝

(061) sān miǎo sān pú
tuó yē

三藐三菩陀耶

(062) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(063) shě jī yě. mǔ nà
yè

舍鸡野. 母那曳

(064) duò tā qié duō
yē

跢他伽多耶

(065) ā lā hē dì

阿啰诃帝

(066) sān miǎo sān pú
tuó yē

三藐三菩陀耶

(067) nā mó pó qié pó
dì

南无婆伽婆帝

(068) là dá nà. jī dū
lā shé yē

刺怛那. 鸡都啰阁耶

(069) duò tā qié duō
yē

踰他伽多耶

(070) ā lā hē dì

阿啰诃帝

(071) sān miǎo sān pú
tuó yē

三藐三菩陀耶

(072) dì piáo. nā mó
sà jié lì duō

帝瓢. 南无萨羯唎多

(073) yì tán pó qié pó
duō

翳昙婆伽婆多

(074) sà da tā qié dū
sěi ní shàn

萨怛他. 伽都瑟尼钿

(075) sà dá duō bō dá
lán

萨怛多. 般怛唵

(076) nā mō a pó lā
shì dān

南无阿婆啰视耽

(077) bō lā dì yáng qí
lā

般啰帝扬歧啰

(078) sà lā pó bù
duō. jiē lā hē

萨啰婆部多. 揭啰诃

(079) ní jiē lā

hē. jié jiā lā hē ní

尼揭啰诃. 羯迦啰诃尼

(080) bá lā bì dì

yē. chì tuó nǐ

跋啰毖地耶. 叱陀你

(081) a jiā lā mì lì

zhù

阿迦啰密唎柱

(082) bō lī dá lā

yē. níng jiē lī

般唎怛啰耶. 宁揭唎

(083) sà lā pó. pán

tuó nà. mù chā ní

萨啰婆. 盘陀那. 目叉尼

(084) sà lā pó. tū

sèzhà

萨啰婆. 突瑟咤

(085) tū xī fá. bō nà

nǐ fá lā ní

突悉乏. 般那你伐啰尼

(086) zhě dū lā shī dì

nán

赭都啰失帝南

(087) jié lā hē. suō
hē sà lā ruò shé
羯啰诃. 娑诃萨啰若阇

(088) pí duō bēng. suō
nà jié lī
毗多崩. 娑那羯唎

(089) ā sè zhà bīng
shě dì nán
阿瑟咤冰舍帝南

(090) nà chā chà da lā
ruò shé
那叉刹怛啰若阇

(091) bō lā sà tuó nà
jié lì
波啰萨陀那羯唎

(092) ā sèzhà nán
阿瑟咤南

(093) mó hē jié lā hē
ruò shé
摩诃揭啰诃若阇

(094) pí duō bēng. sà
nà jié lì
毗多崩. 萨那羯唎

(095) sà pó shě dū lú
nǐ pó lā ruò shé
萨婆舍都嚧你婆啰若阇

(096) hū lán tū xī
fá. nán zhē nà shě ní
呼蓝突悉乏. 难遮那舍尼

(097) bì shā shě. xī
da lā
毖沙舍. 悉怛啰

(098) a jí ní. wū tuó
jiā lā ruò shé
阿吉尼. 乌陀迦啰若阇

(099) a bō lā shì duō
jū lā
阿般啰视多具啰

(100) mó hē bō lā zhàn
chí
摩诃般啰战持

(101) mó hē dié duō
摩诃迭多

(102) mó hē dì shé
摩诃帝阇

(103) mó hē shuì duō
shé pó lā
摩诃税多阇婆啰

(104) mó hē bá lā pán
tuó lā pó xī nǐ
摩诃跋啰盘陀啰. 婆悉你

(105) a lì yē duō lā

阿唎耶多啰

(106) pí li jù zhī

毗唎俱知

(107) shì pó pí shé yē

誓婆毗阁耶

(108) bá shé lā. mó lǐ
dǐ

跋阁啰. 摩礼底

(109) pí shě lú duō

毗舍嚧多

(110) bó téng wǎng jiā
勃腾罔迦

(111) bá shé lā. zhì
hē nà a zhē

跋阁啰. 制喝那阿遮

(112) mó lā zhì pó. bō
lā zhì duō

摩啰制婆. 般啰质多

(113) bá shé lā shan
chí

跋阁啰擅持

(114) pí shě lā zhē
毗舍啰遮

(115) shàn duō shě. pí
tí pó. bǔ shì duō

扇多舍. 鞞提婆. 补视多

(116) sū mó lú bō

苏摩嚧波

(117) mó hē shuì duō

摩诃税多

(118) a lì yē duō lā

阿唎耶多啰

(119) mó hē pó lā a bō
lā

摩诃婆啰阿般啰

(120) bá shé lā. shāng
jié lā zhì pó

跋阁啰. 商揭啰制婆

(121) bá shé lā jù mó
li

跋阁啰俱摩唎

(122) jù lán tuó li
俱蓝陀唎

(123) bá shé lā. hē sà
duō zhē

跋阁啰. 喝萨多遮

(124) pí dì yē. qián
zhē nà. mó li jiā

毗地耶. 乾遮那. 摩唎迦

(125) kǔ sū mǔ. pó jié
lā duō nà

呬苏母. 婆羯啰多那

(126) pí lú zhē nà jù
lì yē
鞞嚧遮那俱唎耶
(127) yè lā tú sè ní
shān
夜啰菟瑟尼钡
(128) pí zhē lán
pó. mó ní zhē
毗折蓝婆. 摩尼遮
(129) bá shé lā. jiā
nà jiā bō lā pó
跋阇啰. 迦那迦波啰婆
(130) lú shé nà bá shé
lā. dùn zhì zhē
嚧阇那跋阇啰. 顿稚遮
(131) shuì duō
zhē. jiā mó lā
税多遮. 迦摩啰
(132) chà shē shī. bō
lā pó
刹奢尸. 波啰婆
(133) yì dì yí dì
翳帝夷帝
(134) mǔ tuó lā jié nà
母陀啰羯拏
(135) suō pí lā chàn

娑鞞啰怛
(136) jué fàn dū
掘梵都
(137) yìn tù nà mó mó
xiě
印兔那. 么么写
(138) wū xīn
乌𪛗
(139) lì sè jiē nà
唎瑟揭拏
(140) bō là shě xī duō
般刺舍悉多
(141) sà dá tā. qié dū
sè ní shān
萨怛他. 伽都瑟尼钡
(142) hǔ xīn
虎𪛗
(143) dū lú yōng
都卢雍
(144) zhān pó nà
瞻婆那
(145) hǔ xīn
虎𪛗
(146) dū lú yōng
都卢雍
(147) xī dān pó nà

悉耽婆那

(148) hǔ xīn

虎𪗇

(149) dū lú yōng

都卢雍

(150) bō lā sè dì

yē. sān bō chā. ná jié
lā

波啰瑟地耶. 三般叉. 拏
羯啰

(151) hǔ xīn

虎𪗇

(152) dū lú yōng

都卢雍

(153) sà pó yào

chā. hē lā chà suō
萨婆药叉. 喝啰刹娑

(154) jiē lā hē ruò

shé

揭啰诃若阁

(155) pí téng bēng. sà

nà jié lā

毗腾崩. 萨那羯啰

(156) hǔ xīn

虎𪗇

(157) dū lú yōng

都卢雍

(158) zhě dū lā. shī

dǐ nán

者都啰. 尸底南

(159) jiē lā hē. suō

hē sà lā nán

揭啰诃. 娑诃萨啰南

(160) pí téng bēng. sà

nà lā

毗腾崩. 萨那啰

(161) hǔ xīn

虎𪗇

(162) dū lú yōng

都卢雍

(163) lā chā

啰叉

(164) pó qié fàn

婆伽梵

(165) sà dá tā. qié dū

sè ní shān

萨怛他. 伽都瑟尼钡

(166) bō lā diǎn shé

jí lì

波啰点阁吉唎

(167) mó hē suō hē sà

lā

摩诃娑诃萨啰

(168) bó shù suō hē sà

lā. shì lì shā

勃树娑诃萨啰。室唎沙

(169) jù zhī suō hē sà

ní dì lí

俱知娑诃萨泥帝篱

(170) ā bì tí shì pó

lì duō

阿弊提视婆唎多

(171) zhà zhà yīng jiā

咤咤罌迦

(172) mó hē bá shé lú

tuó lā

摩诃跋阇嚧陀啰

(173) dì lì pú pó nà

帝唎菩婆那

(174) màn chá lā

曼茶啰

(175) wū xīn

乌𩚑

(176) suō xī dì bo pó

dū

娑悉帝薄婆都

(177) mó mó

么么

(178) yìn tù nà mó mó

xiě

印兔那么么写

(179) lā shé pó yè

啰阁婆夜

(180) zhǔ lā bá yè

主啰跋夜

(181) ā qí ní pó yè

阿祇尼婆夜

(182) wū tuó jiā pó yè

乌陀迦婆夜

(183) pí shā pó yè

毗沙婆夜

(184) shě sà duō lā pó

yè

舍萨多啰婆夜

(185) pó lā zhuó jié

lā pó yè

婆啰斫羯啰婆夜

(186) tū sè chā pó yè

突瑟叉婆夜

(187) ā shě nǐ pó yè

阿舍你婆夜

(188) ā jiā lā. mì lì

zhù pó yè

阿迦啰。密唎柱婆夜

(189) tuó la ní bù mí
jiàn. bō qié bō tuó pó
yè

陀啰尼部弥剑。波伽波陀
婆夜

(190) wū lā jiā pó duō
pó yè

乌啰迦婆多婆夜

(191) là shé tán chá
pó yè

刺阁坛茶婆夜

(192) nà qié pó yè
nà jiā pō yè

(193) pí tiáo dá pó yè
毗条怛婆夜

(194) sū bō lā ná pó
yè

苏波啰拏婆夜

(195) yào chā jiē lā
hē

药叉揭啰诃

(196) lā chā sī jiē lā
hē

啰叉私揭啰诃

(197) bì lì duō jiē lā
hē

毕唎多揭啰诃

(198) pí shě zhē jiē
lā hē

毗舍遮揭啰诃

(199) bù duō jiē lā hē
部多揭啰诃

(200) jiū pán chá jiē
lā hē

鸠盘茶揭啰诃

(201) bǔ dān nà jiē lā
hē

补单那揭啰诃

(202) jiā zhà bǔ dān
nà jiē lā hē

迦咤补单那揭啰诃

(203) xī qián dù jiē
lā hē

悉乾度揭啰诃

(204) ā bō xī mó lā
jiē lā hē

阿播悉摩啰揭啰诃

(205) wū tán mó tuó
jiē lā hē

乌檀摩陀揭啰诃

(206) chē yè jiē lā hē
车夜揭啰诃

(207) xī li pó dì jiē
lā hē
酰唎婆帝揭啰诃
(208) shè duō hē li
nán
社多诃唎南
(209) jiē pó hē li nán
揭婆诃唎南
(210) lú dì lā hē li
nán
嚧地啰诃唎南
(211) máng suō hē li
nán
忙娑诃唎南
(212) mí tuó hē li nán
谜陀诃唎南
(213) mó shé hē li nán
摩阁诃唎南
(214) shé duō hē li nv
阁多诃唎女
(215) shì bǐ duō hē li
nán
视比多诃唎南
(216) pí duō hē li nán
毗多诃唎南
(217) pó duō hē li nán

婆多诃唎南
(218) ā shū zhē hē li
nv
阿输遮. 诃唎女
(219) zhì duō hē li nv
质多诃唎女
(220) dì shān sà pí
shān
帝钿萨鞞钿
(221) sà pó jiē lā hē
nán
萨婆揭啰诃南
(222) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀耶阁. 嗔陀夜弥
(223) jī lā yè mí
鸡啰夜弥
(224) bō li bá lā zhě
jiā. qì li dān
波唎跋啰者迦. 讫唎担
(225) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阁. 嗔陀夜弥
(226) jī lā yè mí
鸡啰夜弥

(227) chá yǎn ní qì lì
dān

茶演尼讫唎担

(228) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(229) jī lā yè mí
鸡啰夜弥

(230) mó hē bō shū bō
dá yè

摩诃般输般怛夜

(231) lú tuó lā. qì lì
dān

嚧陀啰. 讫唎担

(232) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(233) jī lā yè mí
鸡啰夜弥

(234) nà lā yè ná. qì
lì dān

那啰夜拏. 讫唎担

(235) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(236) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(237) dá duǒ qié lú
chá xī. qì lì dān
怛埵伽嚧茶西. 讫唎担

(238) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(239) jī lā yè mí
鸡啰夜弥

(240) mó hē jiā lā. mó
dá lì qié ná. qì lì
dān

摩诃迦啰. 摩怛唎伽拏.
讫唎担

(241) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(242) jī lā yè mí
鸡啰夜弥

(243) jiā bō lì
jiā. qì lì dān

迦波唎迦. 讫唎担

(244) pí tuó yè
shé. chēn tuó yè mí
毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(245) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(246) shé yè jié

lā. mó dù jié lā

阇夜羯啰. 摩度羯啰

(247) sà pó lā tā suō

dá nà. qì li dān

萨婆啰他娑达那. 讷唎担

(248) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(249) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(250) zhě duō lā. pó

qí nǐ. qì li dān

赭咄啰. 婆耆你. 讷唎担

(251) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(252) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(253) pí li yáng. qì

li zhī

毗唎羊. 讷唎知

(254) nán tuó jī shā

lā. qié ná bō dì

难陀鸡沙啰. 伽拏般帝

(255) suǒ xī yè. qì li
dān

索酰夜. 讷唎担

(256) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(257) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(258) nà jiē nà shě lā

pó ná. qì li dān

那揭那舍啰婆拏. 讷唎担

(259) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(260) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(261) ā luó hàn. qì li

dān

阿罗汉. 讷唎担

pí tuó yè shé. chēn

tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(262) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(263) pí duō lā

qié. qì li dān

毗多啰伽. 讫唎担

(264) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(265) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

bá shé lā bō nǐ

跋阇啰波你

(266) jù xī yè. jù xī

yè

具酰夜. 具酰夜

(267) jiā dì bō dì. qì

lì dān

迦地般帝. 讫唎担

(268) pí tuó yè

shé. chēn tuó yè mí

毗陀夜阇. 唵陀夜弥

(269) jī lā yè mí

鸡啰夜弥

(270) lā chā wǎng

啰叉罔

(271) pó qié fàn

婆伽梵

(272) yìn tù nà. mó mó

xiě

印兔那. 么么写

(273) pó qié fàn

婆伽梵

(274) sà dá duō. bō dá

lā

萨怛多. 般怛啰

(275) nā mó cuì dū dì

南无粹都帝

(276) ā xī duō. nà lā

là jiā

阿悉多. 那啰刺迦

(277) bō lā pó. xī pǔ

zhà

波啰婆. 悉普咤

(278) pí jiā sà dá

duō. bō dì lì

毗迦萨怛多. 钵帝唎

(279) shí fó lā. shí

fó lā

什佛啰. 什佛啰

(280) tuó lā tuó lā

陀啰陀啰

(281) pín tuó lā. pín

tuó lā. chēn tuó chēn

tuó

频陀啰. 频陀啰. 唵陀唵

陀

(282) hǔ xīn

虎𩚑

(283) hǔ xīn

虎𩚑

(284) pàn zhà

泮咤

(285) pàn zhà pàn zhà

pàn zhà pàn zhà

泮咤泮咤泮咤泮咤

(286) suō hē

娑诃

(287) xī xī pàn

酰酰泮

(288) ā móu jiā yē pàn

阿牟迦耶泮

(289) ā bō lā. tí hē

duō pàn

阿波啰. 提诃多泮

(290) pó lā bō lā tuó

pàn

婆啰波啰陀泮

(291) ā sù lā. pí tuó

lā. bō jiā pàn

阿素啰. 毗陀啰. 波迦泮

(292) sà pó tí pí bì

pàn

萨婆提鞞弊泮

(293) sà pó nà qié bì

pàn

萨婆那伽弊泮

(294) sà pó yào chā bì

pàn

萨婆药叉弊泮

(295) sà pó qián tà pó

bì pàn

萨婆乾闥婆弊泮

(296) sà pó bǔ dān nà

bì pàn

萨婆补丹那弊泮

(297) jiā zhà bǔ dān

nà bì pàn

迦咤补丹那弊泮

(298) sà pó tū láng

zhǐ dì bì pàn

萨婆突狼枳帝弊泮

(299) sà pó tū sè bǐ

lí. qì sè dì bì pàn

萨婆突涩比犁. 讫瑟帝弊泮

(300) sà pó shí pó lí

bì pàn

萨婆什婆利弊泮

(301) sà pó ā bō xī mó
lí bì pàn

萨婆阿播悉么犁弊泮

(302) sà pó shě lā pó
ná bì pàn

萨婆舍啰婆拏弊泮

(303) sà pó dì dì jī
bì pàn

萨婆地帝鸡弊泮

(304) sà pó dá mó tuó
jì bì pàn

萨婆怛摩陀继弊泮

(305) sà pó pí tuó
yē. lā shì zhē lí bì
pàn

萨婆毗陀耶. 啰誓遮犁弊泮

(306) shé yè jié
lā. mó dù jié lā
阁夜羯啰. 摩度羯啰

(307) sà pó lā tā suō
tuó jī bì pàn

萨婆啰他娑陀鸡弊泮

(308) pí dì yè. zhē lí
bì pàn

毗地夜. 遮唎弊泮

(309) zhě dū lā. fù qí
nǐ bì pàn

者都啰. 缚耆你弊泮

(310) bá shé lā. jù mó
lǐ

跋阇啰. 俱摩唎

(311) pí tuó yè. lā
shì bì pàn

毗陀夜. 啰誓弊泮

(312) mó hē bō lā dīng
yáng. yì qí lǐ bì pàn
摩诃波啰丁羊. 义耆唎弊泮

(313) bá shé lā. shāng
jié lā yè

跋阇啰. 商羯啰夜

(314) bō lā zhàng
qí. lā shé yē pàn
波啰丈耆. 啰阁耶泮

(315) mó hē jiā lā yè
摩诃迦啰夜

(316) mó hē mò dá lí
jiā ná

摩诃末怛唎迦拏

(317) nā mó suō jié lí
duō yè pàn

南无娑羯唎多夜泮

(318) bì sè ná pí yè
pàn

毖瑟拏婢曳泮

(319) bó lā hē móu ní
yè pàn

勃啰诃牟尼曳泮

(320) ā qí ní yè pàn

阿耆尼曳泮

(321) mó hē jié lì yè
pàn

摩诃羯唎曳泮

(322) jié lā tán chí
yè pàn

羯啰檀迟曳泮

(323) miè dá lì yè pàn

蔑怛唎曳泮

(324) lāo dá lì yè pàn

唠怛唎曳泮

(325) zhē wén chá yè
pàn

遮文茶曳泮

(326) jié luó lā dá lì
yè pàn

羯逻啰怛唎曳泮

(327) jiā bō lì yè pàn

迦般唎曳泮

(328) ā dì mù zhì
duō. jiā shī mó shě nà

阿地目质多. 迦尸摩舍那

(329) pó sī nǐ yè pàn

婆私你曳泮
演吉质

(331) sà duǒ pó xiě

萨埵婆写
么么印兔那么么写

(333) tū sè zhà zhì
duō

突瑟咤质多

(334) ā mò dá lì zhì
duō

阿末怛唎质多

(335) wū shé hē lā

乌阁诃啰
伽婆诃啰

(337) lú dì lā hē lā

嚧地啰诃啰
(338) pó suō hē lā

婆娑诃啰

(339)mó shé hē lā

摩阁诃啰

(340)shé duō hē lā

阁多诃啰

(341)shì bì duō hē lā

视毖多诃啰

(342)bá lüè yè hē lā

跋略夜诃啰

(343)qián tuó hē lā

乾陀诃啰

(344)bù shǐ bō hē lā

布史波诃啰

(345)pō lā hē lā

颇啰诃啰

(346)pó xiě hē lā

婆写诃啰

(347)bō bō zhì duō

般波质多

(348)tū sè zhà zhì
duō

突瑟咤质多

(349)lāo tuó lā zhì
duō

唠陀啰质多

(350)yào chā jiē lā
hē

药叉揭啰诃

(351)lā chà suō jiē
lā hē

啰刹娑揭啰诃

(352)bì lí duō jiē lā
hē

闭隶多揭啰诃

(353)pí shě zhē jiē
lā hē

毗舍遮揭啰诃

(354)bù duō jiē lā hē
部多揭啰诃

(355)jiū pán cha jiē
lā hē

鸠盘茶揭啰诃

(356)xī qián tuó jiē
lā hē

悉乾陀揭啰诃

(357)wū dá mó tuó jiē
lā hē

乌怛摩陀揭啰诃

(358)chē yè jiē lā hē
车夜揭啰诃

(359) ā bō sà mó lā
jiē lā hē

阿播萨摩啰揭啰诃

(360) zhái qū gé chá
qí ní jiē lā hē

宅祛革茶耆尼揭啰诃

(361) lì fó dì jiē lā
hē

唎佛帝揭啰诃

(362) shé mí jiā jiē
lā hē

阁弥迦揭啰诃

(363) shě jù ní jiē lā
hē

舍俱尼揭啰诃

(364) mó tuó lā nán dì
jiā jiē lā hē

姥陀啰难地迦揭啰诃

(365) ā lán pó jiē lā
hē

阿蓝婆揭啰诃

(366) qián dù bō ní
jiē lā hē

乾度波尼揭啰诃

(367) shí fá lā. yīn
jiā xī jiā

什伐啰. 埵迦酰迦

(368) zhuì dì yào jiā
坠帝药迦

(369) dá lí dì yào jiā
怛篱帝药迦

(370) zhě tū tā jiā
者突佉迦

(371) ní tí shí fá
lā. bì shān mó. shí fá
lā

尼提什伐啰. 毖钐摩. 什
伐啰

(372) bo dǐ jiā
薄底迦

(373) bí dǐ jiā
鼻底迦

(374) shì lì sè mì jiā
室隶瑟密迦

(375) suō nǐ bō dì jiā
娑你般帝迦

(376) sà pó shí fá lā
萨婆什伐啰

(377) shì lú jí dì
室嚧吉帝

(378) mò tuó pí dá lú
zhì jiàn

末陀鞞达嚧制剑

(379) ā qǐ lú qián

阿绮嚧钳

(380) mù qié lú qián

目佉嚧钳

(381) jié lì tū lú

qián

羯唎突嚧钳

(382) jiē lā hē. jiē

lán

揭啰诃. 羯蓝

(383) jié ná shū lán

羯拏输蓝

(384) dàn duō shū lán

惮多输蓝

(385) qì lì yè shū lán

迄唎夜输蓝

(386) mò mo shū lán

末么输蓝

(387) bá lì shì pó shū

lán

跋唎室婆输蓝

(388) bì lì sè zhà shū

lán

毖栗瑟咤输蓝

(389) wū tuó lā shū

lán

乌陀啰输蓝

(390) jié zhī shū lán

羯知输蓝

(391) bá xī dì shū lán

跋悉帝输蓝

(392) wū lú shū lán

邬嚧输蓝

(393) cháng qié shū

lán

常伽输蓝

(394) hē xī duō shū

lán

喝悉多输蓝

(395) bá tuó shū lán

跋陀输蓝

(396) suō fáng àng

qié. bō lā zhàng qié

shū lán

娑房盎伽. 般啰丈伽输蓝

(397) bù duō bì duò

chá

部多毖哆茶

(398) chá qí ní. shí

pó lā

茶耆尼。什婆啰

(399) tuó tū lú

jiā. jiàn duō lú jí

zhī. pó lù duō pí

陀突嚧迦。建咄嚧吉知。

婆路多毗

(400) sà bō lú hē líng
qié

萨般嚧诃凌伽

(401) shū shā dá lā

suō nà jié lā

输沙怛啰娑那羯啰

(402) pí shā yù jiā

毗沙喻伽

(403) ā qí ní. wū tuó
jiā

阿耆尼。乌陀伽

(404) mò lā pí lā jiàn

duò lā

末啰鞞啰建踞啰

(405) ā jiā lā mì lì

duō. dá liǎn bù jiā

阿伽啰密唎咄。怛敛部迦

(406) dì lì lā zhà

地栗刺咤

(407) bì lì sè zhì jiā

毖唎瑟质迦

(408) sà pó nà jù lā

萨婆那俱啰

(409) sì yǐn qié

bì. jiē lā lì yào

chā. dá lā chú

肆引伽弊。揭啰唎药叉。
怛啰刍

(410) mò lā shì. fèi

dì shān. suō pí shān

末啰视。吠帝钁。娑鞞钁

(411) xī dá duō. bō dá
lā

悉怛多。钵怛啰

(412) mó hē bá shé lú

sè ní shān

摩诃跋闍嚧瑟尼钁

(413) mó hē bō lāi

zhàng qí lán

摩诃般赖丈耆蓝

(414) yè bō tū

tuó. shě yù shé nà

夜波突陀。舍喻闍那

(415) biàn dá lí ná

辨怛篱拏

(416) pí tuó yē. pán
tán jiā lú mí

毗陀耶. 盘昙迦嚧弥

(417) dì shū. pán tán
jiā lú mí

帝殊. 盘昙迦嚧弥

(418) bō lā pí
tuó. pán tán jiā lú mí

般啰毘陀. 盘昙迦嚧弥

(419) duò zhí tā
哆侄他

(420) an
唵

(421) ā nà lì
阿那隶

(422) pí shě tí
毗舍提

(423) pí lā bá shé lā
tuó lì

鞞啰跋阇啰陀唎

(424) pán tuó pán tuó
nǐ

盘陀盘陀你

(425) bá shé lā. bàng
ní pàn

跋阇啰谤尼泮

(426) hǔ xīn dū lú
yōng pàn

虎𪚩都嚧雍泮

(427) shā pó hē
莎婆诃 [1]

【全咒结束】

(唐天竺沙门般刺密谛等 大师根据古梵文音译) [1]

【‘唵’念【ān】，‘𪚩’念【xīn】 乾隆大藏经实体经书影印本里
【虎𪚩都卢雍】 这句咒，在电脑上之前打不出这个生僻字，所以写作
【合+牛】，实体经书里是一个字【𪚩】，
乾隆大藏经实体经书影印本里楞严咒最后面这句咒是【虎𪚩都嚧雍泮】，
是【雍】读音yōng，不是‘瓮’】

^^*^*^*^*

楞严咒

（楞严咒全文注音未校对）

楞严咒又名大方广妙莲华王十方佛母陀罗尼咒、佛顶神咒。 [1]

楞严经：阿难是佛顶光聚悉怛多般怛罗秘密伽陀微妙章句。出生十方一切诸佛。十方如来因此咒心。得成无上正遍知觉。十方如来执此咒心。降伏诸魔制诸外道。十方如来乘此咒心。坐宝莲华应微尘国。十方如来含此咒心。于微尘国转大法轮。十方如来持此咒心。能于十方摩顶授记。自果未成亦于十方蒙佛授记。十方如来依此咒心。能于十方拔济群苦。所谓地狱饿鬼畜生盲聋喑哑。怨憎会苦爱别离苦。求不得苦五阴炽盛。大小诸横同时解脱。贼难兵难王难狱难。风火水难饥渴贫穷应念销散。十方如来随此咒心。能于十方事善知识。四威仪中供养如意。恒沙如来会中推为大法王子。十方如来行此咒心。能于十方摄受亲因。令诸小乘闻秘密藏不生惊怖。十方如来诵此咒心。成无上觉坐菩提树入大涅槃。十方如来传此咒心。于灭度后付佛法事究竟住持。严净戒律悉得清静。若我说是佛顶光聚般怛罗咒。从旦至暮音声相联。字句中间亦不重叠。经恒沙劫终不能尽。亦说此咒名如来顶。汝等有学未尽轮回。发心至诚取阿罗汉。不持此咒而坐道场。令其身心远诸魔事无有是处。 [1]

^^*^*^*

阿难若诸世界随所国土。所有众生随国所生。桦皮贝叶纸素白氎。书写此咒贮于香囊。是人心昏未能诵忆。或带身上或书宅中。当知是人尽其生年。一切诸毒所不能害。 [1]

阿难我今为汝更说此咒。救护世间得大无畏。成就众生出世间智。若我灭后末世众生。有能自诵若教他诵。当知如是诵持众生。火不能烧水不能溺。大毒小毒所不能害。如是乃至龙天鬼神。精祇魔魅所有恶咒。皆不能著心得正受。一切咒诅魇蛊毒药。金毒银毒草木虫蛇万物毒气。入此人口成甘露味。一切恶星并诸鬼神殄心毒人。于如是人不能起恶。频那夜迦诸恶鬼王并其眷属。皆领深恩常加守护。 [1]

阿难当知。是咒常有八万四千那由他恒河沙俱胝金刚藏王菩萨种族。一一皆有诸金刚众而为眷属昼夜随侍。设有众生于散乱心。非三摩地

心忆口持。是金刚王常随从彼诸善男子。何况决定菩提心者。此诸金刚菩萨藏王。精心阴速发彼神识。是人应时心能记忆八万四千恒河沙劫。周遍了知得无疑惑。从第一劫乃至后身生生不生。药叉罗刹及富单那。迦吒富单那鸠槃荼。毗舍遮等并诸饿鬼。有形无形有想无想。如是恶处。是善男子。若读若诵若书若写。若带若藏诸色供养。劫劫不生贫穷下贱不可乐处。此诸众生纵其自身不作福业。十方如来所有功德悉与此人。由是得于恒河沙阿僧祇不可说不可说劫。常与诸佛同生一处。无量功德如恶叉聚。同处熏修永无分散。是故能令破戒之人戒根清净。未得戒者令其得戒。未精进者令得精进。无智慧者令得智慧。不清净者速得清净。不持斋戒自成斋戒。 [1]

阿难是善男子持此咒时。设犯禁戒于未受时。持咒之后众破戒罪。无问轻重一时销灭。纵经饮酒食啖五辛种种不净。一切诸佛菩萨金刚。天仙鬼神不将为过。设著不净破弊衣服。一行一住悉同清净。纵不作坛不入道场。亦不行道。诵持此咒。还同入坛行道功德无有异也。若造五逆无间重罪。及诸比丘比丘尼四弃八弃。诵此咒已如是重业。犹如猛风吹散沙聚。悉皆灭除更无毫发。 [1]

阿难！若有众生

，从无量无数劫来，所有一切轻重罪障，从前世来，未及忏悔。若能读诵书写此咒，身上带持，若安住处

，庄宅园馆。如是积业，犹汤消雪。不久皆得悟无生忍。 [1]

楞严咒

【全咒】

南无楞严会上佛菩萨（三称）

妙湛总持不动尊 首楞严王世希有
销我亿劫颠倒想 不历僧祇获法身
愿今得果成宝王 还度如是恒沙众
将此深心奉尘刹 是则名为报佛恩
伏请世尊为证明 五浊恶世誓先入
如一众生未成佛 终不于此取泥洹
大雄大力大慈悲 希更审除微细惑
令我早登无上觉 于十方界坐道场
舜若多性可销亡 烁迦罗心无动转

南无常住十方佛
南无常住十方法
南无常住十方僧
南无释迦牟尼佛
南无佛顶首楞严
南无观世音菩萨
南无金刚藏菩萨

尔时世尊。从肉髻中。涌百宝光。光中涌出。千叶宝莲。有化如来。坐宝华中。顶放十道。百宝光明。一一光明。皆遍示现。十恒河沙。金刚密迹。擎山持杵。遍虚空界。大众仰观。畏爱兼抱。求佛哀佑。一心听佛。未见顶相。放光如来。宣说神咒。

【唐天竺沙门般刺密谛等大师根据古梵文音译】【‘𑖀’字念】 [1]

【楞严咒】

南无萨怛他，苏伽多耶，阿啰诃帝，三藐三菩陀写。萨怛他，佛陀俱胝瑟尼钶。南无萨婆，勃陀勃地，萨羯鞞弊。南无萨多南，三藐三菩陀，俱知喃。娑舍啰婆迦，僧伽喃。南无卢鸡阿罗汉哆喃。南无苏卢多波那喃。南无娑羯唎陀伽弥喃。南无卢鸡三藐伽哆喃。三藐伽波啰，底波多那喃。南无提婆离瑟赧。南无悉陀耶，毗地耶，陀啰离瑟赧。舍波奴，揭啰诃，娑诃娑啰摩他喃。南无跋啰诃摩尼。南无因陀啰耶。南无婆伽婆帝。嚧陀啰耶。乌摩般帝。娑酰夜耶。南无婆伽婆帝。那啰野拏耶。槃遮摩诃三慕陀啰。南无悉羯唎多耶。南无婆伽婆帝。摩诃迦啰耶。地唎般刺那伽啰。毗陀啰波拏迦啰耶。阿地目帝。尸摩舍那泥，婆悉泥。摩怛唎伽拏。南无悉羯唎多耶。南无婆伽婆帝。多他伽路俱啰耶。南无般头摩俱啰耶。南无跋阇啰俱啰耶。南无摩尼俱啰耶。南无伽阇俱啰耶。南无婆伽婆帝。帝唎茶，输啰西那。波啰诃啰拏啰阇耶。踰他伽多耶。南无婆伽婆帝。南无阿弥多婆耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。南无婆伽婆帝。阿乌鞞耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。南无婆伽婆帝。鞞沙阇耶，俱卢吠柱唎耶。

般啰婆啰阇耶。踰他伽多耶。南无婆伽婆帝。三补师毖多。萨怜捺啰刺阇耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。南无婆伽婆帝。舍鸡野母那曳。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。南无婆伽婆帝。刺怛那鸡都啰阇耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。帝瓢，南无萨羯唎多。翳昙婆伽婆多。萨怛他伽都瑟尼钶。萨怛多般怛唵。南无阿婆啰视耽。般啰帝扬歧啰。萨啰婆，部多揭啰诃。尼揭啰诃

，羯迦啰诃尼。跋啰毖地耶。叱陀你，阿迦啰，密唎柱，般唎怛啰耶，
 儻揭唎。萨啰婆，盘陀那，目叉尼。萨啰婆，突瑟咤。突悉乏，般
 那你伐啰尼。赭都啰，失帝南。羯啰诃，娑诃萨啰若闍。毗多崩娑那
 羯唎。阿瑟咤冰舍帝南。那叉刹怛啰若闍。波啰萨陀那羯唎。阿瑟咤
 南。摩诃揭啰诃若闍。毗多崩萨那羯唎。萨婆舍都嚧，你婆啰若闍。
 呼蓝突悉乏，难遮那舍尼。毖沙舍，悉怛啰。阿吉尼，乌陀迦啰若闍。
 阿般啰视多具啰。摩诃般啰战持。摩诃迭多。摩诃帝闍。摩诃税多
 闍婆啰。摩诃跋啰盘陀啰，婆悉你。阿唎耶多啰。毗唎俱知。誓婆毗
 闍耶。跋闍啰摩礼底。毗舍嚧多。勃腾罔迦。跋闍啰制喝那阿遮。摩
 啰制婆，般啰质多。跋闍啰擅持。毗舍啰遮。扇多舍，鞞提婆，补视
 多。苏摩嚧波。摩诃税多。阿唎耶多啰。摩诃婆啰，阿般啰。跋闍啰
 商揭啰制婆。

跋闍啰俱摩唎，俱蓝陀唎。跋闍啰喝萨多遮。毗地耶，乾遮那，摩唎
 迦。崛苏母，婆羯啰多那。鞞嚧遮那，俱唎耶。夜啰菟，瑟尼钿。毗
 折蓝婆摩尼遮。跋闍啰迦那迦波啰婆。嚧闍那，跋闍啰顿稚遮。税多
 遮，迦摩啰。刹奢尸，波啰婆。翳帝夷帝。母陀啰羯拏。娑鞞啰怛。
 掘梵都。印兔那么么写。

乌泮。唎瑟揭拏。般刺舍悉多。萨怛他，伽都瑟尼钿。虎泮都卢雍。
 瞻婆那。虎泮都卢雍。悉耽婆那。虎泮都卢雍。波啰瑟地耶，三般叉
 ，拏羯啰。虎泮都卢雍。萨婆药叉，喝啰刹娑。揭啰诃若闍。毗腾崩
 萨那羯啰。虎泮都卢雍。者都啰，尸底南。揭啰诃，娑诃萨啰南。毗
 腾崩萨那啰。虎泮都卢雍。啰叉。婆伽梵。萨怛他，伽都瑟尼钿。波
 啰点闍吉唎。摩诃娑诃萨啰。勃树娑诃萨啰，室唎沙。俱知娑诃萨泥
 ，帝隶。阿弊提视婆唎多。咤咤嚧迦。摩诃跋闍嚧陀啰。帝唎菩婆那
 。曼荼啰。乌泮。娑悉帝 薄婆都。么么。印兔那么么写。

啰闍婆夜。主啰跋夜。阿祇尼婆夜。乌陀迦婆夜。毗沙婆夜。舍萨多
 啰婆夜。婆啰斫羯啰婆夜。突瑟叉婆夜。阿舍你婆夜。阿迦啰密唎柱
 婆夜。陀啰尼部弥剑，波伽波陀婆夜。乌啰迦婆多婆夜。刺闍坛茶婆
 夜。那伽婆夜。毗条怛婆夜。苏波啰拏婆夜。药叉揭啰诃。啰叉私揭
 啰诃。毕唎多揭啰诃。毗舍遮揭啰诃。部多揭啰诃。鳩槃荼揭啰诃。
 补单那揭啰诃。迦咤补单那揭啰诃。悉乾度揭啰诃。阿播悉摩啰揭啰
 诃。乌檀摩陀揭啰诃。车夜揭啰诃。酰唎婆帝揭啰诃。社多诃唎南。
 揭婆诃唎南。嚧地啰诃唎南。忙娑诃唎南。谜陀诃唎南。摩闍诃唎南
 。闍多诃唎女。视比多诃唎南。毗多诃唎南。婆多诃唎南。阿输遮诃
 唎女。质多诃唎女。帝钿萨鞞钿。萨婆揭啰诃南。毗陀耶闍，嗔陀夜

弥。鸡啰夜弥。波唎跋啰者迦，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。茶演尼，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。摩诃般输般怛夜。嚧陀啰，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。那啰夜拏，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。怛埵伽嚧茶西，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。摩诃迦啰，摩怛唎伽拏，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。迦波唎迦，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。阇夜羯啰，摩度羯啰。萨婆啰他娑达那，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。赭咄啰，婆耆你，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。毗唎羊，讫唎知。难陀鸡沙啰，伽拏般帝。索酰夜，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。那揭那舍啰婆拏，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。阿罗汉，讫唎担。

毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。毗多啰伽，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。跋阇啰波你。具酰夜，具酰夜。迦地般帝，讫唎担。毗陀夜阇，唵陀夜弥。鸡啰夜弥。啰叉罔。婆伽梵。印兔那么么写。

婆伽梵。萨怛多般怛啰。南无粹都帝。阿悉多那啰刺迦。波啰婆，悉普咤。毗迦萨怛多钵帝唎。什佛啰什佛啰。陀啰陀啰。频陀啰频陀啰，唵陀唵陀。虎舛。虎舛。泮咤

泮咤泮咤泮咤泮咤。娑诃。酰酰泮。阿牟迦耶泮。阿波啰提诃多泮。婆啰波啰陀泮。阿素啰，毗陀啰，波迦泮。萨婆提鞞弊泮。萨婆那伽弊泮。萨婆药叉弊泮。萨婆乾闥婆弊泮。萨婆补丹那弊泮。迦咤补丹那弊泮。萨婆突狼枳帝弊泮。萨婆突涩比犁，讫瑟帝弊泮。萨婆什婆利弊泮。萨婆阿播悉摩犁弊泮。萨婆舍啰婆拏弊泮。萨婆地帝鸡弊泮。萨婆怛摩陀继弊泮。萨婆毗陀耶，啰誓遮犁弊泮。阇夜羯啰，摩度羯啰。萨婆啰他娑陀鸡弊泮。毗底夜，遮唎弊泮。者都啰，缚耆你弊泮。跋阇啰，俱摩唎。毗陀夜，啰誓弊泮。摩诃波啰丁羊，又耆唎弊泮。跋阇啰商羯啰夜。波啰丈耆啰阇耶泮。摩诃迦啰夜。摩诃末怛唎迦拏。南无娑羯唎多夜泮。毖瑟拏婢曳泮。勃啰诃牟尼曳泮。阿耆尼曳泮。摩诃羯唎曳泮。羯啰檀迟曳泮。蔑怛唎曳泮。唠怛唎曳泮。遮文茶曳泮。羯逻啰怛唎曳泮。迦般唎曳泮。阿地目质多，迦尸摩舍那。婆私你曳泮。演吉质。萨埵婆写。么么印兔那么么写。

突瑟咤质多。阿末怛唎质多。乌阇诃啰。伽婆诃啰。嚧地啰诃啰。婆娑诃啰。摩阇诃啰。阇多诃啰。视毖多诃啰。跋略夜诃啰。乾陀诃啰。布史波诃啰。颇啰诃啰。婆写诃啰。般波质多。突瑟咤质多。唠陀

啰质多。药叉揭啰诃。啰刹娑揭啰诃。闭隶多揭啰诃。毗舍遮揭啰诃。部多揭啰诃。鳩槃荼揭啰诃。悉乾陀揭啰诃。乌怛摩陀揭啰诃。车夜揭啰诃。阿播萨摩啰揭啰诃。宅祛革，茶耆尼揭啰诃。唎佛帝揭啰诃。闍弥迦揭啰诃。舍俱尼揭啰诃。姥陀啰，难地迦揭啰诃。阿蓝婆揭啰诃。乾度波尼揭啰诃。什伐啰，堙迦酰迦。坠帝药迦。怛隶帝药迦。者突讬迦。尼提什伐啰，毖钐摩什伐啰。薄底迦。鼻底迦。室隶瑟密迦。娑你般帝迦。萨婆什伐啰。室嚧吉帝。末陀鞞达嚧制剑。阿绮嚧钳。目佉嚧钳。羯唎突嚧钳。揭啰诃羯蓝。羯拏输蓝。憻多输蓝。迄唎夜输蓝。末么输蓝。跋唎室婆输蓝。毖栗瑟咤输蓝。乌陀啰输蓝。羯知输蓝。跋悉帝输蓝。邬嚧输蓝。常伽输蓝。喝悉多输蓝。跋陀输蓝。娑房盎伽，般啰丈伽输蓝。部多毖哆茶。茶耆尼，什婆啰。陀突嚧迦，建咄嚧吉知，婆路多毗。萨般嚧诃凌伽。输沙怛啰，娑那羯啰。毗沙喻迦。阿耆尼，乌陀迦。末啰鞞啰，建路啰。阿迦啰，密唎咄，怛敛部迦。地栗刺咤。毖唎瑟质迦。萨婆那俱啰。肆引伽弊，揭啰唎药叉，怛啰刍。末啰视，吠帝钐，娑鞞钐。悉怛多钵怛啰。摩诃跋闍嚧瑟尼钐。摩诃般赖丈耆蓝。夜波突陀，舍喻闍那。辨怛隶拏。毗陀耶，盘昙迦嚧弥。帝殊，盘昙迦嚧弥。般啰毘陀，盘昙迦嚧弥。哆侄他。唵。阿那隶。毗舍提。鞞啰跋闍啰陀唎。槃陀槃陀你。跋闍啰谤尼泮。虎𤝵都嚧甕泮。莎婆诃。

【全咒结束】

（唐天竺沙门般刺密谛等大师根据古梵文音译） [1]

（‘唵’念【ān】，‘𤝵’念【xīn】） 乾隆大藏经实体经书影印本里【虎𤝵都卢雍】这句咒，在电脑上之前打不出这个生僻字，所以写作【合+牛】，实体经书里是一个字【𤝵】，乾隆大藏经实体经书影印本里楞严咒最后面这句咒是（虎𤝵都嚧甕泮），是【甕】读音【yōng】，不是【瓮】。

回向

所有功德。皆悉回向。尽法界。虚空界一切众生。愿令众生常得安乐。无诸病苦。欲行恶法皆悉不成。所修善业。皆速成就。关闭一切诸恶趣门。开示人天涅槃正路。若诸众生。因其积集诸恶业故。所感一切极重苦果。我皆代受。令彼众生悉得解脱。究竟成就无上菩提。菩萨如是所修回向。虚空界尽。众生界尽。众生业尽。众生烦恼尽。我此回向无有穷尽。念念相续无有间断。身语意业无有疲厌。 [2]

意义编辑

大佛顶首楞严经节选 [1]

【若我说是佛顶光聚般怛罗咒。从旦至暮音声相联。字句中间亦不重叠。经恒沙劫终不能尽。亦说此咒名如来顶。】 [1]

阿难。若诸国土州县聚落，饥荒疫疠。或复刀兵贼难斗争。兼余一切厄难之地。写此神咒，安城四门，并诸支提，或脱阁上。令其国土所有众生，奉迎斯咒，礼拜恭敬，一心供养。令其人民各各身佩。或各各安所居宅地。一切灾厄悉皆消灭。阿难。在在处处，国土众生，随有此咒，天龙欢喜，风雨顺时，五谷丰殷，兆庶安乐。亦复能镇一切恶星，随方变怪。灾障不起。人无棋夭。杻械枷锁不著其身。昼夜安眠，常无恶梦。阿难！是娑婆界，有八万四千灾变恶星，二十八恶星而为上首

；复有八大恶星以为其主，作种种形，出现世时，能生众生种种灾异。有此咒地，悉皆消灭。十二由旬成结界地，诸恶灾祥，永不能入。 [1]

阿难！若有众生

，从无量无数劫来，所有一切轻重罪障，从前世来，未及忏悔。若能读诵书写此咒，身上带持，若安住处

，庄宅园馆。如是积业，犹汤消雪。不久皆得悟无生忍。 [1]

是故如来宣示此咒，于未来世，保护初学诸修行者，入三摩地，身心泰然，得大安隐。更无一切诸魔鬼神，及无始来冤横宿殃

，旧业陈债，来相恼害。汝及众中诸有学人，及未来世诸修行者，依我坛场，如法持戒。所受戒主，逢清净僧。持此咒心，不生疑悔。是善男子，于此父母所生之身，不得心通，十方如来便为妄语。 [1]

说是语已，会中无量百千金刚，一时佛前合掌顶礼，而白佛言：如佛所说，我当诚心保护如是修菩提者。尔时梵王，并天帝释、四天大王，亦于佛前同时顶礼

，而白佛言：审有如是修学善人，我当尽心至诚保护，令其一生所作如愿。复有无量药叉大将，诸罗刹王、富单那王、鸠槃荼王、毗舍遮王、频那

、夜迦、诸大鬼王，及诸鬼帅，亦于佛前合掌顶礼：我亦誓愿护持是人，令菩提心速得圆满。复有无量日月天子、风师、雨师、云师、雷师，并电伯等，年岁巡官，诸星眷属，亦于会中顶礼佛足

，而白佛言：我亦保护是修行人，安立道场，得无所畏。复有无量山神、海神，一切土地、水陆空行万物精祇，并风神王、无色界天，于

如来前同时稽首

，而白佛言：我亦保护是修行人，得成菩提，永无魔事。 [1]
尔时八万四千那由他恒河沙俱胝金刚藏王菩萨，在大会中，即从座起，顶礼佛足，而白佛言：世尊！如我等辈，所修功业，久成菩提，不取涅槃；常随此咒，救护末世修三摩地正修行者。世尊！如是修心求正定人，若在场道，及余经行，乃至散心，游戏聚落。我等徒众，常当随从，侍卫此人。纵令魔王、大自在天求其方便，终不可得。诸小鬼神，去此善人十由旬外，除彼发心，乐修禅者。世尊！如是恶魔，若魔眷属，欲来侵扰是善人者；我以宝杵，陨碎其首，犹如微尘，恒令此人所作如愿。 [1]
阿难汝问摄心。我今先说入三摩地。修学妙门求菩萨道。要先持此四种律仪。皎如冰霜。自不能生一切枝叶。心三口四生必无因。阿难如是四事若不遗失。心尚不缘色香味触。一切魔事云何发生。若有宿习不能灭除。汝教是人一心诵我佛顶光明摩诃萨怛多般怛罗无上神咒。斯是如来无见顶相无为心佛从顶发辉坐宝莲华所说心咒且汝宿世与摩登伽。历劫因缘恩爱习气。非是一生及与一劫。我一宣扬爱心永脱成阿罗汉。彼尚淫女无心修行。神力冥资速证无学。云何汝等在会声闻。求最上乘决定成佛。譬如以尘扬于顺风有何艰险。若有末世欲坐道场。先持比丘清净戒。要当选择戒清净者。第一沙门以为其师。若其不遇真清净僧。汝戒律仪必不成就。戒成已后著新净衣然香闲居。诵此心佛所说神咒一百八遍。然后结界建立道场。求于十方现住国土无上如来。放大悲光来灌其顶。阿难如是末世清净比丘。若比丘尼白衣檀越。心灭贪淫持佛净戒。于道场中发菩萨愿。出入澡浴六时行道。如是不寐经三七日。我自现身至其人前。摩顶安慰令其开悟。 [1]

~~*~*~*

《楞严咒》

再特别增加一个记忆的秘诀：1、每天晚上睡觉前花30分钟~60分钟左右专心背下其中一段；2、第二天早上起床，第一件事就是复习昨天晚上的内容；3、记忆期间继续坚持每天读诵3遍楞严咒；4、记忆时适当使用联想记忆，联想成生活中的一些东西，更有助于记忆；5、在决心开始背诵时，先要读的比较通畅，也就是先读一段时间再背。

点击浏览《背诵经典和咒语的八大秘诀》！

南无萨怛他，苏伽多耶，阿啰诃帝，三藐三菩陀写。南无萨怛他，佛陀俱胝瑟尼钶。

南无萨婆，勃陀勃地，萨踰鞞弊。南无萨多南，三藐三菩陀，俱知喃。娑舍啰婆迦，僧伽喃。

南无卢鸡阿罗汉哆喃。南无苏卢，多波那喃。南无娑羯唎陀，伽弥喃。

南无卢鸡三藐伽哆喃。三藐伽波啰，底波多那喃。

南无提婆离瑟赧。南无悉陀耶，毗地耶，陀啰离瑟赧。舍波奴，揭啰诃，娑诃娑啰，摩他喃。

南无跋啰诃摩尼。南无因陀啰耶。

南无婆伽婆帝。嚧陀啰耶。乌摩般帝。娑酰夜耶。

南无婆伽婆帝。那啰野拏耶。槃遮摩诃三慕陀啰。南无悉羯唎多耶。

南无婆伽婆帝。摩诃迦啰耶。地唎般刺那伽啰。毗陀啰波拏迦啰耶。阿地目帝。尸摩舍那泥婆悉泥。摩怛唎伽拏。南无悉羯唎多耶。

南无婆伽婆帝。多他伽踰俱啰耶。南无般头摩俱啰耶。南无跋阇啰俱啰耶。南无摩尼俱啰耶。南无伽阇俱啰耶。

南无婆伽婆帝。帝唎荼，输啰西那。波啰诃啰拏啰阇耶。踰他伽多耶。

南无婆伽婆帝。南无阿弥多婆耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。

南无婆伽婆帝。阿刍鞞耶。踰他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。

南无婆伽婆帝。鞞沙阇耶，俱卢吠柱唎耶。

般啰婆啰阇耶。踰他伽多耶。

南无婆伽婆帝。三补师毖多。萨怜捺啰刺阇耶。踰他伽多耶。

阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。

南无婆伽婆帝。舍鸡野母那曳。跢他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。

南无婆伽婆帝。刺怛那鸡都啰阇耶。跢他伽多耶。阿啰诃帝。三藐三菩陀耶。

帝瓢，南无萨羯唎多。翳昙婆伽婆多。萨怛他伽都瑟尼钡。萨怛多般怛唎。南无阿婆啰视耽。般啰帝扬歧啰。

萨啰婆，部多揭啰诃。尼揭啰诃，羯迦啰诃尼。跋啰毖地耶，叱陀你。阿迦啰，密唎柱。般唎怛啰耶，儻揭唎。萨啰婆，盘陀那，目叉尼。萨啰婆，突瑟咤。

突悉乏，般那你，伐啰尼。赭都啰，失帝南。羯啰诃，娑诃萨啰若阇。

毗多崩娑那羯唎。阿瑟咤冰舍帝南。那叉刹怛啰若阇。波啰萨陀那羯唎。阿瑟咤南。摩诃揭啰诃若阇。毗多崩萨那羯唎。萨婆舍都嚧，你婆啰若阇。呼蓝突悉乏，难遮那舍尼。毖沙舍，悉怛啰。

阿吉尼，乌陀迦啰若阇。阿般啰，视多具啰。

摩诃般啰，战持。摩诃迭多。摩诃帝阇。摩诃税多，阇婆啰。摩诃跋啰，盘陀啰，婆悉你。阿唎耶多啰。毗唎俱知。誓婆毗阇耶。

跋阇啰，摩礼底。毗舍嚧多。勃腾罔迦。跋阇啰，制喝那阿遮。摩啰制婆，般啰质多。跋阇啰，擅持。毗舍啰遮。扇多舍，鞞提婆，补视多。苏摩嚧波。摩诃税多。阿唎耶多啰。摩诃婆啰，阿般啰。跋阇啰，商揭啰制婆。跋阇啰，俱摩唎。俱蓝陀唎。

【【第二会】】

跋阇啰，喝萨多遮。毗地耶，乾遮那，摩唎迦。囍苏母，婆羯
啰多那。鞞嚧遮那，俱唎耶。夜啰菟，瑟尼钿。毗折蓝婆，摩
尼遮。

跋阇啰，迦那迦，波啰婆。嚧阇那，跋阇啰，顿稚遮。
税多遮，迦摩啰。刹奢尸，波啰婆。翳帝夷帝。母陀啰，羯拏
。娑鞞啰怛。掘梵都。印兔那么么写。

【第二会】

乌[合牛]。唎瑟揭拏。般刺舍悉多。萨怛他，伽都瑟尼钿。

虎[合牛]。都卢雍。瞻婆那。

虎[合牛]。都卢雍。悉耽婆那。

虎[合牛]。都卢雍。波啰瑟地耶，三般叉，拏羯啰。

虎[合牛]。都卢雍。萨婆药叉，喝啰刹娑。揭啰诃若阇。毗腾
崩萨那羯啰。

虎[合牛]。都卢雍。者都啰，尸底南。揭啰诃，娑诃萨啰南。
毗腾崩萨那啰。

虎[合牛]。都卢雍。啰叉。婆伽梵。萨怛他，伽都瑟尼钿。波
啰点，阇吉唎。

摩诃娑诃萨啰。勃树娑诃萨啰，室唎沙。俱知娑诃萨泥，帝[口
隶]。阿弊提视婆唎多。咤咤嚧迦。

摩诃跋阇嚧陀啰。帝唎菩婆那。曼荼啰。

乌[合牛]。娑悉帝 薄婆都。么么。印兔那么么写。

【第三会】

（助记：以“婆夜”结尾）

啰阇婆夜。主啰跋夜。阿祇尼婆夜。乌陀迦婆夜。毗沙婆夜。
舍萨多啰婆夜。婆啰斫羯啰婆夜。突瑟叉婆夜。阿舍你婆夜。
阿迦啰密唎柱婆夜。陀啰尼部弥剑，波伽波陀婆夜。乌啰迦婆
多婆夜。刺阇坛茶婆夜。那伽婆夜。毗条怛婆夜。苏波啰拏婆
夜。

（助记：以“揭啰诃”结尾）

药叉揭啰诃。啰叉私揭啰诃。毕唎多揭啰诃。毗舍遮揭啰诃。
部多揭啰诃。鳩盘荼揭啰诃。补单那揭啰诃。迦咤补单那揭啰
诃。悉乾度揭啰诃。阿播悉摩啰揭啰诃。乌檀摩陀揭啰诃。车
夜揭啰诃。酰唎婆帝揭啰诃。

（助记：以“诃唎南”结尾）

社多诃唎南。揭婆诃唎南。嚧地啰诃唎南。忙娑诃唎南。谜陀
诃唎南。摩阇诃唎南。阇多诃唎女。视比多诃唎南。毗多诃唎
南。婆多诃唎南。阿输遮诃唎女。质多诃唎女。帝钗萨鞞钗。
萨婆揭啰诃南。

（助记：以“毗陀耶阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥”开头）

毗陀耶阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。波唎跋啰者迦，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。茶演尼，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。摩诃般输
般怛夜。嚧陀啰，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。那啰夜拏，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。怛埵伽嚧茶西，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。摩诃迦啰，摩怛唎伽拏，讫
唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。迦波唎迦，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。阇夜羯啰，摩度羯啰。萨婆
啰他娑达那，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。赭咄啰，婆耆你，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。毗唎羊，讫唎知。难陀鸡沙
啰，伽拏般帝。索酰夜，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。那揭那舍啰婆拏，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。阿罗汉，讫唎担。
毗陀夜阇，唎陀夜弥。鸡啰夜弥。毗多啰伽，讫唎担。

毗陀夜阇，嗔陀夜弥。鸡啰夜弥。跋阇啰波你。具酰夜，具酰夜。迦地般帝，讫唎担。

毗陀夜阇，嗔陀夜弥。鸡啰夜弥。啰叉罔。婆伽梵。印兔那么么写。

【第四会】

婆伽梵。萨怛多般怛啰。南无粹都帝。阿悉多那啰刺迦。波啰婆，悉普咤。毗迦萨怛多钵帝唎。

什佛啰什佛啰。陀啰陀啰。频陀啰频陀啰，嗔陀嗔陀。

（助记：重复字“泮”）

虎[合牛]。虎[合牛]。泮咤。泮咤泮咤泮咤泮咤。娑诃。酰酰泮。阿牟迦耶泮。阿波啰提诃多泮。婆啰波啰陀泮。阿素啰，毗陀啰，波迦泮。

（助记：重复字“萨婆”开头）

萨婆，提鞞弊泮。萨婆，那伽弊泮。萨婆，药叉弊泮。萨婆，乾闥婆弊泮。萨婆，补丹那弊泮。迦咤，补丹那弊泮。萨婆，突狼枳帝弊泮。萨婆，突涩比[口*犁]，讫瑟帝弊泮。萨婆，什婆利弊泮。萨婆，阿播悉么[口*犁]弊泮。萨婆，舍啰婆拏弊泮。萨婆，地帝鸡弊泮。萨婆，怛摩陀继弊泮。萨婆，毗陀耶，啰誓遮[口*犁]弊泮。阇夜羯啰，摩度羯啰。萨婆，啰他娑陀鸡弊泮。毗地夜，遮唎弊泮。者都啰，缚耆你弊泮。跋阇啰，俱摩唎。毗陀夜，啰誓弊泮。

（助记：重复字“摩诃”、“泮”）

摩诃波啰丁羊，叉耆唎弊泮。跋阇啰，商羯啰夜。波啰丈耆，啰阇耶泮。

摩诃迦啰夜。摩诃末怛唎迦拏。南无娑羯唎多夜泮。毖瑟拏婢曳泮。勃啰诃，牟尼曳泮。阿耆尼曳泮。

【【第五会】】

摩诃羯唎曳泮。羯啰檀迟曳泮。蔑怛唎曳泮。唠怛唎曳泮。遮文茶曳泮。羯逻啰，怛唎曳泮。迦般唎曳泮。阿地目质多，迦尸摩舍那。婆私你曳泮。

演吉质。萨埵婆写。么么，印兔那么么写。

【第五会】

突瑟咤质多。阿末怛唎质多。

乌闍诃啰。伽婆诃啰。嚧地啰诃啰。婆娑诃啰。摩闍诃啰。闍多诃啰。视毖多诃啰。跋略夜诃啰。乾陀诃啰。布史波诃啰。颇啰诃啰。婆写诃啰。（助记：重复字“诃啰”）

般波质多。突瑟咤质多。唠陀啰质多。（助记：重复字“质多”）

药叉揭啰诃。啰刹娑揭啰诃。闭[口隶]多揭啰诃。毗舍遮揭啰诃。部多揭啰诃。鳩盘茶揭啰诃。悉乾陀揭啰诃。

乌怛摩陀揭啰诃。车夜揭啰诃。阿播萨摩啰揭啰诃。宅祛革，茶耆尼揭啰诃。唎佛帝揭啰诃。闍弥迦揭啰诃。

舍俱尼揭啰诃。姥陀啰，难地迦揭啰诃。阿蓝婆揭啰诃。乾度波尼揭啰诃。（助记：重复字“揭啰诃”）

什伐啰，埵迦酰迦。坠帝药迦。怛[口隶]帝药迦。者突托迦。

尼提什伐啰，毖钐摩什伐啰。薄底迦。鼻底迦。室隶瑟密迦。娑你般帝迦。萨婆什伐啰。（助记：重复字“啰”、“迦”）

室嚧吉帝。末陀鞞达嚧制剑。阿绮嚧钳。目佉嚧钳。羯唎突嚧钳。（本段助记：重复字“嚧”）

揭啰诃羯蓝。羯拏输蓝。憚多输蓝。迄唎夜输蓝。末么输蓝。跋唎室婆输蓝。毖栗瑟咤输蓝。乌陀啰输蓝。

羯知输蓝。跋悉帝输蓝。邬嚧输蓝。常伽输蓝。喝悉多输蓝。
跋陀输蓝。娑房盎伽，般啰丈伽输蓝。（重复字“输蓝”）

部多毖哆茶。茶耆尼，什婆啰。陀突嚧迦，建咄嚧吉知，婆路
多毗。萨般嚧，诃凌伽。输沙怛啰，娑那羯啰。毗沙喻迦。阿
耆尼，乌陀迦。末啰鞞啰，建踰啰。阿迦啰，密唎咄，怛敛部
迦。地栗刺咤。毖唎瑟质迦。萨婆那俱啰。肆引伽弊，揭啰唎
药叉，怛啰乌。（助记：重复字“啰”、“迦”）

末啰视，吠帝钡，娑鞞钡。悉怛多钵怛啰。摩诃跋闍嚧，瑟尼
钡。（助记：重复字“钡”）

摩诃般赖丈耆蓝。夜波突陀，舍喻闍那。辩怛[口隶]拏。

毗陀耶，盘昙迦嚧弥。帝殊，盘昙迦嚧弥。般啰毘陀，盘昙迦
嚧弥。（助记：重复字“盘昙迦嚧弥”）

哆侄他。唵。阿那[口隶]。

毗舍提。鞞啰跋闍啰陀唎。盘陀盘陀你。跋闍啰，谤尼泮。虎[
合牛]都嚧瓮泮。莎婆诃。

【全咒结束】

^^*^*^*^*

楞严经引用

即时如来将罢法座。于师子床揽七宝机。回紫金山再来凭倚。普
告大众及阿难言。汝等有学缘觉声闻。今日回心趣大菩提无上妙
觉。吾今已说真修行法。汝犹未识修奢摩他毗婆舍那微细魔事。
魔境现前汝不能识。洗心非正落于邪见。或汝阴魔或复天魔。或
著鬼神或遭魑魅。心中不明认贼为子。又复于中得少为足。如第
四禅无闻比丘妄言证圣。天报已毕衰相现前。谤阿罗汉身遭后有
。堕阿鼻狱。汝应谛听吾今为汝仔细分别。阿难起立并其会中同
有学者。欢喜顶礼伏听慈诲

佛告阿难及诸大众。汝等当知有漏世界十二类生。本觉妙明觉圆心体。与十方佛无二无别。由汝妄想迷理为咎痴爱发生。生发遍迷故有空性。化迷不息有世界生。则此十方微尘国土非无漏者。皆是迷顽妄想安立。当知虚空生汝心内。犹如片云点太清里。况诸世界在虚空耶。汝等一人发真归元。此十方空皆悉销殒。云何空中所有国土而不振裂。汝辈修禅饰三摩地。十方菩萨及诸无漏大阿罗汉。心精通[恣-

心+目]当处湛然。一切魔王及与鬼神诸凡夫天。见其宫殿无故崩裂。大地振坼水陆飞腾。无不惊慑。凡夫昏暗不觉迁讹。彼等咸得五种神通唯除漏尽。恋此尘劳。如何令汝摧裂其处。是故神鬼及诸天魔魍魉妖精。于三昧时佞来恼汝。然彼诸魔虽有大怒。彼尘劳内汝妙觉中。如风吹光如刀断水了不相触。汝如沸浪彼如坚冰。暖气渐邻不日销殒。徒恃神力但为其客。成就破乱。由汝心中五阴主人。主人若迷客得其便。当处禅那觉悟无惑。则彼魔事无奈汝何。阴销入明则彼群邪咸受幽气。明能破暗近自销殒。如何敢留扰乱禅定。若不明悟被阴所迷。则汝阿难必为魔子成就魔人。如摩登伽殊为眇劣。彼虽咒汝破佛律仪。八万行中祇毁一戒。心清净故尚未沦溺。此乃隳汝宝觉全身。如宰臣家忽逢籍没。

宛转零落无可哀救

阿难当知汝坐道场。销落诸念其念若尽。则诸离念一切精明。动静不移忆忘如一。当住此处入三摩提。如明目人处大幽暗。精性妙净心未发光。此则名为色阴区宇。若目明朗十方洞开。无复幽黯名色阴尽。是人则能超越劫浊。观其所由坚固妄想以为其本阿难当在此中精研妙明四大不织。少选之间身能出碍。此名精明流溢前境。斯但功用暂得如是。非为圣证不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

阿难复以此心精研妙明其身内彻。是人忽然于其身内拾出蛭蛔。身相宛然亦无伤毁。此名精明流溢形体。斯但精行暂得如是。非为圣证不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心内外精研。其时魂魄意志精神。除执受身余皆涉入。若为宾主。忽于空中闻说法声。或闻十方同敷密义。此名精魂递相离合。成就善种暂得如是。非为圣证不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心澄露皎彻内光发明。十方遍作阎浮檀色。一切种类化为如来。于时忽然见毗卢遮那踞天光台。千佛围绕百亿国土。及与莲华俱时出现。此名心魂灵悟所染。心光研明照诸世界。暂得如是是非为圣证。不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心精研妙明观察不停。抑按降伏制止超越。于时忽然十方虚空。成七宝色或百宝色。同时遍满不相留碍。青黄赤白各各纯现。此名抑按功力逾分。暂得如是是非为圣证。不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心研究澄彻精光不乱。忽于夜合在暗室内。见种种物不殊白昼。而暗室物亦不除灭。此名心细密澄其见所视洞幽。暂得如是是非为圣证。不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心圆入虚融。四肢忽然同于草木。火烧刀斫曾无所觉。又则火光不能烧爇。纵割其肉犹如削木。此名尘并排四大性一向入纯。暂得如是是非为圣证。不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心成就清静。净心功极忽见大地。十方山河皆成佛国。具足七宝光明遍满。又见恒沙诸佛如来。遍满空界楼殿华丽。下见地狱上观天宫得无障碍。此名欣厌凝想日深想久化成。非为圣证不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心研究深远。忽于中夜遥见远方。市井街巷亲族眷属或闻其语。此名迫心逼极飞出故多隔见。非为圣证不作圣心名善境界。若作圣解即受群邪

又以此心研究精极。见善知识形体变移。少选无端种种迁改。此名邪心含受魑魅。或遭天魔入其心腹。无端说法通达妙义。非为圣证不作圣心魔事销歇。若作圣解即受群邪

阿难如是十种禅那现境。皆是色阴用心交互故现斯事。众生顽迷不自忖量。逢此因缘迷不自识谓言登圣。大妄语成堕无间狱。汝

等当依如来灭后。于未法中宣示斯义。无令天魔得其方便。保持覆护成无上道

阿难彼善男子。修三摩提奢摩他中。色阴尽者见诸佛心。如明镜中显现其像。若有所得而未能用。犹如魇人手足宛然见闻不惑。心触客邪而不能动。此则。名为受阴区宇。若魇咎歇其心离身。返观其面去住自由。无复留碍名受阴尽。是人则能超越见浊。观其所由虚明妄想以为其本

阿难彼善男子。当在此中得大光耀。其心发明内抑过分。忽于其处发无穷悲。如是乃至观见蚊虻犹如赤子。心生怜愍不觉流泪。此名功用抑摧过越。悟则无咎非为圣证。觉了不迷久自销歇。若作圣解则有悲魔入其心府。见人则悲啼泣无限。失于正受当从沦坠

阿难又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。胜相现前感激过分。忽于其中生无限勇。其心猛利志齐诸佛。谓三僧祇一念能越。此名功用凌率过越。悟则无咎非为圣证。觉了不迷久自销歇。若作圣解则有狂魔入其心腑。见人则夸我慢无比。其心乃至上不见佛。下不见人。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。前无新证归失故居。智力衰微入中堕地迴无所见。心中忽然生大枯渴。于一切时沈忆不散。将此以为勤精进相。此名修心无慧自失。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有忆魔入其心腑。旦夕撮心悬在一处。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。慧力过定失于猛利。以诸胜性怀于心中。自心已疑是卢舍那。得少为足。此名用心亡失恒审溺于知见。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有下劣。易知足魔入其心腑。见人自言我得无上第一义谛。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。新证未获故心已亡。历览二际自生艰险。于心忽然生无尽忧。如坐铁床如饮毒药。心不欲活常求于人。令害其命早取解脱。此名修行失于方便。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有一分常忧愁魔入其心腑。手执刀剑自割其肉。欣其舍寿或常忧愁。走入山林不耐见人。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。处清净中心安隐后。忽然自有无限喜生。心中欢悦不能自止。此名轻安无慧自禁。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有一分好喜乐魔入其心腑。见人则笑于衢路傍自歌自舞。自谓已得无碍解脱。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。自谓已足。忽有无端大我慢起。如是乃至慢与过慢。及慢过慢或增上慢。或卑劣慢一时俱发。心中尚轻十方如来。何况下位声闻缘觉。此名见胜无慧自救。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有一分大我慢魔入其心腑。不礼塔庙摧毁经像。谓檀越言。此是金铜或是土木。经是树叶或是叠花。肉身真常不自恭敬。却崇土木实为颠倒。其深信者从其毁碎埋弃地中。疑误众生入无间狱。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。于精明中圆悟精理得大随顺。其心匆生无量轻安。已言成圣得大自在。此名因慧获诸轻清。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有一分好清轻魔入其心腑。自谓满足更不求进。此等多作无闻比丘。疑谤后生堕阿鼻狱。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。于明悟中得虚明性。其中忽然归向永灭。拨无因果一向入空。空心现前。乃至心生长断灭解。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有空魔入其心腑。乃谤持戒名为小乘。菩萨悟空有何持犯。其人常于信心檀越。饮酒啖肉广行淫秽。因魔力故摄其前人不生疑谤。鬼心久入或食屎尿。与酒肉等一种俱空。破佛律仪误入人罪。失于正受当从沦坠

又彼定中诸善男子。见色阴销受阴明白。味其虚明深入心骨。其心忽有无限爱生。爱极发狂便为贪欲。此名定境安顺入心。无慧自持误入诸欲。悟则无咎非为圣证。若作圣解则有欲魔入其心腑。一向说欲为菩提道。化诸白衣平等行欲。其行淫者名持法子。神鬼力故于末世中。摄其凡愚其数至百。如是乃至一百二百。或五六百多满千万。魔心生厌离其身体。威德既无陷于王难。疑误众生入无间狱。失于正受当从沦坠

阿难如是十种禅那现境。皆是受阴用心交互故现斯事。众生顽迷不自忖量。逢此因缘迷不自识。谓言登圣。大妄语成堕无间狱。汝等亦当将如来语。于我灭后传示末法。遍令众生开悟斯义。无令天魔得其方便。保持覆护成无上道

阿难彼善男子。修三摩提受阴尽者。虽未漏尽心离其形。如鸟出笼已能成就。从是凡身上历菩萨六十圣位。得意生身随往无碍。譬如有人熟寐寤言。是人虽则无别所知。其言已成音韵伦次。令不寐者咸悟其语。此则名为想阴区宇。若动念尽浮想消除。于觉明心如去尘垢。一伦死生首尾圆照名想阴尽。是人则能超烦恼浊。观其所由融通妄想以为其本

阿难彼善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱圆明锐其精思贪求善巧。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人不觉是其魔著。自言谓得无上涅槃。来彼求巧善男子处敷座说法。其形斯须或作比丘。令彼人见或为帝释。或为妇女或比丘尼。或寝暗室身有光明。是人愚迷惑为菩萨。信其教化摇荡其心。破佛律仪潜行贪欲。口中好言灾祥变异。或言如来某处出世。或言劫火或说刀兵。恐怖于人令其家资无故耗散。此名怪鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师俱陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

阿难又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱游荡飞其精思贪求经历

尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人亦不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求游善男子处。敷座说法自形无变。其听法者忽自见身坐宝莲华。全体化成紫金光聚。一众听人各各如是得未曾有。是人愚迷惑为菩萨。淫逸其心破佛律仪潜行贪欲。口中好言诸佛应世。某处某人当是某佛化身来此。某人即是某菩萨等来化人间。其人见故心生倾渴。邪见密兴种智销灭。此名[魅-未+天]鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师俱陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱绵[恣-心+目]澄其精思贪求契合。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人实不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求合善男子处敷座说法。其形及彼听法之人。外无迁变。令其听者未闻法前心自开悟。念念移易或得宿命。或有他心。或见地狱。或知人间好恶诸事。或口说偈或自诵经。各各欢喜得未曾有。是人愚迷惑为菩萨。绵爱其心。破佛律仪潜行贪欲。口中好言佛有大小。某佛先佛某佛后佛。其中亦有真佛假佛。男佛女佛。菩萨亦然。其人见故洗涤本心易入邪悟。此名魅鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师俱陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱根本穷览物化性之终始。精爽其心贪求辩析。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人先不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求元善男子处敷座说法。身有威神摧伏求者。令其座下虽未闻法自然心伏。是诸人等将佛涅槃菩提法身。即是现前我肉身上。父父子子递代相生。即是法身常住不绝。都指现在即为佛国。无别净居及金色相。其人信受忘失先心。身命归依得未曾有。是等愚迷惑为菩萨。推究其心破佛律仪潜行贪欲。口中好言眼耳鼻舌皆为净土。男女二根即是菩提涅槃真处。彼无知者信是秽言。此名蛊毒魔胜恶鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师俱陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱悬应周流精研贪求冥感。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人元不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求应善男子处敷座说法。能令听众暂见其身如百千岁。心生爱染不能舍离。身为奴仆四事供养不觉疲劳。各各令其座下人心。知是先师本善知识别生法爱。粘如胶漆得未曾有。是人愚迷惑为菩萨。亲近其心破佛律仪潜行贪欲。口中好言我于前世。于某生中先度某人。当时是我妻妾兄弟。今来相度与汝相随。归某世界供养某佛。或言别有大光明天佛于中住。一切如来所休居地。彼无知者信是虚诞遗失本心。此名厉鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师俱陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱深入克己辛勤。乐处阴寂贪求静谧。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人本不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求阴善男子处敷座说法。令其听人各知本业。或于其处语一人言。汝今未死已作畜生。敕使一人于后踏尾。顿令其人起不能得。于是一众倾心钦伏。有人起心已知其肇。佛律仪外重加精苦。诽谤比丘骂詈徒众。讦露人事不避讥嫌。口中好言未然祸福。及至其时毫发无失。此大力鬼年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师多陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱知见勤苦研寻贪求宿命。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人殊不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求知善男子处敷座说法。是人无端于说法处得大宝珠。其魔或时化为畜生。口衔其珠及杂珍宝。简策符牒诸奇异物。先授彼人后著其体。或诱听人藏于地下。有明月珠照耀其处。是诸听者得未曾有。多食药草不餐嘉膳。或时日餐一麻一麦。其形肥充魔力持故。诽谤比丘骂詈徒众不避讥嫌。口中好言他方宝藏。十方圣贤潜匿之处。随其后者往往见有奇异之人。此名山林土地城隍川岳鬼神年老成魔。或有宣淫破佛戒律。与承事者潜行五欲。或有精进纯食草木。无定行事

恼乱彼人。厌足心生去彼人体。弟子与师多陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱神通种种变化。研究化元贪取神力。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人诚不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求通善男子处敷座说法。是人或复手执火光手撮其光。分于所听四众头上。是诸听人顶上火光皆长数尺。亦无热性曾不焚烧。或上水行如履平地。或于空中安坐不动。或入瓶内或处囊中。越牖透垣曾无障碍。唯于刀兵不得自在。自言是佛身著白衣。受比丘礼诽谤禅律。骂詈徒众讦露人事不避讥嫌。口中常说神通自在。或复令人傍见佛土。鬼力感人非有真实。赞叹行淫不毁粗行。将诸猥媾以为传法。此名天地大力山精。海精风精河精土精。一切草树积劫精魅。或复龙魅或寿终仙再活为魅。或仙期终计年应死。其形不化他怪所附。年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师多陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱入灭妍究化性贪求深空。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人终不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求空善男子处敷座说法。于大众内其形忽空。众无所见还从虚空。突然而出存没自在。或现其身洞如琉璃。或垂手足作旃檀气。或大小便如厚石蜜。诽谤戒律轻贱出家。口中常说无因无果。一死永灭无复后身。及诸凡圣虽得空寂。潜行贪欲受其欲者。亦得空心拨无因果。此名日月薄蚀精气。金玉芝草麟凤龟鹤。经千万年不死为灵出生国土。年老成魔恼乱是人。厌足心生去彼人体。弟子与师多陷王难。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

又善男子。受阴虚妙不遭邪虑。圆定发明三摩地中。心爱长寿辛苦研几。贪求永岁弃分段生。顿希变易细相常住。尔时天魔候得其便。飞精附人口说经法。其人竟不觉知魔著。亦言自得无上涅槃。来彼求生善男子处敷座说法。好言他方往还无滞。或经万里瞬息再来。皆于彼方取得其物。或于一处在一宅中。数步之间令

其从东诣至西壁。是人急行累年不到。因此心信疑佛现前。口中常说十方众生皆是吾子。我生诸佛。我出世界我是元佛。出生自然不因修得。此名住世自在天魔使其眷属。如遮文荼及四天王毗舍童子。未发心者利其虚明。食彼精气或不因师。其修行人亲自观见。称执金刚与汝长命。现美女身盛行贪欲。未逾年岁肝脑枯竭。口兼独言听若[魅-未+夭]魅。前人未详多陷王难。未及遇刑先已干死。恼乱彼人以至殒殒。汝当先觉不入轮回。迷惑不知堕无间狱

阿难当知是十种魔于末世时。在我法中出家修道。或附人体或自现形。皆言已成正遍知觉。赞叹淫欲破佛律仪。先恶魔师与魔弟子淫淫相传。如是邪精魅其心腑。近则九生多逾百世。令真修行总为魔眷。命终之后毕为魔民。失正遍知堕无间狱。汝今未须先取寂灭。纵得无学留愿入彼末法之中起大慈悲。救度正心深信众生。令不著魔得正知见。我今度汝已出生死。汝遵佛语名报佛恩

阿难如是十种禅那现境。皆是想阴用心交互故现斯事。众生顽迷不自忖量。逢此因缘迷不自识谓言登圣。大妄语成堕无间狱。汝等必须将如来语。于我灭后传示末法。遍令众生开悟斯义。无令天魔得其方便。保持覆护成无上道

大佛顶万行首楞严经卷第九

大佛顶如来密因修证了义诸菩萨万行首楞严经卷第十(一名中印度那兰陀大道场经于灌顶部录出别行)

大唐神龙元年龙集乙巳五月己卯朔二十三日辛丑中天竺沙门般刺蜜帝于广州制止道场译出

菩萨戒弟子正谏大夫同中书门下平章事清河房融笔授

乌长国沙门弥伽释迦译语

阿难彼善男子。修三摩提想阴尽者。是人平常梦想销灭寤寐恒一。觉明虚静犹如晴空。无复粗重前尘影事。观诸世间大地河山如镜鉴明。来无所粘过无踪迹。虚受照应了罔陈习唯一精真。生灭根元从此披露。见诸十方十二众生。毕殫其类。虽未通其各命由绪。见同生基犹如野马熠熠清扰。为浮根尘究竟枢穴。此则名为行阴区宇。若此清扰熠熠元性。性入元澄一澄元习。如波澜灭化

为澄水名行阴尽。是人则能超众生浊。观其所由幽隐妄想以为其本

阿难当知是得正知奢摩他中诸善男子凝明正心。十类天魔不得其便。方得精研穷生类本。于本类中生元露者。观彼幽清圆扰动元。于圆元中起计度者。是人坠入二无因论。一者是人见本无因。何以故。是人既得生机全破。乘于眼根八百功德。见八万劫所有众生。业流湾环死此生彼。祇见众生轮回其处。八万劫外冥无所观。便作是解。此等世间十方众生。八万劫来无因自有。由此计度亡正遍知。堕落外道惑菩提性。二者是人见末无因。何以故。是人于生既见其根。知人生人悟鸟生鸟。乌从来黑鹄从来白。人天本竖畜生本横。白非洗成黑非染造。从八万劫无复改移。今尽此形亦复如是。而我本来不见菩提。云何更有成菩提事。当知今日一切物象皆本无因。由此计度亡正遍知。堕落外道惑菩提性。是则名为第一外道立无因论

阿难是三摩中诸善男子。凝明正心魔不得便。穷生类本观彼幽清常扰动元。于圆常中起计度者。是人坠入四遍常论。一者是人穷心境性二处无因。修习能知二万劫中。十方众生所有生灭。咸皆循环不曾散失。计以为常。二者是人穷四大元四性常住。修习能知四万劫中。十方众生所有生灭。咸皆体恒不曾散失。计以为常。三者是人穷尽六根。末那执受心意识中。本元由处性常恒故。修习能知八万劫中。一切众生循环不失。本来常住穷不失性。计以为常。四者是人既尽想元。生理更无流止运转。生灭想心今已永灭。理中自然成不生灭。因心所度计以为常。由此计常亡正遍知。堕落外道惑菩提性。是则名为第二外道立圆常论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于自他中起计度者。是人坠入四颠倒见。一分无常一分常论。一者是人观妙明心遍十方界。湛然以为究竟神我。从是则计我遍十方凝明不动。一切众生于我心中自生自死。则我心性名为常。彼生灭者真无常性。二者是人既不观其心。遍观十方恒沙国土。见劫坏处名为究竟无常种性。劫不坏处名究竟常。三者是人

别观我心。精细微密犹如微尘。流转十方性无移改。能令此身即生即灭。其不坏性名我性常。一切死生从我流出名无常性。四者是人知想阴尽见行阴流。行阴常流计为常性。色受想等今已灭尽名为无常。由此计度一分无常一分常故。堕落外道惑菩提性。是则名为第三外道一分常论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于分位中生计度者。是人坠入四有边论。一者是人计生元流用不息。计过未者名为有边。计相续心名为无边。二者是人观八万劫。则见众生八万劫前寂无闻见。无闻见处名为无边。有众生处名为有边。三者是人计我遍知得无边性。彼一切人现我知中。我曾不知彼之知性。名彼不得无边之心但有边性。四者是人穷行阴空。以其所见心路筹度。一切众生一身之中。计其咸皆半生半灭。明其世界一切所有。一半有边一半无边。由此计度有边无边。堕落外道惑菩提性。是则名为第四外道立有边论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于知见中生计度者。是人坠入四种颠倒。不死矫乱遍计虚论。一者是人观变化元。见迁流处名之为变。见相续处名之为恒。见所见处名之为生。不见见处名之为灭。相续之因性不断处名之为增。正相续中中所离处名之为减。各各生处名之为有。互互亡处名之为无。以理都观用心别见。有求法人来问其义。答言我今亦生亦灭。亦有亦无亦增亦减。于一切时皆乱其语。令彼前人遗失章句。二者是人谛观其心。互互无处因无得证。有人来问唯答一字但言其无。除无之余无所言说。三者是人谛观其心。各各有处因有得证。有人来问唯答一字但言其是。除是之余无所言说。四者是人有无俱见。其境枝故其心亦乱。有人来问答言亦有即是亦无。亦无之中不是亦有。一切矫乱无容穷诘。由此计度矫乱虚无。堕落外道惑菩提性。是则名为第五外道四颠倒性。不死矫乱遍计虚论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于无尽流生计度者。是人坠入死后有相发心颠倒。或自固

身云色是我。或见我圆含遍国土。云我有色。或彼前缘随我回复云色属我。或复我依行中相续云我在色。皆计度言死后有相。如是循环有十六相。从此惑计毕竟烦恼毕竟菩提。两性并驱各不相触。由此计度死后有故。堕落外道惑菩提性。是则名为第六外道。立五阴中死后有相心颠倒论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于先除灭色受想中生计度者。是人坠入死后无相发心颠倒。见其色灭形无所因。观其想灭心无所系。知其受灭无后连缀。阴性销散。纵有生理而无受想与草木同。此质现前犹不可得。死后云何更有诸相。因之勘校死后相无。如是循环有八无相。从此或计涅槃因果一切皆空。徒有名字究竟断灭。由此计度死后无故。堕落外道惑菩提性。是则名为第七外道。立五阴中死后无相心颠倒论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于行存中兼受想灭。双计有无自体相破。是人坠入死后俱非起颠倒论。色受想中见有非有。行迁流内观无不无。如是循环穷尽阴界。八俱非相随得一缘。皆言死后有相无相。又计诸行性迁讹故。心发通悟有无俱非虚实失措。由此计度死后俱非。后际昏瞢无可道故。堕落外道惑菩提性。是则名为第八外道。立五阴中死后俱非心颠倒论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于后后无生计度者。是人坠入七断灭论。或计身灭。或欲尽灭或苦尽灭。或极乐灭或极舍灭。如是循环穷尽七际。现前销灭灭已无复。由此计度死后断灭。堕落外道惑菩提性。是则名为第九外道。立五阴中死后断灭心颠倒论

又三摩中诸善男子。坚凝正心魔不得便穷生类本。观彼幽清常扰动元。于后后有生计度者。是人坠入五涅槃论。或以欲界为正转依。观见圆明生爱慕故。或以初禅性无忧故。或以二禅心无苦故。或以三禅极悦随故。或以四禅苦乐二亡。不受轮回生灭性故。

迷有漏天作无为解。五处安隐为胜净依。如是循环五处究竟。由此计度五现涅槃。堕落外道惑菩提性。是则名为第十外道。立五阴中五现涅槃心颠倒论

阿难如是十种禅那狂解。皆是行阴用心交互故现斯悟。众生顽迷不自忖量。逢此现前以迷为解自言登圣。大妄语成堕无间狱。汝等必须将如来心。于我灭后传示末法。遍令众生觉了斯义。无令心魔自起深[薛/女]。保持覆护消息邪见。教其身心开觉真义。于无上道不遭枝岐。勿令心祈得少为足。作大觉王清净标指

阿难彼善男子。修三摩提行阴尽者。诸世间性幽清扰动。同分生机倏然堕裂。沉细纲纽补特伽罗。酬业深脉感应悬绝。于涅槃天将大明悟。如鸡后鸣瞻顾东方已有精色。六根虚静无复驰逸。内外湛明入无所入。深达十方十二种类受命元由。观由执元诸类不召。于十方界已获其同。精色不沈发现幽秘。此则名为识阴区宇。若于群召已获同中。销磨六门合开成就。见闻通邻互用清净。十方世界及与身心。如吠琉璃内外明彻名识阴尽。是人则能超越命浊。观其所由罔象虚无。颠倒妄想以为其本

阿难当知是善男子穷诸行空。于识還元已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。能令己身根隔合开。亦与十方诸类通觉。觉知通恣能入圆元。若于所归立真常因生胜解者。是人则堕因所因执。娑毗伽罗所归冥谛成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第一立所得心。成所归果违远圆通。背涅槃城生外道种

阿难又善男子。穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于所归览为自体。尽虚空界十二类内所有众生。皆我身中一类流出生胜解者。是人则堕能非能执。摩醯首罗现无边身。成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第二立能为心。成能事果违远圆通。背涅槃城生大慢天我遍圆种

又善男子。穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于所归有所归依。自疑身心从彼流出。十方虚空咸其生起。即于都起所宣

流地。作真常身无生灭解。在生灭中早计常住。既惑不生亦迷生灭。安住沉迷生胜解者。是人则堕常非常执。计自在天成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第三立因依心。成妄计果违远圆通。背涅槃城生倒圆种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于所知知遍圆故。因知立解十方草木。皆称有情与人无异。草木为人人死还成十方草树。无择遍知生胜解者。是人则堕知无知执。婆吒霰尼执一切觉成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第四计圆知心。成虚谬果违远圆通。背涅槃城生倒知种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于圆融。根互用中已得随顺。便于圆化一切发生。求火光明乐水清静。爱风周流观尘成就。各各崇事以此群尘。发作本因立常住解。是人则堕生无生执。诸迦叶波并婆罗门。勤心役身事火崇水。求出生死成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第五计著崇事。迷心从物立妄求因。求妄冀果违远圆通。背涅槃城生颠化种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于圆明计明中虚。非灭群化以永灭依。为所归依生胜解者。是人则堕归无归执。无相天中诸舜若多成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第六圆虚无心。成空亡果违远圆通。背涅槃城生断灭种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于圆常固身常住。同于精圆长不倾逝生胜解者。是人则堕贪非贪执。诸阿斯陀求长命者成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第七执著命元立固妄因。趣长劳果违远圆通。背涅槃城生妄延种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。观命互通却留尘劳恐其销尽。便于此际坐莲华宫。广化七珍多增宝媛。纵恣其心生胜解者。是人则堕真无真执。吒拏迦罗成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第八发邪思因。立炽尘果违远圆通。背涅槃城生天魔种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。于命明中分别精粗。疏决真伪因果相酬。唯求感应背清净道。所谓见苦断集证灭修道居灭已休。更不前进生胜解者。是人则堕定性声闻。诸无闻僧增上慢者成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第九圆精应心成趣寂果违远圆通。背涅槃城生缠空种

又善男子穷诸行空已灭生灭。而于寂灭精妙未圆。若于圆融清净觉明。发研深妙即立涅槃。而不前进生胜解者。是人则堕定性辟支。诸缘独伦不回心者。成其伴侣。迷佛菩提亡失知见。是名第十圆觉 [恣-心+目]心。成湛明果违远圆通。背涅槃城生觉圆明不化圆种

阿难如是十种禅那中途成狂因依。或未足中生满足证。皆是识阴用心交互故生斯位。众生顽迷不自忖量。逢此现前各以所爱。先习迷心而自休息。将为毕竟所归宁地。自言满足无上菩提。大妄语成外道邪魔。所感业终堕无间狱。声闻缘觉不成增进。汝等存心秉如来道。将此法门于我灭后传示末世。普令众生觉了斯义。无令见魔自作沈 [廿/(阿-可+辛)/女]。保绥哀救消息邪缘。令其身心入佛知见。从始成就不遭岐路。

如是法门先过去世。恒沙劫中微尘如来。乘此心开得无上道。识阴若尽则汝现前诸根互用。从互用中能入菩萨金刚干慧。圆明精心于中发化。如净琉璃内含宝月。如是乃超十信十住十行十回向四加行心。菩萨所行金刚十地。等觉圆明入于如来妙庄严海。圆满菩提归无所得。此是过去先佛世尊。奢摩他中毗婆舍那。觉明分析微细魔事。魔境现前汝能谙识。心垢洗除不落邪见。阴魔销灭天魔摧碎。大力鬼神褫魄逃逝。魑魅魍魉无复出生。直至菩提无诸少乏下劣增进。于大涅槃心不迷闷。若诸末世愚钝众生。未识禅那不知说法。乐修三昧汝恐同邪。一心劝令持我佛顶陀罗尼咒。若未能诵写于禅堂或带身上。一切诸魔所不能动。汝当恭钦十方如来。究竟修进最后垂范

阿难即从坐起闻佛示诲。顶礼钦奉忆持无失。于大众中重复白佛。如佛所言五阴相中。五种虚妄为本想心。我等平常未蒙如来微细开示。又此五阴为并销除为次第尽。如是五重诣何为界。惟愿

如来发宣大慈。为此大众清明心目。以为末世一切众生作将来眼。佛告阿难精真妙明本觉圆净。非留死生及诸尘垢乃至虚空。皆因妄想之所生起。斯元本觉妙明真精。妄以发生诸器世间。如演若多迷头认影。妄元无因。于妄想中立因缘性。迷因缘者称为自然。彼虚空性犹实幻生。因缘自然。皆是众生妄心计度。阿难知妄所起说妄因缘。若妄元无。说妄因缘元无所有。何况不知推自然者。是故如来与汝发明五阴本因同是妄想。汝体先因父母想生汝心非想。则不能来想中传命。如我先言心想醋味口中涎生。心想登高足心酸起。悬崖不有醋物未来。汝体必非虚妄通伦。口水如何因谈醋出。是故当知汝现色身。名为坚固第一妄想。即此所说临高想心。能令汝形真受酸涩。由因受生能动色体。汝今现前顺益违损二现驱驰。名为虚明第二妄想。由汝念虑使汝色身。身非念伦汝身何因。随念所使种种取像。心生形取与念相应。寤即想心寐为诸梦。则汝想念摇动妄情。名为融通第三妄想。化理不住运运密移。甲长发生气销容皱。日夜相代曾无觉悟。阿难此若非汝云何体迁。如必是真汝何无觉。则汝诸行念念不停。名为幽隐第四妄想。又汝精明湛不摇处名恒常者。于身不出见闻觉知。若实精真不容习妄。何因汝等曾于昔年睹一奇物。经历年岁忆忘俱无。于后忽然覆睹前异。记忆宛然曾不遗失。则此精了湛不摇中。念念受熏有何筹算。阿难当知此湛非真。如急流水望如恬静。流急不见非是无流。若非想元宁受想习。非汝六根。互用合开此之妄想无时得灭。故汝现在见闻觉知中串习几。则湛了内罔象虚无。第五颠倒细微精想

阿难是五受阴五妄想成。汝今欲知因界浅深。唯色与空是色边际。唯触及离是受边际。唯记与忘是想边际。唯灭与生是行边际。湛入合湛归识边际。此五阴元重叠生起。生因识有灭从色除。理则顿悟乘悟并销。事非顿除因次第尽。我已示汝劫波巾结。何所不明再此询问。汝应将此妄想根元心得开通。传示将来末法之中诸修行者。令识虚妄深厌自生。知有涅槃不恋三界

阿难若复有人遍满十方。所有虚空盈满七宝。持以奉上微尘诸佛。承事供养心无虚度。于意云何是人以此施佛因缘得福多不。阿难答言虚空无尽珍宝无边。昔有众生施佛七钱。舍身犹获转轮王

位。况复现前虚空既穷。佛土充遍皆施珍宝。穷劫思议尚不能及。是福云何更有边际

佛告阿难诸佛如来语无虚妄。若复有人身具四重十波罗夷。瞬息即经此方他方。阿鼻地狱乃至穷尽。十方无问靡不经历。能以一念将此法门。于末劫中开示未学。是人罪障应念销灭。变其所受地狱苦因成安乐国。得福超越前之施人。百倍千倍千万亿倍。如是乃至算数譬喻所不能及。阿难若有众生。能诵此经能持此咒。如我广说穷劫不尽。依我教言如教行道。直成菩提无复魔业

佛说此经已。比丘比丘尼优婆塞优婆夷。一切世间天人阿修罗。及诸他方菩萨二乘圣仙童子。并初发心大力鬼神。皆大欢喜作礼而去

大佛顶万行首楞严经卷第十

~~*~*~*~*

KINH LĂNG NGHIÊM TRÍCH ĐOẠN

- Nay ta đã thuyết pháp chơn tu, các người còn chưa hiểu những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền, các người cũng chẳng biết, vì tâm chẳng chánh, lọt vào tà kiến, nên bị ma ngũ ấm, hoặc thiên ma, hoặc quỷ thần, hoặc yêu mê xâm nhập, trong tâm chẳng biết, nhận giặc làm con. Những người nhị thừa, được ít lại cho là đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn, tu đến tứ thiên mà vọng nói đã chứng thánh quả, đến khi hết phước báo cõi trời, đọa địa ngục A Tỳ. Nay các người hãy chú ý nghe:
- Các người phải biết, cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm, từ đó sanh ra si ái, si ái sanh trưởng khắp nơi, nên có tánh hư không, sự mê chấp tiến hóa không ngừng, nên sanh ra thế giới, vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập. Phải biết: Hư không sanh khởi trong tâm các người như đám mây ở giữa hư không, hưởng là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các người có một người kiến tánh, thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát. Các người tu thiên đến nơi chánh định, cũng như mười

phương Bồ Tát và Đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên. Khi ấy, tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được năm thứ thần thông (chỉ trừ ra Lậu Tận Thông), ham thích trần lao, đâu thể để cho người tu Chánh pháp làm sụp đổ xứ sở của họ, cho nên đang lúc người tu được chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá, nhưng họ ở trong trần lao, người tu ở trong diệu giác, dù họ hung dữ cách mấy cũng hại chẳng được; ví như gió thổi ánh sáng, hoặc dùng dao cắt nước, chẳng ăn nhằm gì. Họ như băng đá, người tu như nước nóng, nước nóng làm tan rã băng đá. Họ ỷ lại sức thần thông, nhưng chỉ là khách, người tu là chủ, nếu chủ mê thì khách được thành tựu sự quấy phá của họ, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê, thì ma sự của họ chẳng làm gì được mình.

I - MA SẮC ẤM

- A Nan nên biết, người tọa đạo tràng, vọng niệm nếu hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dờn, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của Sắc Ấm. Nếu con mắt sáng tỏ, thì mười phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là Sắc Ấm hết, thì khi ấy được siêu việt Kiếp Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là bởi Kiên Cố Vọng Tưởng (1) làm gốc.

1. A Nan, đang trong lúc tham cứu diệu minh, quên cả tứ đại, bỗng sắc thân ra vào các vật chất đều chẳng chướng ngại, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra trước mắt. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

2. Trong lúc tham cứu diệu minh, thân như lưu ly, bỗng trong thân lấy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên, chẳng bị thương tổn, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra hình thể, đây chỉ là do tu hành tinh tấn tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

3. Trong lúc tham cứu diệu minh, khi ấy, ngoài sắc thân ra, hồn phách, ý chí, tinh thần dung hòa lẫn nhau, bỗng trong hư không

nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, đây gọi là hồn phách, ý chí thay phiên nhau làm chủ khách, ly hợp lẫn nhau, thành tựu thiện chủng, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

4. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong tâm sáng tỏ, phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương thành màu sắc Diêm Phù Đà, tất cả các loài đều hóa thành Như Lai. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, ngàn Phật vây quanh, trăm ức cõi Phật cùng hoa sen đồng thời hiện ra. Ấy gọi là việc sở nhiệm của tâm hồn linh ngộ, ánh sáng của tâm chiếu soi các thế giới, tạm được như vậy, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

5. Trong lúc tham cứu diệu minh, quan sát chẳng ngừng, sức đè nén hàng phục quá mức, bỗng trong hư không thành màu sắc bách bảo, xanh vàng đỏ trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà chẳng chướng ngại nhau. Ấy gọi là sự dụng công đè nén quá mức tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

6. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong sáng chẳng loạn, bỗng lúc nửa đêm, ở trong nhà đen tối, thấy rõ các vật chẳng khác ban ngày, ấy gọi là tâm dụng đến chỗ vi tế, cái năng thấy trong như lưu ly, cái sở thấy thấu qua đen tối, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

7. Trong lúc tham cứu diệu minh, toàn tâm dung hòa với hư không, bỗng thân thể đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao chém chẳng có cảm giác, thiêu chẳng thấy nóng, chém chẳng thấy đau, ấy gọi là tâm và trần dung hợp thành một, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

8. Trong lúc tham cứu diệu minh, dụng công đến chỗ thanh tịnh, bỗng thấy núi sông, đất đai mười phương đều thành cõi Phật đầy đủ thất bảo, ánh sáng chiếu khắp, lại thấy hằng sa chư Phật, cung điện trang nghiêm, cùng khắp thế giới, thấy khắp

thiên đàng địa ngục đều chẳng ngăn ngại, ấy gọi là tập trung tư tưởng ngày càng sâu đậm, lâu ngày hóa thành, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

9. Trong lúc tham cứu diệu minh, đến chỗ sâu xa, bỗng ở nửa đêm, thấy được các đường phố và bà con phương xa, nghe được tiếng nói của họ, ấy gọi là tâm bức bách quá mức bay ra, nên cái thấy thấu qua vật chất, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

10. Trong lúc tham cứu diệu minh, thấy hình thể của thiện tri thức, trong giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy gọi là tâm tà bị yêu mị, hoặc thiên ma xâm nhập, thành linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Sắc Ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra. Chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

II - MA THỌ ẤM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được Sắc Ấm, tâm thấy chư Phật như bóng hiện trong gương, dường như có sự chứng đắc, nhưng chưa được thọ dụng. Cũng như người bị bóng đè, tay chân vẫn còn, thấy nghe rõ ràng, vì tâm bị tà bên ngoài xâm nhập, chẳng thể cử động được, ấy gọi là phạm vi của Thọ Ấm. Nếu bóng đè hết, tâm lìa sắc thân, được tự thấy mặt mình, ở đi tự do vô ngại, gọi là Thọ Ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Kiến Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân, là do Hư Minh Vọng Tưởng (2) làm gốc.

1. A Nan! Đang lúc thiên định, thấy ánh sáng chói lọi, trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh lòng buồn bã, cho đến thấy các loài ruồi muỗi như con của mình, thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đè nén quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt; nếu cho là

thánh, thì bị Ma Bi xâm nhập, hễ gặp người thì than khóc không xiết, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

2. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, thắng cảnh hiện tiền, kích động quá phần, bỗng trong đó sanh lòng dũng mãnh, phấn chí sánh bằng chư Phật, cho là một niệm có thể siêu việt ba A Tăng Kỳ kiếp, ấy gọi là dụng công lấn tiến quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp lâu tự tiêu diệt, nếu cho là thánh thì bị Ma Cuồng xâm nhập, hễ gặp người thì khoe khoang kiêu căng, ngã mạn tăng trưởng, cho đến trên chẳng thấy có Phật, dưới chẳng thấy có người, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

3. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau lại mất chỗ cũ, sức trí kém mòn, giữa chừng bị lạc, chẳng có sở thấy, trong tâm bỗng sanh khô khan, luôn luôn nhớ mãi không tan, lại cho là tinh tấn, ấy gọi là tu tâm mà chẳng huệ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Nhớ xâm nhập, ngày đêm trối tâm vào một chỗ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

4. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, sức huệ mạnh hơn sức định, tâm chấp các việc thù thắng, tự tưởng là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ, ấy gọi là dụng tâm quên mất quán chiếu, đọa vào tri kiến. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hèn-Hạ-Đễ-Biết-Đủ xâm nhập, hễ gặp người thì tự xưng là Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

5. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, chưa được chứng mới, lại mất chỗ cũ, tiến lui đều chẳng được, cảm thấy khó khăn, bỗng sanh lòng lo âu, tâm chẳng muốn sống, mong cầu người khác sát hại thân này để mau được giải thoát, ấy gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hay-Lo-Rầu xâm nhập, tự cầm dao kiếm chém cắt thịt mình, thích bỏ thọ mạng, hoặc thường lo rầu, trốn vào rừng núi, sợ bị người thấy, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

6. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi thanh tịnh, tâm được an nhàn, bỗng trong lòng vui mừng vô

cùng, chẳng thể kèm chế được, ấy gọi là khinh an mà chẳng có trí huệ tự ngộ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Ham-Vui xâm nhập, hễ gặp người thì cười, múa hát ngoài đường, tự cho mình đã được giải thoát vô ngại, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

7. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, tự cho sự tu của mình đã đầy đủ, bỗng tâm sanh đại ngã mạn, hoặc khinh mạn người, hoặc ngạo mạn mình hơn người, hoặc tăng thượng mạn, hoặc tì liệt mạn (khinh người hơn mình), đồng thời phát ra. Đã dám khinh chê mười phương chư Phật, hướng là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác! Ấy gọi là kiến chấp quá cao, không có trí huệ tự cứu. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Đại-Ngã-Mạn xâm nhập, không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, nói với Phật tử rằng: "Tượng Phật là loại vàng đồng, đồ gỗ, kinh sách là lá cây, giấy lụa, cái thân này đã là chơn thường, sao chẳng cung kính cúng dường mà đi sùng bái loại cây loại gỗ, thật là điên đảo". Khiến những người tin theo lời họ, hủy hoại tượng Phật, kinh sách, làm lầm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

8. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi sáng tỏ tự ngộ chơn lý, được sự thuận lợi, trong lòng bỗng sanh khinh an vô cùng, tự nói chứng thánh, được đại tự tại, ấy gọi là do huệ mà được khinh an. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Khinh-An xâm nhập, tự cho là đủ, chẳng cầu tiến thêm, cũng như Tỳ Kheo Vô Văn, làm lầm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

9. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ, được tánh hư minh, bỗng trong đó sanh lòng đoạn diệt, bác bỏ nhân quả, luôn luôn chấp không. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, nếu cho là thánh, thì bị Ma-Rỗng-Không xâm nhập, chê báng người trì giới là Tiểu Thừa, cho bậc Bồ Tát hễ ngộ được Tánh Không thì chẳng có trì phạm, thường ở nơi đàn việt tìn tâm, rượu thịt, dâm uế. Vì được sức ma nhiếp trì, nên chẳng sanh nghi ngờ, tâm ma xâm nhập lâu ngày, hoặc ăn những đồ nhơ nhớp, đại tiểu tiện, cho

là chẳng khác rượu thịt, phá hoại giới luật, khiến người tạo tội, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ham đắm sự hư minh, bỗng sanh lòng yêu vô hạn, yêu quá phát điên, liền thành tham dục, ấy gọi là trong định ham chấp sự an ổn, không có trí huệ tự chế, lằm vào ái dục. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh thì bị Ma-Dục xâm nhập, vọng nói dâm dục là đạo Bồ Đề, người hành dâm gọi là Trì Pháp Tử, dạy người thế gian làm việc dâm dục. Nhờ sức ma nhiếp trì, những kẻ ngu mê tin theo trong thời mạt pháp chẳng phải ít, đến lúc ma sanh lòng chán rời khỏi thân thể, người ấy mất hết uy đức, bị sa vào lưới pháp luật, khiến chúng sanh bị lằm lạc, đọa địa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

- Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do thọ ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

III - MA TƯỞNG ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được thọ ấm, dù chưa dứt hết tập khí, nhưng tâm đã được rời khỏi thân thể, như chim ra khỏi lồng, đã được thành tựu từ thân phàm trở lên, trải qua 60 cấp bậc thánh vị Bồ Tát, được Ý-Sanh-Thân, đi ở vô ngại. Ví như có người ngủ say nói mớ, người ấy dù không hay biết gì, nhưng lời nói của họ đã làm cho người thức nghe biết, ấy gọi là phạm vi của Tưởng Ấm. Nếu động niệm và vọng tưởng dứt trừ, trong tâm sáng tỏ như gương sạch hết nhơ bụi, được sự chiếu soi, chẳng thấy có tướng sanh tử, gọi là tưởng ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Phiền Não Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Dung Thông Vọng tưởng (3) làm gốc.

I. A Nan! Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác

để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, hoặc Đế Thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát ánh sáng, người ấy ngu mê chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói những việc biến đổi của tội phước, hoặc nói Như Lai sẽ ra đời chỗ này chỗ kia, hoặc nói những điềm kiếp hỏa, binh loạn, hãm dọa người ta, làm cho gia tài người ta vô có bị tiêu tan, ấy gọi là Quái Quỷ (quỷ tham lam) tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời bỏ người ấy, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

2. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham thích đi chơi, tham cầu sự du lịch. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người tham cầu du lịch, thuyết pháp cho họ, người nghe pháp bỗng thấy thân mình ngồi trên bửu liên hoa, toàn thân hóa thành sắc vàng, cả chúng nghe pháp đều được như vậy, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham đắm dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói việc chư Phật ra đời; hoặc nói người này người kia, chỗ này chỗ nọ là Phật Bồ Tát hóa thân đến đây, khiến người nghe thấy vậy, sanh lòng ham mộ, tà kiến khởi lên, làm mất chủng trí, đây gọi là Bạt Quỷ (quỷ đắm dục), tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ mới khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

3. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm tham cầu sự luôn luôn kế hợp. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu kế hợp thuyết pháp cho họ, khiến người nghe chưa nghe pháp đã được tỏ ngộ, niệm niệm dời đổi, hoặc

được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc tốt xấu của thế gian, hoặc nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát tâm ham ái dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ trước sau, có chơn giả, có nam Phật, nữ Phật, Bồ Tát cũng vậy; người nghe thấy vậy lạc mất bản tâm, dễ lọt vào tà ngộ. Đây gọi là Mị Quỷ (quỷ gian dối), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lẫn thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

4. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham thích suy xét căn bản, phân tích cội gốc cùng tột của sự vật. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu phân tích cội gốc thuyết pháp cho họ, ma có uy thần thuyết phục các người, khiến chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã hàng phục, nói Bồ Đề Niết Bàn, pháp thân thường trụ tức là cái sắc thân hiện hữu này, cha con đời đời tương sanh với nhau tức là pháp thân thường trụ chẳng dứt, cái trước mắt đã là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh Độ và đức Phật nào khác. Người nghe tin nhận, quên mất bản tâm trước, đem cả thân mạng quy y, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham suy xét, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt đều là Tịnh Độ, nam nữ nhị căn là nơi chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn, người mê chẳng biết, tin lời ô uế ấy. Đây gọi là Cổ Độc Yểm Thắng Ác Quỷ (quỷ cuồng), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

5. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu sự tiên tri cảm ứng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu cảm ứng, thuyết pháp cho họ. Ma khiến

người nghe tạm thấy thân họ như trăm ngàn tuổi, lòng sanh yêu mến, chẳng muốn rời bỏ, chịu làm đầy tớ cúng dường đủ thứ mà chẳng biết mệt mỏi, lại khiến đồ chúng của mỗi người trong tâm đều biết họ là tiên sư, là thiện tri thức, sanh lòng yêu mến, thiết tha như keo sơn, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ưa thân cận, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói kiếp trước người này người kia là anh em, là vợ của ta, nay đến để độ họ, cùng nhau đi đến cõi này cõi kia để cúng dường Phật này Phật nọ; hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh kia, chư Phật đều nghỉ tại đó, người mê chẳng biết, tin lời cuồng vọng ấy. Đây gọi là Lệ Quý (quỷ sân si), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

6. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham cầu tĩnh tịch, khắc khổ siêng tu, ưa thích chỗ vắng lặng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tĩnh lặng thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe mỗi mỗi đều biết nghiệp báo của mình, hoặc nói với một người nào rằng: "Người nay dù chưa chết, nhưng đã làm súc sinh". Rồi bảo người khác đến sau lưng họ làm dạng đập đuôi, liền khiến người ấy đứng dậy chẳng được, làm cho tất cả đều hết lòng khâm phục, có người móng tâm lên, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó càng thêm khắc khổ, phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, phơi bày việc người, chẳng tránh hiềm khích, ưa nói việc tội phước của tương lai mà may mắn không sai. Đây gọi là Đại Lực Quý (quỷ ngạo mạn), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

7. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn tri kiến, siêng năng nghiên cứu, tham cầu túc mệnh. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự

nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tri kiến, thuyết pháp cho họ. Người ấy khi không ở nơi nghe pháp được hòn ngọc báu, có lúc ma lại hóa thành súc sinh, miệng ngậm hạt châu và các châu báu, sách, bùa, các vật quý lạ, trước tiên đem hiến cho người ấy, sau nhập xác họ, hoặc bảo với họ là dưới đất nơi đó có hạt châu chiếu sáng, khiến các người nghe, được chưa từng có. Do sức ma nhiếp trì, thường ăn cây thuốc chử chẳng ăn cơm, hoặc hằng ngày chỉ ăn một hột mè hoặc một hột lúa mà thân vẫn béo mạnh; phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, chẳng tránh hiềm khích; ưa nói kho báu nơi tha phương hoặc chỗ ẩn cư của bậc thánh hiền mười phương, những người theo sau thường thấy có kẻ kỳ lạ. Đây gọi là loại quỷ thần sơn lâm, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già thành ma, hoặc kêu gọi làm việc dâm dục, phá hoại giới luật, cùng với người vâng theo lên làm sự ngũ dục; hoặc chỉ ăn cây cỏ cho là tinh tấn, những việc làm không có nhất định, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

8. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu thần thông biến hóa. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu thần thông, thuyết pháp cho họ. Người ấy hoặc tay cầm ngọn lửa để trên đầu tứ chúng, lửa cháy sáng vài thước mà chẳng thấy nóng hay bị cháy, hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, hoặc an tọa ở giữa hư không, hoặc vào trong bình hay trong túi, xuyên qua bức tường đều chẳng chướng ngại, chỉ đối với quân binh giao trận là không được tự tại thôi. Tự nói là Phật, thân mặc bạch y, nhận lễ lạy của bậc Tỳ Kheo, phỉ báng thiên luật, chửi mắng đồ chúng, phơ bày việc người mà chẳng tránh hiềm khích, ưa nói thần thông tự tại, hoặc khiến người thấy cõi Phật ở kế bên; dùng sức quỷ mê hoặc người, chẳng phải có thật, khen ngợi sự dâm dục, chẳng bỏ thô hạnh, đem những việc ô uế cho là truyền pháp. Đây gọi là loại Sơn tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh, tất cả cây cỏ trên trời đất lâu năm lụy kiếp thành tinh, hoặc là Long

(rồng) mê, hoặc loại tiên chết rồi sống lại thành mê, hoặc loại tiên chết rồi hình thể chưa tan, quỷ quái khác nhập vào, tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

9. Trong lúc thiên định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn nhập diệt, tham cầu đi sâu vào cái rỗng không. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu rỗng không, thuyết pháp cho họ. Trước mặt đại chúng, thân ma bỗng biến mất, chúng không trông thấy, lại từ hư không thành linh hiện ra, ở đi tự tại, hoặc hiện thân như lưu ly. hoặc duỗi tay chân bay mùi chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, phỉ báng giới luật, khinh bỉ người xuất gia. Ưa nói không có nhân quả, hễ chết rồi là diệt hẳn, chẳng có thân sau và nói các phàm thánh dù đã được không tịch, nhưng vẫn còn lên hành tham dục, và người thọ sự dâm dục ấy cũng được Tâm-Không. Đây gọi là loại kim ngọc, chi thảo, hoặc con lân, phụng, rùa, hạc, thu hút tinh khí của nhật nguyệt, trải qua ngàn vạn năm chẳng chết thành tinh, tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

10. Trong lúc thiên định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn sống lâu, vất vả nghiên cứu, tham cầu trường thọ chẳng diệt. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu trường thọ, thuyết pháp cho họ, hay nói đi lại từ nơi này đến nơi khác chẳng có ngăn ngại; hoặc trong chốc lát từ muôn ngàn dặm đi liền trở lại, mang theo đồ vật của nơi đó; hoặc ở trong nhà, cho người ấy đi vài bước từ vách tường bên đông sang bên tây, mà người ấy đi gấp suốt năm chẳng tới, khiến họ tin đó là Phật hiện tiền. Ma ưa nói tất cả mười phương chúng sanh đều là con

ta, ta sanh ra chư Phật, sanh ra thế giới, là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng do tu được. Đây gọi là Tự Tại Thiên Ma ở đời, sai khiến những quyến thuộc chưa phát tâm (kẻ đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp), lợi dụng sự hư minh của họ, thu hút tinh khí của người. Người ấy hoặc không nhờ thầy mà tự mình thấy rõ, ma tự xưng là Thần Hộ Pháp Kim Cang, cho người sống lâu; hoặc hiện thân mỹ nữ, thịnh hành việc tham dục, khiến người ấy chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt, hay nói lảm nhảm một mình, nghe như yêu mê mà người khác chẳng hiểu. Khi bị sa vào lưới pháp luật, chưa kịp xử hình thì đã chết khô, nhiều loạn người ấy đến chết mới thôi. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

- A Nan phải biết! Nơi thời mạt pháp, mười thứ ma kể trên ở trong pháp ta xuất gia tu hành; hoặc nhập thân người khác, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành chánh biến tri, khen ngợi sự dâm dục, phá hoại giới luật. Ma và đệ tử họ truyền nhau làm việc dâm dục, tà ma như thế, mê hoặc tâm can người từ chín đời cho đến cả trăm đời, khiến người tu hành đều thành quyến thuộc của họ, sau khi chết tất cả sẽ trở thành dân ma, lạc mất chánh biến tri, đọa ngục A-Tỳ.

- Nay các người dẫu đã được vô lậu, chưa nên sớm nhập Niết Bàn, phải nguyện ở lại, vào trong thời mạt pháp, khởi đại từ bi, cứu người phát chánh tâm tu hành, khiến đừng lạc vào tà ma, được chánh biến tri. Nay ta đã độ các người ra khỏi sanh tử, các người hãy theo lời Phật dạy mà hành gọi là báo ân Phật.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Tướng Ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo như lời dạy bảo trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

GHI CHÚ:

(I) Kiên cố vọng tưởng và kiếp trước:

Sắc Ấm tại sao gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng? Vì do vọng tưởng của cha mẹ và vọng tưởng của mình giao kết mà thành cái sắc thân kiên cố này, nên gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng.

Do Sắc Ấm và tri kiến giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiếp Trước.

(2) Hư Minh Vọng Tưởng và Kiến Trước:

Thọ Ấm tại sao gọi là Hư Minh Vọng Tưởng? Vì Hư thì năng thọ, Minh thì năng nhận, như bóng tượng hiện trong gương sáng.

Theo bản thể, hư minh là tâm Phật, tại sao nói là vọng tưởng?

Vì hễ mống lên một niệm chấp trước, muốn được sự chứng đắc, thì liền bị thọ ấm che khuất, nên gọi là Hư Minh Vọng Tưởng.

Kiến Trước là do tri kiến thọ nhận các cảnh rồi giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiến Trước.

(3) Dung Thông Vọng Tưởng và Phiền Não Trước:

Tưởng Ấm tại sao gọi là Dung Thông Vọng Tưởng? Do tưởng năng dung thông biến hóa, khiến Tâm theo cảnh, khiến cảnh theo Tâm. Vì cái Tâm chấp dung thông chưa được hóa giải, nên ma mới được dịp thừa cái chấp ấy mà mê hoặc người, nên gọi là Dung Thông Vọng Tưởng.

Tất cả phiền não đều do tưởng niệm mà có, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Phiền Não Trước.

(QUYỂN CHÍN HẾT)

QUYỂN MƯỜI

IV - Ma Hành Ấm

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Tưởng Ấm, những mộng tưởng bình thường tiêu sạch, thức, ngủ thường như một, chẳng còn đuổi theo cảnh trần, cái giác minh vắng lặng như hư không, thấy các núi sông, đất đai của thế gian như bóng hiện trong gương, tùy duyên chiếu soi, ở đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt từ đây được hiển lộ, thấy khắp 12 loại chúng sanh trong mười phương, dù chưa thông suốt manh mối của từng loại, nhưng

đều từ một nguồn gốc phát sanh ra, giống như bụi trần lắng xuống, ấy là chỗ căn cứ địa của ngũ căn, đây gọi là phạm vi của Hành Ấm. Nhưng tánh của Hành Ấm vốn chẳng lắng xuống, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lắng trở về nước yên, gọi là Hành Ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi U-Ấn Vọng Tưởng (I) làm gốc (Hành Ấm lưu chuyển vi tế, động mà chẳng động nên gọi là U-ấn).

1.- A Nan nên biết! Trong lúc thiền định, khi được chánh tri, chánh tâm sáng suốt, mười loại thiên ma chẳng còn được dịp quấy phá, mới được truy cứu cùng tột cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái cội gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị đọa vào hai loại Vô Nhân Luận:

a) Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhân căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

b) Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người, chim sanh chim, xưa nay con quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này cũng vẫn như thế. Bốn lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu thành Bồ Đề! Vì mê lầm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

- Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất lập Vô Nhân Luận.

2.- Trong lúc thiền định, chánh tâm sáng suốt, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó khởi tâm so đo, chấp

đó là thường, thì người ấy bị đọa vào bốn thứ Chấp Thường Luận:

a) Người ấy xét thấy cùng tột bản tánh của tâm và cảnh, hai nơi đều không có nhân, do tu tập biết được tất cả sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn lưu chuyển không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

b) Người ấy xét cùng tột cội gốc của tứ đại, bốn thứ tánh ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

c) Người ấy xét cùng tột cội gốc của lục căn, theo tánh chấp thụ của thức thứ bảy, trong tâm-ý-thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất bản tánh, nên chấp cho là thường.

d) Người ấy đã dứt được tướng ấm chẳng còn cái tướng sanh diệt cho là tâm sanh diệt, nay đã vĩnh diệt, tự nhiên thành chẳng sanh diệt, vì tâm so đo nên chấp cho là thường.

- Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ hai lập Viên Thường Luận.

3.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị đọa vào bốn thứ kiến chấp điên đảo, một phần vô thường, một phần chấp thường luận:

a) Người ấy quán tâm diệu minh khắp cõi mười phương cho là thần ngã chơn thật, từ đó sanh chấp, cho ta cùng khắp mười phương, trạm nhiên sáng suốt chẳng động, tất cả chúng sanh ở nơi tâm ta tự sanh tự diệt, vậy thì tâm tánh ta là thường, còn sự sanh diệt ấy là chơn vô thường.

b) Người ấy chẳng quán tự tâm mà quán khắp mười phương hằng sa quốc độ, thấy chỗ kiếp hoại (từ cõi tam thiên trở xuống) thì gọi là chủng tánh chơn vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại được (từ cõi tứ thiên trở lên, kiếp hoại chẳng đến được) thì gọi là chơn thường.

c) Người ấy chỉ quán riêng tâm mình, thấy tinh mật vi tế như vi trần, lưu chuyển mười phương, khiến thân này liền sanh liền

diệt mà tâm tánh chẳng dời đổi, ngã tánh chẳng hoại, gọi ta là tánh thường, sanh tử của tất cả chúng sanh từ ta mà ra thì gọi là tánh vô thường.

d) Người ấy đã dứt được Tướng Ấm, thấy hành ấm lưu chuyển thường xuyên, gọi là tánh thường: sắc, thọ, tướng ba ấm nay đã diệt hết thì gọi là vô thường.

- Do so đo này, một phần vô thường, một phần là thường, nên bị lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ ba lập Một Phần Thường Luận.

4.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong phân vị (2) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

a) Người ấy trong tâm so đo cái gốc sanh lưu chuyển chẳng ngừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là vô biên.

b) Người ấy quán từ tám vạn kiếp đến nay thì thấy có chúng sanh, từ tám vạn kiếp trở về trước thì chẳng thấy chẳng nghe, bèn cho chỗ chẳng thể thấy nghe ấy gọi là vô biên, chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

c) Người ấy chấp rằng ta biết cùng khắp, được tánh vô biên; tất cả mọi người đang trong cái hay biết của ta, mà ta chẳng từng biết cái tánh biết của họ, ấy gọi là họ chẳng được cái tâm vô biên, chỉ được tánh hữu biên thôi.

d) Người ấy quán đến cùng tột Hành Ấm rồi không, so đo trong tâm cái sở thấy của mình, cho là ở trong một thân của tất cả chúng sanh đều là phân nửa sanh phân nửa diệt, cho đến tất cả hiện hữu trong thế giới này cũng đều phân nửa hữu biên, phân nửa vô biên.

- Do so đo này, hữu biên vô biên, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tư lập Hữu Biên Luận.

5.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi tri kiến khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ: điên đảo, bất tử, càn loạn, biến kế hư luận:

a) Người ấy quán xét cội gốc của sự biến hóa thấy chỗ lưu chuyển thì gọi là biến, thấy chỗ nối nhau thì gọi là thường, thấy

chỗ thấy được thì gọi là sanh, thấy chỗ chẳng thấy được thì gọi là diệt, cái nhân nối nhau chẳng gián đoạn thì gọi là thêm, khi đang nối nhau, ở giữa có chỗ gián đoạn thì gọi là bớt, chỗ sanh của mọi vật thì gọi là hữu, chỗ diệt của mọi vật thì gọi là vô; dùng lý quán xét thì thấy đồng, dùng tâm thì thấy khác. Có người đến cầu pháp hỏi nghĩa thì đáp: "ta nay cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng thêm cũng bớt", bất cứ lúc nào đều nói đảo loạn như thế, khiến người nghe rồi cũng như không nghe.

b) Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Vô, vì vậy nên chẳng có chứng đắc, hễ có người đến hỏi chỉ đáp một chữ "Vô", ngoài ra không nói gì cả.

c) Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Hữu, vì vậy mà có sự chứng đắc, hễ có người đến hỏi thì chỉ đáp một chữ "Hữu", ngoài ra không nói gì cả.

d) Người ấy hữu vô cùng thấy, do cảnh rời rạc nên tâm cũng bị rối loạn, hễ có người đến hỏi thì đáp: "Cũng có tức là cũng không, ở trong cũng không, chẳng phải cũng có". Tất cả càn loạn, chẳng thể hỏi ra kết quả.

- Do so đo này, hư vô càn loạn, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, đây gọi là ngoại đạo thứ năm chấp bốn thứ Điên Đảo, Bất Tử, Càn Loạn, Biến Kế Hư Luận.

6.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong dòng sanh diệt vô tận khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng: hoặc tự giữ cái sắc thân, cho sắc thân là ta; hoặc thấy ta bao trùm khắp các cõi nước, thì cho ta có sắc; hoặc thấy duyên cảnh xưa theo ta luân hồi thì cho sắc thuộc về ta; hoặc thấy cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, thì cho ta ở nơi sắc, xoay chuyển như vậy thành mười sáu tướng, từ đó sanh ra cái chấp "có phiền não thật", và "Bồ Đề thật", hai tánh ấy đi song song mà chẳng đụng chạm nhau, do so đo này, chấp sau khi chết có tướng, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu trong ngũ ấm chấp sau khi chết có tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

7.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong những

chỗ sắc, thọ, tưởng, đã diệt từ trước, khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết chẳng tướng. Thấy Sắc Diệt rồi thì hình thể chẳng có nhân, thấy tướng diệt rồi thì tâm chẳng bó buộc, thấy thọ diệt rồi thì chẳng còn chỗ nối liền, tánh ấm tiêu tan, dầu có sự sanh mà chẳng có thọ, tướng, đồng như cây cỏ, cái thể chất hiện hữu này còn bất khả đắc, huống chi chết rồi thì đâu còn hình tướng nào! Theo đó suy lường, xoay chuyển thành tám thứ vô tướng, cho rằng nhân quả, Niết Bàn, tất cả đều không, chỉ có danh tự, cuối cùng đoạn diệt. Do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy trong ngũ ấm chấp sau khi chết chẳng tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

8.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong chỗ hành ấm còn mà thọ tướng đã diệt, cho "Có, Không" đồng thời cùng hiện nên tự thể phá nhau, người ấy bị đọa vào điên đảo luận, chấp sau khi chết chẳng phải "Có" cũng chẳng phải "Không", trong sắc, thọ, tưởng, thấy có chẳng phải là có, nơi hành ấm lưu chuyển, thấy không chẳng phải là không, xoay chuyển như vậy cùng tận ấm giới, thành tám thứ tướng "chẳng phải có chẳng phải không", dù gặp một duyên nào đều nói sau khi chết cũng có tướng cũng không tướng. Lại chấp hành ấm tánh hay thay đổi, tâm phát thông ngộ, thấy "Có, Không" đều chẳng phải, hư và thật đều không chỗ căn cứ, do so đo này, làm cho mịt mù chẳng thể nói được, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tám trong ngũ ấm chấp sau khi chết chẳng có cũng chẳng không, lập Tâm Điên Đảo Luận.

9.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu-Hậu-Vô (3) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bảy thứ Đoạn Diệt Luận: hoặc chấp cái thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt, xoay chuyển như thể tận cùng bảy nơi, cái thân hiện tiền khi tiêu diệt rồi chẳng còn sanh nữa, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ chín trong ngũ ấm chấp sau khi chết đoạn diệt, lập Tâm Điên Đảo Luận.

10.- Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Hữu (4) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào năm thứ Niết Bàn Luận: hoặc nhận dục giới là nơi Chánh Chuyển Y, vì thấy cảnh viên minh nên tâm sanh ái mộ, hoặc nhận sơ thiền vì tánh không còn lo, hoặc nhận nhị thiền, vì tâm không còn khổ, hoặc nhận tam thiền, vì rất vui đẹp, hoặc nhận tứ thiền vì khổ vui đều mất, chẳng bị luân hồi sanh diệt vậy. Mê lầm cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi, năm nơi an ổn ấy là nơi Thắng Tịnh Y, xoay chuyển ở năm chỗ này, cho là cứu cánh, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ mười trong ngũ ấm chấp năm thứ Niết Bàn, lập Tâm Điên Đảo Luận.

- A Nan! Mười thứ thiền định cuồng giải trên đều do Hành Ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này, mà chẳng tự biết, nhận sự mê lầm cho là giải thoát, tự nói chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, nơi thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị khắp tất cả chúng sanh, khiến đều tỏ ngộ nghĩa này, chớ cho tâm ma tự khởi nghiệp chướng, hộ trì cho họ dứt bỏ tà kiến, khiến thân tâm được mở mang, giác ngộ nghĩa chơn thật, thành Vô Thượng Đạo, chẳng bị lạc đường, chẳng được ít cho là đủ, làm bia chỉ đường giải thoát của Phật.

V. Ma Thức Ấm

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, các tính sanh diệt lăng xăng chuyển động của thế gian bỗng được tan rã, các nghiệp báo luân hồi, sự cảm ứng vi tế như chỉ tơ gàn được đoạn dứt, sắp được minh ngộ nơi cõi Niết Bàn, như gà gáy lần chót, trời bắt đầu rạng đông. Lục căn hư tịch, chẳng còn giông ruổi cảnh trần, trong ngoài trạm nhiên sáng suốt, cho đến nhập vô sở nhập: thấu suốt cội gốc thọ mạng của 12 loại chúng sanh trong mười phương, chấp vào cái cội gốc đó, các loài chẳng đến với nhau, mà ở nơi mười phương đều đồng một cội gốc, sự phát hiện chỗ ẩn bí đó, như trời gàn sáng mà chưa sáng, rạng đông kéo dài, đây gọi là phạm vi của Thức Ấm. Nếu ở

chỗ đồng ấy, nhờ sức thiền định mài giũa lục căn, đến thấy nghe thông nhau, sự dụng của lục căn muốn hợp hay tách ra đều được tự do thành tựu, trong ngoài sáng suốt như lưu ly, gọi là thức ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Mệnh Trước.

Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Vông Tượng (mường tượng) Hư Vô, Diên Đảo Vọng Tưởng (5) làm gốc.

1.- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được hành ấm, trở về chỗ cội gốc của Thức Ấm, sanh diệt đã diệt mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, có thể khiến lục căn thông dụng lẫn nhau, cũng thông với cái giác tri của các loài trong mười phương, do sự thông dụng ấy mới được đi vào chỗ cội gốc của Thức Ấm. Nếu ở chỗ trở về mà lập cái nhân Chơn Thường, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Năng nhân, sở nhân", làm bạn với bọn ngoại đạo tóc vàng, nhận chỗ "căn bản của vô minh" làm nơi sở quy, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống ngoại đạo thứ nhất.

2.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở chỗ cội gốc của thức Ấm, ôm làm tự thể của mình, cho tất cả 12 loại chúng sanh khắp hư không đều phát xuất từ thân ta, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Năng phi năng" (6), làm bạn với bọn ma dân hay hiện thân vô biên ở cõi Sắc giới, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh Đại Mạn Thiên, thành giống chấp ngã thiên viên thứ hai (thiên viên chưa được viên thông, chỉ có một nửa).

3.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi cội gốc của thức ấm khởi tâm nương tựa, tự nghi thân tâm mình từ đó mà ra, mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, bèn nhận chỗ đó là cái thể chơn thường, là nơi chẳng sanh diệt. Ở chỗ sanh diệt chấp là thường trụ, chẳng những chẳng thấy tánh chơn bất sanh diệt, mà còn nhận lầm tánh sanh diệt hiện tại, an trụ tại chỗ mê lầm này, sanh tâm thù

thắng, thì bị đọa vào cái chấp "thường phi thường", làm bạn với bọn ở cõi trời Tự Tại Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm nhân y (cái nhân nương tựa) thành cái quả vọng kể (vọng chấp thường trụ), trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn thành giống điên đảo viên thông thứ ba (nói viên thông mà chưa được viên thông).

4.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi sở tri, kiến lập tri giải, cho các loài cây cỏ mười phương đều gọi là hữu tình, với người chẳng khác; cây cỏ làm người, người chết rồi lại thành cây cỏ, cho đến loài vô tình đều có sự giác tri, hữu tình vô tình chẳng có phân biệt, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Tri vô tri", làm bạn với hai thứ ngoại đạo Bà Tra và Tiện Ni, chấp tất cả đều có sự giác tri, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm viên tri, thành cái quả hư vọng, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Điên Đảo Tri thứ tư.

5.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi lục căn dung thông lẫn nhau đã được tùy thuận vô ngại, rồi nương theo viên dung này, cho là tứ đại hay biến hóa tất cả, nên từ nơi tứ đại ham cầu tánh sáng suốt của hỏa; thích tánh trong sạch của thủy; ưa tánh chu lưu của phong, quán tánh thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng, lấy các trần ấy nhận làm bản nhân, chấp cho là thường trụ, thì bị đọa vào cái chấp "Sanh vô Sanh", làm bạn với bọn ngoại đạo Ca Diếp Ba và Bà La Môn, siêng tâm ép xác, thờ lửa thờ nước để cầu được ra khỏi sanh tử, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước, thờ phụng, mê tâm theo vật, lập cái nhân vọng cầu, cầu cái quả vọng mong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống của tạo hóa điên đảo thứ năm.

6.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở trong viên minh chấp là hư vô, bác bỏ các sự tạo hóa, lấy cái vĩnh diệt làm chỗ quy y, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Quy vô quy" (cho vô quy là Quy), làm bạn với bọn Thuần Nhã Đa (thần hư không) ở cõi Vô Tướng Thiên, mê lầm tánh Bồ

Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp cái tâm hư vô thành quả Không Vong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống đoạn diệt thứ sáu.

7.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi viên thường sanh lòng củng cố cái thân này, cho là thường trụ đồng với tánh ấy, mãi không tiêu diệt, sanh tâm thẳng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Tham phi tham" (7), làm bạn với bọn A Tư Đà (chẳng ai bằng), tham cầu trường thọ, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước mạng căn, lập cái nhân cố vọng (kiên cố cái vọng thân), cầu quả thường trụ, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống vọng diên thứ bảy (vọng diên: vọng muốn kéo dài).

8.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, xét thức ấm là mạng căn của các loài dung thông lẫn nhau, bỗng sợ tiêu diệt, muốn giữ lại trần lao, bèn ở chỗ đó ngồi cung liên hoa, hóa ra rất nhiều châu báu và mỹ nữ, buông lung tâm mình, sanh tâm thẳng giải, thì bị đọa vào cái chấp "chơn vô chơn" (cho vô chơn là chơn), làm bạn với cõi Tha Hóa Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là phát cái nhân tà tướng, lập quả trần lao hưng thịnh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống thiên ma thứ tám.

9.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông. Ở trong nguồn gốc của thức ấm, khởi tâm phân biệt tinh, thô, chơn, ngụy, nhân quả trả nhau, chỉ cầu sự cảm ứng, trái ngược đạo thanh tịnh, chấp cái khổ, tập, diệt, đạo của Tứ Thánh Đế, cho là đến chỗ diệt rồi là xong, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thẳng giải, thì bị đọa vào định tánh Thanh Văn, làm bạn với kẻ tăng thượng mạn như Tỳ Kheo Vô Văn, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm cảm ứng tinh vi, thành quả tịch diệt, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Triền Không thứ chín (Triền Không: bị ràng buộc ở chỗ Không).

10.- Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, ở

nơi tánh giác minh, viên dung thanh tịnh, truy cứu sự thâm diệu, bèn chấp đó là Niết Bàn, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Bích Chi, làm bạn với những người Duyên Giác và Độc Giác, chẳng biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm âm thầm hợp với viên giác (8), thành cái quả trạm minh, trái xa viên-thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh cái giác viên minh, thành giống Bất Hóa Viên thứ mười (Bất Hóa Viên: chấp vào nơi viên mà chẳng thể hóa giải được).

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiền định trên, giữa chừng thành điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do thức ấm với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị đọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn Duyên Giác thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma (tự chấp tri kiến của mình thành ma), tạo nghiệp chìm đắm, hộ trì cho họ dứt bỏ tà duyên, khiến thân tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường.

- Chư Phật trong quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng. Nếu dứt được thức ấm rồi thì lục căn của các người hỗ dụng lẫn nhau, do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly, từ đó cho đến siêu việt thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và Kim Cang thập địa, Đăng Giác viên minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc.

- Đây là những ma vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì ấm ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quý thần

hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly mê chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê lầm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

- Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiên Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên một lòng khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của ta; nếu chưa thể tụng trì, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được. Người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rất ráo của mười phương Như Lai.

A Nan nghe Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ấm, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tử tử như thế. Lại ngũ ấm này là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng được trong sáng, và làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

- Diệu tâm sáng tỏ, bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bốn giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễm Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kể mê nhân duyên cho là tự nhiên, thật ra, tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành. - A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

- Thân người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người nếu chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tướng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước ta đã nói, tướng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tướng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến,

thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tướng thứ nhất.

Như trên đã nói, tướng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; vì cái nhân niệm tướng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tướng thứ hai.

- Bởi do niệm tướng sai khiến sắc thân; nếu sắc thân với niệm tướng chẳng cùng loại, thì tại sao thân người lại theo niệm tướng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng tương ứng với niệm tướng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tướng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tướng của người lay động vọng tình, gọi là Dung Thông Vọng Tướng thứ ba.

- Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhăn, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết.

- A Nan, ấy nếu chẳng phải là người, thì tại sao thân người lại dời đổi? Nếu ắt phải là người, thì sao người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành ấm của người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U Ẩn Vọng Tướng thứ tư.

- Lại, chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân người chẳng ra ngoài Kiến, Văn, Giác, Tri, nếu cho là chơn thật, thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa, trải qua nhiều năm, nhớ quên chẳng còn; về sau bỗng thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

- Vậy nơi tánh thức trong lặng chẳng lay động này, đâu có suy tính, mà niệm niệm chịu sự huân tập! A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng, ấy là vì chảy gấp mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy; nếu chẳng phải là cội gốc của niệm tướng, thì đâu thể huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hổ dụng tự tại, thì vọng tướng này chẳng bao giờ diệt trừ được.

- Vậy nên hiện nay cái Kiến, Văn, Giác, Tri của người, hòa hợp với tập khí vi tế, thành mười tám tướng hư vô nơi tánh Trạng Liễu, gọi là tướng vi tế của Điên Đảo Vọng Tướng thứ năm.

- A Nan! Ngũ ấm này do năm thứ vọng tướng kể trên mà thành.

- Nay người muốn biết bờ bến sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm; Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Nhớ với Quên là bờ bến của Tưởng Ấm, Diệt với Sinh là bờ bến của Hành Ấm; Trạng nhập hợp Trạng, là bờ bến của Thức Ấm.

LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi về ngũ ấm đến đâu là bờ bến, ở đây Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bến, từ cạn vào sâu. Sắc chẳng tự Sắc, vì Không hiển Sắc, nên sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm. Thọ chẳng tự Thọ, vì Xúc có Thọ, nên Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Tưởng chẳng phải Tưởng, vì ghi nhớ gọi là Tưởng, nên Nhớ và Quên là bờ bến của Tưởng Ấm; Hành chẳng phải Hành, vì sanh diệt chẳng ngừng, gọi là Hành, nên Sinh với Diệt là bờ bến của Hành Ấm; Thức gọi là Trạng Liễu (trong lặng sáng suốt), là đã diệt sanh diệt, tánh Thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạng nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bến của Thức Ấm.

Vì Trạng Nhập là Thức Ấm, Trạng Xuất là Hành Ấm. Chơn Tánh chẳng gọi là Trạng Nhập, là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay Trạng Nhập dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt vậy.

- Cội gốc của ngũ ấm từng lớp sanh khởi; sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

- Ta đã khai thị cho người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến tam giới.

- A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

- Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường;

thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bến!

Phật bảo A Nan:

- Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (Sát, đạo, dâm, vọng), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A-Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tột các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua, nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể so bằng.

LƯỢC GIẢI

Theo đoạn trên nói, Phạm tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di là cái tội cực ác, phải chịu cái quả báo cực khổ cho đến cùng tột tất cả địa ngục A-tỳ. Kẻ phạm tội như vậy tại sao chỉ cần dùng "một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc". Vậy nếu thật như thế thành không có nhân quả sao? Nếu người hiểu lầm việc này thì cho là làm cái nhân cực ác cũng không sao! Vì chỉ cần biết thuyết pháp thì tội lớn đến mức nào cũng tiêu ngay lại còn được phước báo vô cùng tận.

Chứng Đạo Ca nói:

"Liễu thì nghiệp chướng vốn là không,
chưa liễu vẫn phải trả nợ xưa".

Liễu là liễu ngộ tức là ở trong chiêm bao thức tỉnh, thì nghiệp chướng ở trong chiêm bao tự tiêu diệt, còn chưa liễu thì còn ở trong chiêm bao phải chịu nghiệp báo trong chiêm bao không thể tiêu liền được. Kinh nói dùng "Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc", ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liền tiêu nghiệp chướng. "Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan", độc giả hãy tự xem xét cho kỹ.

- A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như ta đã nói, thì phước báo cùng tội số kiếp cũng chẳng thể hết; nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả cõi trời, người, A Tu La trong thế gian, với các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thần tiên, đồng tử ở cõi khác, và đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

GHI CHÚ

(1) U-Ẩn Vọng Tướng và Chúng Sanh Trược:

Hành Ẩm tại sao gọi là U Ẩn Vọng Tướng? Vì cái vọng tướng của Hành Ẩm u nhân ẩn mật, khó mà tự phát giác được, gọi là U Ẩn Vọng Tướng. Chúng Sanh Trược là sanh diệt chẳng ngừng, nghiệp báo thường lưu chuyển, luân hồi thành đủ thứ chúng sanh, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Chúng Sanh Trược.

(2) Phân Vị:

Luận về thường, vô thường, nói về tánh thì thuộc kiến phần; biên vô biên. Nói về phân vị thì thuộc tướng phần. Bốn thứ Hữu Biên Luận nói về phân vị: Một là phân vị tam tế, quá khứ, hiện tại, vị lai, hai là phân vị kiến văn, ba là phân vị nhân ngã, bốn là phân vị sanh diệt, đều bị kẹt trong phân vị của Hành Ẩm mà sanh ra vọng tâm so đo.

(3) Hậu Hậu Vô:

Vì trước kia thấy có hành ẩm mà chẳng có thọ tướng, sau này hành ẩm cũng chẳng có; trước kia thấy sau khi chết chẳng tướng là chỉ nói về một chỗ thân diệt mà thôi, nay truy cứu hết bảy chỗ tận diệt chẳng sanh nữa: thân diệt thuộc dục giới, gồm cõi trời và cõi người, sắc dục diệt thuộc Sơ thiên, khổ diệt thuộc Nhị thiên, cực lạc diệt thuộc Tam Thiên, cực xả diệt thuộc Tứ Thiên, dù chỉ nói 5 chỗ diệt, kỳ thật gồm hai cõi Vô Sắc (Không Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ) là bảy chỗ diệt. Đây là lọt vào Vô Tướng Thiên ngoại đạo, giống như Tỳ Kheo Vô Văn, đồng một đoạn kiến, tự nói chứng quả, chẳng thọ sanh nữa, nên lập sau khi chết đoạn-diệt-luận.

(4) Hậu Hậu Hữu:

Trước đã nói là Hậu Hậu Vô, rồi nay tại sao lại nói Hậu Hậu Hữu? Bởi vì cái cội gốc sanh diệt lăng xăng này là chẳng thể diệt được vì chưa đến chỗ chơn tịch diệt, mà vọng thấy chỗ diệt có sự chứng đắc, nên nói Hậu Hậu Hữu. Vì Hành Ấm được tạm ngưng sát na tánh viên minh hơi hiện, bèn cho là chẳng sanh diệt, tức là Niết Bàn, do so đo thành có năm chỗ Niết Bàn vậy.

(5) **Điên Đảo Vọng Tưởng và Mệnh Trược:**

Thức Ấm tại sao gọi là Diên Đảo Vọng Tưởng? Vì chấp vọng tượng hư vô, "Vọng" thì giống như là không. "Tưởng" thì giống như là có, như có như không, trở thành hư vô. Hư vô là thể của Chơn Như, chẳng sanh chẳng diệt, nay có vọng tượng là bóng sanh diệt của thức thứ tám. Nếu nương theo Chơn Như thì gọi là Chánh Giác, nếu nương theo thức thứ tám thì gọi là vọng giác, vì chấp cái vọng tượng hư vô này, nên thành điên đảo vọng tưởng. Sinh mệnh là do sự hô hấp, sức ấm của cơ thể và ý thức ba thứ hòa hợp mà thành, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Mệnh Trược.

(6) **Năng Phi Năng:**

Chấp ta năng sanh tất cả chúng sanh (tâm năng vi), nhưng sự thật thì chẳng có cái năng lực ấy (quả năng sự).

(7) **Tham Phi Tham:**

Thân vốn vô thường, chẳng thể tham được, nay khởi tâm chấp thật, tham cầu trường thọ, tham cái không thể tham gọi là tham phi tham.

(8) **Lập tâm viên giác thành cái quả trạm minh.**

Lấy cái giác làm viên minh: cho là "viên" thì bị kẹt ở nơi viên, cho là "minh", thì bị kẹt nơi minh. Là "minh" thì chẳng mê ở nơi nhân quả cảm ứng; là "viên" nên chẳng mê vào chỗ "diệt rồi là xong", từ đó truy cứu sự thâm diệu, thâm lại càng thâm, chẳng đọa nơi hữu, diệu lại thêm diệu, chẳng đọa nơi Vô, thì ở chỗ "Phi hữu phi vô" này lập cái Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt, cố chấp không thể hóa giải được, nên chẳng cầu tiến thêm, thành quả định tánh Bích Chi.

^^*^*^*^*

Ananda bowed at the Buddha's feet and said, "After I left the home-life, I relied on the Buddha's affectionate regard. Because I sought erudition, I still have not been certified to the unconditioned. 6:87

"When I encountered that Brahma Heaven Mantra, I was captured by the deviant spell; though my mind was aware, I had no power to free myself. I had to rely on Manjushri Bodhisattva to liberate me. Although I was blessed by the Thus Come One's spiritual mantra of the Buddha's summit and imperceptibly received its strength, I still have not heard it myself. 6:88

"I only hope that the greatly compassionate one will proclaim it again to kindly rescue all the cultivators in this assembly and those of the future who undergo the turning wheel, so that they may become liberated in body and mind by relying on the Buddha's secret sounds." 6:90

At that moment, everyone in the great assembly bowed as one and stood waiting to hear the Thus Come One's secret divisions and phrases. 6:91

At that time, a hundred brilliant rays sprang from the mound of the flesh on the crown of the World Honored One's head. A thousand-petalled precious lotus arose from amidst those rays. Upon the precious flower sat the Thus Come One's transformation. 6:91

From the crown of its head, in turn, he emitted ten beams, each composed of a hundred rays of precious light. Every one of those glowing rays shone on lands as many as the sands of ten Ganges Rivers, while throughout empty space there were Vajra Secret- Traces Spirits, each holding aloft a mountain and wielding a pestle. 6:92

The great assembly, gazing upward, felt fearful admiration and sought the Buddha's kind protection. Single-mindedly they listened as the Thus Come One in the light at the invisible appearance on the crown of the Buddha's head proclaimed the spiritual mantra: 6:93

1. 6:97

na mwo sa dan two
 su chye dwo ye
 e la he di
 san myau san pu two sye
 na mwo sa dan two
 fwo two jyu jr shai ni shan
 na mwo sa pe
 bwo two bwo di
 sa dwo pi bi
 na mwo sa dwo nan
 san myau san pu two
 jyu jr nan
 swo she la pe ज्या
 seng chye nan
 na mwo lu ji e lwo han dwo nan
 na mwo su lu dwo bwo nwo nan
 na mwo swo jye li two chye mi nan
 na mwo lu ji san myau chye dwo nan
 san myau chye be la
 di bwo dwo nwo nan
 na mwo ti pe li shai nan

na mwo syi two ye
pi di ye
two la li shai nan
she pwo nu
jye la he
swo he swo la mwo two nan
na mwo ba la he mwo ni
na mwo yin two la ye
na mwo pe chye pe di
lu two la ye
wu mwo bwo di
swo syi ye ye
na mwo pe chye pe di
nwo la ye
na ye
pan je mwo he san mwo two la
na mwo syi jye li dwo ye
na mwo pe chye pe di
mwo he jya la ye
di li bwo la na
chye la pi two la
bwo na jya la ye
e di mu di
shr mwo she nwo ni
pe syi ni
mwo dan li chye na
na mwo syi jye li dwo ye
na mwo pe chye pe di
dwo two chye dwo jyu la ye
na mwo be tou mwo jyu la ye
na mwo ba she la jyu la ye
na mwo mwo ni jyu la ye
na mwo chye she jyu la ye
na mwo pe chye pe di
di li cha
shu la syi na
bwo la he la na la she ye
dwo two chye dwo ye
na mwo pe chye pe di
na mwo e mi dwo pe ye
dwo two chye dwo ye
e la he di
san myau san pu two ye

na mwo pe chye pe di
e chu pi ye
dwo two chye dwo ye
e la he di
san myau san pu two ye
na mwo pe chye pe di
bi sha she ye
jyu lu fei ju li ye
bwo la pe la she ye
dwo two chye dwo ye
na mwo pe chye pe di
san bu shr bi dwo
sa lyan nai la la she ye
dwo two chye dwo ye
e la he di
san myau san pu two ye
na mwo pe chye pe di
she ji ye mu nwo ye
dwo two chye dwo ye
e la he di
san myau san pu two ye
na mwo pe chye pe di
la dan na ji du la she ye
dwo two chye dwo ye
e la he di
san myau san pu two ye
di pyau
na mwo sa jye li dwo
yi tan pe chye pe dwo
sa dan two chye du shai ni shan
sa dan dwo bwo da lan
na mwo e pe la shr dan
bwo la di
yang chi la
sa la pe
bwo dwo jye la he
ni jye la he
jye jya la he ni
ba la bi di ye
chr two ni
e jya la
mi li ju
bwo li dan la ye

ning jye li
sa la pe
pan two nwo
mu cha ni
sa la pe
tu shai ja
tu syi fa
bwo na ni
fa la ni
je du la
shr di nan
jye la he
swo he sa la rau she
pi dwo beng swo na jye li
e shai ja bing she di nan
na cha cha dan la rau she
bwo la sa two na jye li
e shai ja nan
mwo he jye la he rau she
pi dwo beng sa na jye li
sa pe she du lu
ni pe la rau she
hu lan tu syi fa
nan je na she ni
bi sha she
syi dan la
e ji ni
wu two jya la rau she
e bwo la shr dwo jyu la
mwo he bwo la jan chr
mwo he dye dwo
mwo he di she
mwo he shwei dwo she pe la
mwo he ba la pan two la
pe syi ni
e li ye dwo la
pi li jyu jr
shr pe pi she ye
ba she la mwo li di
pi she lu dwo
bwo teng wang jya
ba she la jr he nwo e je
mwo la jr pe

bwo la jr dwo
ba she la shan chr
pi she la je
shan dwo she
pi ti pe
bu shr dwo
su mwo lu bwo
mwo he shwei dwo
e li ye dwo la
mwo he pe la e bwo la
ba she la shang jye la jr pe
ba she la jyu mwo li
jyu lan two li
ba she la he sa dwo je
pi di ye
chyan je nwo
mwo li jya
ku su mu
pe jye la dwo nwo
pi lu je na
jyu li ye
ye la tu
shai ni shan
pi je lan pe mwo ni je
ba she la jya na jya bwo la pe
lu she na
ba she la dwun jr je
shwei dwo je
jya mwo la
cha che shr
bwo la pe
yi di yi di
mu two la
jye na
swo pi la chan
jywe fan du
yin tu na mwo mwo sye

II.

wu syin
li shai jye na
bwo la she syi dwo

sa dan two
 chye du shai ni shan
 hu syin du lu yung
 jan pe na
 hu syin du lu yung
 syi dan pe na
 hu syin du lu yung
 bwo la shai di ye
 san bwo cha
 na jye la
 hu syin du lu yung
 sa pe yau cha
 he la cha swo
 jye la he rau she
 pi teng beng sa na jye la
 hu syin du lu yung
 je du la
 shr di nan
 jye la he
 swo he sa la nan
 pi teng beng sa na la
 hu syin du lu yung
 la cha
 pe chye fan
 sa dan two
 chye du shai ni shan
 bwo la dyan
 she ji li
 mwo he swo he sa la
 bwo shu swo he sa la
 shr li sha
 jyu jr swo he sa ni
 di li e bi ti shr pe li dwo
 ja ja ying jya
 mwo he ba she lu two la
 di li pu pe na
 man cha la
 wu syin
 swo syi di
 bwo pe du
 mwo mwo
 yin tu na mwo mwo sye

III.

la she pe ye
 ju la ba ye
 e chi ni pe ye
 wu two jya pe ye
 pi sha pe ye
 she sa dwo la pe ye
 pe la jau jye la pe ye
 tu shai cha pe ye
 e she ni pe ye
 e jya la
 mi li ju pe ye
 two la ni bu mi jyan
 bwo chye bwo two pe ye
 wu la jya pe dwo pe ye
 la she tan cha pe ye
 nwo chye pe ye
 pi tyau dan pe ye
 su bwo la na pe ye
 yau cha jye la he
 la cha sz jye la he
 bi li dwo jye la he
 pi she je jye la he
 bu dwo jye la he
 jyou pan cha jye la he
 bu dan na jye la he
 jya ja bu dan na jye la he
 syi chyan du jye la he
 e bwo syi mwo la jye la he
 wu tan mwo two jye la he
 che ye jye la he
 syi li pe di jye la he
 she dwo he li nan
 jye pe he li nan
 lu di la he li nan
 mang swo he li nan
 mi two he li nan
 mwo she he li nan
 she dwo he li nyu
 shr bi dwo he li nan
 pi dwo he li nan
 pe dwo he li nan

e shu je he li nyu
jr dwo he li nyu
di shan sa pi shan
sa pe jye la he nan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
bwo li ba la je jya
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
cha yan ni
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
mwo he bwo su bwo dan ye
lu two la
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
nwo la ye na
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
dan two chye lu cha syi
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
mwo he jya la
mwo dan li chye na
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
jya bwo li jya
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi

ji la ye mi
she ye jye la
mwo du jye la
sa pe la two swo da na
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
je du la
pe chi ni
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
pi li yang chi li jr
nan two ji sha la
chye na bwo di
swo syi ye
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
na jye na she la pe na
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
e lwo han
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
pi dwo la chye
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi
ji la ye mi
ba she la bwo ni
jyu syi ye jyu syi ye
jya di bwo di
chi li dan
pi two ye she
chen two ye mi

ji la ye mi
la cha wang
pe chye fan
yin tu na mwo mwo sye

IV.

pe chye fan
sa dan dwo bwo da la
na mwo tswei du di
e syi dwo na la la jya
bwo la pe
syi pu ja
pi jya sa dan dwo be di li
shr fwo la shr fwo la
two la two la
pin two la pin two la
chen two chen two
hu syin hu syin
pan ja pan ja pan ja pan ja pan ja
swo he
syi syi pan
e mu jya ye pan
e bwo la ti he dwo pan
pe la bwo la two pan
e su la
pi two la
bwo jya pan
sa pe ti pi bi pan
sa pe na chye bi pan
sa pe yau cha bi pan
sa pe chyan ta pe bi pan
sa pe bu dan na bi pan
jya ja bu dan na bi pan
sa pe tu lang jr di bi pan
sa pe tu sz bi li
chi shai di bi pan
sa pe shr pe li bi pan
sa pe e bwo syi mwo li bi pan
sa pe she la pe na bi pan
sa pe di di ji bi pan
sa pe dan mwo two ji bi pan
sa pe pi two ye

la shr je li bi pan
she ye jye la
mwo du jye la
sa pe la two swo two ji bi pan
pi di ye
je li bi pan
je du la
fu chi ni bi pan
ba she la
jyu mwo li
pi two ye
la shr bi pan
mwo he bwo la ding yang
yi chi li bi pan
ba she la shang jye la ye
bwo la jang chi la she ye pan
mwo he jya la ye
mwo he mwo dan li jya na
na mwo swo jye li dwo ye pan
bi shai na bei ye pan
bwo la he mwo ni ye pan
e chi ni ye pan
mwo he jye li ye pan
jye la tan chr ye pan
mye dan li ye pan
lau dan li ye pan
je wen cha ye pan
jye lwo la dan li ye pan
jya bwo li ye pan
e di mu jr dwo
jya shr mwo she nwo
pe sz ni ye pan
yan ji jr
sa two pe sye
mwo mwo yin tu na mwo mwo sye

V.

tu shai ja jr dwo
e mwo dan li jr dwo
wu she he la
chye pe he la
lu di la he la

pe swo he la
 mwo she he la
 she dwo he la
 shr bi dwo he la
 ba lyau ye he la
 chyan two he la
 bu shr bwo he la
 pwo la he la
 pe sye he la
 be bwo jr dwo
 tu shai ja jr dwo
 lau two la jr dwo
 yau cha jye la he
 la cha swo jye la he
 bi li dwo jye la he
 pi she je jye la he
 bu dwo jye la he
 jyou pan cha jye la he
 syi chyan two jye la he
 wu dan mwo two jye la he
 che ye jye la he
 e bwo sa mwo la jye la he
 jai chywe ge
 cha chi ni jye la he
 li fwo di jye la he
 she mi jya jye la he
 she jyu ni jye la he
 mu two la
 na di jya jye la he
 e lan pe jye la he
 chyan du bwo ni jye la he
 shr fwo la
 yin jya syi jya
 jwei di yau jya
 dan li di yau jya
 je tu two jya
 ni ti shr fa la
 bi shan mwo shr fa la
 bwo di jya
 bi di jya
 shr li shai mi jya
 swo ni bwo di jya
 sa pe shr fa la

shr lu ji di
 mwo two pi da lu jr jyan
 e chi lu chyan
 mu chywe lu chyan
 jye li tu lu chyan
 jye la he
 jye lan jye na shu lan
 dan dwo shu lan
 chi li ye shu lan
 mwo mwo shu lan
 ba li shr pe shu lan
 bi li shai ja shu lan
 wu two la shu lan
 jye jr shu lan
 ba syi di shu lan
 wu lu shu lan
 chang chye shu lan
 he syi dwo shu lan
 ba two shu lan
 swo fang ang chye
 bwo la jang chye shu lan
 bu dwo bi dwo cha
 cha chi ni
 shr pe la
 two tu lu jya
 jyan du lu ji jr
 pe lu dwo pi
 sa bwo lu
 he ling chye
 shu sha dan la
 swo na jye la
 pi sha yu jya
 e chi ni
 wu two jya
 mwo la pi la
 jyan dwo la
 e jya la
 mi li du
 da lyan bu jya
 di li la ja
 bi li shai jr jya
 sa pe na jyu la
 sz yin chye bi

jye la li yau cha
 dan la chu
 mwo la shr
 fei di shan
 swo pi shan
 syi dan dwo bwo da la
 mwo he ba she lu
 shai ni shan
 mwo he bwo lai jang chi lan
 ye bwo tu two
 she yu she nwo
 byan da li na
 pi two ye
 pan tan jya lu mi
 di shu
 pan tan jya lu mi
 bwo la pi two
 pan tan jya lu mi
 da jr two
 nan
 e na li
 pi she ti
 pi la
 ba she la
 two li
 pan two pan two ni
 ba she la bang ni pan
 hu syin du lu yung pan
 swo pe he.

"Ananda, this cluster of light atop the crown of the Buddha's head, the secret gatha, Syi Dan Dwo Bwo Da La, with its subtle, wonderful divisions and phrases, gives birth to all the Buddhas of the ten directions. Because the Thus Come Ones of the ten directions use this mantra-heart, they realize unsurpassed, proper, and all-pervading knowledge and enlightenment. 6:115

"Because the Thus Come Ones of the ten directions take up this mantra-heart, they subdue all demons and control all adherents of outside ways. 6:116

"Because the Thus Come Ones of the ten directions avail themselves of this mantra-heart, they sit upon jeweled lotus-flowers and respond throughout countries as numerous as motes of dust. 6:117

"Because the Thus Come Ones of the ten directions embody this mantra-heart, they turn the great dharma wheel in lands as numerous as fine motes of dust. 6:117

"Because the Thus Come Ones of the ten directions hold this mantra-heart, they are able to go throughout the ten directions to rub beings on the crowns of their heads and bestow predictions upon them. Also, anyone in the ten directions who has not yet realized the fruition, can receive a Buddha's prediction. 6:117

"Because the Thus Come Ones of the ten directions are based in this mantra-heart, they can go throughout the ten directions to rescue beings from such sufferings as being in the hells, being hungry ghosts, being animals, or being blind, deaf, or mute, as well as from the suffering of being together with those one hates, from the suffering of being apart from those one loves, from the suffering of not obtaining what one seeks, and from the raging blaze of the five skandhas. They liberate

beings from both large and small accidents. In response to their recitation, difficulty with thieves, difficulty with armies, difficulty with the law, difficulty with imprisonment, difficulty with wind, fire, and water, and difficulty with hunger, thirst, and impoverishment are all eradicated. 6:118

”Because the Thus Come Ones of the ten directions are in accord with this mantra-heart, they can serve good and wise advisors throughout the ten directions. In the four aspects of awesome deportment, they make wish-fulfilling offerings. In the assemblies of as many Thus Come Ones as there are sands in the Ganges, they are considered to be great Dharma Princes. 6:120

”Because the Thus Come Ones of the ten directions practice this mantra-heart, they can gather in and teach their relatives in the ten directions. Causing those of the Small Vehicle not to be frightened when they hear the secret treasury. 6:120

”Because the Thus Come Ones of the ten directions recite this mantra-heart, they realize unsurpassed enlightenment while sitting beneath the Bodhi tree, and they enter Parinirvana. 6:121

”Because the Thus Come Ones of the ten directions transmit this mantra-heart, those to whom they have bequeathed the Buddhadharma can, after their Nirvana, dwell in it completely and uphold it. Being strict

and pure about the precepts and rules, they can all obtain purity. 6:121

”If I were to explain this mantra, Bwo Da La, of the cluster of light atop the crown of the Buddha’s head from morning till night in an unceasing sound, without ever repeating any syllable or phrase, I could go on for as many kalpas as there are sands in the Ganges and still never finish. 6:122

”I also will tell you that this mantra is called ‘The crown of the Thus Come One.’ 6:123

”All of you with something left to study who have not yet put an end to the cycle of rebirth and yet have brought forth sincere resolve to become Arhats, will find it impossible to sit in a Bodhimanda and be far removed in body and mind from all demonic deeds if you do not hold this Mantra. 6:123

”Ananda, let any living being of any country in any world copy out this mantra in writing on materials native to his region, such as birch bark, patra, plain paper, or white cotton cloth, and store it in a pouch containing incense. If that person wears the pouch on his body, or if he keeps a copy in his home, then you should know that even if he understands so little that he cannot recite it from memory, he will not be harmed by any poison during his entire life. 6:124

”Ananda, I will now tell you more about how this mantra can rescue and protect the world, help people obtain great fearlessness, and bring to accomplishment living beings’ transcendental wisdom. 6:125

”You should know that, after my extinction, if there are beings in the Dharma-ending Age who can recite the mantra themselves or teach others to recite it, such people who recite and uphold it cannot be burned by fire, cannot be drowned by water, and cannot be harmed by mild or potent poisons. 6:125

”And so it is in every other case, such that they cannot be possessed by any evil mantra or any heavenly dragon, ghost, or spirit, or by any essence, weird creature, or demonic ghost. These people’s minds will attain proper reception, so that any spell, any paralyzing sorcery, any poison or poisoning gold, any poisoning silver, any plant, tree, insect, or snake, and any of a myriad kinds of poisonous vapors will turn into sweet dew when it enters their mouths. 6:126

”No evil stars, and no ghost or spirit that harbors malice in its heart and that poisons people can work its evil on these people. Vinayaka as well as all the evil ghost kings and their retainers will be led by deep kindness to always guard and protect them. 6:128

”Ananda, you should know that eighty-four thousand nayutas of Ganges’ sands of kotis of Vajra

Treasury-King Bodhisattvas and their descendants, each with vajra multitudes as retinue, are ever in attendance, day and night, upon this mantra. 6:129

”If living beings whose minds are scattered and who have no samadhi remember and recite the mantra, the vajra kings will always surround them. Therefore, good men, that is even more true for those who are decisively resolved upon Bodhi. All the Vajra Treasury-King Bodhisattvas will regard them attentively and secretly hasten the opening of their spiritual consciousness. 6:130

”When that response occurs, those people will be able to remember the events of as many kalpas as there are grains of sand in eighty-four thousand Ganges Rivers, knowing them all beyond any doubt. 6:131

”From that kalpa onward, through every life until the time they take their last body, they will not be born where there are yakshas, rakshasas, putanas, kataputanas, kumbhandas, pishachas and so forth; where there is any kind of hungry ghost, whether with form or lacking form, or with thought or lacking thought, or in any such evil place. 6:131

”If these good men read, recite, copy, or write out the mantra, if they carry it or treasure it, if they make offerings to it, then through kalpa after kalpa they will not be poor or

lowly, nor will they be born in unpleasant places. 6:133

”If these living beings have never accumulated any blessings, the Thus Come Ones of the ten directions will bestow their own merit and virtue upon these people. 6:134

”Because of that, throughout asamkhyeyas of ineffable, unspeakable numbers of kalpas, as many as the Ganges’ sands, they are always together with the Buddhas. They are born in the same place, due to their limitless merit and virtue, and, like the amala fruit-cluster, they stay in the same place, become permeated with cultivation, and are never parted. 6:135

”Therefore, it can enable those who have broken the precepts to regain the purity of the precept-source. It can enable those who have not received the precepts to receive them. It can cause those who are not vigorous to become vigorous. It can enable those who lack wisdom to gain wisdom. It can cause those who are not pure to quickly become pure. It can cause those who do not hold to vegetarianism to become vegetarians naturally. 6:136

”Ananda, if good men who uphold this mantra violated the pure precepts before they received the mantra, their multitude of offenses incurred by violating the precepts, whether major or minor, can simultaneously be eradicated after they begin to uphold the mantra. 6:138

”Even if they drank intoxicants or ate the five pungent plants and various other impure things in the past, the Buddhas, Bodhisattvas, vajras, gods, immortals, ghosts, and spirits will not hold it against them. 6:139

”If they are unclean and wear tattered, old clothes to carry out the single practice and single dwelling, they can be equally pure. Even if they do not set up the platform, do not enter the Bodhimanda, and do not practice the Way, but recite and uphold this mantra, their merit and virtue will be identical with that derived from entering the platform and practicing the Way. 6:139

”If they have committed the five rebellious acts, grave offenses warranting unintermittent retribution, or if they are bhikshus or bhikshunis who have violated the four parajikas or the eight parajikas, such heavy karma as this will disperse after they recite this mantra, like a sand dune that is scattered in a gale, so that not a particle remains. 6:140

”Ananda, if living beings who have never repented and reformed any of the obstructive offenses, either heavy or light, that they have committed throughout countless kalpas past, up to and including those of this very life, can nevertheless read, recite, copy, or write out this mantra or wear it on their bodies or place it in their homes or in their garden houses, then all that accumulated karma will melt away like snow in hot water. Before

long they will obtain awakening to patience with the non-production of dharmas. 6:143

”Moreover, Ananda, if women who do not have children and want to conceive can sincerely memorize and recite this mantra or carry the mantra, Syi Dan Dwo Bwo Da La, on their bodies, they can give birth to sons or daughters endowed with blessings, virtue, and wisdom. 6:144

”Those who seek long life will obtain long life. Those who seek to quickly perfect their reward will quickly gain perfection. The same is true for those who seek something regarding their bodies, their lives, their appearance, or their strength. 6:145

”At the end of their lives, they will gain the rebirth they hope for in whichever of the countries of the ten directions they wish. They certainly will not be born in poorly endowed places, or as inferior people; even less will they be reborn in some odd form. 6:146

”Ananda, if there is famine or plague in a country, province, or village, or if perhaps there are armed troops, brigands, invasions, war, or any other kind of local threat or danger, one can write out this spiritual mantra and place it on the four city gates, or on a chaitya or on a dhvaja, and instruct all the people of the country to gaze upon the mantra, to make obeisance to it, to revere it, and to single-mindedly make offerings to it; one can instruct all the citizens to wear it

on their bodies or to place it in their homes; and then all such disasters and calamities will completely disappear. 6:146

”Ananda, in each and every country where the people accord with this mantra, the heavenly dragons are delighted, the winds and rains are seasonal, the crops are abundant, and the people are peaceful and happy. 6:148

”It can also suppress all evil stars which may appear in any of the directions and transform themselves in uncanny ways. Calamities and obstructions will not arise. People will not die accidentally or unexpectedly, nor will they be bound by fetters, cangues, or locks. Day and night they will be at peace, and no evil dreams will disturb their sleep. 6:149

”Ananda, this Saha World has eighty-four thousand changeable and disastrous evil stars. Twenty-eight great evil stars are the leaders, and of these, eight great evil stars are the rulers. They take various shapes, and when they appear in the world they bring disaster and weird happenings upon living beings. 6:150

”But they will all be eradicated wherever there is the mantra. The boundaries will be secured for twelve yojanas around, and no evil calamity or misfortune will ever enter in. 6:152

”Therefore, the Thus Come One proclaims this mantra as one which will protect those of the future who have just begun to study, as well as all cultivators, so that they can enter samadhi, be peaceful in body and mind, and attain great tranquility. 6:152

”Even less will any demon, ghost, or spirit, or any enemy, calamity, or misfortune due from former lives that reach back to beginningless time, or any old karma or past debts come to vex and harm them. 6:153

”As to you and everyone in the assembly who is still studying, and as to cultivators of the future who rely on my platform, hold the precepts in accord with the dharma, receive the precepts from pure members of the Sangha, and hold this mantra-heart without giving rise to doubts: should such good men as these not obtain mind-penetration in that very body born of their parents, then the Thus Come Ones of the ten directions have lied!. 6:154

When he finished this explanation, measureless hundreds of thousands of vajra power-knights in the assembly came before the Buddha, placed their palms together, bowed, and said, “With sincere hearts we will protect those who cultivate Bodhi in this way, according to what the Buddha has said.” 6:155

Then the Brahma King, the God Shakra, and the four great heavenly kings all came before the Buddha,

made obeisance together, and said to the Buddha, “If indeed there be good men who cultivate and study in this way, we will do all we can to earnestly protect them and cause everything to be as they would wish throughout their entire lives.” 6:155

Moreover measureless great yaksha generals, rakshasa kings, putana kings, kumbhanda kings, pishacha kings, vinayaka, the great ghost kings, and all the ghost commanders came before the Buddha, put their palms together, and made obeisance. “We also have vowed to protect these people and cause their resolve for Bodhi to be quickly perfected.” 6:156

Further, measureless numbers of gods of the sun and moon, lords of the rain, lords of the clouds, lords of thunder, lords of lightning who patrol throughout the year, and all the retinues of stars which were also in the assembly bowed at the Buddha’s feet and said to the Buddha, “We also protect all cultivators, so that their Bodhimandas are peaceful and they attain fearlessness.” 6:156

Moreover, measureless numbers of mountain spirits, sea-spirits, and all those of the earth - the myriad creatures and essences of water, land, and the air - as well as the king of wind spirits and the gods of the Formless Heavens, came before the Thus Come One, bowed their heads, and said to the Buddha, “We also will protect these cultivators until they attain Bodhi and will never let any

demons have their way with them.”
6:157

Then Vajra-Treasury-King
Bodhisattvas in the great assembly,
numbering as many as eighty-four
thousand nayutas of kotis’ worth of
sands in the Ganges, arose from their
seats, bowed at the Buddha’s feet,
and said to the Buddha, “World
Honored One, the nature of our deeds
in cultivation is such that, although
we have long since accomplished
Bodhi, we do not grasp at Nirvana,
but always accompany those who
hold this mantra, rescuing and
protecting those in the final age who
cultivate samadhi properly. 6:158

”World Honored One, such people as
this, who cultivate their minds and
seek proper concentration, whether in
the bodhimanda or walking about,
and even such people who with
scattered minds roam and play in the
villages, will be accompanied and
protected by us and our retinue of
followers. 6:158

”Although the demon kings and the
god of great comfort will seek to get
at them, they will never be able to do
so. The smaller ghosts will have to
stay ten yojanas’ distance from these
good people, except for those beings
who have decided they want to
cultivate dhyana. 6:159

”World Honored One, if such evil
demons or their retinues want to
harm or disturb these good people,
we will smash their heads to
smithereens with our vajra pestles.

We will always help these people to
accomplish what they want.”

^^*^*^*^*

... etc, ..., etc, ...

^^*^*^*^*

At that time, the Tathagata was
preparing to leave the Dharma seat.
From the lion throne, he extended his
hand and placed it on a small table
wrought of the seven precious things.
But then he turned his body, which
was the color of purple golden
mountains, and leaned back, saying
to everyone in the assembly and to
Ananda:

”Those of you with More to Learn,
those Enlightened by Conditions, and
those who are Hearers have now
turned your minds to pursue the
attainment of supreme Bodhi the
unsurpassed, wonderful
enlightenment. I have already taught
you the true method of cultivation.
8:1

”You are still not aware of the subtle
demonic events that can occur when
you cultivate shamatha and
vipashyana. If you cannot recognize a
demonic state when it appears, it is
because the cleansing of your mind
has not been proper. You will then be
engulfed by deviant views. 8:2

”You may be troubled by a demon
from your own skandhas or a demon
from the heavens. Or you may be
possessed by a ghost or spirit, or you
may encounter a li ghost or a mei
ghost. If your mind is not clear, you

will mistake a thief for your own son.
8:3

”It is also possible to feel satisfied after a small accomplishment, like the Unlearned Bhikshu who reached the Fourth Dhyana and claimed that he had realized sagehood. When his celestial reward ended and the signs of decay appeared, he slandered Arhatship as being subject to birth and death, and thus he fell into the Avichi Hell. 8:7

”You should pay attention. I will now explain this for you in detail.” 8:9

Ananda stood up and, with the others in the assembly who had More to Learn, bowed joyfully. They quieted themselves in order to listen to the compassionate instruction. 8:9

The Buddha told Ananda and the whole assembly, “You should know that the twelve categories of beings in this world of outflows are endowed with a wonderfully bright, fundamental enlightenment - the enlightened, perfect substance of the mind which is not different from that of the Buddhas of the ten directions. 8:10

”Due to the fault of false thinking and confusion about the truth, infatuation arises and makes your confusion all pervasive. Consequently, an emptiness appears. Worlds come into being as that confusion is ceaselessly transformed. Therefore, the lands that are not without outflows, as numerous as motes of dust

throughout the ten directions, are all created as a result of confusion, dullness, and false thinking. 8:11

”You should know that the space created in your mind is like a wisp of cloud that dots the vast sky. How much smaller must all the worlds within that space be! 8:12

”If even one person among you finds the truth and returns to the source, then all of space in the ten directions is obliterated. How could the worlds within that space fail to be destroyed as well? 8:13

”When you cultivate dhyana and attain samadhi, your mind tallies with the minds of the Bodhisattvas and the great Arhats of the ten directions who are free of outflows, and you abide in a state of profound purity. 8:14

”All the kings of demons, the ghosts and spirits, and the ordinary gods see their palaces collapse for no apparent reason. The earth quakes, and all the creatures in the water, on the land, and in the air, without exception, are frightened. Yet ordinary people who are sunk in dim confusion remain unaware of these changes. 8:15

”All these beings have five kinds of spiritual powers; they lack only freedom from outflows, because they are still attached to worldly passions. How could they allow you to destroy their palaces? That is why the ghosts, spirits, celestial demons, sprites, and goblins come to disturb you when you are in samadhi. 8:17

”Although these demons possess tremendous enmity, they are in the grip of their worldly passions, while you are within wonderful enlightenment. They cannot affect you any more than a blowing wind can affect light or a knife can cut through water. You are like boiling water, while the demons are like solid ice which, in the presence of heat, soon melts away. Since they rely exclusively on spiritual powers, they are like mere guests. 8:19

”They can succeed in their destructiveness through your mind, which is the host of the five skandhas. If the host becomes confused, the guests will be able to do as they please. 8:20

”When you are in dhyana, awakened, aware, and free of delusion, their demonic deeds can do nothing to you. As the skandhas dissolve, you enter the light. All those deviant hordes depend upon dark energy. Since light can destroy darkness, they would be destroyed if they drew near you. How could they dare linger and try to disrupt your dhyana-samadhi? 8:21

”If you were not clear and aware, but were confused by the skandhas, then you, Ananda, would surely become one of the demons; you would turn into a demonic being. 8:23

”Your encounter with Matangi’s daughter was a minor incident. She cast a spell on you to make you break the Buddha’s moral precepts. Still,

among the eighty thousand modes of conduct, you violated only one precept. Because your mind was pure, all was not lost. 8:23

”This would be an attempt to completely destroy your precious enlightenment. Were it to succeed, you would become like the family of a senior government official who is suddenly exiled; his family wanders, bereft and alone, with no one to pity or rescue them. 8:24

”Ananda, you should know that as a cultivator sits in the Bodhimanda, he is doing away with all thoughts. When his thoughts come to an end, there will be nothing on his mind. This state of pure clarity will stay the same whether in movement or stillness, in remembrance or forgetfulness. 8:25

”When he dwells in this place and enters samadhi, he is like a person with clear vision who finds himself in total darkness. Although his nature is wonderfully pure, his mind is not yet illuminated. This is the region of the form skandha. 8:26

”If his eyes become clear, he will then experience the ten directions as an open expanse, and the darkness will be gone. This is the end of the form skandha. He will then be able to transcend the turbidity of kalpas. Contemplating the cause of the form skandha, one sees that false thoughts of solidity are its source. 8:26

”Ananda, at this point, as the person intently investigates that wondrous brightness, the four elements will no longer function together, and soon the body will be able to transcend obstructions. This state is called ‘the pure brightness merging into the environment.’ It is a temporary state in the course of cultivation and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:27

”Further, Ananda, as the person uses his mind to intently investigate that wondrous light, the light will pervade his body. Suddenly he will be able to extract intestinal worms from his own body, yet his body will remain intact and unharmed. This state is called ‘the pure light surging through one’s physical body.’ It is a temporary state in the course of intense practice, and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:30

”Further, as the person uses his mind to intently investigate inside and outside, his physical and spiritual souls, intellect, will, essence, and spirit will be able to interact with one another without affecting his body. They will take turns as host and guests. Then he may suddenly hear the Dharma being spoken in space, or perhaps he will hear esoteric truths

being pronounced simultaneously throughout the ten directions. This state is called ‘the essence and souls alternately separating and uniting, and the planting of good seeds.’ It is a temporary state and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:32

”Further, when the person’s mind becomes clear, unveiled, bright, and penetrating, an internal light will shine forth and turn everything in the ten directions into the color of Jambu-river gold. All the various species of beings will be transformed into Tathagatas. Suddenly he will see Vairochana Buddha seated upon a platform of celestial light, surrounded by a thousand Buddhas, who simultaneously appear upon lotus blossoms in a hundred million lands. This state is called ‘the mind and soul being instilled with spiritual awareness.’ When he has investigated to the point of clarity, the light of his mind will shine upon all worlds. This is a temporary state and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:35

”Further, as the person uses his mind to intently investigate that wondrous light, he will contemplate without pause, restraining and subduing his

mind so that it does not go to extremes. Suddenly the space in the ten directions may take on the colors of the seven precious things or the colors of a hundred precious things, which simultaneously pervade everywhere without hindering one another. The blues, yellows, reds, and whites will each be clearly apparent. This state is called ‘excessively subduing the mind.’ It is a temporary state and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:37

”Further, as the person uses his mind to investigate with clear discernment until the pure light no longer disperses, he will suddenly be able to see various things appear in a dark room at night, just as if it were daytime, while the objects that were already in the room do not disappear. This state is called ‘refining the mind and purifying the vision until one is able to see in the dark.’ It is a temporary state and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:38

”Further, when his mind completely merges with emptiness, his four limbs will suddenly become like grass or wood, devoid of sensation even when burned by fire or cut with a knife. The burning of fire will not

make his limbs hot and even when his flesh is cut, it will be like wood being whittled. This state is called ‘the merging of external states and the blending of the four elements into a uniform substance.’ It is a temporary state and does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:40

”Further, when his mind accomplishes such purity that his skill in purifying the mind has reached its ultimate, he will suddenly see the earth, the mountains, and the rivers in the ten directions turn into Buddhalands replete with the seven precious things, their light shining everywhere. He will also see Buddhas, Tathagatas, as many as the sands of the Ganges, filling all of space. He will also see pavilions and palaces that are resplendent and beautiful. He will see the hells below and the celestial palaces above, all without obstruction. This state is called ‘the gradual transformation of concentrated thoughts of fondness and loathing.’ It does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:41

”Further, as the person uses his mind to investigate what is profound and far away, he will suddenly be able to

see distant places in the middle of the night. He will see city markets and community wells, streets and alleys, and relatives and friends, and he may hear their conversations. This state is called ‘having been suppressed to the utmost, the mind flies out and sees much that had been blocked from view.’ It does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then this will be a good state. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:43

”Further, as the person uses his mind to investigate to the utmost point, he may see a Good and Wise Advisor whose body undergoes changes. Within a brief interval, various transformations will occur which cannot be explained. This state is called ‘having an improper mind which is possessed by a li-ghost, a mei-ghost, or a celestial demon, and without reason speaking Dharma that fathoms wondrous truths.’ It does not indicate sagehood. If he does not think he has become a sage, then the demonic formations will subside. But if he considers himself a sage, then he will be vulnerable to the demons’ influence. 8:44

”Ananda, these ten states may occur in Dhyana as one’s mental effort interacts with the form skandha. 8:46

”Dull and confused living beings do not evaluate themselves. Encountering such situations, in their confusion they fail to recognize them and say that they have become sages,

thereby uttering a great lie. They will fall into the Relentless Hells. 8:47

”In the Dharma-ending Age, after the Tathagata enters Nirvana, all of you should rely on and proclaim this teaching. Do not let the demons of the heavens have their way. Offer protection so all can realize the unsurpassed Way. 8:49

Ananda, when the good person who is cultivating samadhi and shamatha has put an end to the form skandha, he can see the mind of all Buddhas as if seeing an image reflected in a clear mirror. 8:50

”He seems to have obtained something, but he cannot use it. In this he resembles a paralyzed person. His hands and feet are intact, his seeing and hearing are not distorted, and yet his mind has come under a deviant influence, so that he is unable to move. This is the region of the feeling skandha. 8:51

”Once the problem of paralysis subsides, his mind can then leave his body and look back upon his face. It can go or stay as it pleases without further hindrance. This is the end of the feeling skandha. This person can then transcend the turbidity of views. Contemplating the cause of the feeling skandha, one sees that false thoughts of illusory clarity are its source. 8:51

”Ananda, in this situation the good person experiences a brilliant light. As a result of the excessive internal

pressure in his mind, he is suddenly overwhelmed with such boundless sadness that he looks upon even mosquitoes and gadflies as newborn children. He is filled with pity and unconsciously bursts into tears. 8:52

”This is called ‘overexertion in suppressing the mind in the course of cultivation.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sage-hood. If he realizes that and remains unconfused, then after a time it will disappear. 8:53

”But if he considers himself a sage, then a demon of sadness will enter his mind. Then, as soon as he sees someone, he will feel sad and cry uncontrollably. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:53

”Further, Ananda, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. At that time he has a sublime vision and is overwhelmed with gratitude. In this situation, he suddenly evinces tremendous courage. His mind is bold and keen. He resolves to equal all Buddhas and says he can transcend three asamkhyeyas of eons in a single thought. 8:54

”This is called ‘being too anxious to excel in cultivation.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:56

”If he realizes that and remains unconfused, then after a time it will disappear. But if he considers himself a sage, then a demon of insanity will enter his mind. As soon as he sees someone, he will boast about himself. He will become extraordinarily haughty, to the point that he recognizes no Buddha above him and no people below him. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:56

”Further, in this state of samadhi the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. With no new realization immediately ahead of him, and having lost his former status as well, his power of wisdom weakens, and he enters an impasse in which he sees nothing to anticipate. Suddenly a feeling of tremendous monotony and thirst arises in his mind. At all times he is fixated in memories that do not disperse. He mistakes this for a sign of diligence and vigor. 8:58

”This is called ‘cultivating the mind but losing oneself due to a lack of wisdom.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:59

”But if he considers himself a sage, then a demon of memory will enter his mind. Day and night it will hold his mind suspended in one place. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:59

”Further, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the

feeling skandha. His wisdom becomes stronger than his samadhi, and he mistakenly becomes impetuous. Cherishing the supremacy of his nature, he imagines that he is a Nishyanda (Buddha) and rests content with his minor achievement. 8:60

”This is called ‘applying the mind, but straying away from constant examination and becoming preoccupied with ideas and opinions.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:61

”But if he considers himself a sage, then a lowly demon that is easily satisfied will enter his mind. As soon as he sees someone, he will announce, ‘I have realized the unsurpassed absolute truth.’ Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:61

”Further, in this state of samadhi the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. He has not yet obtained any results, and his prior state of mind has already disappeared. Surveying the two extremes, he feels that he is in great danger. Suddenly he becomes greatly distraught, as if he were seated on the Iron Bed, or as if he has taken poison. He has no wish to go on living, and he is always asking people to take his life so he can be released sooner. 8:62

”This is called ‘cultivating, but not understanding expedients.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:64

”But if he considers himself a sage, then a demon of chronic depression will enter his mind. He may take up knives and swords and cut his own flesh, happily giving up his life. Or else, driven by constant anxiety, he may flee into the wilderness and be unwilling to see people. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:64

”Further, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. As he dwells in this purity, his mind is tranquil and at ease. Suddenly a feeling of boundless joy wells up in him. There is such bliss in his mind that he cannot contain it. 8:67

”This is called, ‘experiencing lightness and ease, but lacking the wisdom to control it.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:67

”But if he considers himself a sage, then a demon that likes happiness will enter his mind. As soon as he sees someone, he will laugh. He will sing and dance in the streets. He will say that he has already attained unobstructed liberation. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:68

”Further, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. He says he is already satisfied. Suddenly, a feeling of unreasonable, intense self-satisfaction may arise in him. It may include pride, outrageous pride, haughty pride, overweening pride, and pride based on inferiority, all of which occur at once. In his mind, he even looks down on the Tathagatas of the ten directions, how much the more so on the lesser positions of Hearers and Those Enlightened by Conditions. 8:68

”This is called ‘viewing oneself as supreme, but lacking the wisdom to save oneself.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:69

”But if he considers himself a sage, then a demon of intense arrogance will enter his mind. He will not bow to stupas or in temples. He will destroy Sutras and images. He will say to the Danapatis, ‘These are gold, bronze, clay, or wood. The Sutras are just leaves or cloth. The flesh body is what is real and eternal, but you don’t revere it; instead you venerate clay and wood. That is totally absurd.’ Those who have deep faith in him will follow him to destroy the images or bury them. He will mislead living beings so that they fall into the Relentless Hells. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:70

”Further, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. In his refined understanding, he awakens completely to subtle principles. Everything is in accord with his wishes. He may suddenly experience limitless lightness and ease in his mind. He may say that he has become a sage and attained great self-mastery. 8:71

”This is called ‘attaining lightness and clarity due to wisdom.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:72

”But if he considers himself a sage, then a demon that likes lightness and clarity will enter his mind. Claiming that he is already satisfied, he will not strive to make further progress. For the most part, such cultivators will become like the Unlearned Bhikshu. He will mislead living beings so that they will fall into the Avichi Hell. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:72

”Further in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. In that clear awakening, he experiences an illusory clarity. Within that, suddenly he may veer towards the view of eternal extinction, deny cause and effect, and take everything as empty. The thought of emptiness so predominates that he comes to

believe that there is eternal extinction after death. 8:73

”[This is called ‘the mental state of samadhi dissolving so that one loses sight of what is right.’] If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:74

”But if he considers himself a sage, then a demon of emptiness will enter his mind. He will slander the holding of precepts, calling it a ‘Small Vehicle Dharma.’ He will say, ‘Since Bodhisattvas have awakened to emptiness, what is there to hold or violate?’ This person, in the presence of his faithful danapatis, will often drink wine, eat meat, and engage in wanton lust. The power of the demon will keep his followers from doubting or denouncing him. After the ghost has possessed him for a long time, he may consume excrement and urine, or meat and wine, claiming that all such things are empty. He will break the Buddha’s moral precepts and mislead people into committing offenses. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:75

”Further, in this state of samadhi, the good person sees the disintegration of the form skandha and understands the feeling skandha. He savors the state of illusory clarity, and it deeply enters his mind and bones. Boundless love may suddenly well forth from his mind. When that love becomes extreme, he goes insane with greed and lust. 8:77

”This is called ‘when an agreeable state of samadhi enters one’s mind, lacking the wisdom to control oneself and mistakenly engaging in lustful behavior.’ If he understands, then there is no error. This experience does not indicate sagehood. 8:77

”But if he considers himself a sage, then a demon of desire will enter his mind. He will become an outspoken advocate of lust, calling it the Way to Bodhi. He will teach his lay followers to indiscriminately engage in acts of lust, calling those who commit acts of lust his Dharma heirs. The power of spirits and ghosts in the Ending Age will enable him to attract a following of ordinary, naive people numbering one hundred, two hundred, five or six hundred, or as many as one thousand or ten thousand. When the demon becomes bored, it will leave the person’s body. Once the person’s charisma is gone, he will run afoul of the law. He will mislead living beings, so that they fall into the Relentless Hells. Lacking proper samadhi, he will certainly fall. 8:78

”Ananda, all ten of these states may occur in dhyana as one’s mental effort interacts with the feeling skandha. 8:80

”Dull and confused living beings do not evaluate themselves. Encountering such situations, in their confusion they fail to recognize them and say that they have become sages, thereby uttering a great lie. They will fall into the Relentless Hells. 8:80

”In the Dharma-ending Age, after my Nirvana, all of you should pass on the Tathagata’s teachings, so that all living beings can awaken to their meaning. Do not let the demons of the heavens have their way. Offer protection so that all can realize the unsurpassed Way. 8:81

”Ananda, when the good person who is cultivating samadhi has put an end to the feeling skandha, although he has not achieved freedom from outflows, his mind can leave his body the way a bird escapes from a cage. From within his ordinary body, he already has the potential for ascending through the Bodhisattvas’ sixty levels of sagehood. He attains the ‘body produced by intent’ and can roam freely without obstruction. 8:82

”This is like someone talking in his sleep. Although he does not know he is doing it, his words are clear, and his voice and inflection are all in order, so those who are awake can understand what he is saying. This is the region of the thinking skandha. 8:83

”If he puts an end to his stirring thoughts and rids himself of superfluous thinking, it is as if he has purged defilement from the enlightened, understanding mind. Then he is perfectly clear about the births and deaths of all categories of beings from beginning to end. This is the end of the thinking skandha. He can then transcend the turbidity of afflictions. Contemplating the cause

of the thinking skandha, one sees that interconnected false thoughts are its source. 8:84

”Ananda, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves its perfect brightness, so he sharpens his concentrated thought as he greedily seeks for cleverness and skill. 8:85

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:87

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks cleverness and skill, he arranges a seat and speaks the Dharma. In an instant, he may appear to be a Bhikshu, enabling that person to see him as such, or he may appear as Shakra, as a woman, or as a Bhikshuni; or his body may emit light as he sleeps in a dark room. 8:93

”The good person is beguiled and fooled into thinking that the other is a Bodhisattva. He believes the other’s teachings and his mind is swayed. He breaks the Buddha’s moral precepts and covertly indulges his greedy desires. 8:95

”The other person is fond of speaking about calamities, auspicious events, and unusual changes. He may say that a Tathagata has appeared in the world at a certain place. He may speak of catastrophic fires or wars, thus frightening people into squandering their family wealth without reason. 8:96

”This is a strange ghost that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:98

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:100

”Further, Ananda, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves to roam about, so he lets his subtle thoughts fly out as he greedily seeks for adventure. 8:100

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:101

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks to roam, he arranges a seat and speaks the Dharma. His own body does not change its appearance, but those listening to the Dharma suddenly see themselves sitting on jeweled lotuses and their entire bodies transformed into clusters of purple-golden light. Each person in the audience experiences that state and feels he has obtained something unprecedented. 8:102

”The good person is beguiled and fooled into thinking the other is a Bodhisattva. Lust and laxity corrupt his mind. He breaks the Buddha’s moral precepts and covertly indulges his greedy desires. 8:103

”The other person is fond of saying that Buddhas are appearing in the world. He claims that in a certain place a certain person is actually a transformation body of a certain Buddha. Or he says that a certain person is such and such a Bodhisattva who has come to teach humankind. People who witness this are filled with admiration. Their wrong views multiply, and their Wisdom of Modes is destroyed. 8:104

”This is a drought ghost that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:105

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:106

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves spiritual oneness, so he clarifies his concentrated thought as he greedily seeks for union. 8:107

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:107

”This person, unaware that he is actually possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks union, he arranges a seat and speaks the Dharma. Neither his own body nor the bodies of those listening to the Dharma go through any external transformations. But he makes the minds of the listeners become ‘enlightened’ before they listen to the Dharma, so they experience changes in every thought. They may have the knowledge of past lives or the knowledge of others’ thoughts. They may see the hells or know all the good and evil events in the human

realm. They may speak verses or spontaneously recite Sutras. Each person is elated and feels he has obtained something unprecedented. 8:108

”The good person is beguiled and fooled into thinking the other is a Bodhisattva. His thoughts become entangled in love. He breaks the Buddha’s moral precepts and covertly indulges his greedy desires. 8:111

”He is fond of saying that there are greater Buddhas and lesser Buddhas, earlier Buddhas and later Buddhas; that among them are true Buddhas and false Buddhas, male Buddhas and female Buddhas; and that the same is true of Bodhisattvas. When people witness this, their initial resolve is washed away, and they easily get carried away with their wrong understanding. 8:111

”This is a mei-ghost that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:112

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:113

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the

feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves to know the origins of things, so he exhaustively investigates the nature of physical things and their changes from beginning to end. He intensifies the keenness of his thoughts as he greedily seeks to analyze things. 8:113

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:114

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks to know the origins of things, he arranges a seat and speaks the Dharma. His body has an awesome spiritual quality which subdues the seeker. He makes the minds of those gathered beside his seat spontaneously compliant, even before they have heard the Dharma. He says to all those people that the Buddha’s Nirvana, Bodhi, and Dharma-body are there before them in the form of his own physical body. He says, ‘The successive begetting of fathers and sons from generation to generation is itself the Dharma-body, which is permanent and never-ending. What you see right now are those very Buddhalands. There are no other pure dwellings or golden features.’ 8:115

”Those people believe and accept his words, forgetting their initial resolve. They offer up their lives, feeling they have obtained something unprecedented. They are all beguiled and confused into thinking he is a Bodhisattva. As they pursue his ideas, they break the Buddha’s moral precepts and covertly indulge their greedy desires. 8:117

”He is fond of saying that the eyes, ears, nose, and tongue are the Pure Land, and that the male and female organs are the true place of Bodhi and Nirvana. Ignorant people believe these filthy words. 8:118

”This is a poisonous ghost or an evil paralysis ghost that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:118

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:119

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves revelations from afar, so he pours all his energy into this

intense investigation as he greedily seeks for imperceptible spiritual responses. 8:119

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:120

”This person, completely unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks revelations, he arranges a seat and speaks the Dharma. He briefly appears to his listeners in a body that looks a hundred or a thousand years old. They experience a defiling love for him and cannot bear to part with him. They personally act as his servants, tirelessly making the Four Kinds of Offerings to him. Each member of the assembly believes that this person is his former teacher, his original Good and Wise Advisor. They give rise to love for his Dharma and stick to him as if glued, feeling they have obtained something unprecedented. 8:121

”The good person is beguiled and fooled into thinking the other is a Bodhisattva. Attracted to the other’s thinking, he breaks the Buddha’s moral precepts and covertly indulges his greedy desires. 8:123

”He is fond of saying, ‘In a past life, in a certain incarnation, I rescued a certain person who was then my wife

(or my mistress, or my brother). Now I have come to rescue you again. We will stay together and go to another world to make offerings to a certain Buddha.’ Or he may say, ‘There is a Heaven of Great Brilliance where a Buddha now dwells. It is the resting place of all Tathagatas.’ Ignorant people believe his ravings and lose their original resolve. 8:124

”This is a pestilence ghost that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:125

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:125

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves deep absorption, so he restrains himself with energetic diligence and likes to dwell in secluded places as he greedily seeks for peace and quiet. 8:126

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a

mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:127

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks seclusion, he arranges a seat and speaks the Dharma. He causes all of his listeners to think they know their karma from the past. Or he may say to someone there, ‘You haven’t died yet, but you have already become an animal.’ Then he instructs another person to step on the first person’s ‘tail’ and suddenly the first person cannot stand up. At that point, all in the assembly pour out their hearts in respect and admiration for him. If someone has a thought, the demon detects it immediately. He establishes intense ascetic practices that exceed the Buddha’s moral precepts. He slanders Bhikshus, scolds his assembly of disciples, and exposes people’s private affairs without fear of ridicule or rejection. He is fond of foretelling calamities and auspicious events, and when they come to pass, he is not wrong in the slightest. 8:127

”This is a ghost with great powers that in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused

and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:133

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves more knowledge and understanding, so he diligently toils at examining and probing as he greedily seeks to know past lives. 8:134

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks knowledge, he arranges a seat and speaks the Dharma. 8:135

”There in the Dharma Assembly, inexplicably, that person may obtain an enormous precious pearl. The demon may sometimes change into an animal that holds the pearl or other jewels, bamboo tablets, tallies, talismans, letters, and other unusual things in its mouth. The demon first gives the objects to the person and afterwards possesses him. Or he may fool his audience by burying the objects underground and then saying that a ‘moonlight pearl’ is illuminating the place. Thereupon the audience feels they have obtained

something unique. He may eat only medicinal herbs and not partake of prepared food. Or he may eat only one sesame seed and one grain of wheat a day and still look robust. That is because he is sustained by the power of the demon. He slanders Bhikshus and scolds his assembly of disciples without fear of ridicule or rejection. 8:135

”He is fond of talking about treasure troves in other locations, or of remote and hidden places where sages and worthies of the ten directions dwell. Those who follow him often see strange and unusual people. 8:141

”This is a ghost or spirit of the mountain forests, earth, cities, rivers, and mountains that in its old age has become a demon. The person it possesses may advocate promiscuity and violate the Buddha’s precepts. He may covertly indulge in the five desires with his followers. Or he may appear to be vigorous, eating only wild plants. His behavior is erratic, and he disturbs and confuses the good person. But when the demon tires, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:142

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:142

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves spiritual powers and all manner of transformations, so he investigates the source of transformations as he greedily seeks for spiritual powers. 8:143

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:144

”This person, truly unaware that he is possessed by a demon, also claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks spiritual powers, he arranges a seat and speaks the Dharma. The possessed person may hold fire in his hands and, grasping a portion of it, put a flame on the head of each listener in the Fourfold Assembly. The flames on top of their heads are several feet high, yet they are not hot and no one is burned. Or he may walk on water as if on dry land; or he may sit motionless in the air; or he may enter into a bottle or stay in a bag; or he may pass through window panes and walls without obstruction. Only when attacked by weapons does he feel ill at ease. He declares himself to be a Buddha and, wearing the clothing of a lay person, receives bows from Bhikshus. He slanders dhyana meditation and the

moral regulations. He scolds his disciples and exposes people's private affairs without fear of ridicule or rejection. 8:144

”He often talks about spiritual powers and self-mastery. He may cause people to see visions of Buddhalands, but they are unreal and arise merely from the ghost's power to delude people. He praises the indulgence of lust and does not condemn lewd conduct. He uses indecent means to transmit his Dharma. 8:146

”This is a powerful nature spirit: a mountain sprite, a sea sprite, a wind sprite, a river sprite, an earth sprite, or a grass-and-tree sprite that has evolved over long ages. It may be a dragon-goblin; or a rishi who has been reborn as a goblin; or again a rishi who, having reached the end of his appointed time, should have died, but whose body does not decay and is possessed by a goblin. In its old age it has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person's body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:146

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:147

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good

person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves to enter cessation, so he investigates the nature of transformations as he greedily seeks for profound emptiness. 8:148

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:148

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks emptiness, he arranges a seat and speaks the Dharma. In the midst of the great assembly, his physical form suddenly disappears, and no one in the assembly can see him. Then out of nowhere, he abruptly reappears. He can appear and disappear at will, or he can make his body transparent like crystal. From his hands and feet he releases the fragrance of sandalwood, or his excrement and urine may be sweet as thick rock candy. He slanders the precepts and is contemptuous of those who have left the home life. 8:148

”He often says that there is no cause and no effect, that once we die, we are gone forever, that there is no afterlife, and that there are no ordinary people and no sages. Although he has obtained a state of empty stillness, he covertly indulges

his greedy desires. Those who give in to his lust also adopt his views of emptiness and deny cause and effect. 8:150

”This is an essence that was created during an eclipse of the sun or moon. Having fallen on gold, jade, a rare fungus, a unicorn, a phoenix, a tortoise, or a crane, the essence endowed it with life, so that it did not die for thousands or tens of thousands of years and eventually became a spirit. It was then born into this land and in its old age has become a demon. It disturbs and confuses the good person. But when it tires of doing so, it will leave the other person’s body. Then both the disciples and the teacher will get in trouble with the law. 8:150

”You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:154

”Further, in the unhindered clarity and wonder that ensues after the feeling skandha is gone, this good person is untroubled by any deviant mental state and experiences perfect, bright concentration. Within samadhi, his mind craves long life, so he toils at investigating its subtleties as he greedily seeks for immortality. He wishes to cast aside the birth and death of the body, and suddenly he hopes to end the birth and death of thoughts as well, so that he can abide forever in a subtle form. 8:154

”At that time a demon from the heavens seizes the opportunity it has been waiting for. Its spirit possesses another person and uses him as a mouthpiece to expound the Sutras and the Dharma. 8:156

”This person, unaware that he is possessed by a demon, claims he has reached unsurpassed Nirvana. When he comes to see that good person who seeks long life, he arranges a seat and speaks the Dharma. He is fond of saying that he can go places and come back without hindrance, perhaps traveling ten thousand miles and returning in the twinkling of an eye. He can also bring things back from wherever he goes. Or he may tell someone to walk from one end of the room to the other, a distance of just a few paces. Then even if the person walked fast for years, he could not reach the wall. Therefore people believe in the possessed person and mistake him for a Buddha. 8:156

”He often says, ‘All beings in the ten directions are my children. I gave birth to all Buddhas. I created the world. I am the original Buddha. I created this world naturally, not due to cultivation.’ 8:157

”This may be a chamunda sent from the retinue of the demon in the Heaven of Sovereignty, or a youthful pishacha from the Heaven of the Four Kings that has not yet brought forth the resolve. It takes advantage of the person’s luminous clarity and devours his essence and energy. Or

perhaps without having to rely on a teacher, the cultivator personally sees a being that tells him, 'I am a Vajra Spirit who has come to give you long life.' Or the being transforms itself into a beautiful woman and engages him in frenzied lust, so that within a year his vitality is exhausted. He talks to himself; and to anyone listening he sounds like a goblin. The people around him do not realize what is happening. In most cases such a person will get in trouble with the law. But before he is punished, he will die from depletion. The demon disturbs and confuses the person to the point of death. 8:158

"You should be aware of this in advance and not get caught up in the cycle of transmigration. If you are confused and do not understand, you will fall into the Relentless Hells. 8:162

"Ananda, you should know that in the Dharma-ending Age, these ten kinds of demons may leave the home-life to cultivate the Way within my Dharma. They may possess other people, or they may manifest themselves in various forms. All of them will claim that they have already accomplished Proper and Pervasive Knowledge and Awareness. 8:163

"They praise lust and break the Buddha's moral precepts. The evil demonic teachers and their demonic disciples that I just discussed transmit their teaching through licentious activity. Such deviant spirits take over cultivators' minds, and after as

few as nine lives or as many as a hundred generations, they turn true practitioners entirely into followers of demons. 8:166

"When their lives are over, they are bound to end up as one of the demonic hordes. They will lose their proper and pervasive knowledge and fall into the Relentless Hells. 8:168

"You need not enter Nirvana yet. Although you are completing your attainment to the level beyond learning, hold nonetheless to your vows to enter the Dharma-ending Age. Bring forth great compassion to rescue and take across living beings who have proper minds and deep faith. Do not let them become possessed by demons. Help them instead to attain proper knowledge and views. I have already rescued you from birth and death. By venerating the Buddha's words, you will be repaying the Buddha's kindness. 8:168

"Ananda, all ten of these states may occur in dhyana as one's mental effort interacts with the thinking skandha. 8:170

"Dull and confused living beings do not evaluate themselves. Encountering such situations, in their confusion they fail to recognize them and say that they have become sages, thereby uttering a great lie. They will fall into the Relentless Hells. 8:171

"In the Dharma-ending Age, after my Nirvana, all of you should pass on the

Tathagata's teachings, so that all living beings can awaken to their meaning. Do not let the demons of the heavens have their way. Offer protection so that all can realize the unsurpassed Way. 8:172

”Ananda, when the good person who is cultivating samadhi has put an end to the thinking skandha, he is ordinarily free of dreaming and idle thinking, so he stays the same whether in wakefulness or in sleep. His mind is aware, clear, empty, and still, like a cloudless sky, devoid of any coarse sense-impressions. He contemplates everything in the world - the mountains, the rivers, and the earth - as reflections in a mirror, appearing without attachment and vanishing without any trace; they are simply received and reflected. He does away with all his old habits, and only the essential truth remains. 8:174

”From this point on, as the origin of production and destruction is exposed, he will completely see all the twelve categories of living beings in the ten directions. Although he has not fathomed the source of their individual lives, he will see that they share a common basis of life, which appears as a mirage - shimmering and fluctuating - and is the ultimate, pivotal point of the illusory faculties and sense objects. This is the region of the formations skandha. 8:179

”Once the basic nature of this shimmering fluctuation returns to its original clarity, his habits will cease,

like waves subsiding to become clear, calm water. This is the end of the formations skandha. This person will then be able to transcend the turbidity of living beings. Contemplating the cause of the formations skandha, one sees that subtle and hidden false thoughts are its source. 8:180

”Ananda, you should know that when the good person has obtained proper knowledge in his practice of shamatha, his mind is unmoving, clear, and proper, and it cannot be disturbed by the ten kinds of demons from the heavens. He is now able to intently and thoroughly investigate the origin of all categories of beings. As the origin of each category becomes apparent, he can contemplate the source of the subtle, fleeting, and pervasive fluctuation. But if he begins to speculate on that pervasive source, he could fall into error with two theories of the absence of cause. 8:181

”First perhaps this person sees no cause for the origin of life. Why? Since he has completely destroyed the mechanism of production, he can, by means of the eight hundred merits of the eye organ, see all beings in the swirling flow of karma during eighty thousand eons, dying in one place and being reborn in another as they undergo transmigration. But he cannot see beyond eighty thousand eons. 8:182

”Therefore, he concludes that for the last eighty thousand eons living beings in the ten directions of this

and other worlds have come into being without any cause. 8:183

”Because of this speculation, he will lose proper and pervasive knowledge, fall into externalism, and become confused about the Bodhi nature. 8:184

”Second, perhaps this person sees no cause for the end of life. And why? Since he perceives the origin of life, he believes that people are always born as people and birds are always born as birds; that crows have always been black and swans have always been white; that humans and gods have always stood upright and animals have always walked on four legs; that whiteness does not come from being washed and blackness does not come from being dyed; and that there have never been nor will there be any changes for eighty thousand eons. 8:184

”He says, ‘As I now examine to the end of this life, I find the same holds true. In fact, I have never seen Bodhi, so how can there be such a thing as the attainment of Bodhi? You should now realize that there is no cause for the existence of any phenomena.’ 8:188

”Because of this speculation, he will lose proper and pervasive knowledge, fall into externalism, and become confused about the Bodhi nature. 8:190

”This is the first external teaching, which postulates the absence of cause. 8:190

”Ananda, in his practice of samadhi, the good person’s mind is unmoving, clear, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate on its pervasive constancy, he could fall into error with four theories of pervasive permanence. 8:190

”First, as this person thoroughly investigates the mind and its states, he may conclude that both are causeless. Through his cultivation, he knows that in twenty thousand eons, as beings in the ten directions undergo endless rounds of birth and death, they are never annihilated. Therefore, he speculates that the mind and its states are permanent. 8:191

”Second, as this person thoroughly investigates the source of the four elements, he may conclude that they are permanent in nature. Through his cultivation, he knows that in forty thousand eons, as living beings in the ten directions undergo births and deaths, their substances exist permanently and are never annihilated. Therefore, he speculates that this situation is permanent. 8:192

”Third, as this person thoroughly investigates the sixth sense faculty,

the manas, and the consciousness that grasps and receives, he concludes that the origin of mind, intellect, and consciousness is permanent. Through his cultivation, he knows that in eighty thousand eons, as all living beings in the ten directions revolve in transmigration, this origin is never destroyed and exists permanently. Investigating this undestroyed origin, he speculates that it is permanent. 8:193

”Fourth, since this person has ended the source of thoughts, there is no more reason for them to arise. In the state of flowing, halting, and turning, the thinking mind - which was the cause of production and destruction - has now ceased forever, and so he naturally thinks that this is a state of non-production and non-destruction. As a result of such reasoning, he speculates that this state is permanent. 8:194

”Because of these speculations of permanence, he will lose proper and pervasive knowledge, fall into externalism, and become confused about the Bodhi nature. This is the second external teaching, which postulates pervasive permanence. 8:194

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But

if he begins to speculate about self and others, he could fall into error with theories of partial impermanence and partial permanence based on four distorted views. 8:195

”First, as this person contemplates the wonderfully bright mind pervading the ten directions, he concludes that this state of profound stillness is the ultimate spiritual self. Then he speculates, ‘My spiritual self, which is settled, bright and unmoving, pervades the ten directions. All living beings are within my mind, and there they are born and die by themselves. Therefore, my mind is permanent while those who undergo birth and death there are truly impermanent.’ 8:196

”Second, instead of contemplating his own mind, this person contemplates in the ten directions worlds as many as the Ganges’ sands. He regards as ultimately impermanent those worlds that are in eons of decay, and as ultimately permanent those that are not in eons of decay. 8:197

”Third, this person closely examines his own mind and finds it to be subtle and mysterious, like fine motes of dust swirling in the ten directions, unchanging in nature. And yet it can cause his body to be born and then to die. He regards that indestructible nature as his permanent intrinsic nature, and that which undergoes birth and death and flows forth from him as impermanent. 8:197

”Fourth, knowing that the skandha of thinking has ended and seeing the flowing of the skandha of formations, this person speculates that the continuous flow of the skandha of formations is permanent, and that the skandhas of form, feeling, and thinking which have already ended are impermanent. 8:198

”Because of these speculations of impermanence and permanence, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the third external teaching, which postulates partial permanence. 8:199

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate about the making of certain distinctions, he could fall into error with four theories of finiteness. 8:199

”First, this person speculates that the origin of life flows and functions ceaselessly. He judges that the past and the future are finite and that the continuity of the mind is infinite. 8:200

”Second, as this person contemplates an interval of eighty thousand eons, he can see living beings; but earlier than eighty thousand eons is a time of

stillness in which he cannot hear or see anything. He regards as infinite that time in which nothing is heard or seen, and as finite that interval in which living beings are seen to exist. 8:202

”Third, this person speculates that his own pervasive knowledge is infinite and that all other people appear within his awareness. And yet, since he himself has never perceived the nature of their awareness, he says they have not obtained an infinite mind, but have only a finite one. 8:203

”Fourth, this person thoroughly investigates the formations skandha to the point that it becomes empty. Based on what he sees, in his mind he speculates that each and every living being, in its given body, is half living and half dead. From this he concludes that everything in the world is half finite and half infinite. 8:204

”Because of these speculations about the finite and the infinite, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the fourth external teaching, which postulates finiteness. 8:204

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate on what he

knows and sees, he could fall into error with four distorted, false theories, which are total speculation based on the sophistry of immortality. 8:205

”First, this person contemplates the source of transformations. Seeing the movement and flow, he says there is change. Seeing the continuity, he says there is constancy. Where he can perceive something, he says there is production. Where he cannot perceive anything, he says there is destruction. He says that the unbroken continuity of causes is increasing and that the pauses within the continuity are decreasing. He says that the arising of all things is existence and that the perishing of all things is nonexistence. The light of reason shows that his application of mind has led to inconsistent views. If someone comes to seek the Dharma, asking about its meaning, he replies, ‘I am both alive and dead, both existent and non-existent, both increasing and decreasing.’ He always speaks in a confusing way, causing that person to forget what he was going to say. 8:208

”Second, this person attentively contemplates his mind and finds that everything is non-existent. He has a realization based on nonexistence. When anyone comes to ask him questions, he replies with only one word. He only says ‘No.’ Aside from saying ‘no,’ he does not speak. 8:210

”Third, this person attentively contemplates his mind and finds that

everything is existent. He has a realization based on existence. When anyone comes to ask him questions, he replies with only one word. He only says ‘Yes.’ Aside from saying ‘yes,’ he does not speak. 8:211

”Fourth, this person perceives both existence and nonexistence. Experiencing this branching, his mind becomes confused. When anyone comes to ask questions, he tells them, ‘Existence is also nonexistence. But within nonexistence there is no existence.’ It is all sophistry and does not stand up under scrutiny. 8:213

”Because of these speculations, which are empty sophistries, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the fifth external teaching, which postulates four distorted, false theories that are total speculation based on the sophistry of immortality. 8:214

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate on the endless flow, he could fall into error with the confused idea that forms exist after death. 8:217

”He may strongly identify with his body and say that form is himself; or

he may see himself as perfectly encompassing all worlds and say that he contains form; or he may perceive all external conditions as contingent upon himself and say that form belongs to him; or he may decide that he relies on the continuity of the formations skandha and say that he is within form. 8:218

”In all of these speculations, he says that forms exist after death. Expanding the idea, he comes up with sixteen cases of the existence of forms. 8:218

”Then he may speculate that afflictions are always afflictions, and Bodhi is always Bodhi, and the two exist side by side without contradicting each other. 8:219

”Because of these speculations about what exists after death, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the sixth external teaching, which postulates confused theories of the existence of forms after death in the realm of the five skandhas. 8:220

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper, and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate on the skandhas of form, feeling, and thinking, which have already ended, he could fall into error with the

confused idea that forms do not exist after death. 8:220

”Seeing that his form is gone, his physical shape seems to lack a cause. As he contemplates the absence of thought, there is nothing to which his mind can become attached. Knowing that his feelings are gone, he has no further involvements. Those skandhas have vanished. Although there is still some coming into being, there is no feeling or thought, and he concludes that he is like grass or wood. 8:221

”Since those qualities do not exist at present how can there be any existence of forms after death? Because of his examinations and comparisons, he decides that after death there is no existence. Expanding the idea, he comes up with eight cases of the nonexistence of forms. 8:222

”From that, he may speculate that Nirvana and cause and effect are all empty, that they are mere names and ultimately do not exist. 8:223

”Because of those speculations that forms do not exist after death, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the seventh external teaching, which postulates confused theories of the nonexistence of forms after death in the realm of the five skandhas. 8:223

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm,

unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. In this state where the skandha of formations remains, but the skandhas of feeling and thinking are gone, if he begins to speculate that there is both existence and nonexistence, thus contradicting himself, he could fall into error with confused theories that deny both existence and nonexistence after death. 8:224

”Regarding form, feeling, and thinking, he sees that existence is not really existence. Within the flow of the formations skandha, he sees that nonexistence is not really nonexistence. 8:225

”Considering back and forth in this way, he thoroughly investigates the realms of these skandhas and derives an eightfold negation of forms. No matter which skandha is mentioned, he says that after death, it neither exists nor does not exist. 8:225

”Further, because he speculates that all formations are changing in nature, an ‘insight’ flashes through his mind, leading him to deny both existence and nonexistence. He cannot determine what is unreal and what is real. 8:226

”Because of these speculations that deny both existence and nonexistence after death, the future is murky to him and he cannot say anything about

it. Therefore, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature. This is the eighth external teaching, which postulates confused theories that deny both existence and nonexistence after death in the realm of the five skandhas. 8:227

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate that there is no existence after death, he could fall into error with seven theories of the cessation of existence. 8:227

”He may speculate that the body will cease to exist or that when desire has ended, there is cessation of existence; or that after suffering has ended, there is cessation of existence; or that when bliss reaches an ultimate point, there is cessation of existence; or that when renunciation reaches an ultimate point there is cessation of existence. 8:228

”Considering back and forth in this way, he exhaustively investigates the limits of the seven states and sees that they have already ceased to be and will not exist again. 8:231

”Because of these speculations that existence ceases after death, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature.

This is the ninth external teaching, which postulates confused theories of the cessation of existence after death in the realm of the five skandhas.

8:231

”Further, in his practice of samadhi, the good person’s mind is firm, unmoving, and proper and can no longer be disturbed by demons. He can thoroughly investigate the origin of all categories of beings and contemplate the source of the subtle, fleeting, and constant fluctuation. But if he begins to speculate on existence after death, he could fall into error with five theories of Nirvana. 8:232

”He may consider the heavens of the Desire Realm a true refuge, because he contemplates their extensive brightness and longs for it; or he may take refuge in the First Dhyana, because there his nature is free from worry; or he may take refuge in the Second Dhyana, because there his mind is free from suffering; or he may take refuge in the Third Dhyana, because he delights in its extreme joy; or he may take refuge in the Fourth Dhyana, reasoning that suffering and bliss are both ended there and that he will no longer undergo transmigration. 8:232

”These heavens are subject to outflows, but in his confusion he thinks that they are unconditioned; and he takes these five states of tranquility to be refuges of supreme purity. Considering back and forth in this way, he decides that these five states are ultimate. 8:234

”Because of these speculations about five kinds of immediate Nirvana, he will fall into externalism and become confused about the Bodhi nature.

This is the tenth external teaching, which postulates confused theories of five kinds of immediate Nirvana in the realm of the five skandhas. 8:234

”Ananda, all ten of these crazy explanations may occur in dhyana as one’s mental effort interacts with the formations skandha. That is why these ‘insights’ appear. 8:235

”Dull and confused living beings do not evaluate themselves.

Encountering such situations, they mistake their confusion for understanding and say that they have become sages, thereby uttering a great lie. They will fall into the Relentless Hells. 8:235

”After my Nirvana, all of you should pass on the Tathagata’s teachings, transmitting and revealing them to those in the Dharma-ending Age, so that living beings everywhere can awaken to these truths. Do not let demons arise in their minds and cause them to commit grave offenses. Offer protection so that wrong views will be eradicated. 8:236

”Teach them to awaken to true principles in body and mind, so that they do not stray off the Unsurpassed Path. Do not let them aspire to and be content with small attainments. You should become kings of great

enlightenment and serve as guides of purity. 8:236

”Ananda, when that good person, in cultivating samadhi, has put an end to the formations skandha, the subtle, fleeting fluctuations - the deep, imperceptible, pivotal source and the common foundation from which all life in the world springs - are suddenly obliterated. In the submerged network of the retributive karma of the pudgala, the karmic resonances are interrupted. 8:238

”There is about to be a great illumination in the sky of Nirvana. It is like gazing east at the cock’s final crow to see the light of dawn. The six sense faculties are empty and still; there is no further racing about. Inside and outside there is a profound brightness. He enters without entering. Fathoming the source of life of the twelve categories of beings throughout the ten directions, he can contemplate that source without being drawn into any of the categories. He has become identical with the realms of the ten directions. The light does not fade, and what was hidden before is now revealed. This is the region of the consciousness skandha. 8:239

”If he has become identical with the beckoning masses, he may obliterate the individuality of the six gates and succeed in uniting and opening them. Seeing and hearing become linked so that they function interchangeably and purely. The worlds of the ten directions and his own body and

mind are as bright and transparent as Vaidurya. This is the end of the consciousness skandha. This person can then transcend the turbidity of life spans. Contemplating the cause of the consciousness skandha, one sees that the negation of existence and the negation of nonexistence are both unreal, and that upside-down false thoughts are its source. 8:241

”Ananda, you should know that the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty, and he must return consciousness to the source. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:242

”He can cause the individual sense faculties of his body to unite and open. He also has a pervasive awareness of all the categories of beings in the ten directions. Since his awareness is pervasive, he can enter the perfect source. But if he regards what he is returning to as the cause of true permanence and interprets this as a supreme state, he will fall into the error of holding to that cause. Kapila the Sankhyan, with his theory of returning to the Truth of the Unmanifest, will become his companion. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:243

”This is the first state, in which he concludes that there is a place to which to return, based on the idea that there is something to attain. He

strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds of externalism. 8:246

”Further, Ananda, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:246

”He may regard that to which he is returning as his own body and may see all beings in the twelve categories throughout space as flowing forth from his body. If he interprets this as a supreme state, he will fall into the error of maintaining that he has an ability which he does not really have. Maheshvara, who manifests his boundless body, will become his companion. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:247

”This is the second state, in which he draws conclusions about the workings of an ability based on idea that he has such an ability. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds for being born in the Heaven of Great Pride where the self is considered all-pervading and perfect. 8:249

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he

has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:250

”If he regards what he is returning to as a refuge, he will suspect that his body and mind come forth from there, and that all things throughout space in the ten directions arise from there as well. He will explain that place from which all things issue forth is the truly permanent body, which is not subject to production and destruction. While still within production and destruction, he prematurely reckons that he abides in permanence. Since he is deluded about non-production, he is also confused about production and destruction. He is sunk in confusion. If he interprets this as a supreme state, he will fall into the error of taking what is not permanent to be permanent. He will speculate that the Sovereign God (Ishvaradeva) is his companion. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:250

”This is the third state, in which he makes a false speculation based on the idea that there is a refuge. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana thus sowing the seeds of an distorted view of perfection. 8:252

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:252

”Based on his idea that there is universal awareness, he formulates a theory that all the plants in the ten directions are sentient, not different from human beings. He claims that plants can become people, and that when people die they again become plants in the ten directions. If he considers this idea of unrestricted, universal awareness to be supreme, he will fall into the error of maintaining that what is not aware has awareness. Vasishtha and Sainika, who maintained the idea of comprehensive awareness, will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:253

”This is the fourth state, in which he draws an erroneous conclusion based on the idea that there is a universal awareness. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds of a distorted view of awareness. 8:254

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:255

”If he has attained versatility in the perfect fusion and interchangeable functioning of the sense faculties, he may speculate that all things arise from these perfect transformations. He then seeks the light of fire,

delights in the purity of water, loves the wind’s circuitous flow, and contemplates the accomplishments of the earth. He reveres and serves them all. He takes these mundane elements to be a fundamental cause and considers them to be everlasting. He will then fall into the error of taking what is not production to be production. Kashyapa and the Brahmans who seek to transcend birth and death by diligently serving fire and worshipping water will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:256

”This is the fifth state, in which he confusedly pursues the elements, setting up a false cause that leads to false aspirations based on speculations about his attachment to worship. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds of a distorted view of transformation. 8:258

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:258

”He may speculate that there is an emptiness within the perfect brightness, and based on that he denies the myriad transformations, taking their eternal cessation as his refuge. If he interprets this as a supreme state, he will fall into the

error of taking what is not a refuge to be a refuge. Those abiding in the shunyata of the Heaven of [Neither Thought nor] Non-Thought will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:259

”This is the sixth state, in which he realizes a state of voidness based on the idea of emptiness within the perfect brightness. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds of annihilationism. 8:260

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:260

”In the state of what seems to be perfect permanence, he may bolster his body, hoping to live for a long time in that subtle and perfect condition without dying. If he interprets this as a supreme state, he will fall into the error of being greedy for something unattainable. Asita and those who seek long life will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:261

”This is the seventh state, in which he sets up the false cause of bolstering and aspires to permanent worldly existence, based on his attachment to the life-source. He strays far from

perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds for false thoughts of lengthening life. 8:262

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:262

”As he contemplates the interconnection of all lives, he wants to hang on to worldly enjoyments and is afraid they will come to an end. Caught up in this thought, he will, by the power of transformation, seat himself in a lotus flower palace, conjure up an abundance of the seven precious things, increase his retinue of beautiful women, and indulge his mind. If he interprets this as a supreme state, he will fall into the error of taking what is not the truth to be the truth. Vignakara will become his companion. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:263

”This is the eighth state, in which he decides to indulge in worldly enjoyments, based on his wrong thinking. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds for becoming a demon of the heavens. 8:264

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended

production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:264

”In his understanding of life, he distinguishes the subtle and the coarse and determines the true and the false. But he only seeks a response in the mutual repayment of cause and effect, and he turns his back on the Way of Purity. In the practice of seeing suffering, eliminating accumulation, realizing cessation, and cultivating the Way, he dwells in cessation and stops there, making no further progress. If he interprets this as a supreme state, he will fall and become a fixed-nature Hearer. Unlearned Sanghans and those of overweening pride will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:265

”This is the ninth state, in which he aspires toward the fruition of cessation, based on perfecting the mind that seeks responses. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds for becoming enmeshed in emptiness. 8:266

”Further, the good person has thoroughly seen the formations skandha as empty. He has ended production and destruction, but he has not yet perfected the subtle wonder of ultimate serenity. 8:267

”In that perfectly fused, pure, bright enlightenment, as he investigates the

profound wonder, he may take it to be Nirvana and fail to make further progress. If he interprets this as a supreme state, he will fall and become a fixed-nature Pratyeka. Those Enlightened by Conditions and Solitarily Enlightened Ones who do not turn their minds to the Great Vehicle will become his companions. Confused about the Bodhi of the Buddhas, he will lose his knowledge and understanding. 8:267

”This is the tenth state, in which he realizes a profound brightness based on fusing the mind with perfect enlightenment. He strays far from perfect penetration and turns his back on the City of Nirvana, thus sowing the seeds for being unable to surpass his attachment to the brightness of perfect enlightenment. 8:268

”Ananda, these ten states of dhyana are due to crazy explanations on the path of cultivation. Relying on them, the cultivator becomes confused and claims to have attained complete realization before actually having done so. All these states are the result of interactions between the consciousness skandha and his mental efforts. 8:269

”Dull and confused living beings do not evaluate themselves. Encountering such situations, their minds are confused by their individual likings and past habits, so they stop to rest in what they take to be the ultimate refuge. They claim to have perfected unsurpassed Bodhi, thus uttering a great lie. After their

karmic retribution as externalists and deviant demons comes to an end, they will fall into the Relentless Hells. The Hearers and Those Enlightened by Conditions cannot make further progress. 8:273

All of you should cherish the resolve to sustain the Way of the Tathagata. After my Nirvana, transmit this Dharma-door to those in the Dharma-ending Age, universally causing living beings to awaken to its meaning. Do not let the demons of views cause them to create their own grave offenses and fall. Protect, comfort, and compassionately rescue them and dispel evil conditions. Enable them to enter the Buddhas' knowledge and understanding with body and mind so that from the beginning to the final accomplishment they never go astray. 8:275

"It is by relying on this Dharma-door that the Tathagatas of the past, as many as fine motes of dust in eons as many as the Ganges' sands, have enlightened their minds and attained the Unsurpassed Way. 8:277

"When the consciousness skandha ends, your present sense faculties will function interchangeably. Within that interchangeable functioning, you will be able to enter the Bodhisattvas' Vajra Dry Wisdom. In your perfect, bright, pure mind, there will be a transformation. 8:278

"It will be like pure Vaidurya that contains a precious moon, and in that way you will transcend the Ten Faiths, the Ten Dwellings, the Ten Practices, the Ten Transferences, the Four Additional Practices, the Vajra-like Ten Grounds of a Bodhisattva's practice, and the perfect brightness of Equal Enlightenment. 8:279

"You will enter the Tathagata's sea of wondrous adornments, perfect the cultivation of Bodhi, and return to the state of non-attainment. 8:279

"These are subtle demonic states that all Buddhas, World Honored Ones, of the past, discerned with their enlightened clarity while in the state of shamatha and vipashyana. 8:280

"If you can recognize a demonic state when it appears and wash away the filth in your mind, you will not develop wrong views. 8:282

"The demons of the skandhas will melt away, and the demons from the heavens will be destroyed. The mighty ghosts and spirits will lose their wits and flee. And the li, mei, and wang liang will not dare to show themselves again. 8:283

"You will directly arrive at Bodhi without the slightest weariness, progressing from lower positions to Great Nirvana without becoming confused or discouraged. 8:283

"If there are beings in the Dharma-ending Age who delight in cultivating samadhi, but who are stupid and dull,

who fail to recognize the importance of dhyana, or who have not heard the Dharma spoken, you should be concerned lest they get caught up in deviant ways. You should single-mindedly exhort them to uphold the Dharani Mantra of the Buddha's Summit. If they cannot recite it from memory, they should have it written out and place it in the meditation hall or wear it on their person. Then none of the demons will be able to disturb them. 8:284

"You should revere this final paradigm of ultimate cultivation and progress of the Tathagatas of the ten directions." 8:286

Ananda then arose from his seat. Having heard the Buddha's instruction, he bowed and respectfully upheld it, remembering every word and forgetting none. Then once more in the great assembly he spoke to the Buddha, "The Buddha has told us that in the manifestation of the five skandhas, there are five kinds of falseness that come from our own thinking minds. We have never before been blessed with such subtle and wonderful instructions as the Tathagata has now given. 8:287

"Further, are these five skandhas destroyed all at the same time, or are they extinguished in sequence? What are the boundaries of these five layers? 8:289

"We only hope the Tathagata, out of great compassion, will explain this in order to purify the eyes and

illuminate the minds of those in the great assembly, and in order to serve as eyes for living beings of the future." 8:289

The Buddha told Ananda, "The essential, true, wonderful brightness and perfect purity of basic enlightenment does not admit birth and death, nor any mundane defilements, nor even empty space itself. All these are brought forth because of false thinking. 8:290

"The source of basic enlightenment, which is wonderfully bright, true, and pure, falsely gives rise to the material world, just as Yajnadatta became confused about his head when he saw his own reflection. 8:292

"The falseness basically has no cause, but in your false thinking, you set up causes and conditions. But those who are confused about the principle of causes and conditions call it spontaneity. Even empty space is an illusory creation; how much the more so are causes and conditions and spontaneity, which are mere speculations made by the false minds of living beings. 8:295

"Ananda, if you perceive the arising of falseness, you can speak of the causes and conditions of that falseness. But if the falseness has no source, you will have to say that the causes and conditions of that falseness basically have no source. How much the more is this the case for those who fail to understand this and advocate spontaneity. 8:297

”Therefore, the Tathagata has explained to you that the fundamental cause of all five skandhas is false thinking. 8:298

”Your body’s initial cause was a thought on the part of your parents. But if you had not entertained any thought in your own mind, you would not have been born. Life is perpetuated by means of thought. 8:300

”As I have said before, when you call to mind the taste of vinegar, your mouth waters. When you think of walking along a precipice, the soles of your feet tingle. Since the precipice doesn’t exist and there isn’t any vinegar, how could your mouth water at the mere mention of vinegar, if it were not the case that your body originated from falseness? 8:301

”Therefore, you should know that your present physical body is brought about by the first kind of false thinking, which is characterized by solidity. 8:303

”As described earlier, merely thinking about a high place can cause your body to tingle and ache. 8:303

”Due to that cause, feelings arise and affect your body, so that at present you pursue pleasant feelings and are repelled by unpleasant feelings. These two kinds of feelings that compel you are brought about by the second kind of false thinking, which

is characterized by illusory clarity. 8:305

”Once your thoughts arise, they can control your body. Since your body is not the same as your thoughts, why is it that your body follows your thoughts and engages in every sort of grasping at objects? A thought arises, and the body grasps at things in response to the thought. 8:305

”When you are awake, your mind thinks. When you are asleep, you dream. Thus your thinking is stirred to perceive false situations. This is the third kind of false thinking, which is characterized by interconnectedness. 8:307

”The metabolic processes never stop; they progress through subtle changes: your nails and hair grow, your energy wanes, and your skin becomes wrinkled. These processes continue day and night, and yet you never wake up to them. 8:308

”If these things aren’t part of you, Ananda, then why does your body keep changing? And if they are really part of you, then why aren’t you aware of them? 8:309

”Your formations skandha continues in thought after thought without cease. It is the fourth kind of false thinking, which is subtle and hidden. 8:310

”Finally, if your pure, bright, clear, and unmoving state is permanent, then there should be no seeing,

hearing, awareness, or knowing in your body. If it is genuinely pure and true, it should not contain habits or falseness. 8:310

”How does it happen, then, that having seen some unusual thing in the past, you eventually forget it over time, until neither memory nor forgetfulness of it remain; but then later, upon suddenly seeing that unusual thing again, you remember it clearly from before without forgetting a single detail? How can you keep track of the permeation that goes on in thought after thought in this pure, clear, and unmoving consciousness? 8:311

”Ananda, you should know that this state of clarity is not real. It is like rapidly flowing water that appears to be still on the surface. Due to its speed you cannot perceive the flow, but that does not mean it is not flowing. If this were not the source of thinking, then how could one be subject to false habits? 8:312

”If you do not open and unite your six sense faculties so that they function interchangeably, this false thinking will never cease. 8:313

”That’s why your seeing, hearing, awareness, and knowing are presently strung together by subtle habits, so that within the profound clarity, existence and nonexistence are both unreal. This is the fifth kind of upside-down, minutely subtle thinking. 8:313

”Ananda, these five skandhas of reception develop with five kinds of false thinking. 8:314

”You also wanted to know the depth and scope of each realm. Form and emptiness are the boundaries of form. Contact and separation are the boundaries of feeling. Remembering and forgetting are the boundaries of thinking. Destruction and production are the boundaries of formations. Deep purity entering to unite with deep purity belongs to the boundaries of consciousness. 8:314

”At their source, these five skandhas arise in layers. Their arising is due to consciousness, while their cessation begins with the elimination of form. 8:315

”You may have a sudden awakening to the principle, at which point they all simultaneously vanish. But in terms of the specifics, they are eliminated not all at once, but in sequence. 8:315

”I have already shown you the knots tied in the Karpasa cloth. What is it that you do not understand, that causes you to ask about it again? 8:317

”You should gain a thorough understanding of the origin of this false thinking and then transmit your understanding to cultivators in the future Dharma-ending Age. Let them recognize this falseness and naturally give rise to deep disdain for it. Let them know of Nirvana so that they

will not linger in the Triple Realm.
8:317

”Ananda, suppose someone were to fill up all the space in the ten directions with the seven precious things and then present them as an offering to Buddhas as numerous as motes of dust, with his mind set on serving and making offerings to them in thought after thought. Do you think this person would reap many blessings from making such an offering to the Buddhas?” 8:320

Ananda answered, “Since space is limitless, the precious things would be boundless. In the past, someone gave the Buddha seven coins and consequently was reborn as a Wheel-turning King in his next life. As to this person who now fills up all of space and all the Buddhalands with an offering of precious things that could not be reckoned through endless eons, how could there be a limit to his blessings?” 8:321

The Buddha told Ananda, “All Buddhas, Tathagatas, speak words which are not false. There might be another person who had personally committed the four major offenses and the ten parajikas so that, in an instant he would have to pass through the Avichi Hells in this world and other worlds, until he had passed through all the Relentless Hells in the ten directions without exception.
8:322

”And yet if he could explain this Dharma-door for just the space of a thought to those in the Dharma-ending Age who have not yet studied it, his obstacles from offenses would be eradicated in response to that thought, and all the hells where he was to undergo suffering would become lands of peace and bliss.
8:322

”The blessings he would obtain would surpass those of the person previously mentioned by hundreds of thousands of millions of billions of times, indeed by so many times that no calculations or analogies could express it. 8:323

”Ananda, if living beings are able to recite this Sutra and uphold this mantra, I could not describe in endless eons how great the benefits will be. Rely on the teaching I have spoken. Cultivate in accord with it, and you will directly realize Bodhi without encountering demonic karma.” 8:324

When the Buddha finished speaking this Sutra, the Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas, and all the gods, humans, and asuras in this world, as well as all the Bodhisattvas, those of the Two Vehicles, sages, immortals, and pure youths in other directions, and the mighty ghosts and spirits of initial resolve all felt elated, made obeisance, and withdrew. 8:327

^^*^*^*^*

般若波羅蜜多心經

觀自在菩薩。行深般若波羅蜜多時。照見五蘊皆空。度一切苦厄。舍利子。色不異空。空不異色。色即是空。空即是色。受想行識。亦復如是。舍利子。是諸法空相。不生不滅。不垢不淨。不增不減。是故空中無色。無受想行識。無眼耳鼻舌身意。無色聲香味觸法。無眼界。乃至無意識界。無無明。亦無無明盡。乃至無老死。亦無老死盡。無苦集滅道。無智亦無得。以無所得故。菩提薩埵。依般若波羅蜜多故。心無罣礙。無罣礙故。無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。三世諸佛。依般若波羅蜜多故。得阿耨多羅三藐三菩提。故知般若波羅蜜多。是大神咒。是大明咒。是無上咒。是無等等咒。能除一切苦。真實不虛。故說般若波羅蜜多咒。即說咒曰。

揭諦揭諦 波羅揭諦 波羅僧揭諦 菩提薩婆訶

आर्यावलोकितेश्वरो बोधिसत्त्वो गंभीरायां प्रज्ञापारमितायां चर्यां चरमाणो
व्यवलोकयति स्म । पंचस्कन्धाः । तांश्च स्वभावशून्यान्पश्यति स्म ।
इह शारिपुत्र रूपं शून्यता शून्यतैव रूपं रूपान्न पृथक्शून्यता शून्यताया
न पृथग्रूपं यद्रूपं सा शून्यता या शून्यता तद्रूपं । एवमेव
वेदनासंज्ञासंस्कारविज्ञानानि । इह शारिपुत्र सर्वधर्माः शून्यतालक्षणा
अनुत्पन्ना अनिरुद्धा अमला न विमला नोना न परिपूर्णाः ।
तस्माच्छारिपुत्र शून्यतायां न रूपं न वेदना न संज्ञा न संस्कारा न
विज्ञानानि । न चक्षुःश्रोत्रघ्राणजिह्वाकायमनांसी । न
रूपशब्दगंधरसस्प्रष्टव्यधर्माः । न चक्षुर्धातुर्यावन्न मनोविज्ञानधातुः । न
विद्या नाविद्या न विद्याक्षयो नाविद्याक्षयो यावन्न जरामरणं न
जरामरणक्षयो न दुःखसमुदयनिरोधमार्गा न ज्ञानं न प्राप्तिः ॥

तस्मादप्राप्तित्वाद्बोधिसत्त्वाणां प्रज्ञापारमितामाश्रित्य विहरत्यचित्तावरणः ।
चित्तावरणनास्तित्वाद्ब्रह्मस्तो विपर्यासातिक्रान्तो निष्ठनिर्वाणः ॥
त्र्यध्वव्यवस्थिताः सर्वबुद्धाः प्रज्ञापारमितामाश्रित्यानुत्तरां
सम्यक्सम्बोधिमभिसंबुद्धाः ॥ तस्माज्ज्ञातव्यं प्रज्ञापारमिता महामन्त्रो
महाविद्यामन्त्रो ऽनुत्तरमन्त्रो ऽसमसममन्त्रः सर्वदुःखप्रशमनः ।
सत्यममिथ्यत्वात् । प्रज्ञापारमितायामुक्तो मन्त्रः । तद्यथा गते गते
पारगते पारसंगते बोधि स्वाहा ॥ इति प्रज्ञापारमिताहृदयं समाप्तम्

梵音羅馬字

atha prajñāpāramitāhṛdayasūtram | namaḥ sarvajñāya |
āryavalokiteśvaro bodhisattvo gaṃbhīrāyāṃ prajñāpāramitāyāṃ
caryāṃ caramāṇo vyavalokayati sma | paṃcaskandhāḥ | tāṃś ca
svabhāvaśūnyān paśyati sma | iha śāriputra rūpaṃ śūnyatā śūnyataiva
rūpaṃ rūpān na pṛthak śūnyatā śūnyatāyā na pṛthag rūpaṃ yad rūpaṃ
sā śūnyatā yā śūnyatā tad rūpaṃ | evam eva
vedanāsaṃjñāsaṃskāravijñānāni | iha śāriputra sarvadharmāḥ
śūnyatālakṣaṇā anutpannā aniruddhā amalā na vimalā nonā na
paripūrṇāḥ | tasmāc chāriputra śūnyatāyāṃ na rūpaṃ na vedanā na
saṃjñā na saṃskārā na vijñānāni | na
cakṣuḥśrotraghrāṇajihvākāyamanāṃsī | na
rūpaśabdagaṃdharasaspraṣṭavyadharmāḥ | na cakṣurdhātur yāvan na
manovijñānadhātuḥ | na vidyā nāvidyā na vidyākṣayo nāvidyākṣayo
yāvan na jarāmarāṇaṃ na jarāmarāṇakṣayo na
duḥkhasamudayanīrodhamārgā na jñānaṃ na prāptiḥ | tasmād
aprāptitvād bodhisattvāṇāṃ prajñāpāramitām āśritya viharaty
acittāvaraṇaḥ | cittāvaraṇanāstitvād atrasto viparyāsātikrānto
niṣṭhanirvāṇaḥ | tryadhvavyavasthitāḥ sarvabuddhāḥ prajñāpāramitām
āśrityānuttarāṃ samyaksambodhim abhisambuddhāḥ | tasmāj
jñātavyaṃ prajñāpāramitā mahāmantra mahavidyāmantra
'nuttaramantra 'samamamantraḥ sarvaduḥkhaḥpraśamaṇaḥ | satyam
amithyatvāt | prajñāpāramitāyāṃ ukto mantraḥ | tadyathā gate gate
pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā | iti prajñāpāramitāhṛdayaṃ
samāptam

观自在菩萨，行深般若波罗蜜多时。照见五蕴皆空，度一切苦厄。舍利子，色不异空，空不异色，色即是空，空即是色，受想行识，亦复如是。舍利子，是诸法空相，不生不灭，不垢不净，不增不减。是故空中无色，无受想行识，无眼耳鼻舌身意，无色声香味触法，无眼界，乃至无意识界。无无明，亦无无明尽，乃至无老死，亦无老死尽。无苦集灭道，无智亦无得。以无所得故，菩提萨埵，依般若波罗蜜多故，心无罣碍，无罣碍故，无有恐怖，远离顛倒梦想，究竟涅槃。三世诸佛，依般若波罗蜜多故，得阿耨多罗三藐三菩提。故知般若波罗蜜多，是大神咒，是大明咒，是无上咒，是无等等咒，能除一切苦，真实不虚。故说般若波罗蜜多咒，即说咒曰：揭谛揭谛，波罗揭谛，波罗僧揭谛，菩提萨婆诃。

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA - Bản Hán-Việt:

Quán-Tự-Tại Bồ-Tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

"Xá-Lợi-Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thụ, tướng, hành, thức diệt phục như thị.

Xá-Lợi-Tử! thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức.

Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp;

vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly nhất thiết điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn.

Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thực bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú. Tức thuyết chú viết:

Yết-đế, yết-đế, Ba-la yết-đế. Ba-la-tăng yết-đế Bồ-đề tát-bà-ha."

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại quán sâu Bát Nhã,
Ngài thấy rằng tất cả là không.
Năm uẩn cũng thể một giòng,
Là Không nên vượt khỏi vòng khổ đau.
Xá Lợi Tử! Pháp sâu tin chắc,
Sắc là Không, Không Sắc chẳng hai.
Này Xá Lợi Tử! nghe đây :
Bốn nguyên các pháp xưa rầy tướng không
Vì không tướng nên không sanh diệt,
Cũng chẳng tăng, chẳng thiệt mảy nào!
Chẳng nhớ, chẳng sạch tơ hào!
Ở trong Không đó, pháp nào cũng không
Đã Không Sắc lại không cả Thọ,
Tướng, Thức, Hành lại có hay sao ?
Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi thật đâu !
Không Thân, không Ý, Dễ dầu Thức sanh
Cũng chẳng có Sắc, Thanh, Hương, Vị,
Xúc, Pháp kia cũng chỉ giả thôi !
Nhãn giới đã chẳng có rồi,
Đến Ý thức giới, than ôi có gì !
Vô minh đó là chi chẳng thấy,
Lẽ Nào đâu tận thấy Vô Minh ?
Đến như Lão, Tử chẳng sanh.
Mong Lão, Tử tận, thật tình luống công
Khổ, Tập, Diệt, Đạo đồng không có,
Trí tuệ mong Được, có được chẳng ?
Các hàng Bồ Tát vẫn hằng
Y theo Bát Nhã không ngăn ngại gì.
Không sợ hãi, viễn ly điên đảo,
Xa lìa mộng tưởng, đáo Niết Bàn.

Ba đời chư Phật thường làm,
 Y theo Bát Nhã nhập hàng Thánh Nhân
 Ba la mật thường chân Đẳng Giác,
 Ngồi toà sen Diệu Giác Bồ Đề
 Thế nên chú Bát Nhã kia,
 Là đại thần chú đưa về nguồn chân,
 Là đại minh oai thần vô thượng
 Là chú thần diệt chướng vô song.
 Hay trừ hết thảy Khổ, Không
 Phải nên tin chắc, xoá lòng hoài nghi.
 Nên như vậy tức thì nói chú :
 Yết đế ! yết đế ! ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, ta bà ha! (3
 lần)

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA:

Khi ngài Quán Tự Tại Bồ Tát,
 Thực hành sâu về Bát nhã xong;
 Thấy rằng năm uẩn đều không,
 Vượt qua ách nạn, ngoài vòng khổ đau.

Xá Lợi Tử! Không nào khác Sắc,
 Tự Sắc này, nào khác với Không;
 Không là Sắc, Sắc là Không,
 Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đồng đều Không.

Xá Lợi Tử! Tướng Không các pháp,
 Không giảm, tăng, dơ, sạch, diệt, sanh;
 Nên trong Không đó, Trọn lành,
 Không Sắc, Thọ, Tưởng, Thức, Hành, mảy may.

Không Mũi, Lưỡi, Mắt, Tai, Thân, Ý,

Sắc, Thinh, Hương, Xúc, Vị, Pháp không;
Hoàn toàn Nhãn giới là Không,
Đến Ý thức giới cũng không tướng hình.

Vốn không có Vô minh, Già chết,
Cũng không hết Già chết, Vô minh,
Khổ, Tập, Diệt, Đạo Vô sinh,
Đó là sự thật, tướng hình đều không.

Không có Trí, cũng không có Đắc,
Vì vốn Không sở đắc điều chi;
Khi vì Bồ Tát hành y,
Đối cùng Bát nhã toàn tri thế này!

Tự Tâm chẳng trong, ngoài, chướng, ngại,
Vì vốn không chướng, ngại nơi Tâm;
Nên không sợ hãi, mê lầm,
Xa lìa mộng tưởng, Niết bàn an vui.

Các vị Phật ba đời thế cả,
Đã hành y Bát nhã Ma ha;
Viên thành tựu quả Phật đà,
Tức Vô thượng giác Ngộ qua, hoàn toàn.

Cho nên phải biết rằng Bát nhã,
Thật khó mà diễn tả, nghĩ bàn;
Vốn là loại Chú Đại Thần,
Là Đại Minh Chú, toàn chân, nhiệm màu.

Là Vô thượng Chú, cao tột bậc,
Khổ toàn trừ, chân thật không ngoa;
Nói về Bát nhã Ma ha,

Tức là phải nói rõ ra Chú này:

Ngộ qua, ngộ qua, Ngộ qua bờ kia;
Ngộ qua hoàn toàn, Trọn lành giác ngộ.
<Vọng Tâm chuyên ngữ.>

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH:

Bản dịch nghĩa:

Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại khi thực hành thâm sâu về trí tuệ Bát Nhã Ba la mật, thì soi thấy năm uẩn đều là không, do đó vượt qua mọi khổ đau ách nạn.

Nầy Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc chính là không, không chính là sắc, thọ tướng hành thức cũng đều như thế.

Nầy Xá Lợi Tử, tướng không của các pháp ấy chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Cho nên trong cái không đó, nó không có sắc, không thọ tướng hành thức.

Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý. Không có sắc, thanh, hương vị, xúc pháp. Không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới. Không có vô minh, mà cũng không có hết vô minh. Không có già chết, mà cũng không có hết già chết.

Không có khổ, tập, diệt, đạo.

Không có trí cũng không có đắc, vì không có sở đắc.

Khi vị Bồ Tát nương tựa vào trí tuệ Bát Nhã này thì tâm không còn chướng ngại, vì tâm không chướng ngại nên không còn sợ hãi, xa lìa được cái điên đảo mộng tưởng, đạt cứu cánh Niết Bàn. Các vị Phật ba đời vì nương theo trí tuệ Bát Nhã này mà đắc quả vô thượng, chánh đẳng chánh giác.

Cho nên phải biết rằng Bát nhã Ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú cao cấp nhất, luôn trừ các khổ não, chân thật không hư dối.

Cho nên khi nói đến Bát nhã Ba la mật đa, tức là phải nói câu chú:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

(Qua rồi qua rồi, qua bên kia rồi, tất cả qua bên kia rồi, giác ngộ rồi đó!)

GREAT WISDOM BEYOND WISDOM HEART SUTRA

**The Bodhisattva of Compassion,
when he meditated deeply,
saw the emptiness of all five skandhas
and sundered the bonds that caused him suffering.**

**Here then,
form is no other than emptiness,
emptiness no other than form.**

**Form is only emptiness,
emptiness only form.
Feeling, thought and choice,
consciousness itself,
are the same as this.**

**All things are the primal void,
which is not born or destroyed,
nor is it stained or pure,
nor does it wax or wane.**

**So, in emptiness, no form,
no feeling, thought or choice,
nor is there consciousness.
No eye, ear, nose, tongue, body, mind.
No colour, sound, smell,
taste, touch or what the mind takes hold of,
nor even act of sensing.**

**No ignorance nor all that comes of it,
no withering, no death,
no end of them.**

**Nor is there pain, or cause of pain,
or cease in pain,
or noble path to lead from pain,
nor even wisdom to attain.
Attainment too is emptiness!**

**So know that the Bodhisattva,
holding to nothing whatever
but dwelling in prajna wisdom,
is freed from delusive hindrance,
rid of the fears bred by it,
and reaches clearest Nirvana.**

**All Buddhas of past and present,
Buddhas of future time,
Using this prajna wisdom
Attain full and perfect enlightenment.**

**Hear then the great dharani,
the radiant peerless mantra,
the prajnaparamita
whose words allay all pain,
hear and believe its truth!**

Gate Gate Paragate Parasamgate Bodhi Svaha

^^*^*^*

Bản dịch Pháp ngữ (Trúc Huy, tháng 10-1999):

Le Sutra de l'Esprit de la Grande Vertu de Sagesse

Lorsque le Bodhisattva Avalokitesvara accomplit profondément la grande Vertu de Sagesse, il considéra les cinq agrégats comme vides et traversa ainsi toutes les souffrances et afflictions.

Sariputra, les formes ne sont pas différentes du vide. Le vide n'est pas différent des formes. Les formes ne sont rien d'autre que le vide. Le vide n'est rien d'autre que les formes. Il en est de même des sensations, des perceptions, des formations mentales et de la conscience.

Sariputra, tous ces dharma ont l'aspect du vide. Ils ne naissent ni ne disparaissent. Ils ne sont ni souillés ni purs. Ils ne croissent ni ne décroissent. C'est pourquoi, dans le vide, il n'y a pas de forme, de sensation, de perception, de formation mentale ni de conscience. Il n'y a pas d'oeil, d'oreille, de nez, de langue, de corps ni de mental. Il n'y a pas de couleur, de son, d'odeur, de saveur, de toucher ni d'objet de pensée. Il n'y a pas de domaine du visuel et pour finir pas de domaine de la connaissance mentale. Il n'y a pas d'ignorance et pas plus de cessation de l'ignorance. Pour finir, il n'y a pas de vieillesse ni de mort, et pas plus de cessation de la vieillesse ni de la mort. Il n'y a pas de souffrance, d'origine, de cessation ni de chemin. Il n'y a pas de connaissance ni même d'obtention.

Comme il n'y a rien à obtenir, c'est pourquoi les Bodhisattva s'appuient sur la vertu de sagesse. Leur esprit ne connaît pas d'entrave, ainsi ils n'ont pas de peur. En se libérant des erreurs et des égarements, ils atteignent enfin l'ultime Nirvana. Tous les Bouddhas du passé, du présent et du futur, en s'appuyant sur la vertu de sagesse, ont obtenu le suprême et parfait Éveil.

Aussi professe-t-on la vertu de sagesse. Par un grand mantra miraculeux, par un mantra de grande connaissance, par un mantra insurpassable, par un mantra sans égal. Il supprime toute souffrance, en vérité et sans fausseté.

Voilà donc le mantra qui proclame la grande Vertu de Sagesse.
Ce mantra dit:

Gate, gate, paragate, parasamgate, bodhi svaha!
(Allez, allez, allez au-delà, allez complètement au-delà, sur la rive du Satori!)

(Traduction française: Trúc Huy)

^^*^*^*^*

“Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm”

*Một thường lễ kính chư Phật.
Hai thường xưng tán Như lai.
Ba thường rộng tu cúng dường.
Bốn thường sám hối nghiệp chướng.
Năm thường tùy hỷ công đức.
Sáu thường thỉnh chuyển pháp luân.
Bảy thường thỉnh Phật trụ thế.
Tám thường theo Phật tu học.
Chín thường hằng thuận chúng sanh.
Mười thường đều cùng hồi hướng.*

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

Phổ Hiền thập nguyện gồm:

1. Nhất Ngã Lễ kính chư Phật;
2. Nhị Ngã Xưng tán Như Lai;
3. Tam Ngã Quảng tu cúng dường;
4. Tứ Ngã Sám hối nghiệp chướng;
5. Ngũ Ngã Tùy hỷ công đức;
6. Lục Ngã Thỉnh chuyển pháp luân;

7. Thất Ngã Thỉnh Phật trụ thế;
8. Bát Ngã Thường tùy Phật học;
9. Cửu Ngã Hằng thuận chúng sinh;
10. Thập Ngã Phổ giai hồi hướng.

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát

Phật, khắp đất trời chẳng ai bằng
Mười phương thế giới cũng như thế
Tất cả thế gian con đều thấy
Hết thảy không ai bằng được Phật.

^^*^*^*^*

Phật A-di-đà thân sắc vàng
Tướng tốt sáng ngời chẳng gì bằng
Năm Tu-di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc
Trong hào quang hóa vô số Phật
Vô số Bồ-tát hiện ở trong
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát.

^^*^*^*^*

Ngũ Thường: ngũ là năm, thường là hằng có. Ngũ thường là năm điều phải hằng có trong khi ở đời, gồm: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Nhân: Lòng yêu thương đối với muôn loài vạn vật.
Nghĩa: Cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải.
Lễ: Sự tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với mọi người.
Trí: Sự thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai.
Tín: Giữ đúng lời, đáng tin cậy.

^^*^*^*^*

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm cõi nước Phật
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát tâm bồ-đề
Hết một báo thân này
Đồng sinh nước Cực Lạc.

^^*^*^*^*

(*) Chú giải: **1. Lễ kính chư Phật:** Tin sâu mười phương ba đời hết thấy chư Phật, đồng thời tự thanh tịnh ba nghiệp thân – khẩu – ý của bản thân để thường tu lễ kính.

2. Xưng tán Như Lai: Dùng các loại âm thanh và ngôn từ để xưng tán công đức sâu dày của hết thấy các Như Lai.

3. Quảng tu cúng dường: Ngoài dùng hoa man, âm nhạc, ô lọng, y phục, các loại hương hoa (dạng bôi quét, hương đốt hoặc dạng bột) cúng dường; còn có thể dùng “pháp” để cúng dường như: như pháp tu hành, lợi ích chúng sinh, nhiếp thọ chúng sinh, chịu khổ thay chúng sinh, chuyên cần tu bồi thiện căn, không xả hạnh Bồ Tát, không bỏ tâm Bồ Đề cùng các pháp khác hồi hướng cúng dường. Như lời trong kinh nói: trong các loại cúng dường thì dùng “pháp” cúng dường là thù thắng nhất.

4. Sám hối nghiệp chướng: Là thanh tịnh ba nghiệp, do tham-sân-si từ vô thủy kiếp quá khứ đến nay dẫn tạo các loại nghiệp ác nơi thân-khẩu-ý, nay xin phát lồ sám hối hết thấy, nguyện không tái phạm ác nghiệp mà thường trụ tịnh giới.

5. Tùy hỷ công đức: Hoan hỷ tán thán thiện pháp, công đức của hết thấy chư Phật, bao gồm hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian. Trong đó cũng bao gồm hết thấy công đức của các vị Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật; cùng công đức của các dạng loài trong tứ sinh, lục thú của hết thấy các thế giới khắp mười phương.

6. Thỉnh chuyên pháp luân: Ân cần, thành kính dùng lời nói-hành động- ý nghĩ, cùng các loại phương pháp khác để thỉnh mời chư Phật tuyên thuyết diệu pháp.

7. Thỉnh Phật trụ thế: Khuyên hết thầy các vị Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến hết thầy các vị Thiện tri thức sắp thị hiện Niết Bàn vì lợi ích của chúng sinh mà dùng nhập Niết Bàn.

8. Thường tùy Phật học: Thường theo từng học tập Phật Pháp nơi đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na Phật cùng hết thầy chư Như Lai trong khắp ba đời mười phương vi trần số Phật sát.

9. Hằng thuận chúng sinh: Bất luận là sinh loại, hình trạng, tướng mạo, thọ lượng, chủng tộc, danh hiệu, tâm tánh, tri kiến, dục lạc, ý hạnh, uy nghi của chúng sinh ra sao đều bình đẳng tùy thuận, thừa sự, hồi hướng, nhiều ích hết thầy chúng sinh không phân biệt. Cung kính đối đãi như với cha mẹ, sư trưởng và chư Phật không khác.

10. Phổ giai hồi hướng: Dùng công đức của 9 loại nguyện hạnh bên trên để hồi hướng cho vô lượng chúng sinh trong hư không pháp giới, nguyện để chúng sinh thường đắc an lạc, không còn các phiền não đau khổ, cuối cùng thành tựu đạo quả vô thượng Bồ Đề.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT.

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

* NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.

* NAM MÔ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT.

* NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT.

* NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT.

* NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT.

* NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT.

大悲咒

《大悲咒注音版》

- | | |
|---|--|
| 1) 南na 无mo 喝he 啰la 怛dan
那na 哆duo 啰la 夜ye 耶ye | 12) 南na 无mo 那na 啰la 谨jin
墀chi |
| 2) 南na 无mo 阿a 唎li 耶ye | 13) 醯xi 唎li 摩mo 诃he 幡po
哆duo 沙sa 咩mie |
| 3) 婆po 廬lu 羯jie 帝di
烁shuo 鉢bo 啰la 耶ye | 14) 薩sa 婆po 阿a 他ta 豆dou
输shu 朋peng |
| 4) 菩pu 提ti 薩sa 埵duo 婆po
耶ye | 15) 阿a 逝shi 孕yun |
| 5) 摩mo 诃he 薩sa 埵duo 婆po
耶ye | 16) 薩sa 婆po 薩sa 哆duo 那na
摩mo 婆po 薩sa 多duo |
| 6) 摩mo 诃he 迦jia 廬lu 尼ni
迦jia 耶ye | 17) 那na 摩mo 婆po 伽qie |
| 7) 唵ong | 18) 摩mo 罰fa 特te 豆dou |
| 8) 薩sa 幡po 啰la 罰fa 曳yi | 19) 怛dan 侄zhi 他ta |
| 9) 数su 怛dan 那na 怛dan
写xie | 20) 唵ong |
| 10) 南na 无mo 悉xi 吉ji 栗li
埵duo 伊yi 蒙meng 阿a 唎li
耶ye | 21) 阿a 婆po 廬lu 醯xi |
| 11) 婆po 廬lu 吉ji 帝di 室shi
佛fo 啰la 楞leng 驮tuo 婆po | 22) 廬lu 迦jia 帝di |
| | 23) 迦jia 罗luo 帝di |
| | 24) 夷yi 醯xi 唎li |
| | 25) 摩mo 诃he 菩pu 提ti 薩sa
埵duo |
| | 26) 薩sa 婆po 薩sa 婆po |

27) 摩mo 啰la 摩mo 啰la

28) 摩mo 醯xi 摩mo 醯xi 唎li
驮tuo 孕yun

29) 俱ju 廬lu 俱ju 廬lu 羯jie
蒙meng

30) 度du 廬lu 度du 廬lu 罚fa
阍she 耶ye 帝di

31) 摩mo 诃he 罚fa 阍she 耶ye
帝di

32) 陀tuo 啰la 陀tuo 啰la

33) 地di 唎li 尼ni

34) 室shi 佛fo 啰la 耶ye

35) 遮zhe 啰la 遮zhe 啰la

36) 么mo 么mo 罚fa 摩mo 啰la

37) 穆mu 帝di 隸li

38) 伊yi 醯xi 伊yi 醯xi

39) 室shi 那na 室shi 那na

40) 阿a 啰la 唵shen 佛fo 啰la
舍she 利li

41) 罚fa 娑sha 罚fa 唵shen

42) 佛fo 啰la 舍she 耶ye

43) 呼hu 廬lu 呼hu 廬lu 摩mo
啰la

44) 呼hu 廬lu 呼hu 廬lu 醯xi
唎li

45) 娑suo 啰la 娑suo 啰la

46) 悉xi 唎li 悉xi 唎li

47) 苏su 嚧lu 苏su 嚧lu

48) 菩pu 提ti 夜ye 菩pu 提ti
夜ye

49) 菩pu 驮tuo 夜ye 菩pu
驮tuo 夜ye

50) 弥mi 帝di 利li 夜ye

51) 那na 啰la 谨jin 墀chi

52) 地di 利li 瑟se 尼ni 那na

53) 婆po 夜ye 摩mo 那na

54) 娑suo 婆po 诃he

55) 悉xi 陀tuo 夜ye

56) 娑suo 婆po 诃he

57) 摩mo 诃he 悉xi 陀tuo 夜ye

58) 娑suo 婆po 诃he

59) 悉xi 陀tuo 喻yu 艺yi

60) 室shi 幡po 啰la 耶ye

61) 娑suo 婆po 诃he

62) 那na 啰la 谨jin 墀chi

63) 娑suo 婆po 诃he

64) 摩mo 啰la 那na 啰la

65) 娑suo 婆po 诃he

66) 悉xi 啰la 僧seng 阿a 穆mu
佉que 耶ye

67) 娑suo 婆po 诃he

68) 娑suo 婆po 摩mo 诃he 阿a
悉xi 陀tuo 夜ye

69) 娑suo 婆po 诃he

70) 者zhe 吉ji 啰la 阿a 悉xi
陀tuo 夜ye

71) 娑suo 婆po 诃he

72) 波bo 陀tuo 摩mo 羯jie
悉xi 陀tuo 夜ye

73) 娑suo 婆po 诃he

74) 那na 啰la 谨jin 墀chi
幡po 伽qie 啰la 耶ye

75) 娑suo 婆po 诃he

76) 摩mo 婆po 利li 胜sheng
羯jie 啰la 夜ye

77) 娑suo 婆po 诃he

78) 南na 无mo 喝he 啰la 怛dan
那na 哆duo 啰la 夜ye 耶ye

79) 南na 无mo 阿a 利li 耶ye

80) 婆po 嚧lu 吉ji 帝di

81) 烁shuo 幡po 啰la 夜ye

82) 娑suo 婆po 诃he

83) 唵ong

84) 悉xi 殿dian 都du

85) 漫man 多duo 啰la

86) 跋ba 陀tuo 耶ye

87) 娑suo 婆po 诃he

^^*^*^*^*^*

大悲咒

神妙章句，陀羅尼曰：

南無·喝囉怛那·哆囉夜
耶·南無·阿唎耶·

婆盧羯帝·爍鉢囉耶·菩
提薩埵婆耶·

摩訶薩埵婆耶·摩訶迦盧
尼迦耶·

唵·薩皤囉罰曳·
數怛那怛寫·

南無悉吉慄埵·伊蒙阿唎
耶·

婆盧吉帝·室佛囉愣馱婆
·

南無·那囉謹墀·醯利摩
訶皤哆沙咩·

薩婆阿他·豆輸朋·
阿逝孕·

薩婆薩哆·那摩婆薩哆·
那摩婆伽·

摩罰特豆·怛姪他·

唵·阿婆盧醯·盧迦帝·
迦羅帝·夷醯唎·

摩訶菩提薩埵·
薩婆薩婆·摩囉摩囉·

摩醯摩醯·唎馱孕·俱盧
俱盧·羯蒙·

度盧度盧·罰闍耶帝·
摩訶罰闍耶帝·

陀囉陀囉·地唎尼·
室佛囉耶·

遮囉遮囉·
摩麼·罰摩囉·穆帝隸·

伊醯伊醯·室那室那·
阿囉唵·佛囉舍利·

罰沙罰參·佛囉舍耶·

呼嚧呼嚧摩囉·
呼嚧呼嚧醯利·

娑囉娑囉 · 悉唎悉唎 ·
蘇嚧蘇嚧 ·

菩提夜 · 菩提夜 · 菩馱夜
· 菩馱夜 · 彌帝唎夜 ·

那囉謹墀 · 地利瑟尼那 ·

波夜摩那 · 娑婆訶 ·

悉陀夜 · 娑婆訶 ·

摩訶悉陀夜 · 娑婆訶 ·

悉陀喻藝 · 室皤囉耶 ·
娑婆訶 ·

那囉謹墀 · 娑婆訶 ·

摩囉那囉 · 娑婆訶 ·

悉囉僧 · 阿穆佉耶 ·
娑婆訶 ·

娑婆摩訶 · 阿悉陀夜 ·
娑婆訶 ·

者吉囉 · 阿悉陀夜 ·
娑婆訶 ·

波陀摩 · 羯悉陀夜 ·
娑婆訶 ·

那囉謹墀 · 皤伽囉耶 ·
娑婆訶 ·

摩婆利 · 勝羯囉夜 ·
娑婆訶 ·

南無喝囉怛那 · 哆囉夜耶
· 南無阿唎耶 ·

婆嚧吉帝 · 爍皤囉夜 ·
娑婆訶 ·

唵 · 悉殿都 · 漫多囉 ·
跋陀耶 · 娑婆訶 ·

大佛頂首楞嚴神呪 *** 梵漢對照 ***	2
成就福智圓滿	58
CHÚ LǎNG NGHIÊM	66
ĐỆ NHỨT HỘI:	66
ĐỆ NHỊ HỘI:	68
ĐỆ TAM HỘI:	68
ĐỆ TỨ HỘI:	70
ĐỆ NGŨ HỘI:	70

<i>देवनागरीमहातथागतोष्णीषशूरंगमहदयं</i>	72
Shurangama Mantra	78
《楞严咒》	80
第一會	80
第二會	86
第三會	88
第四會	93
第五會	96
《楞严咒》 《注音版》	100
第一會	100
第二會	105
第三會	106
第四會	110
第五會	112
大悲咒梵文	116
大悲咒 <i>Da Bei Jou</i>	119
大悲咒 <i>Da Bei Jou</i>	123
Mahā Kārunikā Dhāraṇī (The Great Compassion Mantra)	126
楞严咒	130
(楞严咒全文注音未校对)	153
楞严咒	154
大佛顶首楞严经节选 [1]	159
【第一会】	160
【第二会】	163
【第三会】	163
【第四会】	165
【第五会】	166
楞严经引用	167
KINH LĂNG NGHIÊM TRÍCH ĐOẠN	184
THE SHURANGAMA SUTRA _ EXTRACTION	213
般若波羅蜜多心經	265
梵音羅馬字	266
TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA - Bản Hán-Việt:	267
MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH	268
TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA:	269
BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA	271
TÂM KINH:	271
GREAT WISDOM BEYOND WISDOM HEART SUTRA	272
Le Sutra de l'Esprit de la Grande Vertu de Sagesse	273
“Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm”	275
《大悲咒注音版》	279
大悲咒	282